

Tinh Tấn

MAGAZINE



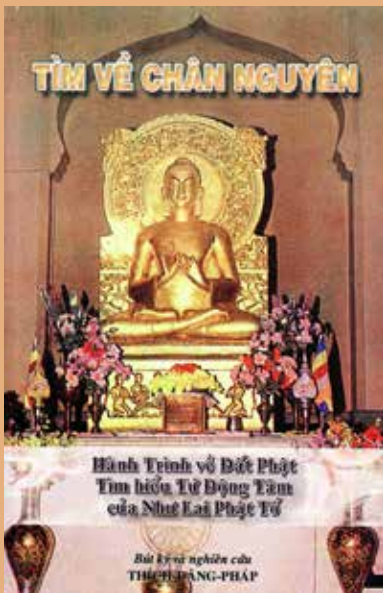
Ngài Thiên Tâm xiển dương Tịnh Độ
Thầy Thường Tín hành trì Niệm Phật
Niệm Phật đẩy lui bệnh tật

Từ 'Lời Phật Dạy' tới 'A Di Đà Kinh'
Thầy Sakya Minh-Quang và hoa Tịnh Độ
Sư Bà Mỹ Thubten Chodron dạy Niệm Phật



Thiền Viện Chân Nguyên

Nơi tổ chức những Lễ Vía Phật Giáo, những khóa tu học quanh năm



Tình Tấn Magazine giới thiệu sách của Thầy Thích Đăng Pháp

‘Tìm Về Chân Nguyên’ là tích tập nỗi lòng khao khát quay về quê thực của tâm linh qua bước chân dạt dào xúc động của người hành hương Phật Tích. Về lại đó, vén tay phủ lớp bụi thời gian, tìm lại chút hương xưa. Chút hương từng là rừng hương kỳ diệu vây quanh cuộc đời thanh cao đẹp đẽ của đấng đạo sư lỗi lạc nhân thiên. Về lại đó, để thấy đằng sau những đất đá vô tri đã từng trải biến thiên, những rừng cây, bụi hoa, luống cỏ đã nát nhàu thiên cổ, những vết tích tượng tháp đã hoang tàn, rêu phong... sống lại giữa tâm mình cảnh cũ người xưa. Về lại đó để sau cùng, cho lòng ẩn mật một nỗi niềm: đó-đây chưa từng ngăn cách, xưa-sau chưa từng đứt đoạn, kẻ-sau-người-trước đã từng là quyến thuộc chưa từng chia lìa, cho tan mất niềm đau lỗ sinh vào thời không có Phật.

(Lời viết của cố Hòa Thượng Thích Mãn Giác trích trong sách ‘Tìm Về Chân Nguyên’ của Thượng Tọa Thích Đăng Pháp, viện chủ Thiền Viện Chân Nguyên.)

Chan Nguyen Buddhist Meditation Center
20635 US Highway 395, Adelanto, California
Phone (714) 656-5004



Chùa Hương Tích

‘Tây Thiên Nhất Trụ’

Kính mời quý Phật tử, đồng hương đến Chùa Hương Tích tụng kinh mỗi ngày bắt đầu từ 10 giờ sáng.
Trong năm chùa tổ chức các Đại Lễ mừng Tết Nguyên Đán, Phật Đản, Vu Lan Báo Hiếu, v.v.

The Huong Tich Temple's Buddhist Congregation

4821 W 5th St, Santa Ana, CA 92703

Phone: (714) 554-7837

MỤC LỤC

4 Thuyền từ lướt sóng:
Từ Lời Phật Dạy tới
A Di Đà Kinh

Đồng Phúc

8 Ngài Thiên Tâm, một
cao tăng xiển dương
Tịnh Độ tại Việt Nam

Hậu Sinh

16 Niệm Phật, chớ sợ
cười, đừng chờ hẹn

HT Thích Thiên Tâm

17 HT Thích Trí Tịnh, một đời hành trì
Tịnh Độ

20 Niệm Phật mà không được nhất tâm thời
làm thế nào?

HT Thích Trí Tịnh

21 Kinh A Di Đà theo Đệ
Nhất Nghĩa Tất Đản

**Thầy Pasanno
Phổ Kiên**

26 Pháp môn Niệm Phật
dưới cách giảng của
một vị Thầy Tây
Phương

Viên Khánh

31 Đất ta bà, hoa Tịnh Độ

TT Sakya Minh-Quang

33 Thầy Thường Tín, một hành giả tu
và hoằng pháp Tịnh Độ

Hoàng Mai Đạt

39 Niệm Phật đẩy lui
bệnh tật

40 Tự lực, tha lực

thơ TN Huệ Trân

41 Kinh A Di Đà và
Tịnh Độ

HT Minh Điền

42 Quy Nguyên

thơ HT Minh Điền



43 Tranh Phật, Tổ, và
Liên Hoa

Nguyên Giác

44 Chân Thật Nghĩa của
Giàu và Vui

TT Sakya Minh-Quang

49 Hoa Tịnh Độ

thơ Sakya Minh-Quang

50 Vãng sanh Cực Lạc
Vô Ý

53 Mây. Cánh diều và tôi
thơ Trịnh Gia Mỹ

54 Niệm Phật toàn thân
Nguyên Giác

57 Tam Bảo của tôi: Ba tuyển tập Thiền
Thi song ngữ của Cư sĩ Nguyên Giác
Trangdài Glassey-Trầnquyễn

59 Không phải đợi đến khi hư hỏng mới tu
Đào Văn Bình

62 Karuna, và tiếng hát của
một bà lão ăn xin
Hoang Phong

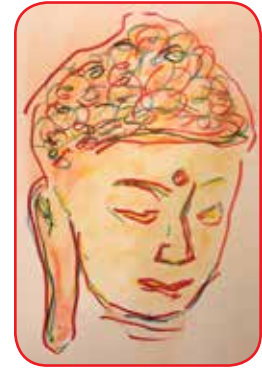
65 Chùa Ba Đồn
Trần Công Nhung

69 Một cuộc vấn đời
Diễm Tuyết

73 Chiếc máy niệm
Phật
Phúc Quỳnh

76 Người đến rồi người
đi: Hòa Thượng
Thích Quảng
Thanh
Kiều Mỹ Duyên

79 Dấu ấn: Thơ, ảnh
của HT Thích
Quảng Thanh



Hình bìa: Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, do Ưu Bà Di Bảo Đăng cung cấp.

Phụ trách bài vở, kỹ thuật: Đồng Phúc, Phúc Viên, Hoàng Mai Đạt

Tinh Tấn Magazine, 9082 Jennrich Ave., Westminster, CA 92683

Phone (714) 290-7747. Email: tinhtan2018@yahoo.com

Website: <https://tinhtan.org>



Lời mở đầu cho Tinh Tấn 3

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm, một vị cao tăng nay đã khuất bóng, là duyên khởi cho chúng tôi chọn Tịnh Độ làm chủ đề cho số báo này. Từ lúc được đọc cuốn Niệm Phật Thập Yếu của Thầy Thiên Tâm, chúng tôi nhận thấy một vị thầy uyên thâm Hán học, thông suốt kinh điển Phật giáo, tu hành miên mật giữa thời nhiễu loạn tại miền Nam Việt Nam trước và sau năm 1975, lại có tài diễn tả tư tưởng đạo pháp bằng thi ca rất cô đọng như Thầy, mà lại chọn Niệm Phật làm phương pháp tu hành chính yếu, thì chắc chắn pháp môn này phải có nhiều lợi lạc cho một hành giả. Một vị cao tăng khác cùng thời với Thầy Thiên Tâm mà nhân thực hiện số báo này chúng tôi được dịp học hỏi thêm về Niệm Phật, là ngài cố Hòa Thượng Thích Trí Tịnh.

Niệm Phật. Hai chữ rất quen thuộc đối với hầu hết người Việt Nam khi nghĩ đến đạo Phật và cách thực hành niềm tin theo đạo này, cho dù họ có là một Phật tử hay không. Thế nên khi tìm hiểu sâu hơn về Niệm Phật, hay pháp môn Tịnh Độ, chúng tôi cho là công việc soạn bài, phỏng vấn các thầy, sưu tầm tài liệu chắc cũng không mấy khó khăn. Nào ngờ, công việc không dễ chút nào.

Không chỉ kể sơ cơ như chúng tôi đây mới thấy vậy, mà ngay cả một vị cao tăng khác là Hòa Thượng Thích Như Điển, viện chủ Chùa Viên Giác ở bên Đức, cũng biết điều đó từ lâu khi Thầy viết lời tựa cho cuốn Tịnh Độ Tông Nhật Bản được Thầy dịch từ tiếng Nhật sang tiếng Việt, “Tôi những tưởng Tịnh Độ Tông tương đối dễ dịch hơn Thiền Tông. Vì lẽ những danh từ Tịnh Độ và tư tưởng Tịnh Độ đã quá quen thuộc, nhưng điều ấy tôi đã lầm và có lẽ quý độc giả cũng như thế. Văn chương, tư tưởng của Tịnh Độ không nghèo qua sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, mà có cả một rừng công đức, ngay cả Ngài Phổ Hiền trong Pháp Hội Hoa Nghiêm phẩm thứ 81 còn cầu nguyện vãng sanh về Tây phương Tịnh Độ. Còn ta so ra với các Ngài chẳng là gì cả, không bằng hạt cát trong đại dương.”

Trong tiến trình thực hiện số báo về Tịnh Độ, và báo đến tay quý độc giả khá chậm trễ, mong được quý vị tha thứ cho, chúng tôi may mắn nhận được sự trợ giúp của các vị thiện tri thức, như Thượng Tọa Thích Thường Tín ở California kể lại kinh nghiệm hành trì suốt hơn hai thập niên qua của Thầy, như Ưu Bà Di Bồ Tát Giới Bảo Đăng ở Arizona cung cấp những tài liệu về cố Hòa Thượng Thiên Tâm, như Hòa Thượng Thích Minh Điền ở Texas viết về thật tướng chân tâm trong Kinh A Di Đà, như Thầy Pasanno Phổ Kiên ở California trình bày về cách hiểu Kinh A Di Đà qua Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, và như Thượng Tọa Sakya Thích Minh Quang ở Illinois giảng về niềm tin ở nhân quả chính là niềm tin ở Tịnh Độ.

Chúng tôi đã bất ngờ khi biết người Mỹ cũng đang hành trì pháp môn Niệm Phật rất chuyên cần, sâu sắc qua bài viết về Ni Trưởng Thubten Chodron, và trong những số báo tương lai, nếu đủ duyên, Tinh Tấn sẽ tìm hiểu về Phật pháp trong thế giới Tây Phương, bên ngoài những ngôi chùa của người Việt mình.

Cạnh đó, số báo mà quý vị đang cầm trên tay còn có sự đóng góp rất đáng trân quý của các ngài bút như Thích Nữ Huệ Trân, Nguyên Giác, Trần Công Nhung, Võ Ý, Đào Văn Bình, Viên Khánh, Hoang Phong, Trangdài Glassey-Trầnnguyên, Trịnh Gia Mỹ, Diễm Tuyết, Kiều Mỹ Duyên, Phúc Quỳnh. Những bài viết của họ cho thấy sự đa dạng, đa phương của Phật giáo trong đời sống, nhưng tất cả đều quy về một vị Thầy của chúng ta, trong chúng ta.

Đến đây, kính mời quý đạo hữu cùng bước vào thế giới của số báo này.

Trân trọng,

Tinh Tấn Magazine



Con đường học đạo của tôi hiện đang dừng chân ở pháp môn Tịnh Độ, một phương pháp tu tập mà một số người thân quen của tôi đã và đang thực hành, và dường như đã đạt được một phần nào đó sự an lạc, thanh thoi trong cuộc sống dung dị mà tôi hằng ao ước có được cho chính mình. Tôi cũng nhận thấy họ rất tinh cần với nỗ lực triệt để; quyết tâm, quyết chí, không buông lời chuyện niệm Phật, đêm ngày hành trì tu tập sao cho vững chắc, như thể biết rằng thời hạn sống ở cõi Sa Bà này đang ngắn dần, phải biết quý trọng từng hơi thở đang có để dành hầu hết cho câu “A Di Đà Phật.” Chính tôi cũng niệm Phật, tuy chưa nhiều nhưng đã có lúc nếm được chút đạo vị trong một niềm an lạc bất ngờ.

Với mở kiến thức Phật học kém cỏi và luôn mong được thu thập thêm để khi bước chân vào chùa hoặc đi nghe giảng pháp mà không bị ngỡ ngàng, tôi đã tìm hiểu về Tịnh Độ. Và ngay bước đầu tôi đã va chạm một bức tường đá, khiến có lúc tôi bị thối chí, tự thấy có lẽ mình chưa đủ duyên để lãnh hội trọn vẹn những tinh túy của pháp môn tuy dễ mà khó này.

Tôi nói vậy là vì tôi đã gặp quý thầy cũng như các đạo hữu trình bày về Tịnh Độ với đức tin cao độ, hết lòng xiển dương pháp môn mà chẳng hề có một chút nghi vấn nào. Tôi cũng từng nghe - và đọc - những vị thầy, các đạo hữu khác bày tỏ ý kiến không mấy tin tưởng ở pháp môn niệm Phật, nếu không nói là xem pháp môn ấy như một “ngoại đạo.” Giữa hai thái cực là một khoảng trống mà tôi từng bị rơi vào, loay hoay tìm một cách nối kết giữa hai quan điểm.

Lẽ đương nhiên là tôi đã không bỏ cuộc, buông tay dù có hoang mang, thối chí, vì biết rằng đằng sau những thử thách, cản trở ở phía ngoài cánh cửa sẽ là một con đường thênh thang mở rộng để cho tôi được nhìn thấy, được cảm nhận sự mầu nhiệm của pháp môn niệm Phật mà biết bao thế hệ Phật tử đã hành trì, tương tự như khi tôi quỳ lễ Phật lần đầu thì bỗng dưng cổng chùa mở rộng mời đón tôi vào một cõi bao la, giúp tôi tự chọn cho mình một lối sống thanh thoát bên trên một trần thế u trệ mà tôi đã vướng vào.

Và sau suốt mấy tháng trời vật vã với những tài liệu mà, vì cuộc sống tôi chỉ có dịp được học hỏi, nghiên cứu vào những ngày nghỉ hiếm hoi, tôi nghiệm ra một đôi điều, nay xin được kể lại với bạn, từ quan điểm của một kẻ sơ cơ, chân ướt chân ráo mới bước vào cửa chùa, hiểu rằng trước tôi cũng đã có hàng nghìn vạn đạo hữu từng thấy ra những điều mà tôi sắp viết xuống dưới đây. Chắc không có gì mới lạ đối với biết bao người từng đi trước tôi. Có khác chăng là kinh nghiệm của riêng tôi, mong được chia sẻ cùng những ai gặp phải hoàn cảnh tương tự, lẩn cấn giữa niềm tin và lý trí.

Kinh A Súc Bệ Phật

Một trong những điều từng khiến tôi từng thối chí khi bắt đầu tu tập theo pháp môn Tịnh Độ là một

Bức tranh cổ ở trên mô tả cảnh giới Diệu Hỷ ở Đông Phương Thế Giới nơi Đức Phật A Súc Bệ hay Bất Động Như Lai màu xanh ở giữa đương thuyết pháp. (pbworks.com)

nhận xét của không ít đạo hữu, kể cả của những vị tăng, rằng cách tu tập này là do người Trung Hoa “chế ra,” không phải lời Phật dạy. Rồi khi đọc một số tài liệu, nhất là từ những vị tu theo Phật Giáo Nguyên Thủy (Theravada), và Thiên, tôi bị chao đảo, nhận thấy rằng A Di Đà Kinh (Shukavativyuha) - nền tảng của Tịnh Độ - truyền đạt những ý tưởng xem ra thì thật quá xa rời Phật dạy trong Kinh Pháp Cú.

Kinh Pháp Cú (Dhammapada), hay Lời Phật Dạy, là kinh giản lược từ Bộ Kinh A Hàm (Agama), trích dẫn những lời Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni) nói khi còn hiện tiền. Những lời khuyên bảo của Phật Thích Ca được ghi chép lại trong Dhammapada thường rất cô đọng, có tính chiêm nghiệm, khô khan, và là kinh gối đầu cho người tu hành theo trường phái Nguyên Thủy.

Trong khi ấy, Kinh Shukavativyuha của trường phái Phật Giáo Phát Triển (Mahayana) có hai tập kinh, gồm đại bản là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, và tiểu bản là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, và thêm tập thứ ba là Quán Vô Lượng Thọ Kinh. Ba kinh này đều nhắc tới Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc của ngài, nên được gom chung vào bộ Kinh Shukavativyuha.

Khác với những lời răn dạy cô đọng trong Kinh Pháp Cú, tiểu bản Phật Thuyết A Di Đà Kinh thường được tụng trong lễ cầu siêu ở chùa đã mô tả một thế giới lung linh, huyền ảo nơi mà “trên thêm đường có lầu gác cũng đều nghiêm sức bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não,” và “Cõi đó thường có những giống chim màu sắc xinh đẹp lạ thường, nào chim Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Võ, Xá Lợi, Ca Lăng Tần Già, Cộng Mạng; những giống chim đó ngày đêm sáu thời kêu tiếng hòa nhã.”

Có lẽ vì sự chuyển hướng quá xa từ tinh thần tự lực, tự tu trong Kinh Lời Phật Dạy đến sự nương tựa tha lực trong Kinh A Di Đà, nên một số người cho rằng pháp môn Tịnh Độ là một phương pháp tu lấy ý từ ngoại đạo. Trong thập niên 1920, tức là gần một thế kỷ trước đây, sử gia người Anh Sir Charles Eliot chuyên nghiên cứu về Tịnh Độ ở Nhật Bản đã gợi ý rằng pháp môn này không đúng với tinh thần Phật Giáo.



Tượng đồng Phật Akshobhya ngồi trên ba voi đội vương miện, niên kỷ 800 - 899, trưng tại bảo tàng viện The Metropolitan Museum of Art.

Đây là một sự tranh cãi đã có từ gần hai ngàn năm qua, khi mà pháp môn Tịnh Độ từ xứ Ấn được truyền lên Tây Bắc Ấn Độ, qua các xứ mà ngày nay là Pakistan, Iran, và Afghanistan, và từ đó đến Trung Hoa.

Tôi được biết pháp môn Tịnh Độ xuất xứ từ Ấn Độ qua những bài nghiên cứu của bà Jan Nattier, một học giả Mỹ chuyên nghiên cứu về Phật Giáo Phát Triển. Vào năm 2000, tạp chí Phật Học The Journal of the International Association đã đăng bài Cõi Phật A Súc Bệ: Phần Thất Lạc Trong Lịch Sử Của Tịnh Độ (The Realm of Aksobhya: A Missing Piece in the History of Pure Land Buddhism).

Qua một bài viết dày 32 trang, bà Jan Nattier đã trình bày sự nối kết giữa những bộ kinh của Phật Giáo Nguyên Thủy từ Ấn Độ, tiêu biểu là Kinh Pháp Cú, với bộ kinh A Di Đà được phổ biến rộng rãi từ Trung Hoa đến Nhật Bản, Đại Hàn, và Việt Nam. Nhờ bài viết của bà Jan Nattier mà tôi tìm hiểu thêm về Kinh A Súc Bệ Phật (Aksobhyavyuha) và được biết rằng kinh này đã được Hòa Thượng Thích Trí Tịnh dịch sang tiếng Việt từ bản Hán văn gọi là Pháp Hội Bất Động Như Lai. Phật A Súc Bệ chính là Bất Động Như Lai.

Điều mà bà Jan Nattier muốn chứng minh là Kinh A Di Đà không lấy ý từ ngoại đạo, mà đã có sẵn trong nguồn gốc từ Phật Giáo Ấn Độ được khai triển qua Kinh A Súc Bệ đến Kinh A Di Đà. Trong cõi Phật A Súc Bệ ở phương Đông có thể giới Diệu Hỷ (Abhirati) tương đương với thế giới Cực Lạc trong cõi Phật A Di Đà (Amitabha) ở phương Tây. Bà Nattier nói rằng từ bấy lâu nay các học giả ở Tây Phương cũng như ở Á Châu đã nghiên cứu rất nhiều về Phật A Di Đà nhưng lại không mấy chú trọng đến Phật A Súc Bệ. Thế nên nỗ lực nghiên cứu về “phần thất lạc” cõi giới của Phật A Súc Bệ của bà là nhằm đóng góp thêm cho sự hiểu biết về cõi giới của Phật A Di Đà.

Nghiên cứu của bà Nattier cho thấy hầu hết những chi tiết trong cảnh giới Cực Lạc đều được gián tiếp nhắc tới trong Diệu Hỷ. Qua Kinh A Di Đà thì những chi tiết này được nhấn mạnh, và đặc biệt là yếu tố “vô lượng quang.” Kinh A Súc Bệ nói nhiều về nỗ lực hy sinh, hiến thân



Bà Jan Nattier giảng tại Chương Trình Tiến Sĩ Phật Học của trường Mahidol University, Thái Lan tháng Hai, 2018. (Facebook)

của ngài Bồ Tát A Súc Bệ để thành Phật, và yếu tố ánh sáng không thấy nói tới trong thế giới Diệu Hỷ khi ngài thành Phật. Kinh A Súc Bệ cũng không nói đến sự việc Phật trợ giúp các chúng sanh tu Bồ Tát Giới trong Đông Phương Diệu Hỷ. Trong khi đó, Kinh A Di Đà đã được chuyển hướng và nhấn mạnh đến yếu tố trợ lực của Phật A Di Đà dành cho những ai thành tâm niệm danh hiệu ngài.

Bà Nattier nhận xét sự trợ lực này chính là yếu tố giúp Kinh A Di Đà được phổ biến mạnh và rộng rãi đến các quốc gia trong hơn ngàn năm qua, trong khi Kinh A Súc Bệ đã lụi dần vào quá khứ đến độ quên lãng trong kinh điển Phật Giáo Phát Triển. Bà cũng nhận thấy Tịnh Độ, hay Pure Land, là danh từ Trung Hoa không có gốc dịch từ tiếng Phạn. Trong khi Diệu Hỷ có gốc tiếng Phạn là Abhirati.

Trở lại với toàn bộ kinh A Di Đà gồm ba tập. Tập đại bản Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh có tới 12 bản dịch mà nay chỉ còn năm bản dịch của các ngài Chi Lô Ca Sấm (Lokaksema), Chi Khiêm (Chih Chien), Trúc Pháp Hộ, Khang Tăng Khải (Samghavarman), Bồ Đề Lưu Chí (Bodhiruci), và Pháp Hiền (Dharmadeva) từ năm 147 đến 713 sau Công Nguyên.

Tiểu bản Phật Thuyết Kinh A Di Đà do ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva, 343-413) dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Trung Hoa vào khoảng năm 402. Ngài Huyền Trang (Hsuan Tsang) cũng dịch kinh này vào năm 650.

Về Quán Vô Lượng Thọ Kinh tiếng Hán, các sử gia chưa tìm ra bản tiếng Phạn. Kinh này nói về nguồn gốc của Tịnh Độ do Đức Phật Thích Ca thuyết cho bà Hoàng Hậu Vaidehi (Vi Đề Hi) nghe về các quốc độ tốt đẹp hơn thế giới mà bà đang sống. Lúc ấy hoàng hậu đang đau khổ vì Vua Bimbisara (Tân Bà Sa La) đang bị giam và cuối cùng bị giết bởi Thái Tử Ajatashatru (A Xà Thế). Chính bản thân hoàng hậu cũng suýt bị con giết, nên bà tìm đến Phật Thích Ca. Bà nghe Phật nói về các quốc độ tốt đẹp hơn, và bà chọn quốc độ của Phật A Di Đà để vãng sanh.

Niềm tin và trí tuệ

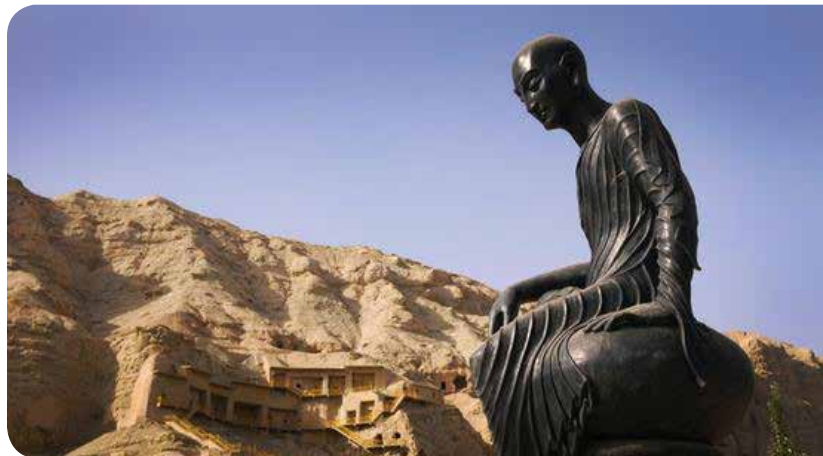
Đến đây tôi đã có được một phần nào kiến thức về Kinh A Di Đà, về mối liên hệ giữa Phật A Di Đà với Phật A Súc Bệ, và hiểu được nguyên nhân đưa đến sự phát triển cần thiết của pháp môn Tịnh Độ trong giai đoạn Phật Giáo cần chuyển hóa để tồn tại trước sự xâm hại của ngoại lực, không thể tiếp tục giữ chặt lấy những giáo lý nguyên thủy làm phương tiện giải thoát cho một thiểu số, mà cần mở rộng đạo pháp hầu cứu giúp đa số chúng sanh trong nhiều thế hệ nối tiếp được thoát vòng sinh tử luân hồi.

Mà hành trình tu tập để được giải thoát và thành Phật quả là quá khó khăn, đòi hỏi sự hy sinh tột cùng của một hành giả nguyện tu theo Bồ Tát Giới trong nhiều đời nhiều kiếp. Ở cõi giới có Phật thì sự tu hành

sẽ mau đạt đạo hơn, như ở thế giới Diệu Hỷ của Phật A Súc Bệ, thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, và ở vô lượng thế giới có Phật trong mười phương. Nhưng muốn về được những cõi ấy thì một hành giả phải đặt hết niềm tin ở Đức Phật và cần sự trợ lực của Ngài.

Sanh ra ở cõi Sa Bà này, với nghiệp chướng sâu dày, lại ở cõi giới không có Phật và phải đợi đến muôn triệu năm nữa Phật Di Lạc mới xuất hiện, một hành giả khó có thể tự mình đạt được ước nguyện thành Phật nếu không có sự trợ lực để được vãng sanh về một nơi có Phật.

Tại Nhật Bản, ngài Kiyozawa Manshi (1863-1901), một tăng sĩ Phật Giáo thông suốt những triết lý Tây Phương khi nước Nhật mở cửa sau gần ba thế kỷ bế



Tượng ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) ở cố vương quốc Kucha nay thuộc về Tân Cương, Trung Quốc. (buddhafollowcn.com)

quan tỏa cảng để đón tiếp nền văn hóa Âu Châu, đã ẩn tu một thời gian đến mức độ chỉ ăn trái thông trong rừng để sống còn, cuối cùng phải kết luận rằng một hành giả mà nếu chỉ tin vào tự lực thì sẽ đi đến sự bất lực trước một bản ngã muốn tự giải thoát, và hành giả cần buông bỏ cái tôi để có thể nương tựa vào sự trợ lực của một đấng toàn năng hầu được thoát vòng sinh tử luân hồi. Sau cuộc thực nghiệm ẩn tu này, ngài Kiyozawa đã đề cao pháp môn Tịnh Độ với các Phật tử Nhật.

Trong cuốn Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Thích Thiên Tâm (1925-1992), một vị tăng có công xiển dương pháp môn Tịnh Độ tại Việt Nam, có đưa nhận xét như sau: “Tịnh Độ với Thiên Tông thật ra chẳng thấp cao hơn kém. Nhưng luận về căn cơ thì Thiên Tông duy bậc thượng căn mới có thể được lợi ích; còn môn Tịnh Độ thì gồm nhiếp cả ba căn, hạng nào nếu tu cũng đều dễ thành kết quả. Luận về thời tiết thì thời mạt pháp này, người trung, hạ căn nhiều, bậc thượng căn rất ít nếu muốn đi đến thành quả giải thoát một cách chắc chắn, tất phải chú tâm về Tịnh Độ pháp môn. Đây do bởi lòng đại bi của Phật, Tổ, vì quán thấy rõ thời cơ, muốn cho chúng sanh sớm thoát nỗi khổ luân hồi, nên trong các kinh luận đã nhiều phen nhắc nhở.”



Tranh vẽ Phật A Di Đà cùng 25 vị Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh tại chùa Nhật Bản Komyo-ji, Kamakura. (Jodo Shu Research Institute)

Ngài Thiên Tâm cũng nêu ra nhiều trường hợp những bậc cao tăng trong Thiên Tông như các ngài Liên Trì, Triệt Ngộ, Ngẫu Ích, và Kiên Mật ở bên Trung Hoa trở thành các vị Tổ Tịnh Độ cũng vì các ngài đã có “lòng đại bi” với chúng sanh ở thời mạt pháp.

Tại Nhật Bản, vị tăng khai sáng pháp môn Tịnh Độ là ngài Genku Honen (1133-1212), Việt dịch là Pháp Nhiên Thượng Nhân. Trước khi xiển dương pháp môn Tịnh Độ, ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân đã tu học với các bậc cao tăng môn Thiên, thông thạo hết các Kinh Phật Giáo đến mức thuộc lòng và được mệnh danh là “Đệ Nhất Trí Tuệ” Phật học trong thời của ngài. Vậy mà trong gần 40 năm còn lại của cuộc đời, ngài Pháp Nhiên Thượng Nhân chỉ khuyên các Phật tử hãy thuộc nằm lòng câu “Namu Amida Butsu,” tức là sáu chữ “Nam mô A Di Đà Phật.”

Ngài Ấn Quang Đại Sư (1860-1940), vị tổ thứ 13 pháp môn Tịnh Độ tại Trung Hoa, đã khẳng định về Tịnh Độ như sau, “Thuốc không có quý tiện, hề trị lành bệnh là thuốc quý. Phật pháp không có ưu liệt, hay dở, phạm ứng hợp với căn cơ tự nhiên sẽ phát sanh diệu dụng, tức thuộc diệu pháp.

“Ngày xưa, căn tính con người thù thắng, nhiều tri thức, do đó, bất cứ tu theo pháp môn nào cũng có thể thành đạo chứng quả. Đời nay, căn tính con người ngày càng lậu liệt, tri thức thưa thớt, vì thế, nếu không có pháp môn Tịnh Độ thì không sao giải

thoát được.”

Duy Tuệ Thị Nghiệp. Một lời khuyên mà hầu như ai cũng thấy khi bước vào cổng chùa. Tuệ đây từng được tôi nghĩ một cách thô thiển là những kiến thức thu thập được từ những pho kinh, những quyển sách, những buổi thuyết pháp về giáo lý đạo Phật, tức là phần lý luận mà một người Phật tử cần nên biết. Thế nhưng qua những trải nghiệm tâm linh dù còn rất sơ cơ của tôi trên đường tu tập ở chùa cũng như tại nhà, như ngồi thiền, tụng kinh, và niệm Phật, dần dần tôi nghiệm ra “cái phần lý luận” kia chỉ là những gì mà một người nghiên cứu Phật học trung bình nào cũng có thể thu thập, trong khi Tuệ thật sự là phần Trí Tuệ mà hành giả chỉ có thể có được qua sự tu tập của chính mình. Tuệ đó mới chính là sự sâu mầu “bất khả tư nghì” mà một cá nhân có thể thực chứng khi thực hành một pháp môn hợp với căn cơ của mình.

Và, chính nhờ cái Tuệ đó mà tôi nhận chân được pháp môn niệm Phật đang trở thành một “diệu pháp” cho một chúng sanh thuộc loại “hạ căn” như tôi.

Bài viết này, theo một cách nói, chỉ làm công việc mở một cách cửa đã mở sẵn. Mượn ý và lời của Nguyên Du tiên sinh “Lời què chấp nhật đông dài,” tôi chỉ mong sao những trình bày thô thiển bên trên của tôi sẽ được những bạn tu đồng cảnh đón nhận với lòng thông cảm để cùng nhau tiến tu. Thế thôi. A Di Đà Phật. ♦



Trăng in nước bích long thiên rạng
Giò lộng non hồng ý đạo thanh
Thiên Tâm

Ngài Thiên Tâm

một cao tăng hiển dương Tịnh Độ tại Việt Nam

Bài HẬU SINH

Bên đường xe tang buồn đi qua
Chiều hôm mờ hoang sương trắng tà
Vô thường đời trần thương ôi mau!
Người đi rồi lặn sang phiên ta.
Nghìn xưa xa vời trong mộng lung
Tài hoa tan về nơi vô cùng!
Hoàng hôn mây hồng in non xa
Dung hoa thâm khô theo suy già
Di Đà chuyên tu phòng lâm chung
Tương tư mơ về trời Liên Hoa.
(Nguồn: Niệm Phật Thập Yếu)

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm đã viết những dòng thơ trên khi mới 12 tuổi, dựa theo những tài liệu ghi lại về cuộc đời của Hòa Thượng căn cứ trên những gì Ngài để lại và lời kể của những thân nhân. Vào độ tuổi đó thì tôi sống ở Nha Trang, giữa bối cảnh nội chiến trên quê hương Việt Nam đầu thập niên 1970, mà một trong vô số nạn nhân của cuộc xung đột tương

tàn đó chính là cha tôi. Vậy mà khi thấy những quan tài được chở từ những trận đánh ở xa xôi trong núi rừng về thành phố, tôi chỉ biết trong thâm tâm mình sợ chiến tranh, sợ cái chết sẽ đến với mình, nào thấy được sự vô nghĩa của kiếp sống vô thường ở cõi ta bà này như Hòa Thượng.

Ở tuổi măng tơ mà Hòa Thượng Thiên Tâm đã sớm nhìn ra kiếp phù du của con người và mau thức tỉnh để “tương tư” hướng tâm về “trời Liên Hoa” nơi có Phật A Di Đà đưa tay cứu độ những ai ước nguyện được về cõi đó. Có lẽ chỉ một chi tiết nhỏ này thôi đã đủ cho tôi ngưỡng vọng Ngài như một cao tăng mà tôi may mắn sống được sống trong cùng thời đại và viết lên bài này.

Ôn lại mối “duyên kỳ ngộ” giữa Hòa Thượng và tôi, có thể nói nhịp cầu đưa tôi gặp Ngài là sách vở. Thật vậy, trong những năm tháng sống ở quê hương thứ hai này, qua những dịp lễ Phật Giáo cũng như từ những cuốn sách thỉnh từ chùa về, tôi được biết Ngài Thiên Tâm đã có công rất lớn trong việc viết sách và dịch sách Phật Giáo.

Là người nuôi thân bằng nghề viết ở chốn Bolsa suốt mấy mươi năm nay, tôi rất ngưỡng phục kiến thức, khả năng và sức viết của Ngài. Mà nhất là đạo tâm của Ngài. Đạo tâm ấy là nguồn năng lực đẩy

Chân dung và thủ bút Hòa Thượng Thích Thiên Tâm được
Ưu Bà Di Bồ Tát Giới Bảo Đăng từ Chùa Pháp Hoa,
Tucson, Arizona tặng Tinh Tấn Magazine.

Ngài tiến tới trên con đường phụng sự chúng sanh. Và trong điều kiện hạn hẹp về thời gian cũng như kiến thức, tôi đã cố gắng tìm những tài liệu về Hòa Thượng Thiền Tâm, như một cách tìm hiểu sâu hơn về một người mà tôi rất ngưỡng mộ, cũng như về Tịnh Độ Tông tại Việt Nam.

Biết rằng sự tìm tòi của mình còn nhiều thiếu sót, không thể nói hết và đầy đủ về Hòa Thượng Thiền Tâm, người có bút hiệu Liên Du, tôi cũng mạn phép được chép xuống đây đôi điều sưu tập được trong mấy tháng qua. Đó là trích đoạn từ một bài viết của Hòa Thượng Thích Như Điển ở bên Đức về Tịnh Độ có nhắc đến Ngài Thiền Tâm mà tôi tìm thấy trên mạng, và từ những mẩu chuyện huyền thoại có sức thu hút lạ kỳ đối với tôi, về Ngài Thiền Tâm lấy từ trong những cuốn sách mà tôi may mắn được gửi tặng bởi thiện tri thức thọ Bồ Tát giới Bảo Đăng, một Ưu Bà Di đang hành trì Mật Tịnh tại Pháp Hoa Tự ở thành phố Tucson, Arizona.

Thầy Thiền Tâm và Tịnh Độ VN

Trong một bài viết vào năm 2011, Hòa Thượng Thích Như Điển đã viết về cơ duyên được biết về ngài Thiền Tâm và người cháu của ngài qua báo Viên Giác, một tờ báo Phật Giáo mà Thầy thực hiện từ năm 1979 tại nước Đức, như sau:

“[...] độ năm 1981, 82, 83, 84 tôi đã trích đăng Lá Thư Tịnh Độ của Liên Du và nhiều độc giả rất thích về mục này. Trong thời gian ấy báo Viên Giác cũng gửi đến cho các trại tỵ nạn tại Đông Nam Á Châu để cho đồng bào Việt Nam chờ đi định cư tại các nước thứ ba có cơ hội đọc.

“Một hôm tôi nhận được một lá thư từ đảo gửi qua, cho biết là có dịp đọc được báo Viên Giác và có xem qua mục Lá Thư Tịnh Độ của Liên Du và Thầy Hải Quang xưng là cháu của Hòa Thượng Thiền Tâm. Còn sách ấy nhan đề là Long Thư Tịnh Độ chứ không phải là Lá Thư Tịnh Độ. Tôi đọc vậy thì biết vậy, chứ thật ra trước khi tôi đi du học Nhật Bản vào năm 1972 cũng chưa có dịp gặp Ngài Thiền Tâm ở Việt Nam; nên đã chẳng rõ biết bút hiệu của Ngài. Từ đó về sau Viên Giác đã cho đăng hết tập sách này. Đây là cái duyên ban đầu để chúng tôi biết về Hòa Thượng Thích Thiền Tâm.

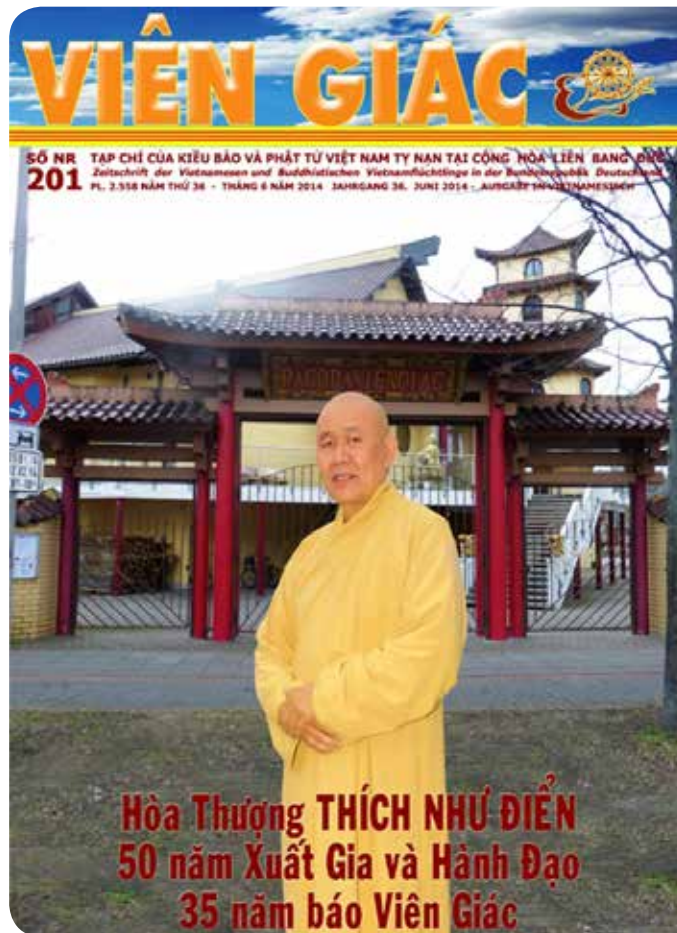
“Sau này có đọc những sách dịch của Ngài như: Tịnh Độ Thập Nghi Luận; Niệm Phật Thập Yếu; Kinh Niệm Phật Ba La Mật, v.v. và nhất là sau này Thượng Tọa Hải Quang đã đến Hoa Kỳ, trú tại chùa Pháp Hoa ở Arizona thì có liên lạc nhiều hơn và đã nhận được nhiều sách vở in lại của Cố Hòa Thượng Thích Thiền Tâm cho Thư Viện chùa Viên Giác Hannover. Thuở ấy và ngay cả bây giờ, đây là những tài liệu rất quý giá bằng Việt ngữ để cho những ai tu theo pháp môn Tịnh Độ có tài liệu để nghiên cứu.”

Theo dõi tiểu sử của Ngài Thiền Tâm, Hòa Thượng Như Điển đã nêu ra một cách giản lược nhưng đầy đủ những điểm chính yếu về Ngài như sau:

“Điểm thứ nhất là trong 48 năm xuất gia hành đạo

của Ngài, Ngài đã dành ra ba lần tịnh tu nhập thất, tất cả là 20 năm. Lần thứ nhất 10 năm; kể từ năm 1955 đến 1964. Lần thứ hai ba năm từ năm 1968 đến 1970 và lần thứ ba Ngài đã quyết bế quan vô thời hạn trong bảy năm kể từ 1975 đến năm 1992.

“Gần phân nửa đời tu, Ngài đã ở trong thất. Chắc chắn đây là thời gian Ngài tịnh tu, dịch kinh, viết sách, hạ thủ công phu, cho đến ngày viên mãn. Nếu Ngài không có 20 năm trong thất ấy, chúng ta ngày nay chắc không được lợi lạc gì nhiều. Vì chính công hạnh tu hành của Ngài cũng như những sáng tác của Ngài là một giá trị tâm linh cao cả, khó gì có thể sánh được.



Bìa báo Viên Giác số tháng 6, 2014

“Thứ hai là Ngài đã chuyên tu về pháp môn Tịnh Độ; cho nên những kinh điển Ngài phiên dịch từ chữ Hán đều có liên quan đến Pháp này. Ngay cả những sáng tác, soạn thuật, Ngài cũng đã chọn những danh từ đều có liên hệ với hoa sen, cũng như cảnh giới Tây Phương Cực Lạc.

“Thứ ba là Ngài không từ nan trọng trách Giáo Hội đã giao phó để dạy dỗ Tăng Ni, Phật Tử và tạo lập đạo tràng để cho Tăng Ni có nơi tu học.

“Đây có thể gọi là ba trách vụ chánh, khi hành hạnh Bồ Tát ở thế giới khó độ này, Ngài đã ra tay tế độ quần sanh để đến ngày viên mãn, Ngài đã biết trước được giờ ra đi cả sáu tháng và còn lưu lại xỉ nha

xá lợi nữa. Sau khi Ngài viên tịch có người đệ tử hiệu là Bảo Đăng ở Hoa Kỳ có ghi lại những điều cảm ứng và hành trạng của Ngài trong sách Vô Nhất Đại Sư.”

Về tác phẩm Niệm Phật Thập Yếu, Hòa Thượng Như Điển cho biết đây “được xem là sách gối đầu giường cho những người tu Tịnh Độ” mà theo Thầy được viết và in xong vào năm 1971, nghĩa là sau 13 năm nhập thất tất cả (lần đầu 10 năm và lần thứ hai 3 năm) của cố Hòa Thượng Thiên Tâm.

Thầy đưa ra những nhận xét về cuốn sách này cũng như về Ngài Thiên Tâm như sau:

“Đây là một quyển sách tương đối được Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm hướng dẫn cho hành giả tu theo Pháp môn niệm Phật người Việt Nam một cách rõ ràng, khúc chiết và hầu như được tổng hợp các tư tưởng của các vị Tổ Tịnh Độ Trung Hoa. Dĩ nhiên trong 10 điều cần yếu Niệm Phật để vãng sanh này nó không ra ngoài những gì chư Phật và chư Tổ đã dạy. Vì Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm rất giỏi chữ Hán; cho nên nhờ những sách dịch ấy mà Ngài đã tạo thành tư tưởng của mình. Và lại trong 20 năm tịnh tu, nhập thất, hành trì ấy; nhất là thời gian từ năm 1975 đến 1992, thời gian bảy năm sau cùng của đời Ngài ở Đại Ninh rất quan trọng. Thời gian ấy là thời điểm khó khăn nhất về mọi mặt, đã xảy ra trên quê hương Việt Nam của chúng ta; nhất là về phương diện Tôn Giáo. Do vậy sự nhập thất, bế môn “vô thời hạn” ấy rất có giá trị cho việc vãng sanh biết trước giờ ra đi của Ngài.”

Tuy HT Như Điển tỏ ý dè dặt trong việc tôn Ngài Thiên Tâm là Sơ Tổ của Tịnh Độ Tông Việt Nam vì theo Thầy, “kể từ Ngài Đàm Hoằng (455) đến Ngài Thiên Tâm (1992), giữa hai Ngài cách xa nhau là 1,537 năm lịch sử. Dĩ nhiên giữa thời gian ấy, nay mai những người tu theo pháp môn Tịnh Độ Việt Nam sẽ tìm ra được những vị khác đã kế thừa và có khai tông lập giáo rõ ràng trong khoảng hơn 1,500 năm lịch sử ấy thì lúc bấy giờ việc tôn phong các vị Tổ như Ngài Thiên Tâm cũng không muộn.”

Và tuy HT Như Điển viết “Ở đây hậu học muốn cần biết một tư tưởng Tịnh Độ của Tịnh Độ Tông Việt Nam khác với Tịnh Độ Tông Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Tạng như thế nào; nhưng vẫn chưa tìm ra tư tưởng lớn ấy như Ngài Thân Loan, Pháp Nhiên (Nhật), Đàm Loan, Đạo Xước (Trung Hoa); Thầy của Ngài Tulku Thondrup (Tây Tạng) v.v...,”

Thầy Như Điển đã nghiêm nhiên nhìn nhận:

“Dấu sao đi nữa trong thế kỷ thứ 20, riêng nước

Việt Nam chỉ có Cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm là người xiển dương Tịnh Độ theo khuôn mẫu của người Trung Quốc ở Việt Nam rất là rõ ràng và thành công hết mực. Nhờ vậy mà hậu thế mới có cơ hội tìm hiểu, tra cứu v.v.”

Chuyện từ Vô Nhất Đại Sư Thích Thiên Tâm

Cuộc đời và hành trạng của Hòa Thượng Thích

Thiên Tâm được ghi lại khá tỉ mỉ công phu với nhiều chi tiết ly kỳ huyền nhiệm bởi Ưu Bà Di Bồ Tát Giới Bảo Đăng trong cuốn “Vô Nhất Đại Sư Thích Thiên Tâm, Một Cao Tăng Cận Đại”.(1994)

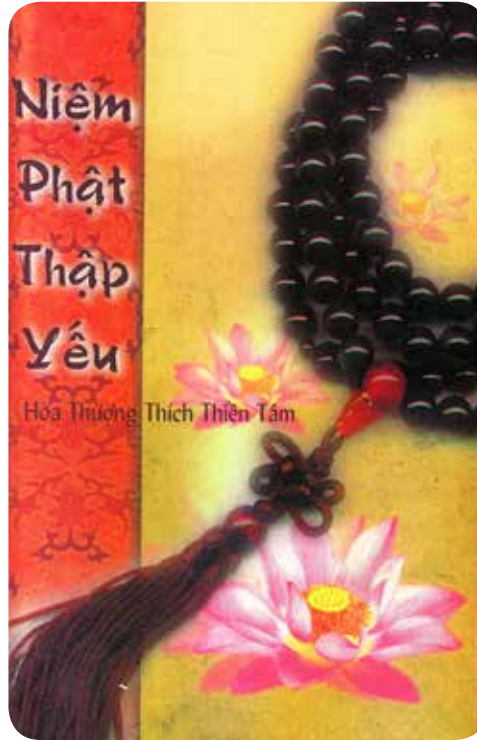
Vô cùng xúc động trước sự viên tịch (cuối năm 1992) của một bậc đại tăng đầy đủ tài đức và cũng là sư phụ của bốn sư cư sĩ là cố HT Thích Hải Quang (lúc đó còn là Đại Đức), cư sĩ Bảo Đăng đã không quản ngại gian lao, hai lần về Việt Nam xuôi ngược các địa điểm cần thiết và gặp gỡ các nhân sự liên quan để thu thập tài liệu và biên soạn nên quyển tiểu sử của Ngài Thiên Tâm nhằm “trước là để hiển dương đức hạnh của một bậc vãng sanh cao tăng, sau là để lưu truyền lại cho các hàng hậu học cùng chư thiện tín lấy đó làm gương sáng cho cuộc đời tu học Phật Pháp và cầu giải thoát của mình.”

Tài liệu thứ nhất cho cuốn “Vô Nhất Đại Sư” là quyển “Tây

Liên Tỳ Bút Lục”. Đây là một quyển nhật ký viết trên cuốn vở 100 trang rất cũ của thân phụ thầy Hải Quang, tức Phật tử Tây Liên và cũng là bào huynh của cố Hòa Thượng. Quyển nhật ký này ghi chép lại một số sự việc có liên quan đến thời thơ ấu của cố Hòa Thượng, bắt đầu vào ngày 12 tháng 5, 1932.

Tài liệu thứ hai là quyển “Nhứt Thăng Tu Sĩ Di Cảo” (Nhứt Thăng là thế danh của cố Hòa Thượng). Đây cũng là một quyển nhật ký mỏng chép trên quyển vở 50 trang rất xưa cũ, mở đầu ghi vào ngày 1 tháng 9, 1935 trong đó là nét chữ của chính tay cố Hòa Thượng viết nên gồm cả chữ quốc ngữ lẫn chữ Nho, ghi lại một vài bài thơ do Ngài sáng tác lúc chưa xuất gia và một số kỷ niệm của thuở ấu thời.

Theo Cư sĩ Bảo Đăng viết trong phần Thay Lời Tựa của cuốn “Vô Nhất Đại Sư,” khi trao tài liệu ấy Đại Đức bốn sư của cô có nói rằng “hai tập nhật ký này là của Hòa Thượng ban cho để làm kỷ niệm khi thầy tuân lệnh ngài lên đường xuất ngoại 15 năm về trước. (...) Thầy giữ hai quyển nhật ký này bên mình không rời dù đi bất cứ nơi đâu vì đây là kỷ niệm của cha và chú. Nhưng nay thầy thấy đã đến lúc cần phải xử dụng đến nên mới trao ra để cho tôi hoàn thành tâm nguyện.”



Một trong vô số ấn bản Niệm Phật Thập Yếu của Hòa Thượng Thích Thiên Tâm.

Đây cũng là một phước duyên cho hậu thế, vì với bản chất bình dị khiêm cung và một đời chỉ mong cầu giải thoát, thuở sinh thời Hòa Thượng từng cương quyết chối từ những thỉnh cầu của các đệ tử thân cận xin ngài cho phép được ghi lại tiểu sử. Nhưng qua hai cuốn nhật ký kể trên, có thể nói những biến cố trọng đại trong đời ngài đều được ghi dấu ít nhiều mà cụ thể là những vần thơ cảm tác chân thành của ngài bằng một ngòi bút vừa tài hoa vừa thoát tục không những về dịch thuật mà cả trong sáng tác thơ văn.

Theo sách “Vô Nhất Đại Sư”, cố Hòa Thượng sanh năm 1925 tại làng Bình Xuân, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công (nay là tỉnh Tiền Giang) trong một gia đình Nho giáo có khuynh hướng sùng bái đạo Phật và đứng thứ 10 trong 13 người con của gia đình.

Khi hoài thai cũng như khi sanh nở ngài, cụ bà thân sinh ngài đã trải nghiệm nhiều sự kiện lạ lùng, chẳng hạn như chiêm bao thấy bà lão từ trời giáng hạ trao tặng hài nhi, như không chịu được mùi thịt cá và hằng hái làm công quả chùa chiền khi mang thai. Lúc cụ bà khai hoa, cụ ông chiếu theo ngày giờ và các hiện tượng xảy ra, tra cứu theo sách toán mệnh chữ nhỏ đoán biết “đứa con này nguyên là căn tiên cốt Phật đầu thai chớ không phải là con thường như mấy đứa trước.” Có lẽ cũng vì lẽ đó mà ngài được đặt tên là Nguyễn Nhật Thăng trong khi các anh em khác đều lót bằng chữ “văn” kể cả người em của ngài.

Tánh tình của ngài cũng đặc biệt, không ưa chạy giỡn chơi đùa mà thường hay ở trong nhà, ra trước bàn thờ đốt nhang, bái xá và theo thân phụ học tập chữ Nho. Ngài rất mực thông minh, lại chăm chỉ hiếu học nên bên cạnh chữ quốc ngữ, chữ Pháp, năm lên 9 tuổi trình độ chữ Nho của ngài đã giỏi, có thể đọc và viết chữ Hán thành thực thông thạo tựa như một người đã từng có học, viết qua Hán tự mười mấy năm trường.

Rồi ai cũng sẽ chết hết chăng?

Qua hai tập tài liệu, người đọc nhận ra cuộc đời của cố Hòa Thượng đã ẩn hiện nhiều nét siêu phàm kỳ bí ngay từ thời thơ ấu với những mẫu chuyện lạ lùng khởi sự từ chuyện thực kể lẫn vào trong mộng rồi lại trở ra thành những bài thơ trên giấy trắng mực đen mà câu chuyện sau đây là một điển hình.

“Vào năm 1932 tức là năm cố Hòa Thượng được bảy tuổi, nhân mục kích sự tử vong (chết) của một người thanh niên chòm xóm, thông thấu cảnh khốc than, sầu khổ của gia đình người chết cùng với các việc khác như là khiêng quan tài ra ngoài đồng chôn

cất v.v. Ngài có vẻ suy tư và bồn chồn lo lắng lắm. Một hôm Ngài hỏi cụ ông rằng, ‘Thưa cậu, có phải rồi ai cũng sẽ chết hết chăng?’

“Ồ trong miền Nam, có vài ba địa phương con cái gọi cha bằng cậu, bằng ba hoặc bằng tía, gọi mẹ bằng mợ, bằng má... đó là chuyện thường.”

“Lấy làm lạ khi thấy con mình mới có bảy, tám tuổi mà biết hỏi chuyện người lớn như vậy, nhưng thân phụ của ngài cũng vẫn đáp, ‘Phải, mọi người ai rồi cũng sẽ phải chết hết. Hoặc chết trẻ, chết già, hoặc chết sớm, chết muộn mà thôi. Như thằng sáu Các mà con thấy đám ma đó, nó chết rất trẻ vì mới có 16 tuổi đầu!’

“Ngài hỏi tiếp, ‘Như vậy thì có cách nào làm cho khỏi bị chết hay không?’

“Thân phụ Ngài đáp, ‘Không có cách nào hết, đời vô thường mà, như con với cậu đây có ngày rồi cũng phải chết như những người đi trước mà thôi.’

[...] Từ đó trở đi, gia đình thường thấy Ngài trầm lặng và có vẻ suy tư nhiều hơn dạo trước.

“Vào một ngày khác, Ngài cũng đem câu hỏi trên mà hỏi nơi thân mẫu của mình.

“Cụ bà đáp rằng, ‘Xưa nay đâu có người nào khỏi chết bao giờ!’

“Ngài hỏi, ‘Vậy thì làm sao mà được khỏi chết?’

“Cũng như cụ ông, cụ bà rất lấy làm lạ lùng trước câu hỏi có vẻ người lớn của con mình. Tuy nhiên cụ bà cũng vẫn đáp rằng, ‘Má đâu có biết được, nếu như mày muốn khỏi chết thì mày nên Niệm Trời, Niệm Phật thì may mới khỏi mà thôi.’

“Đây là cụ bà trả lời chiếu lệ, lấy có để qua vấn đề cho rồi, chớ cụ đâu có bao giờ ngờ rằng câu trả lời của cụ sẽ trở thành bất tử trong tương lai, và hiện tại là gieo vào nơi tâm thức của con mình một sự phấn khởi, hy vọng, cùng với một niềm tin tưởng vững chắc hơn về phương cách giải quyết việc sanh tử trong suốt cả cuộc đời của nó.

“Ngài nghe thân mẫu mình dạy như thế thời mừng vui lắm, bởi vì từ bây giờ trở đi, Ngài đã biết làm cách nào để khỏi bị chết rồi. Cho nên bắt đầu từ dạo đó, mỗi ngày khi đi đâu, làm gì và chí đến những lúc đi, đứng, nằm, ngồi, người ấu nhi 7 tuổi mà đã có một Đức Tin kiên quyết này lúc nào cũng lâm râm trì niệm câu: ‘Niệm Trời, Niệm Phật, cho con khỏi chết.’

“Cậu bé cứ niệm mãi và niệm mãi như thế với lòng tin tưởng tuyệt đối là mình sẽ không bao giờ bị chết như những người khác hết!



Hòa Thượng Thích Thiên Tâm năm 1976

“Và cứ như thế, thời gian tuôn tự trôi qua... cho đến hai năm sau, lúc đó ngài đã được 9 tuổi, thì có một điều phi thường, lạ lùng xuất hiện. Sự việc ấy như sau:

“Trong một đêm khuya vắng nọ, lúc đó cả nhà đều yên giấc hết, chỉ có một mình cậu bé Nguyễn Nhật Thăng mới lên 9 tuổi này là còn đang thao thức. Và như thường lệ mỗi đêm của suốt hai năm qua, cậu nằm im trên bộ ván gỗ kê gần cửa sổ ở bên hông nhà trên (gọi là nhà trên vì còn có nhà dưới nữa, thông thường ở miền quê trong Nam thì người ta dùng nhà trên làm phòng ngủ, phòng khách, nhà dưới thì làm nhà chứa lúa, nhà bếp, nhà ăn v.v.), miệng lâm râm đọc câu, 'Niệm Trời, niệm Phật, cho con khỏi chết. Niệm Trời, niệm Phật, cho con khỏi chết.'

“Trước khi thiếp đi vào trong giấc ngủ êm ấm của mỗi đêm dài. Bỗng nhiên cậu thấy ngoài sân, qua khung cửa sổ phát ra ánh sáng chói lòa, rực rỡ như ban ngày.

“Lấy làm lạ, Nhật Thăng đồng tử vội lồm cồm ngồi dậy và đi đến bên cửa sổ đứng nhìn ra tìm duyên cớ, thì cậu thấy bên ngoài, giữa không trung từ phía trên trời, có bốn người cao lớn, dung mạo hơi khác thường, chung quanh mình họ có ánh sáng phát ra như trái châu lửa. Bốn người này khiêng bốn góc của một cái kiệu xưa rất đẹp đang từ từ giáng hạ xuống phía trước sân nhà. Ánh sáng chói lòa, rực rỡ mà cậu thấy ban nãy chính là ánh sáng từ nơi thân của bốn người này phát ra vậy.

“Trong khi cậu còn đang ngạc nhiên, sững sốt và ngây người ra nhìn thì thấy bốn vị này để cái kiệu ở ngoài sân, bay xuyên qua cửa sổ đáp xuống bên cậu làm cho cậu giật mình, thối lui ra sau, trong lòng có ý lo sợ, thì một vị nói:

“Nhỏ kia, chớ có sợ. Chúng ta là người ở trên trời, hôm nay vì ngươi mà xuống đây. Bởi vì đã hai năm qua rồi, ngày nào ngươi cũng Niệm Trời cầu cho khỏi chết, nên cảm động đến bề trên sai chúng ta xuống đây rước ngươi về trời để cho ngươi được trường sanh bất lão. Vậy xin hãy yên tâm và theo chúng ta lên kiệu mà đi cho kịp thời giờ.’

“Ngài nghe nói vậy thì trong lòng mừng lắm, liền bước chân theo bốn vị 'thiên nhơn' kia ra sân.

“Lúc bốn vị ấy đưa tay ra định tiếp Ngài lên kiệu, bỗng nhiên Ngài sức nhớ lại là mình chưa chào già biệt cha mẹ và anh năm, nên Ngài mới nói cùng với bốn vị thiên nhơn kia rằng, 'Khoan đã, hãy chờ một chút vì tôi còn phải vào nhà tự biệt phụ mẫu cùng với huynh trưởng rồi mới đi theo quý vị lên trời được.’

“Nói xong ngài quay người lại định bước vào nhà từ già cha mẹ, bỗng nhiên nghe bên tai có mấy tiếng chuông 'boong boong' ngân lên rất thanh kèm theo mấy câu 'Niệm Phật, Niệm Phật,' âm hưởng của giọng niệm Phật này cực kỳ thanh tao và êm dịu làm cho trong tâm Ngài cảm thấy tự nhiên dâng lên một sự ấm áp và khỏe khoắn lạ thường.

“Vì bình nhật ngài chuyên trì một câu niệm, mà trong đó có hai chữ 'Niệm Phật' đã nhập tâm rồi,

nên bây giờ khi nghe tiếng 'Niệm Phật' tuyệt vời kia khiến cho lòng Ngài bỗng cảm động, vội vàng cất tiếng niệm Phật hòa theo và quay đầu ngó khắp các nơi tìm kiếm. Thì ngài thấy từ nơi hướng mặt trời lặn (phương Tây) phía trên không trung có một vị đại tăng vóc người cao lớn, mình mặc áo vàng, tay cầm chuỗi hạt, dung mạo và thần thái cực kỳ thanh nhã, đang

nhìn ngài mỉm cười và từ từ giáng hạ xuống đất, chung quanh mình của vị đại sư này, có một thứ ánh sáng màu vàng tỏa ra vô cùng tươi đẹp.

“Lúc ấy Ngài bỗng cảm thấy thân tâm mình được cực kỳ an lạc, một sự an lạc phi thường, tuyệt diệu không sao tả xiết. Thoạt tiên, khi mới nhìn thấy vị đại sư đó, ngài có cảm tưởng là hình như mình đã được gặp một vài lần ở đâu rồi và ngài sức nhớ ra liền là mấy lúc trước đây khi theo thân mẫu đến chùa lạy Phật, thì ông Phật trên bàn thờ mà mình cùng với mẹ quỳ lạy đó chính là vị đại sư này chớ không phải ai khác hết.

“Ngài mừng lắm, liền bỏ bốn vị 'thiên nhơn' kia, chạy đến bên Phật Hòa Thượng quỳ lạy và ôm lấy chân Ngài. Phật Hòa Thượng lấy tay vuốt đầu ngài và cất giọng thanh tao nói rằng, 'Nay con, nay con nên niệm Phật, đừng nên niệm Trời nữa vì niệm mới sống hoài, chớ niệm Trời thì còn có ngày phải chết.’

“Ngài nghe Phật Hòa Thượng bảo vậy, liền cất to giọng xưng câu, 'Niệm Phật, Niệm Phật, Niệm Phật.' Phật Hòa Thượng lấy tay bồng ngài lên, nhìn vào mặt ngài và tươi cười nói, 'Con rất ngoan ngoan, biết nghe theo lời dạy của ta.’

“Đoạn đặt ngài xuống, kẻ đó Hòa Thượng lấy trong mình ra một con dấu (ấn) màu vàng chói rực, vuông góc bốn cạnh, in lên trán Ngài một ấn rồi nói, 'Nay ta đóng cái Phật Ấn này lên trán con để làm tin chứng...'

“[...] Nhật Thăng đồng tử đứng ngơ ngẩn một hồi rồi đi trở vào nhà, kẻ đó giật mình tỉnh giấc, trong lòng lấy làm lạ lắm. Sau này khi kể lại cho người anh nghe câu chuyện này, ngài vẫn còn nhớ rõ từng chi tiết và thắc mắc hoài một việc, ấy là:



Hòa Thượng Thích Hải Quang, cháu của HT Thiên Tâm. viên tịch tại Tucson, Arizona năm 2011, hưởng thọ 67 tuổi. (Hình Bảo Đăng cung cấp)



Cư sĩ Bồ Tát Giới Bảo Đăng trước cổng Chùa Pháp Hoa tại Tucson, Arizona.

“Rõ ràng khi sự việc xảy ra như vậy, lúc đó mình còn thức chớ đâu có ngủ, thế mà khi đi trở vào nhà lại thấy mình ngủ dậy nghĩa là làm sao?”

“Hơn nữa khi lấy tay sờ lên trán ngay chỗ được đóng ấn vẫn còn thấy nổi lên một cục thịt u to bằng đồng điệu (mấy tháng sau mới lặn)?”

“Vì hai anh em cùng trong tuổi ấu niên nên không một ai hiểu và giải đáp được cái thắc mắc bí mật này được cả...”

“[...] Từ đó trở đi, tự nhiên ngài phát trí huệ một cách lạ lùng, mới có 9, 10 tuổi đầu mà đã có thể đọc và hiểu chữ nho một cách rõ ràng như một người đã từng học hán văn mười mấy năm dài...”

“[...] Một ngày nọ, bỗng nhiên ngài hỏi anh ngài rằng, 'Anh Năm còn nhớ giấc chiêm bao mà tôi kể cho anh nghe lúc trước chăng?’”

“Có, tôi còn nhớ rõ lắm, với lại những gì chú kể cho tôi nghe, tôi đều có viết vào trong quyển vở riêng của tôi để sau này làm kỷ niệm.”

“Ngài cười nói, 'Vậy cũng tốt, nay tôi có bài thơ này trao cho anh để anh giữ luôn cho trọn bộ.’”

“Trong lúc anh Năm của ngài còn đang ngạc nhiên thì ngài trao cho anh tờ giấy tập trong đó có ghi một bài thơ (tuyệt diệu, bất hủ) như sau:

*Niệm Phật niệm Trời công đức huân,
Mẫu từ lời dạy trẻ liền tuân.
Mưa nắng hai mùa chuyên gắng niệm,
Tứ thánh, kiêu vàng giáng hạ Khuân.
Thương trẻ bị lâm, chơn Phật hiện,
Ấn vàng in trán, khiến Đinh Khuân.
Từ nay thôi niệm Trời con nhé,
Niệm Phật sống hoài bất biến xuân.*

Nhật Thăng
(Những ngày thơ ấu)

(Ngưng trích)

Sự kiện trên xảy ra không bao lâu thì cuối năm 1935, lúc ngài được 10 tuổi, thì có thêm một việc lạ lùng nữa. Đó là buổi kỳ ngộ giữa đồng ruộng giữa ngài và Hòa Thượng Phật Ấn, trụ trì chùa Vĩnh Tràng, Mỹ Tho, vị chân tu mà ngài chưa hề biết mặt biết tên nhưng quyết chạy theo đánh lễ ba lần trên bờ đê chỉ vì bồi hồi xúc động nhớ lại hình ảnh vị Phật Hòa Thượng trong giấc mơ thuở trước.

Không ai khác, chính Hòa Thượng Phật Ấn là vị thầy bổn sư đã đóng một vai trò quan trọng trên bước đường xuất gia tu hành sau này của ngài bên cạnh HT Thích

Thành Đạo ở Sắc Tứ Linh Thứu Tự – Xoài Hột (y chỉ và thế độ sư), HT Thích Thiện Hòa ở Ấn Quang Tự – Sài Gòn (y chỉ và cầu pháp sư).

Thơ báo trước ngày vãng sanh

Có thể nói, những chuyện mầu nhiệm như huyền thoại ấy đã nhiều lần xảy ra trong suốt cuộc đời Hòa Thượng Thiện Tâm, từ việc dùng bút hiệu Nhật Thăng Tu Sĩ lúc mới 11 tuổi đầu (bài Nội Lòng Tu Sĩ) cho đến việc tìm nơi trọ học trên tỉnh, việc tìm nơi chốn để lui về ẩn tu, biết trước ngày giờ vãng sanh, vân vân, tất cả đều được trình bày trong quyển Vô Nhất Đại Sư với các bài thơ minh chứng hần hoi mà chúng tôi không thể kể hết ra đây đủ nơi đây.

Sau lễ Phật Đản năm Nhâm Thân 1992, tức trước ngày viên tịch bảy tháng, ngài có làm bài kệ Quy Kỳ Vịnh như sau nêu rõ ngày giờ vãng sanh của mình nhưng chỉ âm thầm cất trong nhật ký:

*Tam thử, mao thời quy,
Lai khứ thiếu nhơn tri,
Lục bát trần duyên mãn,
Thân xuất đáo Tây kỳ.*

Tạm dịch:

*Ba chuột, giờ mọo về,
Đến đi, ít kẻ hay.
Sáu tám duyên đời dứt,
Thân bỏ trở về Tây.*

Và một ngày trước khi phủ áo về Tây, ngài để lại bài thơ cuối cùng trong di cảo:

Bài Tự Cảm Cuối Cùng

*Sáu tám năm qua việc đáng kinh,
Thăng trầm vui dập, lấm tai tinh.
Chẳng qua một giấc mơ dài ấy,
Mà kiếp phù sinh tạm múa hình.
Hai bốn năm ròng chuyện Nhật Niệm,*

*Di Đà sáu chữ phóng quang minh.
Hôm qua tin tức trời Tây báo,
Giờ Mẹo mai đây tạ thể tình.*

*Vô Nhất tăng
Liên Du – Thích Thiên Tâm*

(Bài lưu hậu cuối cùng – Năm Nhâm Thân, ngày Quý Hợi 20-11 Âm – 13-12 Dương 1992)

Trong Vô Nhất Đại Sư của cư sĩ Bảo Đăng có đoạn tả lại việc vãng sanh ấy như sau:

“Đêm 20 rạng sáng ngày 21 tháng 11 năm Nhâm Thân, ngài ngồi trước bàn Phật trì niệm suốt buổi. Đến 3 giờ sáng ngài cho gọi các hàng học chúng và pháp quyến vào trong tịnh thất hộ niệm. Kế đến ngài bước xuống lầu, nghiêm chỉnh pháp y, an tọa vào chiếc ghế mà ngài vẫn ngồi tịnh niệm thường nhật, tay trái kết ấn Di Đà, tay mặt lần chuỗi niệm Phật theo tiếng hộ niệm của đại chúng.

“Trước về bị ai của hàng môn đồ pháp quyến, ngài mỉm cười an ủi, 'Hãy bình tâm lại, đừng có khóc nữa. Ta được về Tây là điều hân hạnh, các con hãy theo đó mà cố gắng niệm Phật chuyên cần. Nếu được như vậy, ắt một ngày kia sẽ cùng hội ngộ nhau nơi miền An Dưỡng. Còn các việc thành bại, vinh hư trên cõi đời này, chẳng phải là chỗ quan tâm đến của ta.'

“Đoạn ngài đọc bài kệ rằng:

*Đời ta chỉ gửi chốn Liên trì,
Trần thế vinh hư sá kể gì.
Bốn tám năm dài chuyên lễ niệm,
Mừng nay được thấy đức A Di.*

“Tuyên xong lời kệ sau cùng này, ngài ngồi yên trên ghế, nhắm mắt như vào trong định. Đại chúng biết chắc Đại Sư sắp sửa quy Tây, nên đồng cất cao tiếng hộ niệm, mỗi lúc càng thêm khẩn thiết.

“Đến 6 giờ 15 phút (giờ Mẹo), Đại Sư bỗng mở mắt ra, chấp tay nói: 'Ta đi đây. Đại chúng nên bảo trọng.' Đoạn nhắm mắt lại, tay trái vẫn kết ấn Di Đà, tay mặt buông xuôi xuống, râu chuỗi từ trên tay ngài rơi xuống chiếu và ngài lặng im, an nhiên thoát hóa ngay trên bản tọa.”

Đạo tâm, đạo lực cảm hóa được rắn dữ

Kim Xà Thánh Giả là tên một chương trong Vô Nhất Đại Sư mà cư sĩ tác giả Bảo Đăng đánh giá là “*tiết mục đặc biệt nhất trong quyển sách này.*” Sau khi rào đón cùng độc giả rằng “*người đọc cần phải hội đủ lòng tin và dùng tâm trân trọng, chớ nên nói rằng: thời buổi khoa học này thì làm gì mà có các sự việc như vậy, hoặc là chừng nào tôi thấy thì tôi mới tin v.v.*” cư sĩ đã kể lại một vài việc trong số rất nhiều việc huyền bí của miền sơn cước linh thiêng mà cố Hòa Thượng đã trực tiếp trải nghiệm trên 20 năm ẩn cư tu tập.

“Khoảng giữa năm 1968, việc xây cất Hương Quang tịnh thất ở Phú An đã xong, ngài chánh thức dâng đơn từ chức lên Viện Hóa Đạo. Nơi thôn Phú

An vào năm 1968 và đặc biệt là tại chỗ ẩn tu của cố Hòa Thượng, có rất nhiều loại rắn độc khác nhau, đã từng gây sợ hãi cho các cư dân người Thượng trong vùng, và cũng đã từng làm cho cố Hòa Thượng phải bị giạt mình vào những ngày tháng đầu tiên khi mới về ghi danh làm thường trú nhân tại đây.

“Kể từ khi cố Hòa thượng về đây ẩn cư tu tập, nhờ ở nơi đạo hạnh và sự tinh cần lễ niệm, trì tụng của ngài nên dần dần cảm hóa được các loài rắn dữ, chúng nó cũng nường theo đại sư tu tập lâu ngày nên cũng được linh thông (thành rắn thần).

“[...] Do vì thâm cảm được cái ơn trọng đại đó, cho nên các y ta kính nể cố Hòa Thượng như một bậc cha, thầy, còn các y ta thì giữ bổn phận của con cháu hay đệ tử. Vì thế nên từ đó về sau các loài rắn này trở nên hiền hòa, chẳng những nó không làm cho ngài bực bội hay thương tổn chi mà trái lại còn âm thầm theo bảo vệ cho Sư phụ nữa.

“[...] Hỏi: Có chứng cứ gì cho thấy là các lời vừa nói ở trên đúng sự thật như vậy hay chẳng?

“Đương nhiên là phải có chứng cứ đầy đủ, nên cố Hòa thượng mới biết đích xác như vậy, chớ nếu không thì ngài cũng chẳng thể làm sao rõ thấu mấy cái cảnh giới bí ẩn này được cả.

“Sau đây là một chuyện liên hệ mà khi còn sanh tiền, cố hòa thượng đã tự thân kể lại cho ni sư Thanh Nguyệt và cháu là Đại Đức Thích Hải Quang nghe:

“Có lần đó, cố Hòa Thượng đang ngồi làm cỏ tranh và xới đất bên cạnh một gò mối lớn ở phía sau thất (Phương Liên) của ngài, lúc ngài quơ tay ra sau lưng để cầm cuốc thì ngài lấy làm lạ mà nói trong bụng rằng, 'Ừa, sao bữa nay cái cán cuốc có vẻ là lạ và bự quá vậy?'

“Ngài mới quay đầu ngó lại thì té ra là mình đang nắm nhằm cán cổ của một con rắn to bằng bắp chân người lớn, màu đen có sọc vàng, rắn ta vì bị nắm cổ nên há miệng, le lưỡi ra khè khè năm sáu tiếng (chắc là bị nghẹt cổ) làm cho ngài hết hồn vội vã buông tay ra và bước lùi lại phía sau, niệm Phật cả mấy chục câu mới định thần được.

“Xong rồi ngài đứng ngó y ta một lúc và nói rằng, Nhà người ở đâu mà ra đây, nằm sau lưng ta hồi nào vậy? 'Thôi hãy đi đi.' (Ngài lấy tay xua, khởi ý đuổi đi).

“Rắn ta cũng ngó ngài một hồi, gật đầu mấy cái (giống như xin lỗi) rồi bò ra phía sau gò mối, ngài đứng ngó theo xem nó bò đi đâu cho biết nhưng chờ hoài mà vẫn không thấy tăm hơi gì hết, ngài mới nghĩ, 'Ừa, bộ nó còn nằm gần đây sao mà không thấy bò đi đâu hết vậy kia?'

“Đoạn ngài mới đi vòng quanh gò mối, tìm kiếm mấy lần mà cũng không thấy y ta đâu hết, bỗng đứng mà nó biến dạng mất tiêu như là khói vậy. Tìm hoài mà cũng không thấy có cái miệng hang (rắn) nào hết. Khuya lại, sau thời khóa trì niệm (gần 4

giờ sáng) ngài đang ngồi trên ghế bên cạnh bàn viết nghỉ mệt, định bụng chút nữa sẽ pha cà phê uống thì nghe bên ngoài có tiếng gõ cửa. Ngài lấy làm lạ, trong bụng nghĩ rằng, Giờ này còn sớm quá mà sao Thượng lại tới gõ cửa vậy kia?

“(Bởi vì mỗi buổi sáng mấy người Thượng ưa tới gõ cửa thất của cố Hòa Thượng để hỏi việc làm như là cuộc đất phát cỏ hoang và lên giồng trồng khoai, sắn v.v.) [...] Bữa nay nghe gõ cửa (còn khuya quá) nữa nên ngài cũng nghĩ chắc là người Thượng đến xin việc làm như mọi hôm vậy. Ngài mới đứng lên, đi ra mở cửa thì thấy: Bên ngoài, trước thất của ngài là hai người Thượng một nam, một nữ, tuổi chừng 50, dung mạo rất đơn sơ, mặt mũi sần sùi, da dẻ đen đúa, cả hai đều mặc quần áo màu chàm trông cũng rất sơ sài, đầu hơi nhọn, đi chân đất (không có dép, giày gì hết), bàn tay nhám nhúa giống như có vẩy, đang chấp tay, cúi đầu chào ngài, miệng niệm 'Nam mô A Di Đà Phật.'”

“Ngài nghĩ bụng, 'Hai người Thượng này ở đâu đến mà thấy lạ mặt, mình ở đây cũng đã lâu rồi mà chưa quen với hai vợ chồng này. Coi họ có vẻ nghèo và giống như bị bệnh mới hết! Thôi để ta giúp cho họ việc làm. Ừ, mà sao hai người Thượng này lại lễ phép quá, biết chấp tay chào và niệm Phật nữa?’”

“Ngài hỏi, 'Phải hai vị đến xin việc làm không?’”

“Hai người ấy đáp, 'Mô Phật, Kính bạch Hòa Thượng không.’”

“Ừ, vậy chớ có chuyện gì cần không mà gọi cửa tôi sớm quá vậy?”

“Người đàn ông đáp, 'Bạch Hòa Thượng, hai vợ chồng con đến đây để xin lỗi Hòa Thượng về chuyện đáng tiếc ban trưa, có đứa cháu nội đã làm cho ngài giật mình. Xin Hòa thượng từ bi tha lỗi và cho vợ chồng con sám hối.’”

“Cố Hòa thượng lấy làm kỳ, trong bụng nghĩ rằng, 'Ừ, chuyện gì mà họ xin lỗi và sám hối kia, lạ không, từ hôm qua đến nay mình có gặp hay thấy đứa nhỏ nào đâu mà họ lại nói như vậy.’ Nghĩ thế nên ngài mới hỏi, 'Cháu nội của hai vị hả, hồi nào, nó bao nhiêu tuổi? Tôi nhớ suốt cả ngày hôm qua có gặp đứa cháu nào đâu!’”

“Người đàn bà đáp, 'Kính bạch Hòa thượng, cháu trai của con là đứa bé hôm qua mặc áo quần đen có sọc vàng nằm hầu phía sau lưng của ngài lúc ngài làm vườn đó.’”

“Ngài mới hỏi (mà trong bụng cũng chưa nhớ rõ ra là ai, bởi vì đâu có đứa nhỏ nào mặc áo quần đen, sọc vàng theo hầu sau lưng mình suốt ngày hôm qua đâu), 'Vậy hả, cháu bé bao nhiêu tuổi?’”

“Người đàn bà đáp, 'Kính bạch Hòa thượng, cháu được 95 tuổi!’”

“Hòa Thượng giật mình, sáng sốt hỏi tiếp, 'Ừ,

cháu nội mà được 95 tuổi thì hai vị đây bao nhiêu tuổi?’”

“Người đàn ông đáp, 'Dạ con được 842 tuổi và vợ của con 760 tuổi!’”

“Đến đây thì Hòa thượng đã rõ biết họ là ai rồi, nên ngài mới hỏi tiếp, 'Hai vị ở đâu tới đây?’”

“Người đàn ông thưa, 'Bạch Hòa thượng, chúng con ở Huỳnh Xà thôn nằm về phía Đông của thôn Phú An nầy cách nơi đây khoảng 9 cây số, gia đình con có khoảng một ngàn người.’”

“Vừa nói tới đây thì người đàn bà nắm lấy tay của ông chồng giật giật mấy cái như ra hiệu dừng nên nói nữa (chắc sợ bị lộ tông tích) làm cho người chồng mới nói đến câu khoảng một ngàn người thì làm thình lộn.

“Hòa Thượng gật đầu nói, 'Thôi hai vị yên lòng về đi, không sao đâu.’”

“Nghe ngài bảo như vậy thì hai vợ chồng người này đồng chấp tay cúi chào rồi quay lưng đi vòng ra sau thất của ngài. Hòa thượng mới nom theo xem họ đi đâu và làm thế nào cho biết, thì ngài thấy khi họ ra đến phía sau rồi, cả hai người đồng hóa ra hai luồng ánh sáng màu vàng nhạt lớn bằng cườm tay, bay bổng lên không về hướng Đông đi mất (giống như ông đi, bà xẹt vậy).

“Do đó nên ngài biết rằng, 'Đứa bé 95 tuổi mặc áo đen, sọc vàng là con rắn đen có vằn vàng ngày hôm qua đã làm cho mình hết hồn! Hai vợ chồng này là rắn chúa (chúa động). Hang ổ chánh của họ nằm về hướng Đông của ấp Phú An, cách đây 9 cây số có tên là Huỳnh Xà Động (động rắn vàng). Chắc có lẽ họ mới biết biến hình nên dung mạo còn thô sơ chớ chưa được đẹp người.’”

(Ngưng trích)

Điều lạ lùng là sau khi ngài viên tịch, trong ngày lễ khai mộ, tất cả mọi người hiện diện đều mục kích một cặp rắn màu vàng dài khoảng hai thước bò tới đầu mộ ngài. Điểm đáng nói là khi sinh tiền chính ngài đã dự biết điều này và từng dặn dò lưu ý đệ tử nhằm mục đích bảo vệ chúng.

*

Câu chuyện về ngài Thiên Tâm đến đây xin tạm ngưng, mặc dù cuộc đời và sự nghiệp tu hành của ngài còn có thể trải dài thêm hàng trăm trang giấy mà cũng chưa chắc nói được hết. Tuy vậy, bài phân tích của Thầy Như Điển về sự đóng góp cho Tịnh Độ của Hòa Thượng Thiên Tâm, cũng như những mẫu chuyện huyền bí do cư sĩ Bảo Đăng thuật lại, đã cho tôi những bóng mát để dừng chân tạm nghỉ trên con đường tìm về nguồn đạo pháp. Tạm nghỉ để hưởng một chút trong nguồn công đức vô biên mát rượi do quý Tổ để lại, dành cho những hành giả đã đặt hết niềm tin ở Phật như quý Ngài đã đặt. ♦



Niệm Phật chớ sợ cười, đừng chờ hẹn

Lời HT THÍCH THIỀN TÂM

Có nhiều vị muốn tu học Phật pháp, nhưng lại sợ bị người chê cười là tiêu cực, hủ bại, mê tín. Do đó khi xem kinh thì lén lút không dám công nhiên cho người thấy; hoặc có ăn chay, niệm Phật cũng không dám cho ai hay.

Nên biết đạo Phật chẳng những là một tôn giáo, lại là một môn triết học rất cao thâm, các học giả uyên bác ở Tây đã có nhiều vị nghiên cứu và thật hành. Phật đạo là con đường sáng suốt đưa người từ hung ác đến thiện lương, từ hàng phàm phu mê mờ đến địa vị thánh nhơn toàn giác. Cho nên người đã có duyên may tu học Phật pháp, nên mừng cho mình được phước lành, và tùy nghi đem ra khuyên nhắc kẻ khác làm theo, chớ không chi phải e ngại. Những kẻ chê tu Phật là tiêu cực, hủ bại, mê tín, chỉ vì họ chưa hiểu biết mà thôi.

Lại trong giới tu học Phật pháp, có những người vừa mới xem qua các kinh điển cao, đã vội tự phụ cho mình là bậc Đại Thừa hành giả, thấy ai ăn chay, niệm Phật liền xem là hạng căn cơ thấp kém, chỉ bắt chước theo các ông già bà cả ngu dốt tối tăm. Nên biết môn Tịnh Độ là pháp Đại Thừa viên đốn. Nói “Đại Thừa”, vì pháp này lấy niệm Phật làm nhân, lấy địa vị Toàn Giác làm quả. Nói “viên” vì môn này nhiếp trọn cả năm tông tám giáo, như các bậc cổ đức đã luận phê. Nói “đốn” vì phương tiện này đưa từ hàng cụ phước phàm phu lên ngôi Bất Thối Chuyển, từ bậc sơ học lên quả Vô Thượng Bồ Đề rất thẳng tắt mau lẹ.

Cho nên pháp môn này sáu phương chư Phật đều khen ngợi, các vị Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều phát nguyện vãng sanh. Xem thường và khinh chê niệm Phật, chẳng những là không hiểu sâu về Tịnh Độ, mà còn mang lỗi khinh chê chư Phật và các bậc Thánh giả đã nói trên. Cho nên niệm Phật là chính mình đã thật hành theo pháp môn viên đốn Đại Thừa, không nên ngại đến sự cười chê của người chưa hiểu biết.

Muốn cầu giải thoát, đối với sự niệm Phật phải xem là điều rất khẩn yếu, biết được lúc nào là phải thật hành ngay khi ấy, không nên chờ hẹn. Phật đã từng dạy, mạng sống của con người chỉ ngắn ngủi trong hơi thở; vì hơi thở có ra mà không vào, tức đã bước sang kiếp khác. Thế thì năm tháng ngày giờ, cho

đến mỗi giây phút, đều có cái chết không chờ hẹn ta ở trong đó; chẳng ai dám quyết đoán mạng sống của mình dài được bao lâu. Cổ thi có câu:

*Ngày trước đầu đường còn ruổi ngựa.
Hôm nay trong quách đã nằm yên!*

Hoặc câu:

*Chớ hẹn đến già rồi niệm Phật.
Đồng hoang mô trẻ thấy đồng người.*

Đây là những điều xác thật. Cho nên muốn phòng ngừa cơn vô thường chợt đến, mỗi thời khắc chúng ta phải gắng chăm niệm Phật. Như thế, gặp giây phút cuối cùng mới không bị bối rối tay chân.

Trên đường tu, để ngăn trách về sự giải đãi, đức Phật đã răn dạy: “Thầy Tỳ Khưu thường hay có tám cách biếng trễ. Chẳng hạn, bữa nào đi khát thực đói, liền nghĩ rằng: “Hôm nay, khát thực đói, trong người tất thiếu sức khỏe, để hoãn tu một đêm.” Bữa nào khát thực no, liền nghĩ: “Hôm nay ăn no, trong người nặng nề mệt nhọc, thôi tạm xả tu, mai sẽ tiếp tục.” Như thế cho đến những khi: sắp làm việc nhiều – lúc làm việc nặng vừa xong – sắp muốn đau – khi đau bệnh vừa mạnh – sắp đi xa – lúc đi xa mới về; trong các trường hợp ấy, lúc nào cũng nại cơ này, cơ khác, rồi bỏ tu để ngủ nghỉ. Trái lại, những vị Tỳ Khưu tinh tấn, trong tám trường hợp đó, luôn luôn nghĩ đến sự vô thường, hằng siêng năng tu tập.”

Tâm niệm giải đãi của người xuất gia đã như thế, tất tâm lý biếng trễ của hàng tại gia chắc có lẽ nhiều hơn. Hoàng Nhứt đại sư từng khuyên một người thân hữu niệm Phật. Ông này viết thư gửi đến, than mình mắc bận nhiều công việc, xin để tạm xếp đặt cho ổn thỏa rồi sẽ hay. Đại sư liền biên vào bức thư đó hai câu thi, rồi gửi trả nguyên lại. Hai câu ấy như sau:

Ngay giờ quyết dứt, liền thôi dứt. Chờ hẹn cho xong, chẳng lúc xong!

Thật thế, chuyện đời đến khi nhắm mắt cũng không rồi công việc.

Khi xưa, có vị Tăng khuyên người bạn là Trương Tổ Lưu niệm Phật. Ông bạn bảo, “Tôi có ba việc làm chưa xong: Một là quan tài ông thân còn để ở nhà mồ chưa chôn, hai là đứa con trai chưa cưới vợ, ba là đứa con gái chưa gả chồng. Chờ ba việc đã xong, tôi sẽ vâng lời.” Mấy tháng sau, ông bạn bị bạo bệnh chết.

Vị tăng đến tụng kinh cầu siêu, và điều một bài thi rằng:

*Bạn tôi tên là Trương Tổ Lưu
Khuyên ông niệm Phật, hẹn ba điều.
Ba điều chưa vẹn, vô thường bắt
Đáng trách Diêm Vương chẳng nể nhau!*

Trong bài thi, ý vị tăng nói: Ông hẹn khi xong ba việc sẽ niệm Phật, nhưng ngặt nỗi vô thường bất ngờ đến, nó có chờ hẹn ông đâu? Xem đây chúng ta ai dám bảo đảm rằng mình chẳng là ông Trương Tổ Lưu thứ hai? Cho nên người quyết chí tu hành, được hở giây phút nào liền niệm Phật ngay lúc ấy, đừng nên đập nhầm dấu xe đổ của người xưa mà để hận ngàn thu.

(Trích từ Niệm Phật Thập Yếu) ♦



HT Thích Trí Tịnh

một đời hành trì Tịnh Độ

Đại Lão Hòa Thượng Thượng Trí Hạ Tịnh là một dịch giả uyên bác của Phật Giáo Việt Nam. Tuy thông suốt các giáo lý Phật Giáo và pháp môn Thiền, nhưng chính bản thân Ngài một đời chuyên tâm hành trì pháp môn Tịnh Độ, luôn luôn khuyến tấn Phật tử ăn chay, giữ giới, niệm Phật.

Hòa Thượng sinh năm 1917 trong một gia đình nông dân tại Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp, thế danh là Nguyễn Văn Bình, con út trong một gia đình có sáu anh chị em. Thân phụ Ngài là ông Nguyễn Văn Cán, ôn qua đời lúc Hòa Thượng mới lên ba tuổi. Thân mẫu là bà Nguyễn Thị Truyện, mất lúc Hòa Thượng vừa được bảy tuổi. Vì mồ côi cả cha lẫn mẹ quá sớm, nên Hòa thượng ở với người anh thứ ba. Đến năm hơn 10 tuổi, Ngài nếm vị đạo.

Hòa Thượng kể với báo Giác Ngộ năm 2013, “Lúc tôi biết mến đạo là vào khoảng năm 1928, thời điểm người ta bắt đầu xây dựng Thánh Thất Cao Đài ở Tây Ninh. Một số người bà con của tôi cũng ở gần đó, theo Cao Đài, để tóc bới và ăn chay trường. Tôi cũng ăn

chay trường một mình ở nhà, thường ăn với nước cơm, nước muối. Bởi hề thấy thịt cá là tôi nhớ ngay đến cảnh người ta đánh vảy, cắt cổ, làm thịt nên không ăn được.”

Năm khoảng 16 tuổi, Hòa Thượng hết tuổi học trường Pháp Việt, qua cấp khác thì không đủ điều kiện, nên quyết định học nghề, từ học sửa xe đạp đến học sửa đồng hồ rồi theo người anh làm công để học nghề thuốc. Nhờ đọc sách thuốc mà Hòa Thượng dần dần thông chữ Hán. Trong khi đó, gia đình người anh thường xảy ra cảnh lục đục nên Hòa Thượng có ý xuất gia.

“Tôi muốn đi lăm, nhưng cha mẹ không có, tôi đang ở với anh chị nên cũng khó. Tôi lại còn người chị thứ sáu, hai chị em hủ hỉ có nhau, vui buồn chia sẻ, nếu đi thì bỏ chị lại. Tôi học nghề, nghĩ rằng nếu chị ở vậy thì hai chị em có thể nuôi nhau,” Hòa Thượng nói với báo Giác Ngộ.

“Đến năm tôi 20 tuổi, chị lập gia đình. Tôi bắt đầu tính chuyện giải thoát thế gian. Nghe người ta nói ở Thất Sơn, Tà Lơn có nhiều người tu theo đạo Phật, có chùa, am, cốc, nên tôi bèn dò la, biết được chùa am chủ yếu tập trung ở Núi Cấm. Đầu năm 21 tuổi, tôi bỏ nhà lên núi, để lại lá thư chớ không cho ai biết. Lúc đó nhằm ngày 14 tháng Hai Đinh Sửu. Khoảng hơn 2 giờ chiều thì tới chân núi, tôi quăng guốc chạy

Ảnh trên lấy từ buổi lễ Khánh Tuế Hòa Thượng Thích Trí Tịnh tại Việt Nam, đăng trên trang mạng của Hoa Vô Ưu (hoavouu.com) tháng Sáu 2012.

chân không, cảm thấy lòng nhẹ nhõm như không còn gì dính líu. Chạy rất chân thì đứng lại, leo lên gộp đá bên đường ngó bốn phía, tôi khấn vái rằng mình là người phạm mất thịt, không biết đâu thánh phàm, nguyện ơn trên chỉ dẫn, cứ một mặt phía trước mà bước đi, gặp chỗ nào thì ở đó chớ không chọn lựa.

“Khoảng hơn 5 giờ chiều thì tôi tới Vạn Linh, nghe nói thầy đang ở ngoài cốc, đến tối mới gặp được. Sau thời Tịnh Độ, thầy vào ngồi bên bàn, bóng đèn leo lét. Tôi đứng một bên; năm, bảy huynh đệ đứng bên kia thưa chuyện. Thầy chỉ tôi mà mắt nhìn mấy huynh đệ, nói, Mấy đứa bây đừng coi thường cái thằng nay nghe. Đời trước nó là hòa thượng, bây giờ nó cũng sẽ là hòa thượng đó! Thầy nói thêm một mình, Làm hòa thượng nhưng nó cũng thích nhìn con gái lắm, nên sẽ bị tật con mắt suốt đời không hết. Mấy tiếng này thầy nói chậm lắm. Nay, coi sửa soạn mai rằm cho nó tu! Tôi nghe vậy thì mừng lắm, không nghĩ đến việc bệnh tật hay hòa thượng gì cả, mà cũng không biết hòa thượng là gì, được chấp nhận cho ở chùa tu là mừng lắm rồi!”

Hòa Thượng được ban cho pháp danh là Thiện Chánh, pháp hiệu Hân Tịnh, húy Nhựt Bình, thuộc dòng Lâm Tế Gia Phổ đời thứ 41. Là đệ tử của Hòa Thượng Thích Thiện Quang, khai sơn chùa Vạn Linh ở núi Cấm, Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Ngài kể về thời gian mới tu tại chùa Vạn Linh, “Chỉ trong vòng hai tháng, mấy thời công phu trong chùa tôi thuộc không thua ai khác, trong đó phẩm Phổ Môn tôi thuộc đầu tiên. Nguyên do là tôi không có áo dài mặc lễ Phật. Chùa có mấy cái dành cho Phật tử, tôi mượn để tụng kinh. Sau có một Phật tử phát tâm cúng bốn thước vải da, yêu cầu tụng 60 biến Phổ Môn. Mấy huynh đệ thấy tôi không có áo dài mặc nên bảo tôi tụng. Do đó mà tôi thuộc lòng phẩm Phổ Môn, rồi mền luôn kinh Pháp Hoa.”

Hòa Thượng được phân công viết sớ, được cho ở trong một cái cốc nhỏ nơi vườn chùa. Nghe mấy huynh đệ nói đến việc tu khổ hạnh, Hòa Thượng cũng quyết thực hiện.

“Tôi bỏ ngủ, không nằm nữa, đến độ lên quá đường cầm chén cơm ngồi sững mà ngủ, rót hồi nào cũng không hay, vậy mà cũng không thành gì, nên thôi. Rồi tôi lại tuyệt cốc, chỉ ăn rau, ăn riết rồi đi lên dốc cũng không nổi, yếu quá mà cũng không thành ông gì, lại bỏ!”

Được đọc tạp chí Từ Bi Âm, Hòa Thượng phát khởi ý nguyện cầu học Phật pháp, vì ngoài các thời kinh kệ, Ngài không được học gì thêm. Cuối năm 1939, Hòa Thượng xin phép Bổn sư xuống núi về Sài Gòn rồi ra miền Trung cầu học đạo. Đoạn đường hết sức gian nan, không ai giúp đỡ, không có phương tiện, Ngài chỉ ôm gói quần áo mà đi, từ Sài Gòn ra Phan Thiết, tới Bình Định rồi đến Huế. Ban đầu Hòa Thượng ở chùa Tây Thiên, sau nhờ thầy Giác Tâm (người Bến Tre) giới thiệu đến chùa Báo Quốc theo học Phật học.

Bấy giờ là năm 1940, trường chỉ có duy nhất một lớp, đang học đến năm thứ sáu Sơ Đẳng, còn vài tháng nữa thì lên Trung Đẳng, song Hòa Thượng cũng được

nhận vào học, lại được cấp học bổng và cho nội trú.

Năm 1941, Ngài thọ Sa Di giới tại Huế với tại chùa Quốc Ân và được Sư Cụ Trí Độ cho pháp tự là Trí Tịnh. Ngài rồi tiếp tục học lên Trung Đẳng và tốt nghiệp vào năm 1942, đến năm 1945 thì tốt nghiệp Cao Đẳng. Tiếp theo là thời kỳ Hòa Thượng ra làm việc, phụng sự Đạo Pháp.

Năm 1955, Hòa Thượng thành lập Cục Lạc Liên Hữu tại chùa Vạn Đức, Thủ Đức, khuyến tấn mọi người niệm Phật, cầu vãng sanh Tịnh độ. Tịnh Độ Liên Hữu do Ngài sáng lập được duy trì trong suốt mười năm. Năm 1964, khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất thành lập, Ngài được trao chức Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Tăng Sự. Từ năm 1968, Hòa Thượng làm trong Ban Giảng Huấn Phật Học Viện Huệ Nghiêm, khoa trưởng Phân Khoa Phật Học, thuộc Đại Học Vạn Hạnh, Viện Trưởng Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ Nghiêm. Ngài đã giữ những chức vụ quan trọng trong hàng lãnh đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Về vai trò của Hòa Thượng Thích Trí Tịnh trong sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam kể từ 1981, là thời điểm ra đời của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam do chế độ cộng sản đưa ra để chính thức thay thế cho Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, Hòa Thượng Thích Quảng Ba, Viện Trưởng Tu Viện Vạn Hạnh tại Canberra, Úc nói với đài BBC sau khi hay tin Ngài Trí Tịnh đã viên tịch, “Vì nhiều lý do áp lực khác nhau [Ngài cùng các tăng lữ cao cấp khác] đã phải thuận theo lời yêu sách, áp lực, đòi hỏi của chính quyền mới, chính quyền xã hội chủ nghĩa, để tự hủy thể giáo hội của mình.

“Tôi nghĩ các ngài có dụng ý muốn cứu các thành phần còn lại. Các bậc thầy của chúng tôi đành phải đi con đường thỏa hiệp để cứu sống, để bảo tồn được bao nhiêu hay bấy nhiêu, chứ không phải ham muốn quyền lợi hay bị mê hoặc bởi chủ thuyết cộng sản.”

Sau khi Đảng Cộng Sản chiếm miền Nam, Ngài chấp nhận làm Ủy Viên Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam năm 1976. Năm 1980, Ngài giữ cương vị Phó Trưởng Ban Vận Động Thống Nhất Phật Giáo Việt Nam.

Từ 1984 đến khi mất, Ngài đảm nhiệm cương vị Chủ tịch Hội Đồng Trị Sự, Trưởng Ban Tăng Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Tuy mang những chức vụ cao nhưng Ngài rất ít khi tham dự những sinh hoạt của giáo hội này, một phần vì lớn tuổi, một phần vì muốn niệm Phật miên mật.

Về số lượng dịch phẩm lớn để lại, Hòa Thượng chú trọng điều căn bản là dịch đúng nghĩa, chính xác, rõ ràng chân thật, không bóng bẩy, âm vận êm xuôi, để người đọc tụng dễ thông suốt, hiểu nghĩa rõ ràng, dễ nắm bắt được ý chính của kinh.

Năm 1947, Hòa Thượng dịch kinh Pháp Hoa ở Phật Học Đường Liên Hải. Từ đó cho đến sau năm 1975, Ngài đã phiên thêm 18 bộ kinh gồm trọn bộ 8 cuốn Kinh Hoa Nghiêm, trọn bộ 9 cuốn Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Đại Bảo Tích

(trọn bộ 9 tập), Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên, Kinh Địa Tạng, Kinh Tam Bảo, Kinh Pháp Hoa - Cương Yếu Tóm Tắt, Kinh Pháp Hoa - Thông Nghĩa Tóm Tắt, Luật Tỳ Kheo Giới Bản, Luật Bồ Tát Giới Bản, Đường Về Cực Lạc, Cực Lạc Liên Huân Tập, Ngô Tánh Luận, Pháp Hoa Cương Yếu, Kinh A Di Đà, Kinh Quán Phật Vô Lượng Thọ, và Kinh Vô Lượng Thọ Phật

Trong các đệ tử của Ngài tại Việt Nam có các vị tăng được biết đến rất nhiều hiện nay như Hòa Thượng Thích Trí Quảng, Thượng Tọa Thích Nhật Từ. Khi Ngài viên tịch năm 2014, trong bài diếu văn, Hòa Thượng Trí Quảng có nói như sau về Ngài Trí Tịnh:

“Suốt 30 năm lãnh đạo Giáo Hội [Phật Giáo Việt Nam], với tính cách đặc biệt, dường như ít quan tâm đến các hoạt động Phật sự, nhưng phải nói rằng trong giai đoạn Hòa Thượng lãnh đạo, Giáo Hội luôn bình yên, mọi Phật sự được tiến triển và vận hành nhẹ nhàng.

“Tính cách lãnh đạo đặc biệt của Đại Lão Hòa Thượng có thể nói ảnh hưởng từ con đường tâm linh mà Người miệt mài, chuyên tâm theo đuổi và tinh tấn thực hành. Đó là pháp môn Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà.

“Tôi được biết Đại Lão Hòa Thượng từ giữa thập niên 1950, lúc Người thành lập Cực Lạc Liên Hữu và chủ trương Tập San Đường Về Cực Lạc mà tôi là người say mê theo dõi để đọc. Tôi thấy ngoài việc dịch kinh điển Đại Thừa, thuyết pháp, đảm trách các sinh hoạt Tăng Già, Người đã dồn hết thời gian cho việc hành trì niệm Phật, rất ít tiếp xúc với quần chúng Phật tử.

“Nhiều lần tham vấn Đại Lão Hòa Thượng, lúc nào Người cũng luôn khuyên tôi bớt công việc để chuyên tâm niệm Phật. Người quan niệm, nếu làm việc nhiều

cũng có thể sanh phước đức nhưng chắc chắn phiền não, trần lao và nghiệp chướng cũng theo đó mà phát sanh. Với Người, tất cả những gì cản trở cho sự tiến bước trên lộ trình đạt đến sự thanh tịnh của tâm đều cần phải được dứt bỏ.

“Cho nên, chúng ta thấy trong nhiều năm qua, là giáo phẩm lãnh đạo tối cao của Giáo Hội, nhưng trong nhiều hội nghị, các sinh hoạt của Giáo Hội, Người vẫn không đến dự. Tôi cảm giác dường như, tất cả tâm ý của Người đều trọn vẹn dành tưởng nghĩ, hình dung, quán niệm về Đức Phật Di Đà và thế giới Cực Lạc thanh tịnh tuyệt đối. Đó là tất cả đời sống của Người. Những gì diễn ra trong đời sống xã hội thường ngày không đáng để bận tâm. Do đó, chúng ta luôn thấy ở Người luôn có sự ung dung, tĩnh tại cho đến ngày mãn duyên, xả báo thân cũng nhẹ nhàng hiếm thấy.

“Tôi nhớ trong một lần đi công tác Phật sự với Đại Lão Hòa Thượng, cũng như những lần khác, Người luôn khuyến tấn tôi chuyên tâm trì niệm danh hiệu Đức Phật Di Đà. Người còn nói thêm, là người xuất gia tu hành, chúng ta phải tinh tấn làm sao để đạt được sự an tịnh thân tâm, trước hết là tự lợi cho bản thân không uống công tu tập, kế nữa là tạo được tín tâm cho người khác.

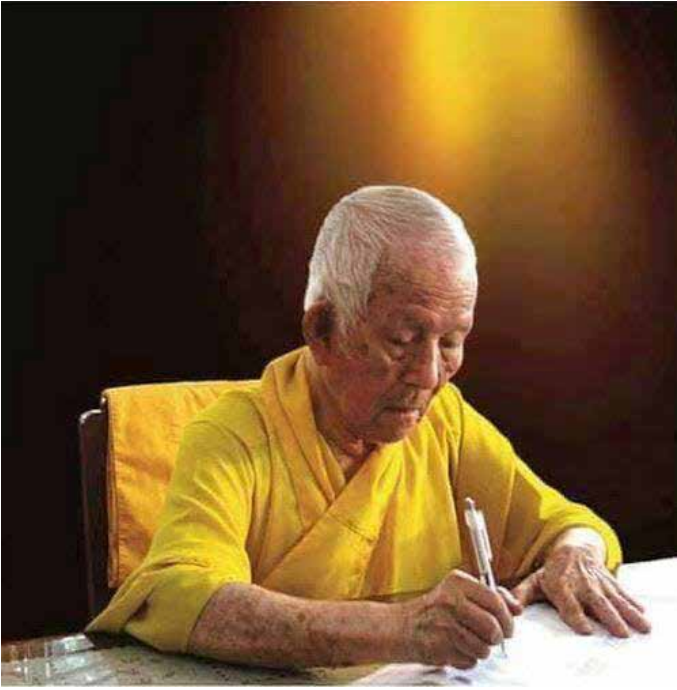
“Với cuộc đời gần 100 tuổi, 69 tuổi hạ, Người một đời chuyên tâm niệm Phật, có vai trò rất lớn trong việc xây dựng và phát triển Tịnh Độ Tông tại Việt Nam thời hiện đại, dù tuổi cao nhưng thân ít bệnh, tâm tự tại giữa mọi biến thiên của thời cuộc, phải nói rằng Đại Lão Hòa Thượng đã làm được những điều đã nghĩ và đã nói, tri hành hợp nhất, Người xứng đáng là một bậc hành giả Tịnh Độ mẫu mực, tạo tín tâm cho vô số Phật tử trong nhiều năm qua, ở hiện tại và mai sau.” ♦



Đạo Tràng Tịnh Tông Orange County, California

Đạo Tràng Niệm Phật mỗi tháng hai lần, tuần thứ nhất và tuần thứ ba vào Chủ Nhật, từ 8 giờ sáng đến 3:30 chiều, tại Hội Trường 7732 Garden Grove Blvd, Westminster, CA 92683. Thọ trai miễn phí.

Liên lạc (657) 257-9249. Website: www.tinntonghochoi.org



Niệm Phật mà không được nhất tâm thời làm thế nào?

Lời HT THÍCH TRÍ TỊNH

Phải dứt tưởng dừng lo, rồi chậm chậm mà niệm. Phải làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm duyên theo tiếng. Niệm như vậy lâu lâu thời các vọng niệm tự đứng lặng, tâm cảnh tuyệt chiếu chứng nhập “niệm Phật Tam muội.”

Hàng ngày cần phải niệm cho thường, từ nghìn đến muôn, tâm đừng gián đoạn thời rất dễ thuận thực. Nếu cố ép tâm cho nhất, thời trọn không thể nhất được.

Vọng niệm diệt dứt, đó là chân tâm thường trụ của chư Phật. Vọng niệm mà còn đó là nghiệp tâm sinh tử của chúng sinh. Nếu các người có thể miên mật gia công, tâm không một mảy hở trống thời mới đặng tương ưng đôi phần.

Phải dè dặt, đừng có vừa thực hành đặng nửa năm hay mười tháng, rồi tự cho là mình đã có công tu hành. Phải biết rằng quan niệm tự đắc ấy, chính là chỗ chương đạo. Rất phải cẩn thận! Mặc dầu có gắng sức công phu, nhưng nếu niệm lực chưa vững như núi đồng, chắc như vách sắt, xô không ngã, lay không động, thời vẫn chưa phải đã thành nhất phiến đầu.

Chớ có mới vừa được đôi chút đắc lực bèn dừng tay, mà thành lỗi “bán đồ nhi phế,” có khi rồi phải hồng cả công phu trước, đây là chứng bệnh lớn của các nhà tu hành, cần phải biết.

Nên hiểu rằng: Phật pháp như biển cả càng vào càng sâu, không phải đôi chút tri kiến mà thấu hết được. Phải gia công tu tập trọn đời, đi mãi đến nguồn đến đáy làm mục đích, không nên có quan niệm xem thường.

Một câu A Di Đà Phật đây, chẳng phải từ tư tưởng sinh, chẳng phải do ức niệm mà có, không phải ở trong, không phải ở ngoài, không có tướng mạo. Đó chính là bất hết các vọng tưởng, cùng với chân thân vi diệu thanh tịnh của Như Lai không phải đồng, không phải khác, không thể phân biệt là đồng là khác. Niệm Phật như vậy, thời phiền não trần lao không đoạn dứt mà cũng không hệ phục, duy là nhất tâm thôi. Được nhất tâm rồi mới phải là “chấp trì danh hiệu,” mới được gọi là “nhất tâm bất loạn.” Đến đây thời tinh nghiệp thành công, thẳng lên bậc “Thượng phẩm.”

Niệm Phật như thế nào mới đầy đủ công đức?

- Điều kiện thứ nhất, trong lúc tụng niệm, phải rành rẽ rõ ràng. Rành rẽ là chữ câu rành rẽ không lộn lạo mù mờ. Rõ ràng, là tiếng nói rõ ràng, không trại tiếng.

- Điều kiện thứ hai, tiếng phải hiệp với tâm, tâm phải duyên theo tiếng, tâm và tiếng hiệp khấn với nhau.

- Điều kiện thứ ba, phải chí thành tha thiết, với Đức Từ Phụ, lòng ta như con thơ nhớ mẹ, với cõi Cực Lạc lòng ta như viễn khách tưởng cố hương.

- Điều kiện thứ tư, không cho xen lộn một mảy tưởng niệm thế sự, nghĩa là phải luôn nhiếp tâm trụ nơi tiếng niệm Phật, không xao lãng. Nếu lỡ xao lãng phải liền nhiếp thâu lại. Với trường hợp đây, chú tâm nhận chắc lấy tiếng của mình niệm là công hiệu nhất. Bồ Tát lại bảo ta lúc đi đứng nằm ngồi, khi ăn khi uống... đều nên quay mặt về hướng Tây, để tâm ta lúc nào cũng tưởng nhớ Cực Lạc thế giới, hầu giúp cho công phu tịnh nghiệp chóng thành. Về điều này ta có thể trừ lúc khạc nhổ, đi đại tiểu tiện, còn tất cả thời đều nên hướng về Tây phương.

Nếu theo đúng các điều kiện đã dạy trên đây mà gia công thực hành, trong một thời gian tiếp tục luôn không gián đoạn sẽ được “bất niệm tự niệm.”

Tổ Thiện Đạo và Tổ Vân Thê gọi là được niệm niệm tương tục. Được niệm niệm tương tục này mà giữ vững trọn đời thời sự vắng sinh đã bảo đảm.

Tiến thêm, nếu càng gia công chí thành khẩn thiết chuyên niệm không hở, trong quên thân ngoài quên cảnh, thời chứng nhập “Chính ức niệm Tam muội” cũng gọi “Sự niệm Phật Tam muội” mà cũng chính là “Sự nhất tâm bất loạn.”

(Nguồn: Đường về Cực Lạc, 2010)◆

Kinh A Di Đà theo Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn

Bài
THẦY PASANNO PHỔ KIÊN



*Trong tay có sẵn gậy vàng
Động tan cửa ngục cứu ngàn
sinh linh*

Nghĩa là trong tay Ngài Bồ Tát Địa Tạng có cầm cây Tích Trượng bằng vàng. Ngài xuống địa ngục cầm cây tích trượng đó động tan cửa địa ngục cứu ngàn sinh linh đang bị nhốt trong đó. Thật ra Bồ Tát Địa Tạng có làm việc đó không? Nếu Ngài làm như vậy là Ngài phá Luật Nhân Quả của Đạo Phật rồi.

Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn

Cũng là câu kinh đó nhưng nếu được hiểu theo Liễu Nghĩa hay còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn thì rất hợp lý:

- Địa ngục không phải là cái ngục trong lòng đất để nhốt tội nhân.

- Địa ngục là cái ngục trong tâm chúng sanh.

- Động tan cửa ngục là dùng cây tích trượng để phá tan cái ngục trong tâm chúng sanh.

Bài này sẽ nghiên cứu Kinh A Di Đà theo Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn

Đức Phật A Di Đà ở khắp 10

phương pháp giới

Đức Phật A Di Đà ở khắp cả Mười Phương Pháp Giới chứ không riêng gì ở Phương Tây. Kinh A Di Đà dạy rằng Đức Phật A Di Đà hiệu là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ:

“Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật đó vì sao hiệu là A Di Đà?”

“Xá Lợi Phất! Đức Phật đó hào quang sáng chói vô lượng, soi sáng các nước trong mười phương không bị chướng ngại, vì thế nên hiệu là A Di Đà.

“Xá Lợi Phất! Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nên hiệu là A Di Đà.”

Về phương diện không gian Đức Phật A Di Đà là một Đức Phật có Vô Lượng Quang nghĩa là ánh sáng của Ngài chiếu khắp cả Mười Phương trong không gian. Như vậy chúng ta Ngài có mặt khắp cả Mười Phương chứ không riêng về ở phương Tây.

Về phương diện thời gian Đức Phật A Di Đà sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp nghĩa là Ngài có mặt trong cả ba thời: quá khứ, hiện tại và vị lai.

Một Đức Phật ở trùm khắp trong không gian và thời gian là Pháp Thân Phật (Dharmakaya). Để hiểu rõ hơn về Pháp Thân Phật ta hãy nghiên cứu về giáo lý Tam Thân Phật.

Từ trước đến nay khi học về Pháp Môn Tịnh Độ chúng ta được biết rằng:

- Đức Phật A Di Đà là vị Phật hiện ở Tây Phương Cực Lạc.

- Cõi Tịnh Độ hay là cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà cũng ở Phương Tây, cách đây đến mười muôn ức cõi Phật.

Niềm tin đó của Phật Tử không sai vì đã được nói trong Kinh A Di Đà và đã được Tổ Tổ tương truyền từ đời trước đến đời sau. Tuy nhiên hiểu Kinh A Di Đà như thế là hiểu theo Phổ Vị Thế Giới Tất Đàn.

Khi học Kinh Đại Thừa chúng ta phải nắm vững hai phương pháp “Tất Đàn.” Chữ Tất Đàn có nghĩa là Thành Tựu. Hai phương pháp thành tựu đó là Phổ Vị Thế Giới Tất Đàn và Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

Phổ Vị Thế Giới Tất Đàn

Là một phương pháp giảng kinh mà Đức Phật dùng phương tiện để nói cho đại chúng dễ nghe, dễ hiểu. Nói một cách khác cách giảng kinh như vậy còn gọi là Kinh Bất Liễu Nghĩa.

Thí dụ Kinh Địa Tạng có câu:

Thầy Pasanno Phổ Kiên dạy lớp Phật Học Căn Bản mỗi tối thứ Bảy cách tuần, tại Chùa Liên Hoa, 9561 Bixby Ave., Garden Grove, CA 92841.

Tam Thân Phật

Nhắc lại khái niệm về Tam Thân Phật. Mỗi vị Phật đều có ba thân:

Ứng Thân Phật: còn gọi là (Hóa Thân Phật): là một vị Phật Lịch Sử, Ngài ứng hiện ra ở một quốc độ nào để hóa độ chúng sanh trong quốc độ đó. Thí dụ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ứng hiện ở cõi Ta Bà để dạy chúng sinh trong cõi nước đó.

Báo Thân Phật: do công đức tu hành nhiều kiếp Ngài có một Báo Thân trang nghiêm đẹp đẽ. Thí dụ Báo Thân của Đức Bổn Sư Thích Ca có 32 tướng tốt.

Pháp Thân Phật: Pháp Thân Phật có mặt từ vô thủy vô chung. Pháp Thân không hình không tướng nên không sanh không diệt.

Ở đây cần mở ngoặc để nói thêm chúng sanh cũng có ba thân.

Ứng thân của chúng sanh: có sanh có diệt.

Báo Thân: có nam, có nữ, có xấu có đẹp.

Pháp Thân: Kinh A Di Đà nói rõ, Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp.

Nhân dân của Ngài là ai? Nhân dân của Ngài là tất cả Phật Tử.

Rõ ràng Đức Phật A Di Đà là Pháp Thân Phật và Ngài ở trùm khắp cả Mười Phương Pháp Giới chứ không riêng gì ở phương Tây.

Trong quyển Kinh Pháp Hoa do Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản năm 2002 có phần Nghi Thức Sám Hối trước khi tụng Kinh Pháp Hoa, khi tụng những câu kinh sau đây chúng ta thấy rõ Đức Phật A Di Đà ở cùng khắp Pháp Giới:

Chí tâm dành lễ

Thường tịch quang Tịnh Độ!

A Di Đà Như Lai

Pháp Thân mâu thanh tịnh

Khắp Pháp giới chư Phật.

Chí tâm dành lễ

Thật báo trang nghiêm độ

A Di Đà Như Lai,

Thân tướng hải vi trần

Khắp pháp giới chư Phật.

Chí tâm dành lễ

Phương tiện thánh cư độ,

A Di Đà Như Lai

Thân trang nghiêm giải thoát

Khắp pháp giới chư Phật.

Ngay trong kinh A Di Đà Đức Phật cũng đã giới thiệu các Pháp Thân Phật ở cùng khắp Pháp Giới. Ngài dùng phương tiện mà đặt những danh hiệu Phật

khác nhau nhưng cùng chung Pháp Thân A Di Đà Phật. Chúng ta hãy đọc:

“Xá Lợi Phất! Như ta hôm nay ngợi khen công đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà:

“Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật...

“Phương Nam có Nhật Nguyệt Đăng Phật...

“Phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật...

“Phương Bắc có Diệm Kiên Phật...

“Phương Dưới có Sư Tử Phật...

“Phương Trên có Phạm Âm Phật...

Ngang đây người học Phật cần hiểu rằng khi Đức Phật phương tiện phân chia Mười Phương thế giới, mỗi phương có một vị Phật khác nhau nhưng đó cũng chỉ là do “Công Đức không thể nghĩ bàn của Đức Phật A Di Đà.” Tất cả đều là Pháp Thân Phật. Tất cả đều là Đức Phật A Di Đà hóa hiện ra mà thôi.

Để dễ hiểu chúng ta hãy quán sát các dòng sông ở ba miền của đất nước Việt Nam. Khi một dòng sông còn ở trong đất liền thì ta còn phân biệt:

Miền Bắc có sông Hồng Hà, nên nước con sông này được gọi là nước của sông Hồng Hà.

Miền Trung có sông Hương, nên nước con sông này được gọi là nước của sông Hương.

Miền Nam có sông Cửu Long, nên nước con sông này được gọi là nước của sông Cửu Long.

Nhưng khi nước của ba con sông đó đổ về biển cả rồi thì không còn phân biệt nước nào là nước của sông Cửu Long, nước nào là nước của sông Hương, nước nào là nước của sông Hồng Hà. Tất cả đều là nước biển Thái Bình Dương.

Tóm lại, theo Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, Đức Phật A Di Đà là Pháp Thân Phật, Ngài ở khắp tất cả Mười Phương chớ không riêng gì ở Phương Tây.

Quan niệm về Tịnh Độ của các tổ tiên phái Trúc Lâm Yên Tử đời nhà Trần

Vua Trần Nhân Tôn người sáng lập ra thiên phái Trúc Lâm Yên Tử, thế kỷ thứ 13, trong bài Cư Trần Lạc Đạo phú Ngài viết:

“Tịnh độ là lòng trong sạch,

Chớ còn ngờ hỏi đến Tây Phương;

Di Đà là tính sáng soi,

Mựa phải nhọc tìm về Cực Lạc.”

Tuệ Trung Thượng Sĩ, thầy của vua Trần Nhân Tôn và là anh của Đại Tướng Trần Hưng Đạo, đã từng nói:



*“Di Đà vốn thật Pháp Thân Ta,
Nam Bắc Đông Tây khắp chói lòa,
Trăng thu ngự giữa trời cao rộng,
Đêm lặng trùng dương rạng chiếu xa.”*

Cái hay của bài thơ này, Tuệ Trung Thượng Sĩ xác nhận Đức Phật A Di Đà là Pháp Thân Phật mà cũng chính là Pháp Thân Ta. Vì sao? Vì Đức Phật đã từng nói trong Kinh A Di Đà:

“Đức Phật đó và nhân dân của Ngài sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp.”

Nhân dân của Ngài là ai nếu không phải là các Phật Tử. Vậy thì các Phật Tử cũng đều có Pháp Thân Phật trong Tâm mình.

Trong Pháp Môn Tịnh Độ có câu: “Tự Tánh Di Đà, Duy Tâm Tịnh Độ.”

Như vậy Đức Phật A Di Đà ở đâu nếu chẳng phải là ở trong Tự Tánh của mỗi người chúng ta. Cảnh Giới Tịnh Độ ở đâu nếu không phải là ở trong Tâm của tất cả chúng sanh.

Chùa Quán Sứ ở Hà Nội có hai câu đối:

*Phật hiệu Di Đà pháp giới
tàng thân tùy xứ hiện,
Quốc danh Cực Lạc tịch quang
chọn cảnh cá trung huyền.”*

Đức Phật danh hiệu là A Di Đà Ngài ẩn tàng trong mười pháp giới, và chỉ hiện ra tùy xứ, xứ nào Thanh Tịnh thì Ngài hiện ra. (Tự Tánh Di Đà)

Nước của Ngài tên là Cực Lạc chỉ hiện ra ở nơi nào có ánh sáng Tịch Tĩnh. Mà cảnh đó có ở đâu? Ở trong sự huyền nhiệm của Tâm chúng sanh. (Duy Tâm Tịnh Độ)

Hai cảnh giới Cực Lạc

Tây Phương Cực Lạc

Trong Kinh A Di Đà Đức Phật có giới thiệu cảnh Cực Lạc ở Tây Phương:

“Bấy giờ Đức Phật bảo Ngài Trưởng Lão Xá Lợi Phất: Từ đây qua phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc. Trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là A Di Đà hiện nay đang thuyết pháp.”

Cảnh Tây Phương Cực Lạc được Đức Phật mô tả như sau:

“Xá Lợi Phất! Cõi đó vì sao tên là Cực Lạc? Vì chúng sanh trong cõi đó không bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui nên nước đó tên là Cực Lạc.”

Tóm lại cõi Tây Phương Cực Lạc là:

Cõi Cực Lạc ở rất xa. “Từ đây qua Phương Tây quá mười muôn ức cõi Phật có thể giới tên là Cực Lạc.”

Cõi Cực Lạc chỉ đạt được sau khi ta chết đi.

Cõi Cực Lạc chỉ đạt được khi ta niệm “từ một đến mười niệm” lúc lâm chung thì sẽ có Đức Phật A Di Đà cùng hàng Thánh Chúng hiện thân đến rước.

Hiện Pháp Lạc Trú

Tuy nhiên nếu đọc Kinh A Di Đà với nhãn quan Đệ Nhất Nghĩa Tất Đản ta sẽ thấy Đức Phật chỉ ra một cõi Cực Lạc ngay tại Ta Bà, ngay bây giờ và ở đây. Đó là Hiện Pháp Lạc Trú.

Giáo Pháp sống An Lạc trong giờ phút hiện tại gọi là Hiện Pháp Lạc Trú. Hiện Pháp Lạc Trú tiếng Phạn là Ditthadhamma sukhavihari.

Hiện Pháp Lạc Trú là Giáo Pháp căn bản mà Đức Phật đã truyền dạy cho Tăng Đoàn thời Nguyên Thủy. Trong Kinh nhật tụng của Phật Tử Phật Giáo Nguyên Thủy các Phật tử luôn nhắc đến “Bảy Đặc Tính của Ân Đức Pháp Bảo” (Dhamma Guna). Một trong bảy đặc tính đó là Akaliko. Akaliko là pháp độ cho đặc quả không chờ ngày giờ, là khi nào đặc đạo thì đặc quả không chậm trễ. Akaliko là phi thời gian hay độc lập với khái niệm thời gian. Đó là cái Đang Là, cái Bây Giờ, không phải là cái Đã Là hay Sẽ Là, hay là cái cầu nguyện van vái trong tương lai sẽ đến sau khi mình đã chết.

Hiện Pháp Lạc Trú là Hạnh Phúc Ngay Bây Giờ Và Ở Đây. Khi ngồi thiền, hành giả đừng để Tâm chạy về quá khứ hay giống ruồi tới tương lai, hãy để Tâm an trú trong giờ phút hiện tại.

Trong Kinh Người Biết Sống Một Mình, Đức Phật dạy ta phải biết sống trong Chánh Niệm, nghĩa là phải luôn luôn an trú trong hiện tại Ngay Bây Giờ và Ở Đây, đừng tìm về quá khứ, cũng đừng tưởng tới tương lai. Kinh văn:

*Đừng tìm về quá khứ
Đừng tưởng tới tương lai
Quá khứ đã không còn
Tương lai thì chưa tới
Hãy quán chiếu sự sống
Trong giờ phút hiện tại*

Chúng ta còn tìm thấy Giáo Pháp Hiện Pháp Lạc Trú trong Các Kinh Bộ (Nikaya) của Phật Giáo Nguyên Thủy và ngay cả trong Kinh A Hàm của Phật Giáo phát triển.

Các Phật tử Phật Giáo Nguyên Thủy nào cũng biết đến ba bài Kinh Đức Phật dạy Hiện Pháp Lạc Trú. Hiện Pháp là những gì xảy ra ngay bây giờ và ở đây; Lạc là hạnh phúc; Trú là ở, là An Trú, là Sống. Đó là các bài Kinh sau đây do Trưởng Lão Thích Minh Châu, Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh, dịch Việt:



1) Kinh Tương Ưng Bộ tập 1, Phẩm Cây Lau, Kinh Rừng Núi số 10:

*Không tham việc đã qua,
Không mong việc sắp tới.
Sống ngay với hiện tại.
Do vậy sắc thù diệu.
Do mong việc sắp tới,
Do than việc đã qua,
Nên kẻ ngu héo mòn,
Như lau xanh lia cành.*

2) Kinh Trung Bộ tập 3, Kinh Nhất Dạ Hiền Giả

*Quá khứ không truy tìm,
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai chưa đến,
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính là đây.,
Không động không rung
chuyển*

*Biết vậy nên tu tập,
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thân chết.
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi
Xứng gọi nhất dạ hiền,
Bậc an tịnh trầm lặng.*

3) Kinh Người Biết Sống Một Mình, thuộc Trung Bộ Kinh:

*Đừng tìm về quá khứ,
Đừng tưởng tới tương lai,
Quá khứ đã không còn,
Tương lai thì chưa tới,
Hãy quán chiếu sự sống,
Trong giờ phút hiện tại,
Kẻ thức giả an trú,
Vững chãi và thanh thoi.
Phải tinh tiến hôm nay,
Kèo ngày mai không kịp,
Cái chết đến bất ngờ,
Không thể nào mặc cả.
Người nào biết an trú
Đêm ngày trong chánh niệm,
Thì Mâu Ni gọi là,
Người biết sống một mình.*

Cảnh giới Cực Lạc Đức Phật mô tả trong Kinh A Di Đà cũng tương tự như cảnh giới hiện có ở cõi Ta Bà:

“Xá Lợi Phất!

“Lại trong cõi Cực Lạc có bảy tầng bao lơn, bảy tầng màn lưới, bảy tầng hàng cây... có ao bằng bảy chất báu, trong ao có hoa sen...

“Lại trong cõi nước của Đức Phật đó thường trở nhạc trời...

“Chúng sanh trong cõi đó sáng sớm thường mang hoa tốt cúng dường mười muôn ức Đức Phật ở phương khác, đến giờ ăn liền trở về bản quốc, ăn cơm xong đi kinh hành...”

Phàm Thánh đồng cư độ

Kinh A Di Đà Đức Phật nói:

“Xá Lợi Phất! Chúng sanh nào nghe những điều lợi ích trên đây nên phát nguyện sanh về cõi nước đó. Vì sao? Vì được câu hội một chỗ với các bậc thượng thiện nhơn.”

Các bậc thượng thiện nhơn là các bậc Thánh 聖. Thánh là người làm chủ được Tai và Miệng của mình. Tai không nghe dâm thanh, miệng không nói dối, không nói lưỡi hai chiều không nói lời ác khẩu.

Qua những điều diễn tả trên rõ ràng ta có thể tạo dựng cảnh Cực Lạc ngay trong cõi Ta Bà.

Đức Phật hiện Tịnh Độ ngay trong cõi Ta Bà

Đức Phật đã từng dạy Bồ Tát Bảo Tích trong Kinh Duy Ma Cát, Phẩm Phật Quốc:

“Bồ Tát nếu muốn được cõi Phật thanh tịnh, nên làm cho tâm thanh tịnh; tùy chỗ Tâm thanh tịnh mà cõi Phật được thanh tịnh.

“Lúc ấy, ông Xá Lợi Phất nương oai thần của Phật mà nghĩ rằng, Nếu tâm Bồ Tát thanh tịnh chắc cõi Phật phải được thanh tịnh, vậy Thế Tôn ta khi trước làm Bồ Tát tâm ý lẽ nào không thanh tịnh, sao cõi Phật này không thanh tịnh như thế?

“Phật biết ông suy nghĩ vậy liền bảo rằng :

“Ý ông nghĩ sao? Mặt trời, mặt trăng há không thanh tịnh sáng suốt ư, sao người mù không thấy ?

“Bạch Thế Tôn ! Chẳng phải thế. Đó là tại người mù, không phải lỗi ở mặt trời và mặt trăng.

“Xá Lợi Phất ! Cũng thế, bởi chúng sanh do tội chướng nên không thấy được cõi nước của Như Lai thanh tịnh trang nghiêm, chớ

không phải lỗi ở Như Lai.

“Này Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta đây vẫn thanh tịnh mà tại ông không thấy đó thôi.

“Bấy giờ ông Loa Kế Phạm Vương thưa với ông Xá Lợi Phất rằng, Ngài chớ nghĩ như thế, mà cho cõi Phật đây là không thanh tịnh. Vì sao ? Vì tôi thấy cõi nước của Phật Thích Ca Mâu Ni thanh tịnh, ví như cung trời Tự Tại.

“Ông Xá Lợi Phất nói, Sao tôi thấy cõi này toàn gò nong, hầm hố, chông gai, sỏi sạn, đất đá, núi non, nhơ nhớp dầy dầy như thế?

“Ông Loa Kế Phạm Vương thưa rằng, Đấy là do tâm của Ngài có cao thấp không nương theo trí tuệ của Phật



nên thấy cõi này không thanh tịnh đó thôi. Thưa Ngài Xá Lợi Phất! Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh thấy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh y theo trí tuệ của Phật thì mới thấy được cõi Phật này thanh tịnh.

“Khi ấy Phật lấy ngón chơn nhấn xuống đất, tức thì cõi Tam thiên đại thiên thế giới liền hiện ra bao nhiêu trăm nghìn thứ trân bảo trang nghiêm rực rỡ, như cõi Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả Đại chúng ngợi khen chưa từng có và đều thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

“Phật bảo Xá Lợi Phất, Ông hãy xem cõi Phật, đây trang nghiêm thanh tịnh.

“Ông Xá Lợi Phất thưa, Dạ, bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe. Nay cõi nước của Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

“Phật bảo, Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế! Nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như Chư Thiên đồng dùng một thứ bát bằng ngọc báu để ăn, nhưng tùy phước đức của mỗi vị mà sắc cơm có khác. Như thế, Xá Lợi Phất! Nếu tâm người thanh tịnh, sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

“Trong khi Phật hiện ra cõi nước trang nghiêm thanh tịnh, 500 vị Trưởng giả tử do ông Bảo Tích dắt đến đều chứng được vô sanh Pháp nhãn, tám vạn bốn nghìn người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

“Bấy giờ Phật thân nhiếp thần túc lại, cõi nước trở thành như xưa. Ba vạn hai nghìn người và Trời cầu Thanh văn thừa đều nhận rõ các Pháp hữu vi là vô thường, xa lìa trần cấu dặng pháp nhãn thanh tịnh, tám nghìn vị Tỳ kheo không còn chấp thọ các pháp, kiết lậu đã hết, tâm ý được giải thoát.”

Trong đoạn Kinh Duy Ma Cật trên đây Đức Phật dùng thân thông biến cõi Ta Bà thành cõi Tịnh Độ. Nói là dùng thân thông (Đức Phật dùng chân ấn xuống đất) nhưng thật ra Đức Phật ấn Tâm của chúng sanh hay nói cách khác là Đức Phật truyền Tâm Ấn. Đất đây là đất Tâm. Đức Phật có dạy bài Kinh Tâm Địa Quán như sau:

“Thiện nam, trong ba cõi lấy Tâm làm chủ. Người quán được tâm, thì được giải thoát rất ráo; người không quán được tâm, thì ở mãi trong nẻo trôi buộ

chìm đắm. Tâm của chúng sinh cũng như đại địa. Mọi thứ thóc lúa hoa quả đều từ đại địa sinh ra. Như vậy tâm pháp sinh ra thiện ác thế gian và xuất thế gian năm cõi, các bậc Hữu học, bậc Vô học, bậc Độc giác, bậc Bồ tát, cũng như đối với chư Như Lai. Do nhân duyên ấy, nên ba cõi do tâm, Tâm được gọi là Địa. Tất cả phạm phu thân cận bạn lành, nghe pháp tâm địa, như lý quán sát, theo như lời nói tu hành, hoặc tự mình làm, hoặc dạy người làm, khen ngợi khuyến gắng, đón mừng, an ủi, những người như thế, sẽ dứt được ba chướng, mau trọn muôn hạnh và chóng được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Như vậy Tâm làm chủ tất cả do đó có câu “Vạn pháp do Tâm tạo.” Tâm tạo Thiên Đàng, Tâm tạo địa ngục. Tâm tạo Ngạ quỷ, súc sanh. Tâm tạo Thanh văn, duyên giác Bồ Tát và Phật.

Vì vậy cảnh giới Cực Lạc cũng ngay trong cõi Ta Bà này sanh ra. Đức Phật dạy rõ ràng:

Tùy kỳ Tâm tịnh tức Phật độ Tịnh

Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ Tâm.

Như vậy chúng ta có thể tạo dựng Tịnh Độ ngay trong cõi Ta Bà này, kinh Phật gọi là Hiện Pháp Lạc Trú. Tịnh Độ ngay bây giờ và ở đây. Chúng ta có thể tạo dựng Cõi Cực Lạc và đi vào Cõi Cực Lạc ngay lúc ta còn sống. Đức Phật dạy chỉ có người sống mới tạo dựng cõi Cực Lạc được chứ chết rồi làm sao tạo dựng cõi Cực Lạc!

Kết luận

Tóm lại khi học Pháp Môn Tịnh Độ, hay bất cứ một pháp môn Đại Thừa nào chúng ta cũng phải nắm vững hai phương pháp Tất Đản, đó là Phổ Vị Thế Giới Tất Đản và Đệ Nhất Nghĩa Tất Đản.

Kinh Tịnh Độ hiểu theo Phổ Vị Thế Giới Tất Đản: Đức Phật A Di Đà là vị Phật hiện ở Tây Phương Cực Lạc.

Cõi Tịnh Độ hay là cõi nước Cực Lạc của Đức Phật A Di Đà cũng ở Phương Tây, cách đây đến mười muôn ức cõi Phật.

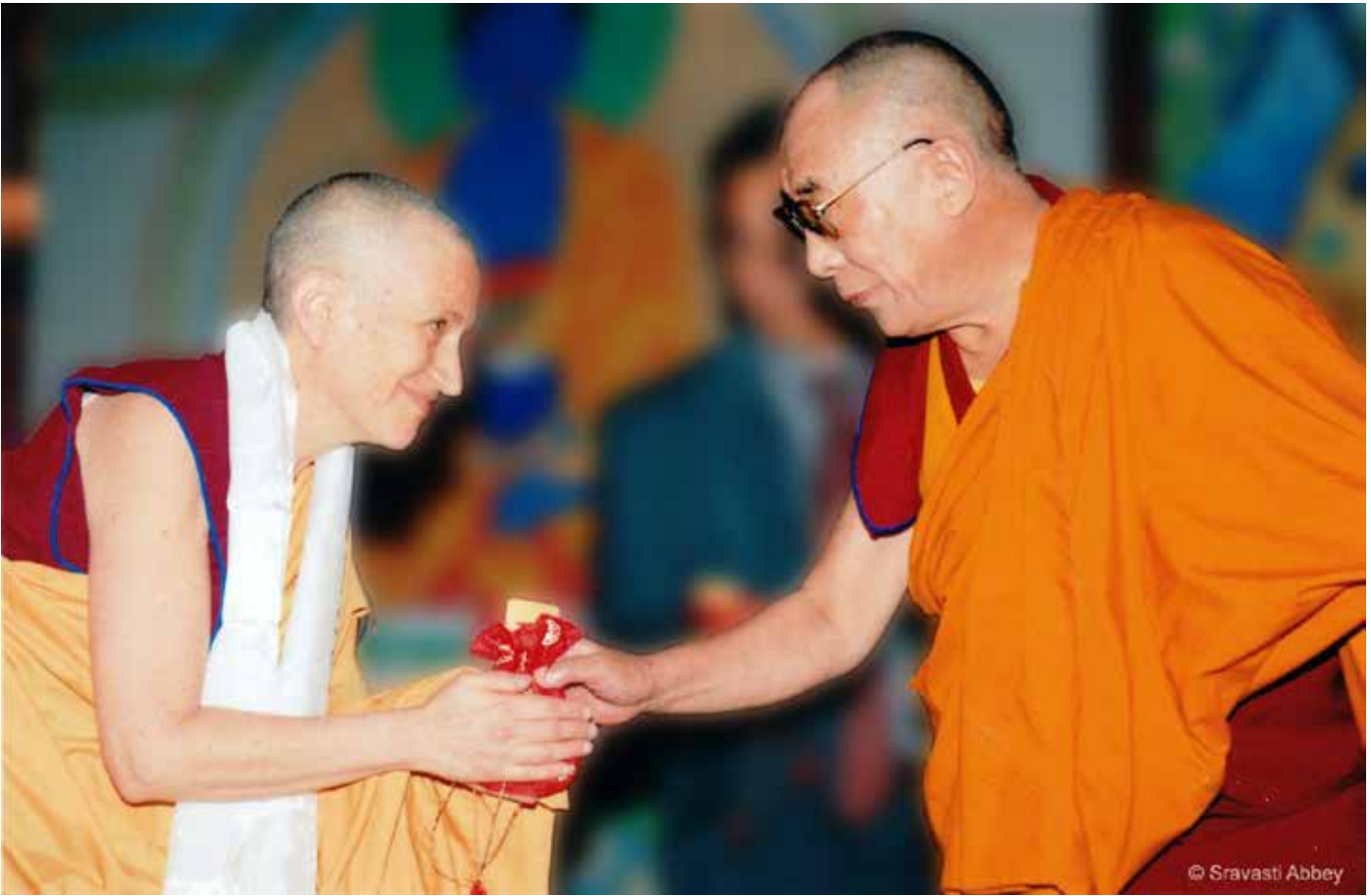
Theo Đệ Nhất Nghĩa Tất Đản:

Đức Phật A Di Đà là Pháp Thân Phật (Dharmakaya).

Hiện pháp lạc trú: Ta có thể tạo dựng Cõi Cực Lạc ngay bây giờ và tại đây.

Cõi Cực Lạc ở khắp 10 phương Pháp Giới chứ không riêng gì ở Phương Tây. ♦





Pháp môn niệm Phật dưới cách giảng của một vị Thầy Tây Phương

Bài VIÊN KHÁNH

Ni Trưởng Thubten Chodron chào đời tại Chicago năm 1950 với thế danh Cheryl Greene, lớn lên tại Los Angeles. Sư Bà đã tốt nghiệp bằng Cử Nhân môn Lịch Sử tại trường University of California tại Los Angeles năm 1971. Sau một năm rưỡi du hành ở Âu Châu, Bắc Phi và Á Châu, Sư được cấp chứng chỉ dạy học tại trường University of Southern California.

Năm 1975, Sư Thubten Chodron dự một khóa thiền của Thầy Lama Yeshe và Thầy Kyabje Lama Zopa Rinpoche, và sau đó quyết định đi tu tại Thiền Viện Kopan ở Nepal. Năm 1977, Sư thọ giới Sa Di với ngài Kyabje Ling Rinpoche, và đến năm 1986 Sư thọ

giới Tỳ Kheo Ni tại Đài Loan, nơi mà kiến thức Phật học của Sư Bà được vun bồi với truyền thống Tịnh Độ.

Trong nhiều năm tại Ấn Độ và Nepal, Sư Bà đã tu học theo truyền thống Phật Giáo Tây Tạng dưới sự hướng dẫn của Ngài Đạt Lai Lạt Ma và các Thầy Tây Tạng như Tsenzhap Serkong Rinpoche và Kyabje Lama Zopa Rinpoche. Sư đã học tập và giảng dạy tại Viện Lama Tzong Khapa Institute ở Ý hai năm, Dorje Pamo Monastery ở Pháp, và là giảng sư thường trực chuyên về pháp môn Tịnh Độ tại Amitabha Buddhist Center ở Singapore. Trong mười năm, Sư Bà là giảng sư thường trực Phật Pháp tại Dharma Friendship Foundation (Viện Đạo Hữu Phật Pháp) ở Seattle.

Trong hơn ba thập niên Ni Trưởng Thubten Chodron đã tham gia nhiều sinh hoạt tôn giáo, kể cả hướng dẫn viên của một phái đoàn Do Thái Giáo đến viếng Đức Đạt Lai Lạt Ma tại Dharamsala, Ấn Độ, hỗ

Sư Bà Thubten Chodron và Đức Đạt Lai Lạt Ma trong hình trên của Sravasti Abbey (Tu Viện Xá Vệ).

trợ Ngài Đạt Lai Lạt Ma trong những cuộc thảo luận với các khoa học gia Hoa Kỳ.

Vào năm 2003, Sư Bà thành lập Sravasti Abbey (Tu Viện Xá Vệ), nằm về phía bắc thành phố Spokane, tiểu bang Washington. Đây là tu viện đào tạo ni và tăng duy nhất theo truyền thống Tây Tạng tại Hoa Kỳ. Sư Bà còn viếng thăm các nhà tù và có những buổi giảng thường xuyên cho các tù nhân.

Sư Bà Thubten Chodron luôn chú trọng đến việc thực hành Phật Pháp trong đời sống thường ngày, và nổi tiếng có khả năng giải thích kinh điển với ngôn ngữ rất dễ hiểu, khôi hài cho người Tây Phương muốn biết về đạo Phật.

Sư Bà đã viết rất nhiều sách và cùng với Ngài Đạt Lai Lạt Ma soạn thảo cuốn sách nổi tiếng “Phật Giáo: Một Thầy, Nhiều Truyền Thống.”

Dưới đây là trích đoạn từ nhiều buổi giảng về pháp môn Tịnh Độ, được Sư Bà trình bày với các học viên thuộc các thành phần khác nhau trong khóa tu mùa đông Amitabha Retreat 2017-2018 tại tu viện Sravasti Abbey (sravasti.org).

*

Amitabha (Phật A Di Đà) có nghĩa là ánh sáng vô tận, hay vô lượng quang. Và Amitayus, một khía cạnh của Amitabha có nghĩa là đời sống vô tận, hay vô lượng thọ.

Tôi nhận thấy rằng mỗi khi niệm “Amitabha,” niệm thật nhiều lần và sự việc nghĩ đến ý nghĩa của “vô lượng quang” giúp cho tôi cảm thấy rất phấn khởi, nhất là trong những ngày tôi cảm thấy mỗi mệt. Tôi cần có chút ánh sáng trong đời mình khi cảm thấy cuộc sống quá nặng nề và chán nản, và tôi chợt nhớ ra rằng, “Mình có thể niệm danh hiệu Amitabha, nghĩ đến vô lượng quang.” Đó cũng là một cách suy nghĩ rất tốt, vì khi chúng ta niệm Amitabha, nó nhắc nhở chúng ta hãy nghĩ đến ánh sáng từ Đức Phật Amitabha đến với chúng ta.

Bạn có thể nghĩ ánh sáng đó là ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng của lòng từ bi, chỉ ánh sáng đó thôi cũng làm cho tâm của chúng ta được yên ổn, bất kể ánh sáng đó có ý nghĩa gì đối với bạn.

Về câu “Con xin cúi đầu đánh lễ,” bạn cúi đầu bằng thân mình, bằng lời nói, và bằng cái tâm. Khi nói thì chúng ta cúi đầu lạy và nói lớn. Trong tâm thì chúng ta phát triển lòng kính cẩn và trân quý đối với Phật, và hãy tưởng tượng tất cả các chúng sanh ở chung quanh ta cũng đang cúi đầu đánh lễ.

Bất kể những gì bạn muốn cúng dường: mandala, tám điều dâng hiến, tất cả những gì mà

bạn nghĩ là tốt đẹp, và bạn hãy đưa lên hết lên bầu trời, làm cho bầu trời được tràn đầy với sự cúng dường đó.

Chúng ta đến với Phật Amitabha để được ngài hướng dẫn về tâm linh. Chúng ta thường được gọi là đối tượng quy ẩn, nương tựa vào Phật để được che chở. Tất cả các Phật đều che chở chúng ta bằng cách dạy cho chúng ta biết về Phật Pháp. Vì Phật Pháp mới chính là sự che chở thật sự cho chúng ta.

Khi chúng ta thật sự khẩn nguyện đến Phật Amitabha, xin ngài hãy giúp cho chúng ta được phấn khởi lên, hoặc được “ban ơn lành,” mà “ban ơn lành” nghĩa là như thế nào thì tôi không biết, thì chúng ta thật sự nói chuyện với chính mình. Ước nguyện cho tâm của mình được phấn chấn với niềm tin.

Đây là công việc cần sự hợp tác giữa chư Phật với chúng ta, để tâm của chúng ta được chuyển hóa. Với làn sóng của đức hạnh của các Phật kết hợp với sự tu hành chân thành của chúng ta, thì tâm của chúng ta sẽ được cảm hứng hoặc được ban phước lành. Từ phía chư Phật, các ngài luôn luôn cho chúng ta sự hưng phấn. Khi chúng ta ước nguyện thì chúng ta tự nói hai điều với chính mình. Một, là hãy tỉnh ngộ và nhận ra rằng Đức Phật đang gọi đến chúng ta những hành động khuyến khích này. Và hai, là chúng ta phải thực hiện phần của mình, bằng việc tu hành hầu giúp cho công việc của Phật được dễ dàng hơn khi Phật cần làm cho tâm của chúng ta được phấn khởi lên.

Chỉ cầu nguyện được phấn khởi và được ban ơn thì chúng ta sẽ không bao giờ trở thành Phật. Chúng ta phải hành động.

Chúng ta niệm Phật với hình thức tưởng tượng hình ảnh ở phía trước, thành thử Phật Amitabha ở phía trước và trên đầu của chúng ta. Khi chúng ta đánh lễ thì ngài ở phía trước. Ngài ở bên trên đầu của chúng ta.

Nói một cách khác, chúng ta cần bày tỏ sự kính cẩn và trân trọng đối với Phật Amitabha. Chứ chúng ta không thể nói như là, “Okay, bữa nay tôi sẽ niệm Phật...” rồi thôi. Chúng ta phải đến với Phật với một cảm giác gì đó trong tâm mình. Bởi vì chính chúng ta là người tạo ra mối liên hệ với Phật Amitabha. Chúng ta phải đến với tám lòng chân thành...

Phật Amitabha ngự ở trên đầu vương miện của chúng ta. (Người Mỹ có chữ “crown head” chỉ phần phía sau đầu và ở ngay dưới đỉnh đầu, có lẽ người Việt nôm na gọi là “sọ khi” hay “gáo dừa”.) Chúng ta hãy nghĩ rằng Amitabha là sự thể hiện và có cùng chân tánh như vị thầy tâm linh nguyên thủy của chúng ta. Thành thử khi chúng ta tiếp nhận Phật Amitabha



(Photo: Phil Borges)

thì chúng ta cũng tiếp nhận vị thầy tâm linh, và chính vị thầy đó trao cho chúng ta năng lực cần thiết trong việc tu hành này. Nếu các bạn đã tu học với nhiều vị thầy lama thì hãy chọn một vị thầy nào đó là thầy nguyên thủy của mình. Nhưng thật ra tất cả các vị thầy đều có cùng một chân tánh như Phật Amitabha.

Chúng ta phải hết sức chú tâm để quán chiếu. Nếu muốn, chúng ta có thể dừng lại và hành thiền thanh thân, phát triển sự an lạc với hình ảnh Phật Amitabha ở đầu vương miện của chúng ta. Nếu bạn cảm thấy muốn để Phật Amitabha ở phía trước mặt khi hành thiền, thì tôi nghĩ rằng Phật Amitabha cũng không ngại di chuyển từ phía sau đầu đến phía trước mặt, hay trở về phía sau ở vương miện của bạn đâu. Thế nhưng ngài sẽ không chạy tới chạy lui trong lúc quý vị đang hành thiền thanh thân.

Khi ngài ở trên đầu của chúng ta, thì đây là lúc rất tốt để chúng ta dừng lại và quán tưởng, và nhớ rằng chúng ta đang nghĩ đến Phật Amitabha và những đức hạnh của ngài, vì điều đó sẽ giúp cho sự niệm Phật của chúng ta được mạnh mẽ hơn.

Có những người cảm thấy khó khăn khi vừa quán tưởng đến Phật Amitabha, vừa nghĩ đến những đức hạnh của ngài, lại vừa niệm Phật trong cùng một lúc. Làm như vậy quả thật là khó khăn, vì nó đòi hỏi ba tiến trình khác nhau.

Tôi nghĩ là không sao hết khi bạn dành thời giờ yên lặng để suy ngẫm về những đức hạnh của Phật Amitabha và làm sao mình có thể có được những đức hạnh đó. Làm như vậy sẽ giúp chúng ta nghĩ đến những đức hạnh được truyền từ Phật Amitabha đến chúng ta qua hình thức ánh sáng và cam lồ. Hoặc là bạn có thể đi hẳn vào quán tưởng, nghĩ rằng ánh sáng và cam lồ đang được truyền xuống chúng ta, nghĩ đến những đức tính khác nhau của ngài Amitabha, mà cũng chính là những đức tính của Phật.

Khi bạn niệm Phật đếm số thì bạn vừa đếm vừa niệm. Nếu bạn không thể nào chú tâm hết vào sự quán tưởng Phật Amitabha và niệm Phật cùng một lần, thì cũng đừng nên nổi khùng lên vì chuyện này. Tôi đã từng nghe những người đến với tôi và nói, “Tôi không thể nào làm được như vậy, khó quá, tôi phát điên lên.” Hãy thư giãn, không làm được thì cũng không sao hết. Cũng giống như khi bạn vào thang máy hay đến một văn phòng nào đó, bạn nghe có tiếng nhạc êm dịu vắng vắng mà vẫn có thể chú ý đến người đang đứng trước mặt mình.

Thật ra thì cái biết của chúng ta chuyển qua chuyển lại rất nhanh. Chúng ta cũng có thể làm

được như vậy, đúng không?

Một điều quan trọng là cực lạc Sukhavati và chính Phật Amitabha không phải tự nhiên mà có. Cực Lạc có là do nhân và duyên, mà nhân duyên là sự kết tụ những đức hạnh, trí tuệ, và những thệ nguyện không lay chuyển của Phật Amitabha khi ngài quyết tâm tạo cõi Tịnh Độ cho chúng sanh phàm phu đang có nhiều phiền não.

Cõi Tịnh Độ này thì cũng như mọi pháp khác, nó hiện hữu trong cái không của sự hiện hữu. Đây là điểm quan trọng, nếu không hiểu thì chúng ta cứ tưởng Phật Amitabha là một vị Thượng Đế và Tịnh Độ là một cõi thiên đường. Tất cả những thứ đó chỉ hiện hữu trong tâm thức ở mức độ quy ước nhưng chúng không có thực tánh. Vì những thứ đó là cái không của sự hiện hữu nên có thể được tạo ra và có sự hiện hữu (tánh không duyên khởi, chân không diệu hữu). Nếu mọi thứ có bản chất bất biến thì chúng không thể bị ảnh hưởng bởi những yếu tố khác. Đây là điều quan trọng mà chúng ta cần phải nhớ khi quán chiếu về Phật Amitabha và cõi Cực Lạc.

Phật Amitabha đã có rất nhiều thệ nguyện không thể lay chuyển, được kết hợp trong 48 lời thệ nguyện. Đến một lúc khác chúng ta sẽ nói về 48 lời thệ nguyện này. Nếu muốn tóm lược 48 thệ nguyện thành một thệ nguyện, thì đó là quyết tâm của Phật A Di Đà để tạo dựng cõi Tịnh Độ cho chúng sanh phàm phu.

Cõi tịnh độ thì có rất nhiều và khác nhau. Những gì tôi muốn giảng ở đây là cõi Tịnh Độ của Phật Amitabha. Mỗi khi nghe hai chữ “tịnh độ” thì quý vị đừng nên nghĩ chung chung về cõi đó, vì có rất nhiều loại tịnh độ khác nhau.



Sư Thubten Chodron thọ giới Tỳ Kheo Ni tại Đài Loan năm 1986. (Sravasti Abbey)

Có những cõi tịnh độ mà khi bạn tái sanh về cõi ấy thì bạn liền được giác ngộ rất nhanh. Tại cõi cực lạc Sukhavati thì không như vậy, vì khi đến đó thì bạn còn mang theo nghiệp chướng và vẫn phải tiếp tục tu hành một cách rất kiên trì. Cõi cực lạc đó không phải là nơi mà khi đến thì bạn sẽ có ngay một tấm vé để bước vào sự giác ngộ. Bạn vẫn phải vượt qua những chặng đường mà bất cứ hành giả nào cũng phải vượt qua, chứ không phải mình đến đó thì sẽ tránh được vài đoạn đường và được đi tắt cho mau hơn.

Nói một cách khác, Sukhavati là nơi bạn được một tấm vé giảm giá, bạn không phải hành trì quá cực nhọc, gian nan như những người khác, nhưng bạn vẫn phải tu tập để có được tất cả sự tỉnh thức của một Đức Phật toàn giác. Bạn vẫn phải thanh lọc hết những nghiệp chướng. Bạn vẫn phải tạo dựng tất cả những phẩm

chất của một đấng toàn giác. Điều làm cho cõi cực lạc Sukhavati có lợi thế hơn những cõi tịnh độ khác cho những hành giả như chúng ta, là nơi đó có một môi trường tốt, thuận lợi cho việc tu hành để được giác ngộ hoàn toàn.

Phật Amitabha đã dùng hết khả năng của ngài để tạo ra cõi Cực Lạc, một môi trường thuận lợi cho chúng ta tu hành, nhưng nơi đó không thể nào xóa hết nghiệp chướng của chúng ta.

Có những người nói rằng khả năng của Phật cũng mạnh ngang với nghiệp lực của chúng ta, hay còn mạnh hơn. Nếu điều đó đúng thì tất cả chúng ta đây đều đã được giác ngộ, vì chư Phật sẽ nhận thấy không có lý do gì mà để cho chúng ta tiếp tục bị đau khổ trong cõi Ta Bà.

Chư Phật đã được giải thoát để có thể mang lại lợi lạc cho chúng ta bằng những cách hữu ích nhất, nhưng chúng ta lại không muốn đón nhận. Và đó là vấn đề gây trở ngại. Chúng ta cần phải gia tăng khả năng tiếp nhận Phật Pháp, mà theo đó thì chúng ta phải bỏ đi rất nhiều thành kiến, những tập khí cũ - những thói quen về tình cảm, những thói quen về cách suy nghĩ - toàn thể cách nhìn của chúng ta về thế giới. Tất cả mọi thứ đều cần phải xem xét lại và thách đố chúng.

Không phải là chúng ta có được tánh Phật cất ở trong một góc của nhân cách của chúng ta, rồi tất cả những cá tính khác vẫn được giữ nguyên như vậy. Như thế nói “Tôi sẽ thay đổi một chút ít, tôi không còn bám giữ vào thế giới hiện hữu vì biết chúng không có thật, nhưng tôi vẫn có thể tức giận với tất cả những

ai mà tôi không ưa và những ai có ý kiến khác với tôi, và tôi vẫn thèm muốn những thứ gì đó, và tôi cảm thấy thương hại cho chính tôi vì tôi đã làm như vậy từ muôn kiếp trước.”

Không phải như vậy. Chúng ta cần phải thanh lọc hết mọi thứ. Ở cõi cực lạc Sukhavati thì nơi ấy thuận lợi cho người tu vì có môi trường rất đẹp. Không có ô nhiễm không khí, không có cháy rừng, không có lũ lụt, không động đất, ngoại trừ khi nào có người phát nguyện làm bồ tát thì mặt đất rung chuyển một chút.

Họ nói rằng ngài Nagarjuna (Long Thọ) đã tái sanh ở cõi Cực Lạc. Đó là một trong những lý do mà tôi muốn tái sanh về cõi ấy, để được tu tập trực tiếp với ngài Nagarjuna. Thân Phật Amitabha luôn tỏa sáng và tràn khắp mọi nơi. Toàn cõi Cực Lạc đều có ánh sáng của ngài. Bạn không phải lo lắng về mặt trời hay những thứ như vậy. Mặt đất trên ấy mềm, không làm bạn đau chân, té không đau. Tôi không nghĩ là người ta tái sanh về cõi đó để chơi đá banh, nhưng ở đó thì không có ai bị thương tích, đau đớn gì cả.

Rồi có những loài chim từ Phật Amitabha phát ra những giai điệu Phật Pháp giúp cho tâm của chúng ta được nhẹ nhàng, trong sáng. Cõi Cực Lạc có muôn vàn cảnh đẹp, hàng hàng lớp lớp những tòa sen thơm ngát, không ai bị dị ứng với hương sen, nên tôi không nghĩ bạn sẽ bị nhức đầu ở nơi ấy. Mỗi khi sen nở thì sen tỏa ra muôn ngàn tia sáng. Trên mỗi ngọn ánh sáng có một vị Phật đang giảng pháp tùy theo căn cơ của mỗi người, và mỗi chúng sanh đến đó đều được nghe pháp.

Ở cõi Sukhavati không có bệnh tật, nghèo đói,



Tu viện Sravasti Abbey nằm trên đồi cạnh rừng thông về phía bắc thành phố Spokane, địa chỉ 692 Country Lane, Newport, WA 99156. Điện thoại 509-447-5549. Ni Trưởng Thubsten Chodron từng đến đây với hai con mèo và thành lập tu viện vào năm 2003. Nay Thầy dành nhiều thời giờ để viết sách và tổ chức những khóa tu gọi là retreat. Trong hình là tòa nhà Ananda Hall chính của tu viện. (Sravastiabbey.org)

già, hay chết. Chúng ta chưa được giải thoát ở nơi đó, nhưng chúng ta sẽ không bị trở lại cõi ta bà. Mọi người đều xinh đẹp. Không có Hoa Hậu Vũ Trụ vì phụ nữ không trở thành đối tượng. Không có sách nhiễu tình dục. Ôi mừng quá. Mọi người đều có những phẩm chất tốt lành. Không có sai trái, không có ô uế, không có khổ đau. Ngay cả chữ “khổ đau” cũng không có ở cõi Sukhavati.

Một sự thuận lợi khác cho người tái sinh về cõi Cực Lạc của ngài Amitabha, là họ có thể từ nơi đó đi viếng thăm những cõi khác đang có Phật để tu học càng tinh tấn hơn. Bạn có thể đến những cõi Phật khác và cúng dường, học được những bài học do chư Phật thuyết giảng. Không có giới hạn cho những ai muốn đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác.

Có người đã hỏi, “Nếu tôi đang có mặt bên cạnh một người đang hấp hối, liệu tôi có thể ước nguyện cho họ về cõi Tịnh Độ và họ có được về đó hay không?” Câu trả lời là “Không.” Cũng giống như ăn, uống, và ngủ. Muốn về cõi Phật thì bạn phải tự ước nguyện cho mình, không ai có thể làm điều đó cho bạn. Nếu người đang hấp hối đã từng nghe đến Phật Amitabha và cõi cực lạc Sukhavati thì chúng ta nên khuyên họ nên tái sinh về cõi ấy.

Điều rất rõ ràng là chúng ta phải tự tu, làm hết mọi thứ cho chính mình, làm được càng nhiều trong đời này thì sẽ tu dễ dàng hơn ở cõi Tịnh Độ. Điều quan trọng là đừng bao giờ nghĩ đến cách đi đường tắt, gây nhiều nghiệp xấu, rồi cho rằng trước khi nhắm mắt thì tự nghĩ, “Mình niệm Phật A Di Đà 10 lần, xin được tái sinh về Cực Lạc. Thế là được.” Chúng ta không nên nghĩ đơn giản như vậy.

*

Ni Trưởng Thubten Chodron còn giảng rất nhiều về Phật Amitabha và cõi Tịnh Độ của ngài, trong gần 20 buổi giảng tại Sravasti Abbey. Những trích đoạn trên đây chỉ là một phần nhỏ, rất nhỏ, trong toàn bộ chương trình thuyết giảng. Điều chúng tôi muốn nêu ra ở đây, là pháp môn Tịnh Độ đang phát triển trong lãnh vực tâm linh tại Hoa Kỳ, được hiện đại hóa theo trình độ căn cơ của người Mỹ trí thức, mang đến cho họ một phương pháp tu tập rất hữu ích, nhiều lợi lạc cho cuộc sống hiện tại, chứ không phải chỉ là một pháp môn niệm Phật đơn giản, tâm thường cho “ông già, bà cả” như người ta đã từng nghĩ, và vẫn còn nghĩ như vậy. ♦



Chín người đã dự khóa tu niệm Phật Amitabha Retreat 2017-2018 dài một tháng tại Sravasti Abbey, nơi họ đã hành trì niệm Phật, nghe những bài giảng về Tịnh Độ và Phật Amitabha. Trong hình từ bên trái phía trước là Karen Barrick (từ tiểu bang Illinois), Ni Jenkir Shih (Đài Loan), Jane Robson (Oregon), Tanya Lasuk (Washington), Sabrina Facco (nước Ý), anh Jazz (Washington), Angela Yang (California), Ni Thubten Nyima (Washington). Người thứ chín không có trong bình là bà Zopa Herron, từ Oregon. (Sravastiabbey.org)



Đất ta bà hoa Tịnh Độ

Bài TT SAKYA MINH-QUANG

Tịnh Độ là một khái niệm rất phổ biến đối với Phật tử Việt Nam chúng ta. Và rất nhiều người tu niệm Phật, còn gọi là tu Tịnh Độ. Đó là một truyền thống, một pháp môn của Phật Giáo Đại Thừa Đông Á phổ biến trước hết là ở những nước Tây Vực, tức là miền giáp giữa Ấn Độ và Trung Quốc thời trước, tức là những nước như Afghanistan, Pakistan bây giờ, hay Tân Cương.

Xưa kia, các vùng đó đều là vùng của Phật Giáo trước khi Phật Giáo bị Hồi Giáo tiêu diệt. Và ngài Đường Huyền Trang cũng từng từ con đường đó đi sang Ấn Độ thỉnh kinh, cho nên gọi là Tây Vực, Tây Vực là những vùng đất thuộc phía Tây (đối với) Trung Quốc. Những kinh điển được mang từ Tây Vực sang và được dịch ra tiếng Hán. Ngài Cưu Ma La Thập là người có công phiên dịch những tài liệu lịch sử hay văn bản Phật học về Tịnh Độ, ví dụ như Kinh A Di Đà, Kinh Pháp Hoa (kinh này cũng có nói về Tịnh Độ)...

[...] Tinh thần Tịnh Độ nằm bàng bạc trong kinh điển Đại Thừa. Ở đây rất nhiều người Phật tử chúng ta tu Tịnh Độ, nhưng mà, lòng tin là do nơi nghe theo lời một vị thầy nói, hoặc do nơi bạn bè cùng rủ nhau tu mình tu theo. Và chúng ta có những niềm tin, quan điểm về Tịnh Độ mà nếu đối chiếu lại với kinh điển

thì rất là lệch lạc. Nhiều người còn đi đến chỗ cực đoan, không hiểu hết giáo nghĩa Tịnh Độ cho nên biến đạo Phật giống như tín ngưỡng của một tôn giáo như thần, Đức Phật A Di Đà trở thành một vị Thượng Đế cứu rỗi, chỉ có lòng tin là được cứu độ.

Chúng ta đã biết rằng Tịnh Độ là một pháp môn nằm trong hệ thống Đại Thừa. Vậy bản chất của Tịnh Độ phải mang cái tinh thần của Đại Thừa, đó là Bồ Đề Tâm, Bồ Tát Hạnh, cứu cánh thành Phật. Nhưng mà tinh thần Đại Thừa trong Tịnh Độ nhiều khi bị biến ẩn bởi những ước vọng đào thoát khổ đau trong hiện thực, sự hứa hẹn được an vui ở kiếp sau, giống như như thần giáo hứa hẹn một thiên đường sau khi chết. Nhiều người tu Tịnh Độ, ước vọng về đó (cõi Tây Phương) như là hạnh phúc an vui. Nếu vậy thì trái với ý nghĩa Đại Thừa của kinh điển Tịnh Độ, trái với bản ý của Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca. Có những người tu niệm Phật chỉ cần một câu A Di Đà Phật thôi, bỏ qua tất cả các kinh điển, không học, không quán chiếu, không tư duy. Họ chỉ mong được cứu độ một đời này thôi, mong Đức Phật A Di Đà tiếp dẫn mà họ không phát được tâm Bồ Đề để cứu độ chúng sanh như chư Phật đã từng khuyên chư hành giả Đại Thừa, và thậm chí quan điểm về Đại Thừa, về Tịnh Độ cũng có sự lệch lạc. Đó là lý do có bài pháp hôm nay, để chỉnh lại những quan điểm sai lầm đó.

Rồi lại có chiều hướng thứ hai, phủ nhận Đại Thừa, phủ nhận Tịnh Độ, đúng không ạ? Không tin Đức Phật ở Tây Phương Cực Lạc, cũng không tin Đức Phật ở Đông Phương, chỉ tin có Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, rồi thậm chí còn nói các kinh này do Trung Quốc viết ra. Họ nói như vậy chỉ là nói theo, chứ họ không

Phúc Viên trích ghi giản lược từ pháp thoại của Thượng Tọa Sakyam Minh Quang tại buổi giảng ở Trung Tâm Sangha, Huntington Beach, CA, do Hội Phật Học Đuốc Tuệ tổ chức ngày 9 tháng 6, 2019. Hình do Hoàng Mai Đạt chụp ngày 16 tháng 12, 2018.

có nghiên cứu. Các học giả nghiên cứu (thấy) kinh điển Đại Thừa từng được truyền dịch từ các nước Tây Vực sang, có những bản dịch của ngài Chi Khương Lương về Kinh Vô Lượng Thọ, ngài Cưu Ma La Thập về Kinh A Di Đà, những bản kinh được trùng dịch lại sau này, vân vân.

Cho nên chúng ta thấy rằng có hai cái cực đoan. Một cái thì quá tin, không có hiểu giáo lý giáo nghĩa nên cực đoan, chỉ mong có cuộc đào thoát khỏi khổ đau bằng câu niệm Phật mà không có cái thệ nguyện phát Bồ Đề Tâm, Bồ Tát Hạnh. Còn một cực đoan thứ hai là bài bác hết tất cả Tịnh Độ, không tin ở Tịnh Độ làm cho người Phật Tử chúng ta hiện nay - ai có lòng tin với Tịnh Độ - cảm thấy bị lung lay khi nghe sự bài bác đó.

Đối với những người dễ thương hơn, tin hay không tin Tịnh Độ, nhiều khi bị gạt mà không hay, Lúc thầy tu ở bên Đài Loan có nghe nói: Ai giới cốt vô cái tháp này bảo đảm người mất được vãng sanh Tịnh Độ. Đó là một hình thức quảng cáo ăn tiền. Một cái cốt, thí dụ gửi vô các tháp khác (tốn) một ngàn đô thì giới cái tháp đó (tốn) 10 ngàn đô, nhưng người ta sẵn sàng lấy cái cốt của người thân mình từ cái tháp gửi một ngàn đô đem qua cái tháp 10 ngàn đô, tức là tốn tới 11 ngàn đô. Nhưng người ta vẫn làm. Bởi vì sao? Mười một ngàn mà được về Tây Phương Tịnh Độ quá rẻ! Đó là một hình thức quảng cáo ở Đài Loan mà không ít người đã tin theo. Và ở Việt Nam cũng vậy, rất nhiều người dễ tin. Tin về hưởng ngoại thần quyền, tin về những sự linh nghiệm.

Chúng ta hôm nay, với chánh kiến và chánh tín Phật Giáo, cùng nhau nhìn lại vấn đề này bằng kinh điển của Đức Phật soi chiếu. Chúng ta là phàm phu đi theo con đường Phật dạy. Chúng ta phải lấy cái luật luận làm cái bản đồ, làm cái kim chỉ nam cho chúng ta, chúng ta không thể lấy cái tư kiến, lấy cái tình cảm riêng tư để đến với đạo Phật.

Cho nên, đầu tiên các vị phải hiểu Tịnh Độ là gì? Thật sự Tịnh Độ là một từ không có trong tiếng Phạn. Trong tiếng Sanskrit chỉ có từ Phật Độ. Phật Độ là Buddha Sacra, Sacra còn được dịch là sát như trong câu “Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát”, có nghĩa là cõi nước. Trong kinh tiếng Sanskrit chỉ có Buddha Sacra, tức là Cõi Phật. Đương nhiên từ Cõi Phật biến thành Tịnh Độ cũng không quá xa tại vì y báo và chánh báo cõi đó thanh tịnh, không có tham, sân, si phiền não của chánh báo (là con người) thì đương nhiên y báo (tức hoàn cảnh đi theo chánh báo) cũng thanh tịnh trang nghiêm.

Tuy nhiên, không phải nhất định là như vậy. Cái đó



Tranh vẽ Phật A Di Đà bởi họa sĩ vô danh đời nhà Tống bên Trung Hoa thế kỷ thứ 13, nay được lưu tại viện bảo tàng The Metropolitan Museum of Art, New York City.

là cảnh giới tự thọ dụng của Đức Phật. Chánh báo là Đức Phật thì y báo của ngài là quốc độ trang nghiêm thanh tịnh an vui. Nhưng mà tha thọ dụng là mình nhìn về cảnh giới của Đức Phật thì chưa chắc đã thanh tịnh. Tại vì sao? Bởi vì mình còn phiền não. Giống như mình đang mang một cặp kính màu, nhìn màu qua gì nó ra màu đó, mình nhìn qua nghiệp duyên của mình... Cái đó gọi là tha thọ dụng, mình chỉ hưởng, chỉ nhìn được một phần của nó thôi. Chẳng hạn như Đức Phật thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh mà mình chỉ nhìn ra một phần của cảnh giới đó thôi.

Đó là điều ở trong kinh Duy Ma Cật khi nói rằng “Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh” tức khi tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh, ngài Xá Lợi Phất thắc mắc, “Bách Đức Thế Tôn, tại sao Đức Thế Tôn đã thành Phật rồi mà cõi nước của ngài bất tịnh vậy?” Đức Phật Thích Ca thành Phật ở cõi Ta Bà, mà rõ ràng cõi Ta Bà này ngũ trược ác thế, tham sân si, đủ hết. Đó là sự thật. Tại sao Đức Phật Thích Ca đã thành Phật ở cõi này mà cõi này không gọi là Tịnh Độ? Nếu mà đúng theo luật chánh báo và y báo, nhân quả, thì tại sao Đức Phật đã thành Phật mà cõi nước của ngài thua cõi nước của Phật A Di Đà, Phật Dược Sư trong khi Phật Phật đạo đồng, ngài cũng phải tu như vậy, phước đức đầy đủ, trí tuệ đầy đủ mới

được thành Phật. Ngài Xá Lợi Phất đã đặt vấn đề đó dùm chúng ta và được Đức Phật trả lời bằng cách này. Ngài không dùng lý luận, mà chỉ dùng ngón chân cái của ngài ấn xuống đại địa và Xá Lợi Phất nhờ thần lực của Đức Phật mà bỗng nhận ra cõi Ta Bà này ngay khi đó trang nghiêm thanh tịnh không thua kém gì mười phương Tịnh Độ. Đó là cảnh giới tự thọ dụng của Đức Phật. Sở dĩ mình không nhận ra được như vậy vì mình còn mang cặp kính màu phân biệt của nghiệp chướng nên nhìn cái gì cũng là nghiệp chướng hết.

Bởi vậy, một người tu mà nói không tin Tịnh Độ là người đó không tin nhân quả, mà không tin nhân quả thì không phải là người có chánh kiến. Tại sao? Vì nếu mình tin rằng làm ác có quả báo ác, làm lành có quả báo lành thì trong quá khứ Phật đã hành Bồ Tát Đạo ba đại a tăng kỳ kiếp rồi mới thành Phật, thì ngài đã làm vô số điều lành vô lậu, đã bố thí với một lòng từ bi không vướng mắc, phân biệt, phiền não gọi là bố thí ba la mật, bố thí đáo bỉ ngạn, v.v., đó là cái nhân của Đức Phật cho nên chiêu cảm ra những phước báu trang nghiêm.

Tiếp theo trang 56 →



Thầy Thường Tín một hành giả tu và hoằng pháp Tịnh Độ

Bài HOÀNG MAI ĐẠT

Ngôi nhà bậc trung đó nằm ở góc đường Nutwood St. và Law Dr., khang trang, tươi tắn trong một khu gia cư tương đối yên tĩnh ở mạn đông của thành phố Garden Grove. Trước sân nhà có một cây cổ thụ lớn, quanh năm che bóng mát cho một tư gia mà thoạt nhìn trông hòa lẫn với các tư gia khác ở chung quanh, với sân cỏ, cây xanh được chăm sóc và một hai chiếc xe đậu trước garage. Không có một dấu hiệu nổi bật nào cho thấy cơ ngơi này thật ra lại khác với các căn nhà trong cùng khu phố. Mái nhà đó chính là Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng, một nơi chuyên tu pháp môn Niệm Phật mà chúng tôi may mắn được biết tới.

Quận Cam có khá nhiều chùa, đạo tràng của người Việt mình. Bất cứ ai có tâm cầu đạo thì chỉ cần lái xe không tới mười phút là có thể thăm quý tăng ni, làm quen với các bạn đạo, để tìm hiểu, học hỏi từ những thiện tri thức đó về con đường giải thoát sanh tử luân hồi mà Đức Phật vào thời ban sơ hơn hai ngàn năm

Bức tranh ở trên là tranh cổ Trung Hoa, không rõ thời nào, nói về sự tiếp dẫn của Đức Phật A Di Đà đưa chúng sanh về cõi Tịnh Độ, đăng trên mạng Buddha Door.

trước ở đất Ấn Độ đã chỉ cho chúng sanh. Cũng với cái tâm như vậy, chúng tôi được đến thăm Thượng Tọa Thích Thường Tín vào một buổi chiều Chủ Nhật đầu tháng Giêng 2019. Đạo tràng của thầy cách nhà chúng tôi chừng mười-lăm phút lái xe.

Nói là “được” vì buổi gặp gỡ đó là phước duyên lớn cho vợ chồng chúng tôi, nhất là cho bản thân tôi, bởi có dịp gặp quý thầy để hỏi về đạo không phải là chuyện dễ, không hẳn “muốn” là “được.” Tôi nghiệm thấy điều đó qua những lần được tiếp xúc, hoặc bị vượt cơ hội, với các vị tu hành. Khi duyên chưa đủ thì thấy với trò như hai con thuyền trôi trong đêm tối, đi sát bên mà lại không thấy nhau giữa không trung đen như mực. Thầy Thường Tín có khóa tu niệm Phật cứ mỗi hai tuần một lần ở đạo tràng nói trên, được tổ chức trong ba ngày liên tục thứ Ba, thứ Tư, và thứ Năm. Vợ tôi có đủ duyên đến dự nên hầu như khóa nào cũng có mặt. Còn tôi, vì lo kiếm ăn suốt ngày từ thứ Hai đến thứ Bảy, chỉ còn ngày Chủ Nhật được nghỉ làm để “thờ,” làm đám ba chuyện cần thiết chung quanh nhà, mà nhất là để ngủ lấy lại sức, nên có muốn đến dự khóa tu của thầy cũng khó. Vậy mà không hiểu sao, không nhớ rõ nguyên do lắm, tôi từng “nhín chút thời giờ” đến niệm Phật ở đạo tràng của thầy trong hai buổi sáng, và một lần được hòa mình với đại chúng niệm Phật theo thầy trên “chùa núi” Chơn Sung Tự ở Valley Center, Hạt San Diego.

Qua những kinh nghiệm tuy hiếm hoi đó, tôi cảm nhận được sự thành khẩn, hết lòng tu hành miên mật ở Thầy Thường Tín đối với pháp môn Tịnh Độ. Nên khi thực hiện chủ đề về pháp môn này cho số báo Tinh Tấn thứ ba, tôi có nghĩ đến thầy. Thật ra thì tôi đã nêu ý muốn phỏng vấn thầy ngay từ lúc biểu thầy số báo Tinh Tấn đầu tiên nhưng thầy không nói gì hết. Lần thứ hai khi tôi tặng số báo thứ nhì, thầy từ chối với lý do thầy chuyên tu, không muốn nói về đạo tràng của thầy trên báo trong khi thầy còn khá trẻ so với quý chư tăng đã đi sâu và xa hơn trên con đường hoằng dương tông Tịnh Độ này.

Nghe vậy tôi cũng đành chịu, tính cho vụ này

“chìm xuống” luôn. Nhưng rồi vận may đã đến ở lần thứ ba. Biết tôi có ý tìm hiểu về trường hợp của một hành giả lớn tuổi vừa thoát khỏi móng vuốt của bệnh ung thư nhờ chuyên trì danh hiệu Phật, lại thấy tôi khẩn khoản muốn nghe câu chuyện của vị pháp lữ ấy cùng sự kỳ diệu của pháp môn niệm Phật, thấy đồng ý cho tôi có được một buổi đàm đạo. Thế rồi tự hiểu mình chưa có đủ kiến thức, kinh nghiệm trước một vị tăng chuyên tu gần như gồm đủ đạo tâm, đạo hạnh và đạo lực như thầy Thường Tín, và để tránh nêu ra những câu hỏi “ngớ ngẩn,” tôi rủ vợ cùng đi. Nàng nhà tôi không chỉ là một bạn đạo mà tôi rất quý trọng, còn là người hiểu được ý tôi muốn nói mỗi khi tôi không trình bày được hết những tư tưởng đang nhào lộn vô trật tự trong đầu.

Dưới đây là trích đoạn từ buổi đàm đạo hi hữu chiều Chủ Nhật hôm ấy. Đặc biệt ngày đó vị pháp lữ đã thoát khỏi bệnh ung thư cũng ưu ái ngồi cùng chúng tôi và nghe thầy chia sẻ về hành trình tu tập của thầy và những ý tưởng tuy có vẻ miên man, bất chợt nhưng hàm chứa nhiều điều thâm thúy, thể hiện một công phu tu trì nghiêm mật trải suốt hơn hai thập niên.

Có người tuy cũng là Phật tử mà không tin có Phật A Di Đà, kính bạch thầy, thầy nghĩ sao?

“Nói về pháp tu, tại sao có Phật Giáo Nguyên Thủy, Phật Giáo Đại Thừa? Lý do là tại người ta bất đồng với nhau. Không đồng ý với nhau nên mới chia ra. Mấy năm trước tôi có đi đánh lễ, chúc Tết quý hòa thượng, thì có một vị hòa thượng khai thị. Ngài nói pháp môn Tịnh Độ này hồng phải mình mới biết đây hay như người ta đồn là sau này bên Trung Quốc triển khai ra mới có, mà thật sự ra đã có nhắc trong kinh Hoa Nghiêm, mà theo như bài kệ sau đây thì:

*Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhật,
A Hàm thập nhị, Phương Đẳng bát,
Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm,
Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.*

“Có nghĩa là Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm trong ba tuần lễ đầu tiên Đức Phật thành đạo, rồi do chúng sanh không tiếp nhận nổi cái pháp của ngài nói, cho nên A Hàm thập nhị, tức là trong 12 năm đức Phật mới hạ xuống nói kinh A Hàm; rồi Phương Đẳng bát, tức là nói kinh Phương Đẳng trong tám năm. Rồi nói kinh Bát Nhã 22 năm, Pháp Hoa và Niết Bàn tám năm sau cùng.

“Ngài Thiện Đạo Đại Sư, Nhị Tổ của Tịnh Độ Tông nói, sở dĩ Đức Phật ra đời cũng vì muốn nói bản nguyện của Đức Phật A Di Đà.

“Tôi cũng có nghe quý Sư thuộc Nguyên Thủy nói là không có Bồ Tát Quán Thế Âm, không có Phật A Di Đà, chuyện đó bình thường thôi, không có gì để tranh luận, bởi vì đã nói là Phật Giáo Nguyên Thủy khác với Phật Giáo Phát Triển, thì người ta không chấp nhận được chuyện đó. Bây giờ mình nhỏ, mình không thể nào đứng ra tranh luận vì nếu nói không đủ ý thì có lỗi với Đức Phật, với chư Tổ.

“Thành ra vấn đề các ngài nói thì các ngài phải

chịu trách nhiệm, còn mình học, mình tu, mình thấy đạt được lợi ích trong cuộc sống, và trải qua mấy ngàn năm, Việt Nam đã nương theo đó mà tu tập và vô số người đã chứng đắc, đã thành tựu. Bây giờ nếu mình đứng ra tranh luận vấn đề có Phật A Di Đà và không có Phật A Di Đà, hoặc có hay không có Bồ Tát Quán Thế Âm, tranh luận như thế thì sẽ không có hồi kết mà chỉ thêm sự chia rẽ. Cho nên mình chỉ nói trong phạm vi tu tập của mình, thấy rõ kết quả là có được sự an lạc trong tâm. Vì chính Đức Phật Thích Ca có dạy, Khi Ta nói pháp các người đừng nên tin Ta mà hãy nghe, nghe xong những điều đó rồi tư duy, tư duy thấy đúng rồi mới tu, chứ đừng nên tin liền những gì Ta nói ra...”

Về cơ duyên đến với pháp môn Tịnh Độ, thầy Thường Tín kể, “Tôi hồi xưa gốc Phật Giáo Hòa Hảo, sống ở một vùng quê thuộc Đồng Tháp ở cấp sông Hậu. Huyện Lai Vung, gần Vàm Cống đi lên Núi Cấm, An Giang, là những vùng thuộc Phật Giáo Hòa Hảo, nên niệm Phật đã có từ trong nôi, trong tâm. Từ cha mẹ, hàng xóm, tôi đã tiếp nhận được cái pháp niệm Phật rồi. Tuy nhiên tôi không chấp nhận cách sống thiếu sự theo học tới nơi tới chốn hoặc chỉ học lóm. Tôi muốn thực thụ học từ cái gốc, chính từ chỗ đó mà tôi có sự nghiêm túc: đó là xuất gia. Khi đi tu rồi, tôi có cái duyên với Tịnh Độ.

“Đúng ra, ngay từ hồi ở nhà, trước khi vô chùa, tôi hay sưu tập các lời dạy của các vị Tổ cũng như các kinh của Phật về Tịnh Độ. Tôi sưu tập lại, để cả chồng cao, rồi đọc kỹ, nghiên cứu, sau đó tôi nhập thất. Khi nhập thất tôi có được cái cảm giác từ những gì mình đã tu hành chứng nghiệm, cảm giác an lạc đó diệu kỳ đến nỗi nếu có một người nào đó giàu có nhất thế giới này muốn đem hết tài sản của họ để đổi lấy sự an lạc của tôi, tôi cũng không màng. Nghĩa là cái giá trị của cảm giác an lạc đó không thể nghĩ bàn, không thể nào nói hết. Niềm an lạc do sự thực chứng được từ pháp hành đó, không có cái gì trên đời này đổi được hết.

“Ngôi chùa mà tôi xuất gia (năm 1994) là một cái chùa quê nghèo đến nỗi đầy mối một dột nát, mưa xuống thì dột, ăn thì ăn cháo vì không đủ gạo. Từ năm 1995 khi đọc được sách Tịnh Độ rồi, tôi đam mê lắm, ham tu lắm. Phía sau nhà Tổ có một cái phòng, tường thì nứt nẻ, mái thì lợp tôn, trời mùa hè nóng nực oi bức. Vậy mà tôi trong cái phòng nóng bức đó suốt một tuần lễ mà không hề cảm thấy nóng. Nó lạ đời, nó ngộ ở chỗ đó!

“Tôi quét dọn cái phòng tôi tàn thiếu tiện nghi như vậy rồi ở mà cảm thấy an lạc vô cùng. Bây giờ cung đình dù lộng lẫy nguy nga tới đâu đi nữa đối với tôi, so với lúc có cảm giác ấy nó không có giá trị vì tự nhiên mình thấy nó không có ảnh hưởng gì hết. Tin được cái pháp rồi theo đó mà tu, tự nhiên mình cảm nhận được, thấy nó an lạc, nó mát mẻ cho dù trời đang giữa mùa hè.

“Ngay từ lúc đó, tôi đã ứng dụng cái cách như bây giờ, là niệm Phật thập niệm ký số. Hồi xưa tôi chưa biết những gì pháp sư Tịnh Không giảng, nhưng tôi đọc sách của Hòa Thượng Thích Thiện Tâm, ngài dịch



Hoa sen tại Echo Lake, Los Angeles do nhiếp ảnh gia Bùi Đức Nhung chụp ngày 29 tháng 6, 2019.

những tác phẩm của Ấn Quang Đại Sư, tôi đọc trong 10 phương pháp trì danh, tôi chọn phương thức ký thập trì danh, tức niệm Phật 10 câu nhớ số, trong quyển Niệm Phật Thập Yếu, là tôi biết từ lúc đó.

“Trải qua hơn 17 năm tôi mới làm được cái ước nguyện thành lập đạo tràng. Bây giờ, tôi ngồi nơi đây, nơi cái đạo tràng mà tất cả liên hữu tới đây đồng tu đều niệm Phật 10 câu nhớ số rành rẽ rõ ràng, là cũng đã phải trải qua một thời gian là gần 24 năm từ khi xuất gia học đạo.

“Trong thời gian tôi nhập thất tịnh tu một tuần lễ, tôi ứng dụng cách thập niệm ký số đó, lễ Phật, đi kinh hành, ngồi kiết già, nằm võng, ở mọi động tác tôi đều niệm 10 câu. Tức là tôi thay đổi tư thế, đi đứng nằm ngồi, trong suốt ngày tôi chỉ dùng một cách niệm Phật là 10 câu nhớ số thôi, không cách gì khác. Tôi không coi quan trọng chuyện ngồi lâu hay mau, niệm Phật nhiều hay ít, tôi cảm thấy muốn đi thì tôi đi, muốn nằm hay muốn ngồi hay lễ Phật cũng vậy. Quan trọng là giữ câu A Di Đà Phật trong tâm mình không cho nó ngưng, mà niệm phải rõ ràng chớ không có lơ mờ. Thành ra từ chỗ đó tôi thấy vọng tưởng không chen vô.

“Hồi xưa tôi chỉ là chú tiểu mới xuất gia thôi, không có đạo tràng. May mắn có được một sư cô, bây giờ là ni sư, hộ thất, tới giờ ăn thì bố thí cho một mâm đồ ăn, mình ra thọ thực xong rồi mình tu tiếp. Tôi thật sự không lo nghĩ bất cứ chuyện gì khác ngoài câu A Di Đà Phật, quyết chí hành trì trải qua thời gian... Đúng ra tôi phải hoằng pháp cái pháp tu đó nhưng vì mình chưa đủ duyên, mình phải đi học Phật học, phải ở chùa nhập chúng, tụng niệm theo chúng hết chùa này tới chùa kia, hết tổ đình này tới tổ đình kia, hết trường Phật học này tới trường Phật học kia. Chính vì vậy nên trải qua một thời gian tôi không có duyên chuyên nhất một thứ.

“Nhưng bù vào đó thì nó cũng không mất. Bây giờ mà tôi làm được đạo tràng này đây cũng nhờ mình từng sống trong chúng, từng trải qua các trường Phật học, có nền tảng tu học từ thấp lên cao. Mở một đạo tràng là mình nắm được đời sống của tăng ni rồi mình chuyên sâu vào vấn đề niệm Phật, hướng dẫn cho Phật tử tu, không còn một cái gì gọi là nghi ngờ, do dự và sợ sệt.

“Nếu mình tự nhiên ra lập đạo tràng, phát hiện

một cái gì vĩ đại, mới nhất, cái đó khác. Đàng này mình chỉ thừa hưởng các ngài để lại, mình học rồi tu theo. Bây giờ tôi lên nói chuyện, chia sẻ với đại chúng ở đây, tôi hoàn toàn tự tin. Dù có hòa thượng, cao tăng nào ngồi ở đó tôi vẫn nói bình thường bởi vì đó là lời của các vị Tổ, mà các ngài sở dĩ làm Tổ là vì các ngài đã ứng dụng cái pháp tu, các ngài đã tự tại ra đi, sống mà ra đi, an nhiên tự tại biết ngày, biết giờ ra đi.

“Các pháp mà các ngài nói là hoàn toàn như lý như pháp. Các ngài đã tu và đã chứng đắc được các lời đó cho nên an nhiên tự tại ra đi, để lại cho mình một cái giá trị. Và khi hành giả tới đây tu tập -thật sự tu đó - thì mọi người cũng cảm nhận được là vô đây tu nó khác với tu ở nhà. Một ngày miên mật tu tập thì trong tâm lắng đọng, thanh tịnh, an lạc trong hiện tại. Nếu nói về vãng sanh Tây Phương Cực Lạc trong tương lai thì chuyện đó là tùy cái duyên, cái phước của mỗi người. Có đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên để mà vãng sanh Cực Lạc hay không là tùy mỗi người, nhưng trên cuộc sống thực tế hiện tại bình thường thì nó đạt được sự an lạc. Và chính một hành giả chuyên tu ở đây, như hồi nãy tôi đã nói, bị bệnh ung thư mà hết được thì quý vị đủ biết.”

Về chuyện niệm Phật hết bệnh ung thư...

Nhân câu chuyện này, thầy miên man phát biểu: “Có một Phật tử bảo chuyện vãng sanh mới là chuyện lớn còn chuyện ung thư chỉ là chuyện nhỏ, đâu đáng để nói. Xin thưa là, cái này là bước đầu và có bằng chứng rõ ràng để cho người ta thấy. Mà nếu chuyện nhỏ không làm được thì làm sao làm được chuyện lớn. Hơn nữa, trên thế giới này việc chữa trị được bệnh ung thư là mối quan tâm hàng đầu, là một việc cần thiết vô cùng. Bao nhiêu người đã ra đi cũng vì bệnh nan y này. Mà bây giờ đã có người ứng dụng pháp này để tu và chặn đứng được, chuyển được thành hết bệnh thì đây là cái kết quả rất xứng đáng để phổ biến ra cho mọi người biết về cái pháp tu như vậy.

“Chuyện vãng sanh để giải thoát sinh tử luân hồi vô lượng kiếp, cái đó người chuyên tu mới tin được và mới quyết chí đeo đuổi. Đó là những người có ý chí. Còn đối với những chuyện bình thường trong cuộc sống, như chuyện bệnh hoạn, bệnh nan y mà người ta cần giải quyết thì bây giờ cho thấy đã có thể giải quyết được.

“Theo tôi, một người không cần phải quy y với Đức Phật, nhưng thấy được cái pháp này rồi tu có thể chuyển hóa được tế bào ung thư, làm sạch được tế bào ung thư, trở lại khỏe mạnh bình thường, họ tin được, cứ nương theo đó mà tu, theo đó để trị bệnh, thì nó cũng lợi ích.

“Còn vấn đề đi chuyên sâu vào để đạt tới đỉnh cao của pháp tu thì tùy ở mỗi người, nhưng trên căn bản là trong cuộc sống bình thường thì không kể là tu sĩ hay cư sĩ Phật giáo, ai cũng có thể ứng dụng pháp tu này. Ngay cả lời phát nguyện của Đức Phật A Di Đà, trong nguyện thứ 18, Đức Phật nói Nếu chúng sanh nào muốn về nước Ta, hết lòng tin ưa, xưng danh hiệu Ta cho tới 10 niệm như không được sanh, Ta không thành Phật.

Ngài nói chúng sanh nào chứ ngài không nói người Phật tử nào. Chúng sanh là gồm từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, người, Trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Bất cứ chúng sanh nào hề có phát nguyện niệm Phật đúng như vậy thì sẽ được Phật tiếp dẫn. Cái đó là cái điều đặc biệt, cái nguyện của Đức Phật như vậy. Phổ độ chúng sanh. Những người chuyên sâu vào, có niềm tin, rồi quyết chí đeo đuổi, tu tập theo, thực hành đúng như vậy sẽ đạt được kết quả.

“Vấn đề bệnh nan y tuy đối với đạo Phật rất nhỏ, nhỏ như hạt cát trong sa mạc, nhưng trong cuộc sống thực tế bây giờ, người ta đang tìm cầu phương thức để trị được những thứ bệnh đó, cả thế giới người ta đang hướng về và dành biết bao nghiên cứu nghiêm túc để đối phó. Mà đối với mình, mình đã làm được, mà rất nhẹ nhàng, chỉ cần có niềm tin, hành cho đúng và không phải là một sự mê tín.

“Như tôi đã giải thích, bệnh cũng là do túc nghiệp. Đó là do cái nhân mà mình đã làm từ quá khứ, cho tới giai đoạn này là phải chịu thọ cái quả báo, tuy nhiên khi thọ quả báo mà mình biết cách chuyển thì có nhân mà sẽ không có quả vì chưa có đủ duyên. Mình chuyển luôn túc nghiệp tức nghiệp đời trước bằng cách mình niệm Phật. Thứ hai nữa là vấn đề tâm thức: sống vui vẻ lạc quan. Thứ ba nữa là vấn đề ăn uống kỹ lưỡng, môi trường tốt, và vận động. Nghĩa là cả tâm lý và sinh lý bổ túc cho nhau, nó làm cho chất đề kháng trong cơ thể mình sẽ mạnh, những tế bào nó sẽ chuyển đi. Thành ra bây giờ xét nghiệm thì nó hết hoàn toàn thì chuyện đó cũng bình thường thôi.

“Đối với một pháp tu đã từng được truyền dạy từ lâu đời từ các bậc tiền bối thì đây cũng không phải là điều lạ, bây giờ tới phiên mình tu thì mình thấy và nói ra thôi, mình tu mà thấy được cái gì kết quả thì đem ra chia sẻ để mọi người cùng biết, để ai chưa hiểu thì sẽ hiểu thêm rồi tìm tòi thêm chứ còn cái này thì đã nói từ nhiều năm rồi.

“Còn về việc Phật tử hồi tu mà vọng tưởng còn nổi lên thì tôi nói dễ, không khó, niệm 10 câu đi, nếu còn vọng tưởng nổi lên thì ai cũng biết hết hà, vô đây ngồi niệm chung với đại chúng, ai cũng niệm 10 câu mà tự nhiên mình mất chánh niệm, mình niệm 9 câu hay 11 câu là tự nhiên mình không giống ai hết trơn... Người nào tự ái là không tiếp tục tu nữa thì mất cái duyên, đoạn cái duyên. Còn người nào kiên trì, vượt qua được thì sẽ thật... ngon lành.

“[...] Bởi vậy tôi mới nói, (niệm Phật như vậy) hỏi vọng tưởng ở đâu? Hồng còn thấy vọng tưởng ở đâu hết, không có vọng tưởng để chen vô được, không muốn suy nghĩ một chuyện gì khác.

“Thành ra cái pháp tu này nó đặc biệt nó dễ, không khó. Điều quan trọng là ở chỗ này. Cách niệm Phật 10 câu nhớ số, Ấn Quang Đại Sư dạy là (niệm) bất cứ lúc nào cũng được, tuy nhiên, quý vị mà cuộc sống cần phải tính toán cái này cái nọ thì trong thời gian đầu óc mình khởi lên suy nghĩ gì đó thì mình niệm suông. Cứ niệm thôi. Xong việc mọi thứ, không còn phải tính toán gì nữa hết, thì trở lại 10 câu nhớ số.”

Có một bác vừa lái xe vừa niệm Phật thành tiếng. Theo thầy, mình có nên niệm Phật như vậy không, hay là mình chỉ nên niệm thầm?

“Nếu niệm ra tiếng được thì tốt. Mình niệm mà người khác cũng nghe được thì cũng gieo được cái chủng tử A Di Đà Phật, nếu thấy vô quái ngại.”

- Một người niệm ra tiếng như vậy giữa sinh hoạt thường ngày có thể bị xem là bất thường, nếu không dám nói là hơi... tâm thần, kính bạch thầy, thầy thấy sao?

“Cái chuyện mình niệm Phật đã là bất thường đối với người đời rồi. Tại vì người đời cảm thấy cần có nhiều kiến thức, cần phải thế này thế kia, còn mình thì chỉ niệm Phật, vậy là đã bất thường đối với người ta rồi. Ở ngoài đời, người ta khuyến khích mình phải học, phải biết mọi thứ. Còn vô chùa tôi chỉ có một câu A Di Đà Phật. Có bác kia có người con có tới hai cái bằng bác sĩ, nói với bác, Mẹ, mẹ niệm Phật coi chừng mẹ bị khủng khi thấy bác niệm Phật. Có nghĩa là dưới mắt họ, nó bất thường.”

“Nhưng mà người ta không hiểu. Khi mà người ta hiểu được cái pháp tu, cái oai lực của câu A Di Đà Phật, người ta không bỏ câu A Di Đà Phật đó. Thành ra, khi mình niệm Phật rồi, mình không cần phải sợ ai. Người ta có nói, bộ ông này ổng khủng khủng, từng từng, cũng hồng sao.”

“Mình cứ niệm Phật. Mình biết mà. Ngay cái lúc niệm Phật từng chữ từng câu rõ ràng mình đã giác rồi, đã chánh, đã tịnh rồi. Ngay ở một câu A Di Đà Phật là mình sáng suốt, mình đâu có mê đâu; mình đâu có tà, suy nghĩ chuyện gì khác đâu; mình thanh tịnh, không bị nhiễm ô, không có gì chen vô.”

Trở lại phương pháp niệm Phật mà Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng đang theo, thầy Thường Tín cho biết: “Tôi đi các chùa ở Việt Nam, tôi thấy không có ai hướng dẫn theo cách thập niệm ký số này hết. Sở dĩ tôi dám mạnh dạn làm ra cách này là vì tôi thấy có kết quả. Ngay cả các vị chuyên giảng Tịnh Độ, các ngài cũng giảng qua, nhưng trong các pháp hội niệm Phật thì các ngài không hướng dẫn cách đó, có nghĩa là các ngài có giảng qua nhưng không đưa ra một pháp hành thập niệm ký số khi tu. Không có một đạo tràng nào ứng dụng.”

“Việc tôi làm thực ra cũng làm theo các ngài dạy, nhưng mình lấy một cái phần nhỏ trong đó mình đem ra phổ biến, người thực hành mà hợp thì họ thấy cái cách này có kết quả. Có người thì không thích, người ta thích niệm cái cách khác, thì cũng không có chướng ngại gì hết. Trong 13 vị Tổ thì mỗi vị cũng dạy khác nhau, đâu có giống nhau (cười).”

- Kính bạch thầy, hồi nãy thầy nói niệm Phật có thể chuyển được túc nghiệp và nói về nhân duyên và quả. Vậy làm sao mình chuyển được nghiệp? Trường hợp mình có một món nợ là 500 đồng, trước sau mình cũng phải trả 500 đồng. Nếu mình niệm Phật thì mình tạo được một sự tốt lành nào đó cho tương lai nhưng cái món nợ kia thì mình vẫn phải trả chứ?

“Vẫn phải trả. Nếu không trả thì không đúng nhân quả. Nhưng mà cái trả nó khác. Thí dụ như một ông ở Việt Nam đi làm hồ vớt vả một ngày trời mới kiếm được năm đô, trong khi ở Mỹ này, một bác Phật tử làm mấy món mắm, làm chơi chơi, nhẹ nhàng, bán một hộp mắm nhỏ thôi cũng được năm đô, một ngày làm được cả chục, cả trăm hộp dễ dàng, so với Việt Nam thì công việc quá nhẹ nhàng. Mình so sánh thì mình biết liền.”

“Còn cái thứ hai nữa, một nắm muối này, nếu bỏ trong một chén nước thì uống mặn không? Cũng nắm muối này mà mình bỏ vô một cái lu bụi, thì nó như thế nào. Còn một nắm muối này mà để vô một cái dòng sông thì chú nghĩ sao? Tức là mình vẫn trả nghiệp, nhưng khi trả, cái cách trả đã chuyển, không còn nặng nề.”

Sau vài thí dụ khác nữa (như chuyện ăn trộm gà, chuyện bị mất tiền, chuyện bị tung xe), thầy kết luận, “Cũng một cái nhân đó, mà cái quả nó lại khác nhau. Khi mình tu tập, mình chuyển từ cái tâm của mình. Chuyển được cái tâm rồi thì rất là nhẹ nhàng. Tự động chuyển đổi giữa nhận thức của mình, nhìn theo chiều hướng tích cực hơn, là tự nhiên không còn khổ đau nữa.”

“Với lại, khổ là từ đâu, là từ cái tâm chớ gì. Bây giờ cái tâm mình nó lo niệm Phật thì đâu còn thấy khổ nữa, nó vi diệu là ở chỗ đó...”

Có một vị thầy đã khuyên Phật tử phải cẩn thận vì mình tưởng mình niệm Phật nhưng thật ra là kêu tên Phật. Kính bạch thầy, thầy nghĩ sao về câu nói đó?

“Có nhiều vị thầy, trong đó có các vị tu Thiền, khi giảng Tịnh Độ thì các ngài cũng không giảng đúng với tông chỉ của Tịnh Độ. Tại vì mỗi vị có pháp tu riêng, dùng cái tu của mình để giải thích kinh đó theo cái pháp môn của mình, cho nên điều chú thắc mắc không có gì lạ hết trơn. Các ngài giải thích theo các ngài, các ngài không có lỗi, bởi vì nhìn theo pháp tu của các ngài. Nhưng mà đối với người chuyên Tịnh Độ, mình phải nắm đúng tông chỉ của nó là Tín, Nguyện và Hạnh.”

“Cũng không lạ vì bao nhiêu ngàn năm nay đã có những cuộc tranh luận với nhau. Mình là đàn hậu học, kiến thức mình đâu có đủ. Muốn tranh luận phải duyệt Đại Tạng Kinh thông suốt cả hai hệ phái. Mà khi hiểu được hai cái đó rồi thì cũng không có gì để mà nói nữa.”

Kính bạch thầy, có phải do tình cờ mà pháp danh của thầy mang chữ Tín, một điều tối cần thiết cho người tu Tịnh Độ?

“Tôi không biết phải bắt đầu từ đâu. Tôi có hai vị thầy. Năm 1994 bà nội tôi với cha tôi mất, mùa hè, lúc đó tôi cảm được đời vô thường giả tạm không có gì thật, thành ra tôi không muốn học thêm nữa, muốn đi xuất gia. Tôi vô chùa, đọc được kinh sách nên phát nguyện xuất gia.”

“Lên chùa, thì hai vị thầy, một vị trụ trì, một vị phó trụ trì, hiện giờ là Hòa Thượng Thích Thiện Long

và Hòa Thượng Thích Thiện Quảng. Sư phụ Thiện Long trụ trì ở đó nhưng ngày thường thầy ở trên chùa Giác Ngộ trên Sài Gòn, rằm tháng Giêng, tháng Bảy, tháng Mười thầy mới về. Rằm tháng Bảy đó tôi vô chùa xin xuất gia thì sư phụ Thiện Long khuyên tôi lo học cho xong lớp 12 đi rồi xuất gia (tôi đang học lớp 11). Tôi nghe lời thầy, năm 1995 tôi vô chùa, thì hai thầy, trụ trì và phó trụ trì, cạo đầu xuất gia cho tôi. Hai thầy chứng minh cho lễ xuất gia đó và sư phụ Thiện Quảng thì đặt tên cho tôi là Thường Tín và mấy huynh đệ khác là Thường Giới, Thường Định, Thường Tấn, Thường Nhân...

“Tôi gốc là Phật Giáo Hòa Hảo mà. Trước đó, năm 1992, 1993 tôi vô chùa là chỉ dựa gốc cột thôi, không lạy Phật. Phật bằng đất bằng xi măng tôi không lạy. Trong Phật Giáo Hòa Hảo, lạy là lạy tấm trần điều có hình hoa sen, không có hình Phật, người ta nói Phật trong tâm mà. Nhưng mà sau này mình tu, mình tìm hiểu, mình học.

“Phật Giáo Hòa Hảo do đức Huỳnh Phú Sổ khai sáng, cũng dạy ăn chay niệm Phật làm lành lánh dữ, thì nói chung làm như mình có cái duyên, cái chủng tử. Ngày xưa anh em tôi ăn chay trường, hồi nhỏ không ai dạy, ở trong xóm Hòa Hảo, anh em tôi sáng chiều cúng lạy.

“Hồi đó người ta ăn chay kỳ, mười bốn, rằm, hăm chín, ba mươi. Nhưng mà anh em tôi, từ anh Hai, chị Ba, tôi thứ Tư, tự nhiên muốn ăn chay trường. Chắc mình cũng có cái chủng tử từ nhiều đời nhiều kiếp rồi, thành ra khi sống trong một môi trường như vậy thì theo cái hướng đó. Ở vùng nhà quê, ở làng ở xóm tôi không ai chịu học hành, họ ăn chơi, cờ bạc hay đá gà. Lúc đó tôi khoảng chừng 10 tuổi, tôi nghĩ tại sao cái thế giới này nó tối tăm, tại sao mà người ta không chịu tu, không chịu niệm Phật.

“Tôi nói lại chuyện này với cả tám lòng của tôi. (Lúc đó) tôi tự nhiên nghĩ như vậy đó, mà lại ăn chay trường nữa. Có những mùa hè, thay vì nghỉ hè đi chơi, tôi đi qua chùa Bửu Lâm của Phật Giáo Hòa Hảo, chặt thuốc Nam để giúp cho người ta. Tôi cùng đi với người cậu, mấy anh em nữa, xúm nhau qua chùa tìm chặt thuốc để giúp người bệnh.

“Thành ra thật sự con người của tôi, tôi nhìn lại

tôi biết là đời trước tôi chắc có tu rồi nhưng có lẽ chỉ là một cư sĩ Phật tử thọ bát quan trai thôi (cười), cho nên đời này trở lại xuất gia. Mà (đời trước) đã có niệm Phật rồi, nhưng chưa đủ điểm...(cười).”

Con được nghe kể rằng hồi thầy tu ở Việt Nam thầy có để chữ “Tử” ở bên ngoài cửa phòng, có đúng vậy không?

“Có, thật ra cái đó là Ấn Quang Đại Sư dạy, lúc nào mình cũng đặt chữ Tử trên trán. Có bài kệ của Ấn Quang Đại Sư, tôi không chế ra đâu. Đó là Ấn Quang Đại Sư dạy chớ không phải tôi. Tôi chỉ học theo, bắt chước theo thôi. Bắt chước theo nhưng mình có niềm tin và thấy rõ cái lợi ích.”

Câu chuyện từ đó chuyển hướng về những lời vàng ngọc của Ấn Quang Đại Sư và nhất là quyển “Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục” mà vị hành giả vừa thoát bệnh ung thư đang nghiền ngẫm và quyết tâm hành trì dưới sự khuyến tấn của thầy Thường Tín.

Thầy nói trong số 13 vị Tổ của Tịnh Độ tông, Ấn Quang Đại Sư là vị có công đưa ra quy tắc, đường hướng rõ ràng cho đại chúng noi theo, để lại một gia tài quý báu cho chúng sanh. Như để kết thúc buổi pháp đàm, thầy khuyên người tu cần phải có tâm lực mạnh, phải hết lòng tin ưa, thì mới xuyên qua được nghiệp lực, mới tiếp nhận được Phật lực. Pháp tu Tịnh Độ không phải là lâu hay mau, điều quan trọng là nhân duyên của mình và đủ thiện căn phước đức, có thể chỉ trong giây phút mình chuyển tâm thì cũng sẽ thành tựu, theo đúng nguyện thứ 18 của Đức Phật A Di Đà.

Có lẽ vợ chồng tôi cũng có nhân duyên với Tịnh Độ nên chỉ chiều hôm ấy chúng tôi được vị pháp lữ ấy hoan hỷ tặng cho cuốn “Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục” duy nhất mà vị ấy còn giữ, dưới sự chứng minh của thầy.

Còn thầy, chia tay chiều hôm ấy, thầy tặng chúng tôi một câu nói dung dị mà giá trị tuyệt vời, “Những lời nói của tôi hôm nay rất là chân thành, đối với chú có cái duyên để mà nói chuyện như thế này, tôi cũng cầu nguyện Tam Bảo gia hộ cho cô chú luôn luôn có được một đường tu tập như lý như pháp để mà đi trọn mục đích của mình, thành tựu được một đời giải thoát sanh tử. A Di Đà Phật.”♦



Niệm Phật đẩy lui bệnh tật



Buổi đàm đạo với Thượng Tọa Thích Thường Tín về pháp môn Tịnh Độ có lẽ đã không thể xảy ra, nếu chúng tôi không có cơ duyên được nghe tin một hành giả đã chuẩn bị tinh thần cho những gì tệ nhất có thể xảy ra, sau khi bác sĩ chẩn đoán bị ung thư nhưng rồi vị này đã thoát bệnh tật bất ngờ. Như có phép lạ, như có một sự mầu nhiệm nào đó rất khó nghĩ bàn.

Chúng tôi từng đọc những câu chuyện về những vị tu pháp môn Tịnh Độ được vãng sanh, rũ bỏ được thân xác ô trược, bệnh tật để được về cõi Phật trong sự thanh thoát, nhẹ nhàng. Rồi cũng có những câu chuyện của những người được thoát hiểm nghèo, tránh được bệnh nan y nhờ chú tâm niệm Phật. Nhưng những câu chuyện đó đã xảy ra ở một nơi nào đó rất xa, xa về không gian cũng như thời gian.

Thế nên trong nỗ lực đi tìm một câu chuyện như vậy diễn ra gần với mình hơn, chúng tôi vui mừng được biết về trường hợp hi hữu, mầu nhiệm nói trên, nhất là khi vị hành giả này cũng là một khuôn mặt quen thuộc mà chúng tôi từng gặp ở chùa. Tôn trọng ý muốn của vị ấy, chúng tôi xin tránh nói đến danh tính, chỉ chép lại đây những lời tường thuật tuy ngắn gọn bình dị nhưng hàm chứa một sức mạnh vô biên của pháp môn niệm Phật hướng tâm về miền thanh tịnh.

*

Tôi đến gặp bác sĩ chuyên môn để theo dõi về triệu chứng Thyroid như thường lệ mỗi ba tháng. Lần này bác sĩ check trên màn hình, thấy có dấu hiệu ung thư, đề nghị phải làm test ngay để sẽ có kết quả tuần sau.

Về nhà, đêm đó tôi tắt đèn vào giường, bỗng như nghe thấy âm thanh “Niệm Phật thập ký” từ máy niệm Phật vẫn có. Đây là máy niệm Phật của Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng do Phật tử trong đạo tràng thực hiện, thâu tiếng niệm Phật của Thượng Tọa Thích Thường Tín, với mấy cách niệm Phật khác nhau để ai hợp với cách nào thì niệm theo cách đó.

Tôi vẫn mở máy hàng ngày để vừa sinh hoạt trong nhà, vừa niệm theo, nhưng là phần niệm Phật đều đều chứ không hề mở phần Niệm Phật thập ký. Vậy âm thanh này từ đâu? Có thể, bấm nhầm rồi quên tắt máy

không? Tuy nhiên phần không tin điều này xảy ra, nhưng tôi vẫn ngồi dậy, và kiểm soát máy. Hoàn toàn yên lặng!

Tắt đèn, vào giường thì lại như nghe âm thanh “Niệm Phật thập ký.” Lần này, âm thanh như từ trong tâm, không như từ máy nữa. Lại ngồi dậy, bật đèn sáng khắp nhà. Và bây giờ chỉ còn một điều duy nhất là Tin và Hành.

Quỳ trước ban thờ Phật, thưa thầm “Phải chăng đây là thông điệp Chư Phật dạy con, hãy miên mật niệm Phật theo phương thức này.”

Trong suốt tuần lễ đó, tôi niệm Phật thập ký, an lạc, thanh thoi, tự nhiên, không hề phải vận dụng cố gắng nào và tự tại tới mức không nhớ là mình đang chờ kết quả, có bị bệnh nan y hay không...

Ngày trở lại gặp bác sĩ, kết quả có chớm bị, nên bác sĩ khuyên tôi hãy điều trị bằng thuốc, trước khi bệnh chuyển nặng mới phải điều trị rắc rối hơn.

Tôi cảm nhận một tuần qua, niệm Phật quá an lạc, khỏe khoắn, vậy thì vội dính vào thuốc men làm chi? Bèn đề nghị với bác sĩ tự trị liệu theo cách riêng của người tu sĩ Phật giáo, nhưng để dung hòa, xin cho thời gian nào tương đối an toàn với lương tâm y sĩ, thì sẽ trở lại. Vị bác sĩ tỏ vẻ ngạc nhiên vì chắc đa số bệnh nhân, nghe có bệnh, phải dùng thuốc thì đã vội vàng xin toa rồi chạy mua thuốc, uống ngay!

Mười ngày sau trở lại để khám nghiệm xem, không dùng thuốc, vi khuẩn ung thư đang lan tới đâu rồi? Lần khám nghiệm này lâu hơn, kỹ hơn mọi lần trước... Và cuối cùng bác sĩ nói, trong giọng vừa bản khoăn, vừa hân hoan “Chúc mừng! Chúc mừng! Negative! Không thấy có dấu hiệu ung thư đâu nữa! Sau bốn tháng mới phải trở lại gặp tôi.”

Mọi diễn biến này, từng bước, tôi chỉ trình với Thượng Tọa Thường Tín, nhưng ngày có kết quả sau cùng, Thầy mừng quá, không giữ được, nên đã chia sẻ với các liên hữu đang dự khóa tu.

*

Đến nay, khi Tinh Tấn số 3 đến tay quý độc giả thì nhiều tháng đã trôi qua. Vị hành giả vẫn khỏe mạnh, vẫn vững vàng bước đi trong niềm tin ở pháp môn niệm Phật. Ngoài câu chuyện của chính bản thân mình, hành giả ấy cũng đã tặng chúng tôi máy lời cuối này, xin được chia sẻ với quý bạn đạo, với những ai còn ngần ngại bước vào con đường về Tịnh Độ.

Ai biết và tin thì cứ biết và tin.

Ai không biết hoặc không tin thì cứ không biết và không tin.

Vì chân lý là không có gì được gọi là chân lý. ♦



Với hành giả tu Pháp Môn Tịnh Độ thì những lời dạy của Ấn Quang Đại Sư là một phần, trong những hành trang thiết yếu giúp hành giả quán chiếu từng bước trên đường về Tây Phương Cực Lạc.

Thượng Tọa Thích Thường Tín, trụ trì Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng Garden Grove và Perris đã trân trọng giới thiệu cuốn Ấn Quang Đại Sư Gia Ngôn Lục với các liên hữu về tu để cùng học hỏi, cùng thực hành những phần khai thị hợp với căn cơ và hạnh nguyện của đại chúng.

Cuốn sách hơn năm trăm trang, dẫn giải và chỉ dạy cặn kẽ, từ những lời khuyến tấn, phương pháp tu trì, luận về việc lớn sinh tử, khuyên chú trọng nhân quả, cho đến phân định giới hạn giữa Thiền và Tịnh, và giải quyết những nghi hoặc thường gặp trong khi hành trì.

Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng đã nương những lời chỉ dạy về từng phương cách niệm Phật, sao cho được an lạc, được nhất tâm và thành quả là trong năm 2018 đã hoàn mãn 12 khóa tu niệm Phật miên mật 24/24 giờ liên tục.

Đại chúng tuy nương năng lực nhau mà đồng hành nhưng mỗi hành giả vẫn có thể tìm thêm cho mình những phương cách phù hợp với hoài vọng, khi quán chiếu những lời Đại Sư chỉ dạy.

Chẳng hạn, với một câu khuyến tấn thiết tha: “Biết chẳng khó. Làm được mới khó. Trọn một đời này, uống công vào Núi Báo mà trở về tay không! Đáng xót! Đáng tiếc thay!”

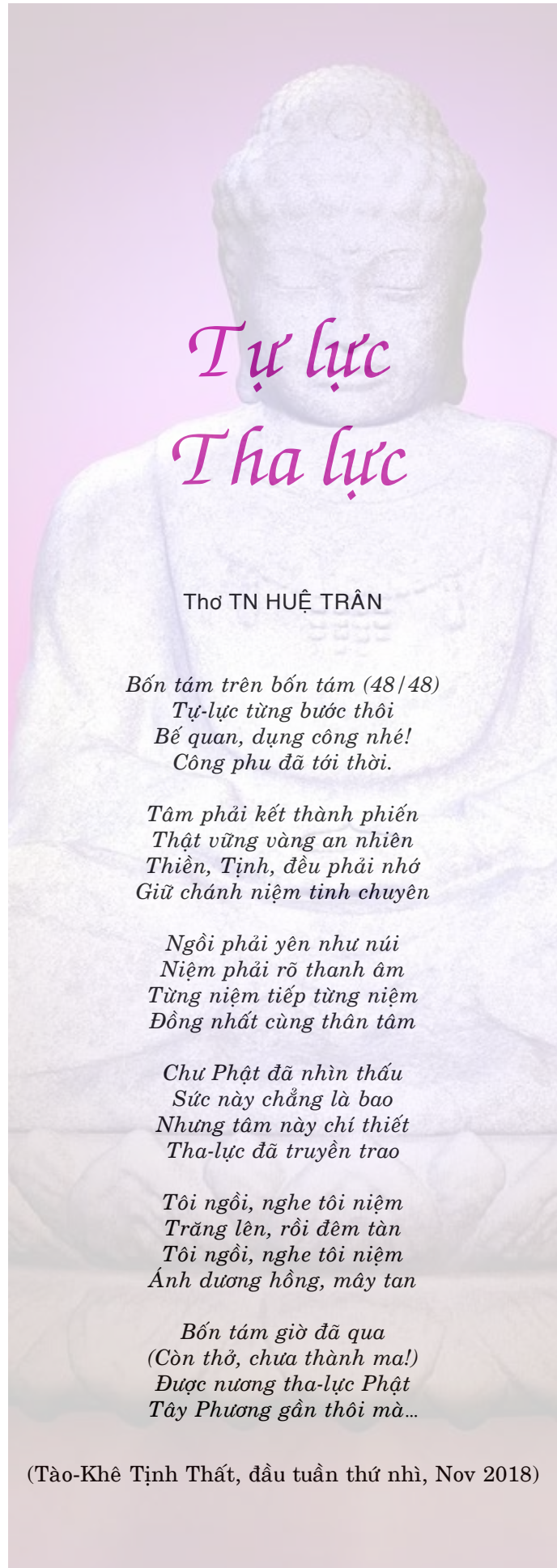
Đại Sư chỉ cho như thế, vậy muốn tiến tu phải tự khai triển “Biết chẳng khó. Phải làm sao để làm được cũng chẳng khó” mới không bội ân lòng bi mẫn của Đại Sư.

Vậy phải thử làm gì để kiểm sức mình đây?

Câu tự hỏi đó, sau khóa tu niệm Phật miên mật 24/24 đã lóe lên ý tưởng “48/48”

Và đó là duyên lành từ lời phát nguyện niệm Phật 48/48.

A Di Đà Phật. ♦



Tự lực Tha lực

Thơ TN HUỆ TRÂN

*Bốn tám trên bốn tám (48/48)
Tự-lực từng bước thôi
Bế quan, dụng công nhé!
Công phu đã tới thời.*

*Tâm phải kết thành thiền
Thật vững vàng an nhiên
Thiền, Tịnh, đều phải nhớ
Giữ chánh niệm tinh chuyên*

*Ngồi phải yên như núi
Niệm phải rõ thanh âm
Từng niệm tiếp từng niệm
Đồng nhất cùng thân tâm*

*Chư Phật đã nhìn thấu
Sức này chẳng là bao
Nhưng tâm này chí thiết
Tha-lực đã truyền trao*

*Tôi ngồi, nghe tôi niệm
Trăng lên, rồi đêm tàn
Tôi ngồi, nghe tôi niệm
Ánh dương hồng, mây tan*

*Bốn tám giờ đã qua
(Còn thờ, chưa thành ma!)
Được nương tha-lực Phật
Tây Phương gần thôi mà...*

(Tào-Khê Tịnh Thất, đầu tuần thứ nhì, Nov 2018)

Kinh A Di Đà và Tịnh Độ



Bài HT THÍCH MINH ĐIỀN

Kinh A Di Đà này trình bày về giáo lý viên đốn, thuộc Đại Thừa Bồ Tát Tạng, là kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn và được tất cả chư Phật hộ niệm. Kinh này dùng lời rất kỳ đặc, để chuyển tải nội dung rất sâu xa vi diệu, không có đương cơ thừa hỏi, mà do đức Phật Thích Ca Mâu Ni tự giảng nói, nhằm khai thị về pháp môn niệm Phật tam muội, hay niệm tự tánh Di Đà, tức đưa tâm ra khỏi mọi sở niệm.

Pháp niệm danh tự tánh A Di Đà là pháp trực chỉ nơi tâm mà hành trì, chứ không qua trung gian phương tiện, nhằm giúp hành giả đạt đến nhất tâm bất loạn. Cõi tịnh độ của Phật A Di Đà được ẩn dụ cho tánh giác mà ai cũng có. Vì chỉ cho tánh giác vô thủy vô chung, nên gọi là vô lượng thọ, vô lượng quang, hay pháp giới tạng thân.

Phật nói kinh A Di Đà là trực chỉ vào tên kinh mà cũng là pháp, nhưng pháp ở đây là pháp niệm tự tánh, nên danh A Di Đà ở đây cũng là danh tự tánh. Bởi danh tự tánh A Di Đà mới siêu việt thời gian nên nói Vô Lượng Thọ, và siêu việt không gian nên nói Vô Lượng Quang. Và niệm ngay nơi tự tánh Di Đà ở trong tâm mình, nên cất hết mọi đối tượng của thức, vì vậy kinh nói “pháp khó tin” (nan tín chi pháp).

Còn nếu niệm danh từ “A Di Đà Phật” thì do thức niệm, nên không thể siêu vượt thời gian và không gian, không thể có kết quả là nhất tâm bất loạn được. Đó chính là sự nhầm lẫn mà xưa nay chúng ta thường

niệm, nên rốt cuộc không thể trực nhập chân tâm. Kinh này thuộc về giáo lý viên đốn, Bồ Tát Tạng nên nói “chư Phật sở hộ niệm.”

Nhưng do căn cơ của người tu có cao thấp sai khác, nên người xưa phương tiện lập ra bốn phương pháp là:

1. Trì danh niệm Phật: Tức chấp trì danh hiệu Phật A Di Đà bởi ý thức, nên làm cho ý thức không phân tán, dần dần đạt được nhất niệm. Phương pháp này giúp chúng ta gom nhiều niệm (đa niệm) về một niệm (nhất niệm), làm cho ý chỉ duyên vào danh hiệu A Di Đà Phật, mà không suy nghĩ miên man. Phương pháp này chỉ có tác dụng là an lập ý của Nhị Thừa.

2. Quán tượng niệm Phật: Tức dùng ý thức và đôi mắt chiêm ngưỡng hình tượng đức Phật A Di Đà (do nghệ nhân tạc tượng vẽ ra), không cho ý thức phân tán nên dần dần cũng đạt được nhất niệm. Phương pháp này cũng giống như phương pháp thôi miên của thể gian, nhờ chăm chăm nhìn vào một điểm cố định nên ý không phân tán. Phương pháp quán tượng này cũng chỉ tác dụng là an lập ý.

3. Quán tưởng niệm Phật: Tức dùng trí tưởng tượng hình bóng đức Phật A Di Đà (được nghệ nhân vẽ ra) làm hiện hữu hình bóng ấy trong vọng tâm của chúng ta, làm cho ý không phân tán, nên dần dần cũng được nhất niệm. Phương pháp này cũng chỉ tác dụng là an lập ý.

Chúng ta cần chú ý là, pháp gì có đối tượng thì còn bị thức dính vào; tức còn sở tướng là còn hư vọng, nên còn bị dòng năng lực samsāra chi phối, để hình thành ba loại hạt giống: Thiện - ác và vô ký hay rơi vào hôn trầm (4 cú: có, không, cũng có cũng không, không có không không).

Trên lộ trình chín cảnh giới định (cửu định) của

Hòa Thượng Thích Minh Điền là viện chủ Tu Viện Quy Nguyên (Princeton Meditation Center), 9516 County road 867, Princeton, TX 75407.

đức Phật Thích Ca, Ngài liên tục từ bỏ những gì có sở chứng, từ sơ thiên cho đến phi phi tướng định. Đức Phật Thích Ca thấy rằng: Pháp gì được tác thành thì pháp ấy còn tình thức dính vào nên rơi vào hữu vi vô thường, nên Ngài mới đi vào diệt thọ tướng định, nơi mà các lậu hoặc sẽ hoàn toàn được đoạn trừ, các cảm thọ lạc, khổ, vô ký và các tướng đi đến các cảm thọ lạc, khổ, vô ký sẽ hoàn toàn được tịnh chỉ.

4. Thật tướng niệm Phật: Tức niệm Phật tam muội hay chính là niệm tự tánh Di Đà mà kinh A Di Đà này chỉ dạy. Tự tánh vốn tự thanh tịnh, nên niệm A Di Đà là niệm vô sở niệm (tâm vô sở trụ). Bởi niệm vô niệm, nên các Tổ xưa chuyển từ niệm danh tự A Di Đà Phật sang niệm tự tánh bằng cách đảo ngược lại: “Ai niệm A Di Đà Phật?”

Vì vậy cho nên kinh nói “pháp khó tin;” vì không có sở niệm, nên cũng gọi là “pháp không pháp.” Theo lý Thật Tướng thì niệm pháp thân Phật, nên gọi là “Pháp giới tàng thân A Di Đà Phật.” Pháp thân thanh tịnh như hư không, biến khắp pháp giới, thật không có tướng có thể được, không có tướng tâm năng niệm, tướng Phật sở niệm, năng sở đều quên, tâm - Phật không hai, mới đạt thành nhất tâm bất loạn, trạm nhiên thường trụ.

Chân tâm vốn lia khỏi sanh diệt, vốn vô thủy vô chung nên nói vô lượng thọ, vô lượng quang. Không ai làm cho tâm mình thanh tịnh ngoài mình. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xác quyết rằng, Ngài chỉ là vị thầy dạy đạo mà thôi. Còn ai ăn thì nấy no, ai uống thì nấy hết khát. Đức Phật không thể tu thay cho thị giả A Nan được, nên khi Ngài thị hiện tịch diệt thì thầy A Nan vẫn chưa chứng được đạo. Không tu chờ gần chết, nhờ người khác đến trợ niệm danh tự “Nam mô A Di Đà Phật” để được vãng sanh, tức là phá bỏ luật nhân quả mà Phật Thích Ca đã dạy. Người theo Phật có chánh kiến thì phải cẩn thận!

Như vậy, đề kinh cũng nói lên thật tướng niệm Phật để đạt đến cảnh giới chân tâm, nguồn an lạc tuyệt đối (cực lạc) mà đức Phật Thích Ca đã chứng đắc. ♦



Quy Nguyên

Thơ HT THÍCH MINH ĐIỀN

Đa mang thế sự nhân tình
Sóng xô nhân ngã bất bình khổ đau
Về chùa đạm bạc tương chao
Giữ tâm thanh tịnh lòng nào chẳng vui

Hoàng hôn buông xuống dòng đời
Ánh dương hòa quyện mây trời chiếu soi
Tự ngôn thả giữa dòng trôi
Quán âm tịch chiếu bên đời huyễn hư

Vén mây tìm dấu chân như
Mò trăng đáy nước bóng xưa ảo mờ
Chơn kinh hồi bé ngây thơ
Bao năm thuyết giáo bây giờ ở đây

Lặng thinh thành kính chấp tay
Đi tìm dấu vết Như Lai ngày nào
Đất bằng sóng dậy lao xao
Suối con chảy mạnh dôn vào đại dương

Con quỳ đốt nén tâm hương
Giữ lòng thanh tịnh cúng dường Thế Tôn
Hằng ngày ở chốn thiền môn
Chẳng duyên thế sự, lối mòn dân xa

Mây trời lỏng lẻo bao la
Họa mi hòa nhịp khúc ca thái bình
Nắng vàng điểm tuyết lá xanh
Lộc non hé nụ trên cành từng hương

Chấp tay thành kính cúng dường
Áo lam hòa hợp thiền đường tựa nương
Con nguyện dâng nén tâm hương
Giữ lòng thanh tịnh chẳng vương bụi trần

Trước Phật đài nguyện tinh tâm
Không gian trầm lắng hương lòng nhẹ bay
Tương chao đạm bạc tháng ngày
Không màng thế sự, chẳng say nhân tình

Mặt hồ gợn sóng lung linh
Trên non dưới nước thanh bình chốn xưa
Quy nguyên nguồn cội Phật thừa
Muôn chim hòa nhịp cũng ưa non bồng

Mim cười thả nhẹ lắng trong
Nơi vào chẳng trụ, tơ lòng chẳng vương
Về đây tìm chốn cố hương
Thênh thang một cõi vô thường dân trôi

Cánh hoa theo gió buông rơi
Gợn lên mặt nước mây trời lãng du
Đi qua hình bóng thiên thu
Mò trăng đáy nước sương mù mờ xa. ♦



*Phật,
Tổ,
và
Liên Hoa*

*qua nét vẽ
của cư sĩ
Nguyễn Giác*





Chân của Thật Nghĩa Giàu và Vui

Bài TT SAKYA MINH-QUANG

Đất trời kho báu của chung
Bấy lâu sao mãi bàn cùng uống oan?
Ngày xuân hoa đẹp khắp non
Đêm thu gió mát trăng tròn riêng ai?
Thở vào, hương thoảng đào mai
Thở ra, ngắm ánh trăng lay bên cầu
Đây nguồn hạnh phúc nhiệm mầu
Giàu vui nào phải tìm cầu đâu xa!
Thở vào, nhẹ nhõm thở ra
Có vào, hạnh phúc cho ra mọi người
Giàu nhờ kho báu đất trời
Lấy dùng vô tận, ai người cấm ngăn?
Vui vì sống có thiện căn
Biết chia sẻ những khó khăn với người
Trăng trong, gió mát, hoa tươi...
Một kho vô tận xin người lấy cho!
(Kho Báu Vô Tận - Sakya Minh-Quang)

I. Dẫn nhập

Vào đêm trăng rằm tháng bảy năm Mậu Tuất (1082), Tô Đông Pha (1037-1101), một trong tám vị đại văn hào đời Đường Tống (Đường Tống bát đại gia), đang lúc bị lưu đày ở Hoàng Châu, đã cùng bạn chèo thuyền ngắm trăng, dạo chơi dưới chân núi Xích Bích. Trong cảnh gió mát trăng thanh, đàn hát vui vẻ, bỗng có một vị khách thổi lên một khúc tiêu ai oán. Tô Đông Pha hỏi lý do.

Vị khách này giải thích vì tức cảnh sinh tình, chèo thuyền bên dưới ngọn núi Xích Bích nên nhớ lại trận chiến Xích Bích năm xưa, nơi Chu Du đã dùng hỏa công phá tan đội quân hùng mạnh của Tào Tháo. Anh hùng như Tào Tháo, thao lược như Chu Du mà nay có còn đâu?

Rồi vị khách lại nói, “*Hướng chi tôi và ông chỉ như kẻ ngư phủ đánh cá hay tiêu phu đón củi ở bến sông, làm bạn cùng hươu nai tôm cá. [Chúng ta] chèo một chiếc thuyền con, mời nhau một bầu rượu nhạt, gởi kiếp phù du nơi trời đất, như hạt thóc nhỏ bé giữa vô cùng! Tôi buồn vì sinh mệnh sao ngắn ngủi, lại hâm mộ con sông dài chảy vô cùng! [Ước gì,] được cùng tiên phi hành để ngao du, ôm trăng sáng mà sống mãi. Biết rằng mình không thể làm được như vậy, nên gởi tấm lòng tiếc hận này vào tiếng gió buồn thương!*”

Trước sự bi thương của bạn, Tô Đông Pha với cái nhìn thấu đáo và sâu sắc hơn, đã an ủi và thức tỉnh

*Thượng Tọa Sakya Minh Quang là viện chủ Tu Viện Thiện Tường, 1512 N. McKinley Ave., Champaign, IL 61821; điện thoại (217) 552-1479, website www.thientuongtemple.com
Hình trên là bức tranh thủy mặc nổi tiếng của họa sĩ Vũ Nguyên Trục (Wu Yuan-chih) đời nhà Kim (1149-1189) vẽ buổi dạo chân núi Xích Bích (Red Cliff) của Tô Đông Pha với hai người bạn và ông chèo thuyền.*

vị khách chung thuyền, “*Bạn có biết về dòng sông và ánh trăng chăng? Dòng sông tuy trôi qua như thế mà chưa từng đi, ánh trăng tuy tròn khuyết như vậy nhưng không thêm bớt. Bởi vì, nhìn từ góc độ biến hóa thì trời đất không thể không thay đổi dù chỉ trong một chớp mắt; còn nhìn từ góc độ bất biến, thì vật và ta đều vô cùng, cần gì phải hâm mộ? Lại nữa, trong cõi trời đất vạn vật đều có chủ. Nếu không phải là cái mình có, thì ta không được lấy dù chỉ là mây may. Còn như, gió mát ở trên sông, trăng sáng nơi lưng núi, tai chạm đến thành tiếng, mắt bắt gặp thành sắc, nếu lấy đó thì không ai ngăn cấm, nếu dùng đó sẽ không bao giờ hết. Cho nên, trời đất chính là kho vô tận. Đây là cái mà tôi cùng với bạn thỏa thích lấy dùng.*”

Nghe xong, vị khách chùng như tỉnh ngộ, vui vẻ trở lại.

(Tiền Xích Bích Phú-Sakya Minh-Quang dịch)

Như vậy, tiếng tiêu buồn bã chính là tiếng lòng của người khách cùng dạo thuyền bên núi Xích Bích với Tô Đông Pha thuở nào. Nhưng thực ra, đây cũng là nỗi niềm của chúng sinh khi phản tỉnh lại kiếp nhân sinh ngắn ngủi và nhỏ nhoi giữa trời đất bao la vô tận. Lý Bạch (701-762), được xưng tụng là Thi Tiên đời Đường, từng chia sẻ một nhân sinh quan tương tự:

*Anh thấy chăng?
Hoàng hà nước tự trời cao
Trôi ra biển cả chẳng bao giờ về.
Anh thấy chăng?
Cha soi kính tóc bạc phơ
Sớm tơ, tối tuyết, ngân ngơ chợt buồn!*

(Tương Tiến Tựu-Sakya Minh-Quang dịch)

Còn Trần Tử Ngang (661-702), được xưng tụng là Tổ Thơ của Đường Thi (Đường Thi Thi Tổ), lại càng trực tiếp hơn:

*Trước: chẳng thấy người xưa
Sau: không gặp ai đến
Ngẫm trời đất mênh mông
Riêng đau lòng rơi lệ*

(Đặng U Châu Đài Ca-Sakya Minh-Quang dịch)

Như vậy, nỗi buồn của Lý Bạch, dòng lệ của Trần Tử Ngang cũng đồng điệu với tiếng lòng thê thiết của vị khách dạo chơi dưới chân núi Xích Bích thuở nào. Nhân sinh quan về cuộc đời vô thường ngắn ngủi này tuy không sai, nhưng chưa minh triết và thấu đáo.

II. Đạt quan: Dòng sinh mệnh vô cùng, người vật không hai

Vị khách trên thuyền đó có thể là một nhân vật hư cấu, phản ảnh thế giới nội tâm phức tạp, luôn xung đột giữa hai thái cực: *tình* và *trí* của Tô Đông Pha. Có lẽ, Tô Đông Pha đã tự an ủi, thức tỉnh và khích lệ mình trong bước đường hoạn nạn. Trong nốt trầm trên đường hoạn lộ, bị giam vào tử ngục, rồi sau đó được phóng thích, nhưng bị lưu đày ở chốn hoang dã là Hoàng Châu (1080-1084), nhiều bài đã trở thành tuyệt tác, mà bài Tiền Xích Bích Phú là một ví dụ điển hình.



Thượng Tọa Sakya Minh Quang đã có gần bốn mươi năm kinh nghiệm tu học và hoằng dương Chánh Pháp qua việc biên soạn sách vở, phiên dịch kinh điển, sáng tác thơ văn, và giảng dạy giáo lý. (Hình: Tu Viện Thiện Tường)

hâm mộ, kính trọng, nhưng cũng không ít người đổ tài, ganh tỵ, nhất là trong giới quan trường. Lại thêm, ông cá tính ngay thẳng, trực ngôn, không chịu xu phụ quyền quý, “không hợp thời nghi” nên đã đụng chạm đến quyền lợi của những kẻ đương quyền, khiến một đời lao đao lận đận vì những gièm pha, vu khống.

Nhưng có lẽ, nhờ những trải nghiệm khổ đau đó, Tô Đông Pha càng gắn gũi và học Phật sâu sắc hơn. Qua chiêm nghiệm Phật lý, Tô Đông Pha đã có được một nhân sinh quan sâu sắc. Nhờ nhân sinh quan sâu sắc này, những tác phẩm sáng tác thời lưu đày ở Hoàng Châu (1080-1084), nhiều bài đã trở thành tuyệt tác, mà bài Tiền Xích Bích Phú là một ví dụ điển hình.

Trong bài phú này, Tô Đông Pha đã an ủi cho vị khách chung thuyền, mà đúng hơn là tự nhắc nhở mình: “*Dòng sông tuy trôi qua mãi như thế mà chưa từng đi, ánh trăng tuy tròn khuyết như vậy mà rốt cuộc không có thêm bớt. Bởi vì, nhìn từ góc độ biến hóa thì trời đất không thể không thay đổi dù chỉ trong*



Lễ Vía Quán Âm, Cầu Nguyễn Xây Hồ Tịnh Tâm tháng 11, 2018. (Tu Viện Thiện Tường)

một chớp mắt; còn nhìn từ góc độ bất biến, thì vật và ta đều vô cùng, cần gì phải hâm mộ?”

Ý đoạn văn trên Tô Đông Pha bảo rằng: Tất cả vạn vật đều vô thường, sinh diệt trong từng sát-na. Đừng cho rằng dòng sông là một thực thể chảy dài vô tận. Thực ra, nếu nhìn từ góc độ “biến” hay vô thường, dòng sông đang sinh diệt, biến đổi từng phút từng giây, không phải dài lâu như ta vẫn nghĩ. Vạn vật đều vô thường sinh diệt trong từng sát-na. Vì vậy, ta không cần phải hâm mộ cái lâu dài của vật mà tiếc hận cho sự ngắn ngủi của đời người, vì tất cả đều sát-na vô thường, bình đẳng như nhau! Lại nữa, từ góc độ “bất biến” nhìn, sinh diệt chỉ là giả tướng duyên khởi của vạn vật, còn thật tướng là tánh không bất sinh bất diệt! Như vậy, Tô Đông Pha đã thâm nhập sâu sắc nhân sinh quan của Phật giáo Đại Thừa như *thật tướng bất sinh bất diệt* và thể hiện điều này qua tuyệt tác *Tiền Xích Bích Phú*.

Như vậy, nhân sinh quan của Phật giáo không phải *bi quan*, hay *lạc quan*, mà là *đạt quan*. *Bi quan* là nhìn đời qua cặp kính đen, thấy cái gì cũng tiêu cực, tăm tối. *Lạc quan* là nhìn đời qua cặp kính hồng, tự mình tô màu cho cuộc sống, để khi đối diện thực tế lại không đủ năng lực để đối phó trước bao nghịch cảnh khó khăn. Giáo dục Phật giáo trước hết giúp hành giả giác ngộ đời vô thường, tức nhìn đời từ góc độ biến đổi, để biết thức tỉnh buông bỏ lợi danh, tình chấp. Muốn được như vậy, không những chỉ có “vô thường quan,” tức nhân sinh quan về vô thường, mà còn cần phải có “vô thường quán,” tức công phu quán chiếu sâu sắc về vô thường để dứt trừ thói quen tình chấp. Sau đó, hành giả phải quán chiếu sâu sắc hơn để nhận ra *pháp tính bất sinh bất diệt* nơi vô thường sinh diệt, vượt qua kiến chấp thường đoạn nhị nguyên, và nhìn đời với tri kiến “như thị,” tức *nhìn vạn pháp đúng như nó là* (yathabutham-see the world as it really is). Cái nhìn này được gọi là *đạt quan*.

III. Đạt Quan: Cái nhìn như thị

Thuở xưa có một vị tăng đọc Kinh Pháp Hoa, đến câu:

*Các pháp từ xưa nay,
Tướng thường tự vắng lặng
(Chư pháp tùng bản lai,
thường tự tịch diệt tướng).*

Ông khởi nghi ngờ, tại sao các pháp rõ ràng vô thường sinh diệt mà Phật lại bảo là “thường tự vắng lặng”? Ôm mối nghi này như một công án tham cứu, vào một buổi sáng mùa xuân, khi đang ngồi ngắm hoa trước tịnh thất, chợt nghe chim hót trên nhánh dương, ông liền ngộ ra chân thật nghĩa mà ý Phật muốn nói, liền thêm hai câu vào hai câu kinh trên để làm nên bài kệ bốn câu:

*Các pháp từ xưa nay
Tướng thường tự vắng lặng
Xuân đến trăm hoa nở
Hoàng oanh hót trên cành!
(Chư pháp tùng bản lai
Thường tự tịch diệt tướng
Xuân đáo bách hoa khai
Hoàng oanh đề liễu thượng.
(Cảnh Đức Truyền Đăng Lục)*

Thì ra, vị tăng đã một bước nhảy vượt khái niệm nhị nguyên: có không, sinh diệt, động tĩnh, thường đoạn, để nhận ra *pháp nhĩ như thị*. Sao gọi là “Các pháp thường tự vắng lặng”? Tự vắng lặng chính là tự tính không (Sūnyatā) của các pháp. Các pháp duyên khởi nên tánh không. Cho nên, nói các pháp *không*, không phải là không có, mà là *không thật có* vì *không có tự tính*. Lại nữa, vì các pháp không có tự tính nên các pháp mới có thể duyên khởi hình thành. Ví dụ, nếu trẻ em có tự tính của trẻ em thì trẻ em mãi mãi là trẻ em mà không thể trở thành người lớn! Cho nên, nói khác đi, các pháp duyên khởi chính là tánh không và tánh không chính là duyên khởi. Nói khác đi, sắc tức là không và không tức là sắc, sắc không vô ngại. Đây chính là thật tướng của các pháp. Vì vậy, các pháp vẫn thường tịch diệt (tánh không) dù xuân về chim hót hoa cười hay thu sang lá vàng rơi rụng (duyên khởi). Như vậy, bất sinh bất diệt ngay nơi sinh diệt, sinh tử và niết-bàn vốn không hai, bởi vì các pháp thường tự tịch diệt. Đây chính là cốt tủy của Phật Pháp Đại Thừa. Trong *Triệu Luận*, Tăng Triệu cũng có bài kệ nói lên ý này:

*Gió thổi bay núi mà thường tịnh
Nước sông đổ gấp mà không trôi
Bụi trần lắng xuống mà chẳng động
Mây qua bầu trời mà chẳng đi!*

Đây cũng là ý Tô Đông Pha nói: *Dòng sông tuy trôi qua mãi như thế mà chưa từng đi, ánh trăng tuy*

tròn khuyết như vậy mà rốt cuộc không có thêm bớt.

Để chứng ngộ được thật tướng bất sinh bất diệt này, trong bài kệ Lục Như của Kinh Kim Cương Bát-nhã, đức Phật dạy hành giả phải quán chiếu:

*Tất cả pháp hữu vi
Như mộng, huyễn, bọt,
bóng*

*Như sương sớm, điện
chớp*

*Nên quán chiếu như
vậy.*

*(Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng, huyễn, bào,
ảnh*

*Như lộ, diệt như điện
Ứng tác như thị quán).*

Có thấy được các pháp hữu vi không thật, như mộng huyễn bào ảnh..., hành giả mới có thể vượt qua nhận thức giả tướng thường nghiệm, và chứng ngộ thật tướng bất sinh bất diệt này.

Dựa vào ý Kinh Kim Cương trên, bút giả đã viết bài kệ tọa thiền buổi sáng sử dụng tại Tu Viện Thiện Tường:

*Canh năm thức tỉnh tọa thiền
Tinh thần đề khởi, trang nghiêm tu trì.
Quán sâu các pháp hữu vi
Như mộng, như huyễn, khác gì sương mai
Bóng trăng, bọt nước không sai
Lại như điện chớp chợt bay ngang trời!
Tánh không quán chiếu không ngại
Kim Cương Phật nhãn nhìn đời như như!
Đại chúng xin hãy thiền tư
Một phen thể nghiệm chân như niết-bàn!*

“Kim Cương Phật nhãn nhìn đời như như” là cái nhìn đạt quan của Phật giáo, tức nhìn đời đúng như nó là (see things as they really are). Thật tướng bát-nhã này là kết quả của quá trình quán chiếu bát-nhã: “Tánh không quán chiếu không ngại.” Nhìn đời được như vậy, hành giả mới thực sự an lạc hạnh phúc, ung dung tự tại trong cõi đời vô thường, khổ không này.

Tuệ Trung Thượng Sĩ cũng bảo: “Đạt quan trước sống chết chừ, nhàn vậy thôi!” (Sinh tử đạt quan hề, nhàn nhi dĩ). Cho nên, nếu nhận ra thật tướng của các pháp là tánh không, hay tướng thường tịch diệt, thì mình và vật không khác, đều cùng trong thể tánh bất sinh bất diệt, dòng sinh mệnh vô lượng thọ, vô lượng quang, thì cần chi phải bỏ mình theo vật, hâm mộ trường sinh bất tử của phi tiên? Đây cũng chính là ý của Tô Đông Pha trong đoạn văn trên.

IV. Đạt quan là giàu vui

Lại nữa, người đạt quan không chỉ thực sự an vui mà còn vô cùng giàu có. Trước hết, họ giàu có vì biết



Tu Viện Thiện Tường ở Champaign, tiểu bang Illinois. (Hình của Tu Viện)

đủ. Biết đủ tức là biết nhận ra những gì mình đang có, biết trân quý và khéo hưởng dụng nó. Ví dụ, hơi thở là sự sống. Nếu thở ra mà không thở vào chúng ta sẽ sang đời khác! Vậy có ai nhận ra mình đang thở một cách thoải mái không? Đây là một niềm hạnh phúc mà chúng ta đang hưởng thụ từng phút giây trong cuộc sống hằng ngày. Hơi thở quan trọng vậy mà nhiều khi mình không ý thức được niềm hạnh phúc này. Thử nghĩ xem, khi chúng ta nghẹt mũi hay bị lên cơn hen suyễn, sự khó thở sẽ gây ra khổ sở như thế nào? Đây là lúc bình thời, còn trước giây phút lâm chung lại càng cho thấy sự trọng yếu của hơi thở. Khi cái chết đến bên, hơi thở yếu ớt và đứt đoạn. Máy trợ thở và đủ mọi dụng cụ y khoa hỗ trợ người hấp hối, thực ra cũng chỉ vì để duy trì một hơi thở này mà thôi!

Vì vậy, biết đủ không phải là tiêu cực, an phận, không chịu cầu tiến như nhiều người thường lầm nhận. Thực ra, người biết đủ là người có trí tuệ và bản lĩnh. Trí tuệ là khả năng thấy và biết trân quý những gì mình đang có, còn bản lĩnh là khả năng nhận diện và sống hạnh phúc với của báu trong ta. Có biết quý trọng và hưởng dụng những gì mình đang có, mới có đủ trí tuệ và năng lực để truy cầu những cái lớn lao và có ý nghĩa hơn. Còn buông hình bất bóng, không trân quý những gì đang có, chỉ truy cầu những điều xa vời, đó là người tham lam, thiếu trí tuệ.

Cho nên, đức Phật dạy: “Nếu muốn thoát khổ não nên quán xét biết đủ. Biết đủ là an vui và giàu có bậc nhất. Người biết đủ tuy nằm trên đất cũng an vui, người mà không biết đủ dù ở nơi thiên đường, cũng không thấy vừa ý. Người mà không biết đủ tuy giàu nhưng lại nghèo, người biết đủ tuy nghèo lại vô cùng giàu có. Người mà không biết đủ bị năm dục kéo lôi, người biết đủ thấy vậy, cảm thấy thực đáng thương.” (Kinh Di Giáo-Sakya Minh-Quang dịch)

Lại nữa, Người đạt quan còn là người khám phá

ra kho báu vô tận của trời đất, lấy không hết, dùng không cùng. Cho nên, dưới con mắt thế gian nhìn, dường như họ rất nghèo, nhưng thực ra họ là người rất giàu có hạnh phúc.

Trong bài Tiên Xích Bích Phú trên, Tô Đông Pha nói: *“Lại nữa, trong cõi trời đất vạn vật đều có chủ. Nếu không phải là cái mình có, thì ta không được lấy dù chỉ là mây may. Còn như, gió mát ở trên sông, trăng sáng nơi lưng núi, tai chạm đến thành tiếng, mắt bắt gặp thành sắc, nếu lấy đó thì không ai ngăn cấm, nếu dùng đó sẽ không bao giờ hết. Cho nên, trời đất chính là kho vô tận. Đây là cái mà tôi cùng với bạn thỏa thích lấy dùng.”*

Trộm cắp của người là một điều xấu mà cũng là một trong năm giới cấm của Phật giáo. Nhưng kho báu trời đất bao la, là của chung của muôn loại, sao ta không biết lấy dùng? Ánh nắng ban mai, gió mát trưa hè, ánh trăng đêm thu, hoa nở, chim hót mùa xuân... bao nhiêu cái đẹp và niềm vui xung quanh mà mấy ai biết tận hưởng? Đây là điều mà bút giả bảo:

*Đất trời kho báu của chung
Bấy lâu sao mãi bần cùng uống oan?
Ngày xuân hoa đẹp khắp non
Đêm thu gió mát trăng tròn riêng ai?
Thở vào, hương thoảng dào mai
Thở ra, ngắm ánh trăng lay bên cầu
Đây nguồn hạnh phúc nhiệm màu
Giàu vui nào phải tìm cầu đâu xa!*

Nhưng cần nhớ, kho báu này là của chung của muôn loại, phải là người trí tuệ mới biết cách lấy dùng như vậy. Điều này hoàn toàn khác với lòng tham lam lạm dụng thiên nhiên, phá hoại môi trường, chỉ muốn lấy “của chung của muôn loại” làm của riêng cho mình và gia đình mình. Đây là phạm tội trộm cắp của chung, ngược đãi thiên nhiên, lạm dụng môi trường sống vì tham lam vật chất và ích kỷ bản thân. Ngày nay, nhiều nơi trên thế giới, nhất là ở Việt Nam, nhiều người hay tập đoàn vì lòng tham đã và đang phạm tội này. Kết cuộc, theo luật nhân quả, con người đã trở lại hại mình, hại người, và con cháu sau này do trí tuệ bị che lấp bởi lòng tham vô độ.

Ví dụ, nạn phá rừng gây lũ, khói công nghiệp gây ô nhiễm không khí, chất thải nhà máy gây ô nhiễm nguồn nước, sự rò rỉ chất phóng xạ và rác hạt nhân là những vấn nạn xã hội mà chưa có phương pháp giải quyết thỏa đáng. Ngày càng có nhiều cơn lũ quét gây mất mát của cải và cái chết thương tâm cho cư dân ở những nơi đầu nguồn do nạn khai thác rừng bừa bãi. Những bệnh tật hiểm nghèo như ung thư ngày càng nhiều do con người đã hít thở không khí khói bụi, sử dụng nguồn nước dơ bẩn, ăn rau cải có thuốc trừ sâu, dùng cá thịt nhiễm độc vì nước thải nhà máy và thức ăn tăng trọng v.v.. Đây là điều hoàn toàn trái với thái độ *đạt quan* của Phật giáo.

V. Đạo phong của người xưa

Như vậy, người sống *đạt quan* là người biết cống hiến cuộc sống của mình cho việc tìm cầu chân lý và đem lại hạnh phúc chân thật cho nhân sinh. Vì mục

đích này, họ đã từ bỏ vinh hoa phú quý, sống đời thiếu dục tri túc để dành năng lượng và thời gian cho sự nghiệp giác ngộ, giải thoát. Cho nên, trong Kinh Tám Điều Giác Ngộ đức Phật dạy:

*Bạc Bô-tát vô cầu biết đủ
Vui phận nghèo quy cũ tu hành
Trau giồi tuệ nghiệp lợi sanh
Vung gươm trí tuệ, dứt mảnh vô minh!
(Sakya Minh-Quang dịch)
Thiền sư Huyền Giác cũng bảo:
Điệu xưa, phong thái tự thanh cao
Mặt gầy, xương cứng chẳng ai chào*

...
*Thân nghèo: Con Phật manh áo vá
Lòng giàu: Đạo sáng tựa trăng sao!
(Chứng Đạo Ca-Sakya Minh-Quang dịch)*

Xét ra, trong lịch sử Phật Giáo, những vị Cao tăng Thạc đức đều là những người có Đạo phong, Đạo hạnh và Đạo nghiệp như vậy.

Khi bút giả còn nhỏ, mỗi buổi sáng thức dậy công phu khuya, đều được nghe Hòa Thượng ân sư Thích Thiện Tường (1917-1984), người khai sáng Tổ Đình Giác Nguyên Sài Gòn, thỉnh đại hồng chung và ngâm kệ cảnh tỉnh đại chúng. Trong đó có bài:

*Cũng vì mang lấy chữ nghèo
Chữ nghèo đằng cuối có vần eo
Vần eo thúc đẩy mau thành Đạo
Thành Đạo vì nghèo ít kẻ theo!
(HT. Thích Thiện Tường)*

Bài kệ này một phần nói lên nếp sống thanh đạm, nghiêm trì tịnh giới và cần lao phụng sự đại chúng của Ngài. Được cúng dường tiền bạc, vải vóc bao nhiêu, Hòa Thượng đều chia lại cho đại chúng, còn mình chỉ ba y một bát, áo rách vá vai, suốt ngày cuốc đất trồng rau. Cuộc sống tu viện Phật giáo sau 1975 dù biết bao khó khăn vất vả, cả đời sống vật chất lẫn tinh thần, Hòa Thượng vẫn rần rỏi lập trường, ung dung tự tại, như cội tùng già vững chãi giữa tuyết sương, để che chở và nuôi dưỡng những mầm non Phật Pháp như bút giả và huynh đệ.



Hòa Thượng Thích Thiện Tường (1917-1984) sáng lập Tổ Đình Giác Nguyên, Sài Gòn 1947.

Một bậc Cao tăng Thạc đức khác của Việt Nam là Hòa Thượng Thích Tuệ Đăng (1873-1953), dịch giả Kinh Vu Lan và Kinh Báo Hiếu ở Việt Nam. Ngài chẳng những có công đức lớn dịch kinh, còn là một vị Đạo phong và Đạo hạnh khả kính. Ngài từng có hai câu đối ghi trước hang đá ở Bà Rịa, nơi Ngài ẩn tu:

Tá thạch vì tường, thực thức lão tăng cùng đáo để
Đĩ phong tác phiến, thùy tri đại đạo lạc vô cương!

Nghĩa:

Mượn đá làm tường, ai biết lão tăng nghèo hết mức?
Lấy gió làm quạt, đâu ngờ Đạo lớn vui vô cùng!

(Sakya Minh-Quang dịch)

Lại nữa, Thiền sư Lương Khoan 良寬 (1758~1831) người Nhật Bản là một người sống rất đạm bạc, hòa quang đồng trần cùng dân chúng trong đời thường. Ngài có bài thơ nói lên Đạo phong và Đạo hạnh của mình:

Trong túi vài cân gạo
Bên lò bó củi khô
Ai hỏi dấu mè ngộ
Lợi danh bụi sạch chưa?
Đêm mưa trong am cỏ
Đuổi hai chân ngủ khò!

(Thiền sư Lương Khoan-Sakya Minh-Quang dịch)

Ý Ngài bảo: Nếu có ai hỏi làm việc mè ngộ, làm sao để khai ngộ, kiến tánh. Xin thưa, hãy tự hỏi mình đã quét sạch bụi trần danh lợi trong đời sống hằng ngày chưa? Nếu miệng chỉ bàn chuyện chánh niệm tỉnh giác, vãng sinh Tịnh Độ, tham thiền kiến tánh v.v., nhưng danh lợi chẳng buông thì tất cả chỉ là hý luận!

VI. Thay lời kết

Sau đây, xin mượn một giai thoại trong cuộc đời của Thiền sư Lương Khoan để thay cho lời kết luận. Một hôm, có một tên ăn trộm đến viếng am cỏ của Ngài. Lục mãi nhưng chẳng thấy gì, ngài thức dậy, thấy vậy mới cởi chiếc áo khoác bên ngoài đưa cho nó. Tên ăn trộm nhận áo định đi. Ngài bảo: Sao không cảm ơn? Nó cảm ơn rồi bỏ đi. Ngài quên băng việc này. Ba hôm sau trời trở lạnh, giữa đêm giạt mình thức dậy. Cảm thấy lạnh, Ngài mới nhớ lại chuyện ăn trộm hôm trước. Ngài thâm thương cho tên trộm, tự nói: “Không biết hắn có đủ ấm không?” Nhìn ra cửa sổ sáng trắng, Ngài lại bảo: “Ước chi ta có thể tặng cho hắn ánh trăng sáng này!”

Bút giả bình: Tưởng rằng Lương Khoan rất nghèo, ai ngờ lại giàu vô cùng, có một kho báu vô tận, mặc tình tiêu dao! Chẳng những vậy, Ngài còn sẵn lòng chia sẻ cho người. Nhưng ai là người chịu tin nhận đây? Tên trộm gặp thiền sư mà chỉ có được một chiếc áo khoác, thực đáng tiếc thay! Đúng là cùng tử phụ Cha!

Vậy nên,

Trăng trong, gió mát, hoa tươi...
Một kho vô tận xin người lấy cho!

(Viết tại Tu Viện Thiện Tường, ngày 11 tháng 12, 2018)♦

Hoa Tịnh Độ

Ngày nay lại đã trôi qua
Mạng người hơi thở, biết là về đâu?
Tử sinh, sinh tử dài lâu
Bao nhiêu kiếp đã ngập sâu biển trần!

Ta-bà ràng buộc ái ân
Vung quơm tuệ dứt bao lần chưa xong!
Thẹn mình biển nghiệp mênh mông
Nuông thuyền Phật độ, vượt dòng tử sinh.

Đi-đà bản nguyện vững tin
Phật y chánh bảo, nguyện sinh cõi lành
Mượn duyên thù thắng tu hành
Cùng bậc Thượng thiện vô sanh sớm thành.

Liễu tri tịnh ược tâm sanh
Ta-bà Tịnh độ đều thành Giác hoa
Một chân pháp giới bao la
Mười phương thị hiện dâng hoa cúng dường.

Xua bao ân nghĩa, tình thương
Pháp môn đèn đáp, chỉ đường vô sanh
Tịnh Độ yếu nghĩa rõ ràng
Cây nghiêng có hương, vãng sanh có đường.

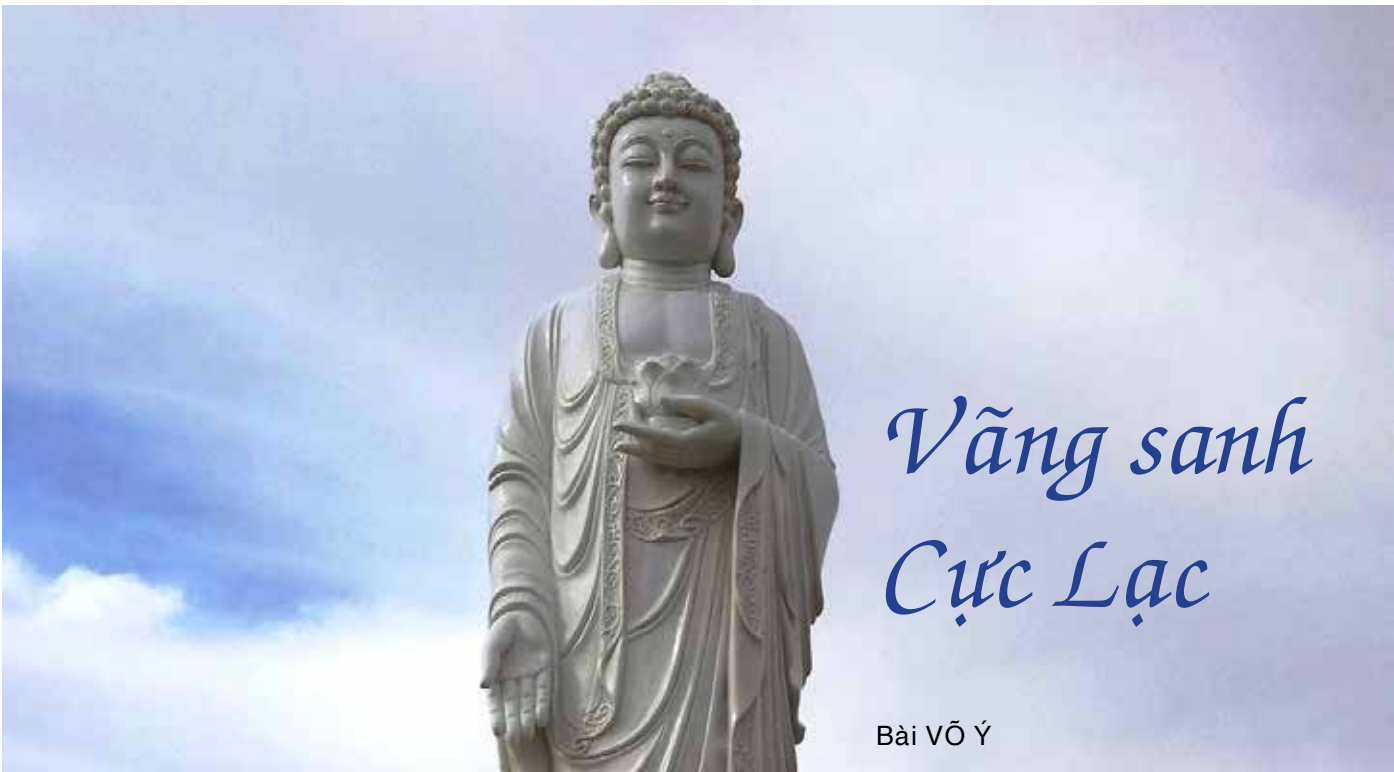
Tu hành chánh kiến phải nương
Bồ-đề tâm phát theo đường Thêh-ca
Tịnh tu, tịnh hóa Ta-bà
Mời hợp bản nguyện Di-đà Như Lai.

Đất bùn sen mọc hoa khai
Thực ra Tịnh độ chhhh ngay Ta-bà.
Hôm nay ược độ trồng hoa
Ngày mai Tịnh độ một tòa ngát hương!

Sakya Minh-Quang

Tu Viện Thiện Tường, 8/23/2018





Bà cụ thân sinh tôi qua đời ngày 17 tháng 12, 2011 tại Đà Nẵng lúc 8 giờ 20 phút sáng. Do đã chuẩn bị trước cả năm (Cấm Nang Chung Sự), tôi đại diện tang quyến gửi ngay Cáo Phó cho bà con quyến thuộc khắp nơi, trong cũng như ngoài nước biết vài chi tiết liên quan đến bà cụ và lễ tang. Những ngày sau, tôi nhận nhiều email khắp nơi gửi về với lời “Thành Kính Phân Ưu” và cầu chúc hương linh cụ bà Tâm Thí, pháp danh của má tôi, “Vãng Sanh Cực Lạc.” Các tấm biển của bà con tại địa phương đi phúng cũng được ghi bốn chữ Vãng Sanh Cực Lạc với kim nhũ óng ánh.

Là một Phật tử, tôi mong lời nguyện cầu của quý vị sớm thành sự thật, bởi vì “Vãng Sanh Cực Lạc” là cứu cánh của những người tu theo Pháp Môn Tịnh Độ. Nhưng hương linh của má tôi có được vãng sanh hay không, đó là điều tôi mạo muội trình bày trong bài viết dưới đây với tất cả sự thận trọng và chắc quý vị cũng muốn chia sẻ với tôi về chuyện trọng đại này.

Mùa xuân năm Canh Dần 2010, cụ bà Tâm Thí mừng đại thọ 100 tuổi tại Đà Nẵng.

Mùa xuân Tân Mão 2011, cụ từ trên xe lăn ngã té xuống sàn nhà, bất tỉnh. Gia đình mời Ban Hộ Niệm Hoa Sen (BHNHS) (1) đến hộ niệm cho cụ.

Tôi từ Cali bay về Đà Nẵng thì BHNHS đã hộ

niệm cho cụ được 6 ngày rồi, mỗi ngày hai cử sáng và chiều, sự chuyển biến còn chậm chạp. Qua ngày thứ bảy, tôi hỏi “Mạ có nhận ra con không?” thì cụ gật đầu, mọi người lộ vẻ vui. BHNHS quyết định tụng ba bộ Kinh Địa Tạng và đề nghị gia đình phóng sanh và ăn chay để giúp cho cụ sớm hóa giải nghiệp chướng.

Được biết, hai lần trượt té trước đây, vào những năm 1988 và 1989, cả hai xương chậu đều bị nứt nhưng cụ vẫn có thể nằm xuống ngồi dậy và lần từng bước vào xe lăn được, nhưng lần ngã té này thì cụ nằm yên bất động.

Sau chín ngày hộ niệm, thấy sức khỏe của cụ trên đà bình phục, BHNHS tạm ngưng để đi hộ niệm các trường hợp cần thiết khác. Ngày hôm sau, cư sĩ Tâm Lạc (2), trưởng chạy trên 35 năm, bạn học của cô Phúc Vinh (em gái tôi), bất ngờ ghé thăm bạn sau 35 năm mất liên lạc, thấy mẹ bạn nằm liệt giường bèn tự nguyện tụng bộ Kinh Thủy Sám trong hai ngày liền.

Lành thay, cụ ăn uống biết ngon miệng sau đó, nhưng lưng cụ bị hăm và lở do nằm bất động lâu ngày.

(1) Năm 2009, hai anh em chúng tôi (Võ Ý và Phúc Vinh) gặp cô Đa, một thành viên trong Ban HNHS. Cô Đa đề nghị chúng tôi nên mời BHNHS đến hộ niệm cho cụ khi hữu sự. Được biết Ban HNHS là một nhóm tu theo pháp môn Tịnh Độ, chịu ảnh hưởng đường lối hộ niệm của Pháp Sư Tịnh Không, chuyên hộ niệm cho những người sắp lâm chung được Vãng Sanh Cực Lạc. Vì là một nhóm tu nguyện, vô vị lợi nên không nhận bất cứ hình thức thù lao hay trả ơn nào. Nhưng muốn BHNHS hộ niệm cho thân nhân của mình, cũng cần chấp hành vài điều kiện: Toàn gia phải ký đơn do BHNHS cung cấp. Trong đơn có hai điều kiện, một là, khi đang hộ niệm, gia đình không đố kỵ (ví dụ gia đình muốn đưa người bệnh vào nhà thương), và hai là, người bệnh và thân nhân nên ăn chay.

Truyện Vãng Sanh Cực Lạc được trích từ Bắc Đẩu Võ Ý Tuyển Tập xuất bản tại Nam California năm 2018. Nhà văn Không Quân Võ Ý sanh năm 1940, trước năm 1975 là cựu Trung Tá Phi Đoàn Trưởng Phi Đoàn 118 Bắc Đẩu Không Đoàn 72 Chiến Thuật / Sư Đoàn VI Không Quân Pleiku, hiện đang nghỉ hưu ở Little Saigon, Quận Cam. Hình trên chụp tại Thiền Viện Chân Nguyên.

Bác sĩ Đỗ Văn Hùng (2), Trưởng khoa bỏng BV Đà Nẵng, hướng dẫn cô Vinh và cô Ái (2) chăm sóc vết lở khô miệng, lõi thịt non, không mủ, không hôi hám, nhưng không thể lành hẳn vì sức đề kháng cạn kiệt, hơn nữa cụ không thể nghiêng trái hay phải cho vết lở thông thoáng.

Khoảng giữa tháng 3, 2011, anh cả của chúng tôi từ Houston, Texas bay thẳng về Đà Nẵng thăm cụ. Sau hơn năm thập niên ly biệt, cụ được đoàn viên với cả ba người con dưới cùng một mái nhà. Có thể nói, sự kiện hiếm hoi này cũng là một liều thuốc tiên giúp cụ sớm bình phục, nhưng lòng tôi lại bắt đầu cảm nhận được sự mâu nhiệm thánh hiệu A Di Đà Phật và việc phóng sanh.

Những ngày bên cụ, tôi nghỉ đêm trên cái sofa gỗ kéo ra thành cái giường nhỏ kê phía sau giường của cụ. Tôi nghe cụ hay la hét hoặc nói lung tung không đầu vào đầu giữa khuya. Hỏi ra thì cụ đang bị “oan gia trái chủ” đến đòi nợ. Lần đầu tiên trong đời, tôi nghe nói đến bốn chữ này, có điều kỳ lạ là sau mỗi lần phóng sanh và cúng thí thực thì cụ không còn la hét những đêm sau.



Ông Võ Ý trong ngày ra mắt tuyển tập Bắc Đẩu Võ Ý tháng Giêng 2019 tại Little Saigon. (Thanh Phong/Viễn Đông)

(2) Sau chín ngày hộ niệm Thánh Hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, chúng tôi ghi nhận có ba điềm lành xảy ra. Một là, cô Ái, cô em bên chồng của Phúc Vĩnh, bất ngờ ghé thăm cụ và đồng ý giúp chăm sóc cụ cho đến cuối đời. (Nên biết, cả một năm trước đây, chúng tôi không thể tìm ra người có lòng và kinh nghiệm chăm sóc người già như cô Ái). Hai là, cư sĩ Tâm Lạc, trường chay trên 35 năm, bỗng gặp lại bạn học sau 35 năm biệt tăm, biết mẹ bạn đang bệnh khổ bèn tự nguyện tụng bộ Kinh Thủy Sám để hồi hướng công đức cho mẹ bạn. Ba là, Bác sĩ Đỗ Văn Hùng, Trưởng khoa Bỏng BV Đà Nẵng. Khi cấp bách, chúng tôi mời BS nội khoa Tín Quý gần nhà, BS Quý giới thiệu BS Hùng cho đúng thầy đúng bệnh. BS Hùng gặp cụ và tỏ ra quý như Mẹ và từ đó, BS Hùng coi như BS của Mẹ.

Chúng tôi xem ba vị trên như là Sứ Giả của Tịnh Độ, bởi vì những điềm lành này chỉ xảy ra sau chín ngày tụng Thánh Hiệu A Di Đà Phật.

Tôi cũng hiểu thêm danh từ “chúng sinh” bao gồm tất cả sinh vật trên đời này dù lớn dù nhỏ, có thể trong chúng sinh đó có cả cha mẹ anh chị em hoặc bà con quyến thuộc của mình từ vô lượng kiếp và tôi bắt đầu thấy sợ việc sát sinh. Những ngày sau, tôi theo gương cô em, phát nguyện ăn chay, (lời nguyện của tôi chỉ giới hạn từ nay cho đến sau 49 ngày trong trường hợp cụ ra đi, nhưng cô em thì nguyện trường chay) gọi là để trợ duyên cho việc vãng sanh của cụ được thuận lợi và nhân thể để thể hiện chút hiếu đạo với bậc sinh thành.

Sức khỏe cụ ngày càng khả quan, cụ ăn uống gần như bình thường, ngày năm cũ, ba cũ chính và hai cũ phụ. Cụ vẫn dùng chay lạt, dặm thêm bánh, sữa, trái cây... Thấy tình trạng tạm ổn, tôi trở về Cali cuối tháng 6, 2011, sau gần 5 tháng cận kề bên cụ. Trước khi đi, tôi chuẩn bị các cái thật đầy đủ trong Cẩm Nang Chung Sự và dặn dò cô em cứ y như thế mà thi hành nếu chuyện “vô thường” xảy ra.

Tháng 10, 2011, cô em báo cáo cho biết hai chân cụ bị phù. Bạn học Lục Phan (Trung học Phan Châu Trinh Đà Nẵng), có mấy con hành nghề Bác sĩ ở Chicago, cho biết, phù là triệu chứng suy tim và suy thận, bạn khuyên tôi nên về ngay. Tôi về Đà Nẵng đầu tháng 11, 2011, cụ có vẻ không nhận ra thứ nam của mình, hai mắt mờ màng xa xăm.

Từ ngày tôi về, theo hướng dẫn của BHNHS, cụ dùng tuyên cháo gạo lúc xay nhuyễn với mè rang xay nhuyễn. (Theo phương pháp OSAWA, gạo lứt và mè chứa nhiều B1, có lẽ để trị chứng phù thũng?)

Đầu tháng 12, 2011, bàn chân trái của cụ bị xì nước ra ngoài. Một tuần sau, tới phiên bàn chân phải. Hai chân xẹp dần sau đó. BS Hùng cho biết, nếu là nước trong thì không sao, còn cậu Đức (em vợ tôi) thì cho đó là triệu chứng của sự sắp ra đi.

Tuần kế tiếp, cụ mệt và biếng ăn. Hai anh em tôi và cô Ái (buổi trưa) thay nhau niệm Nam Mô A Di Đà Phật bên giường cụ. Chúng tôi khuyến khích cụ niệm Phật, cụ cố gắng giơ cánh tay phải lên như thể chấp tay, còn tay trái bị gãy thì áp sát ngực trái. Cụ chỉ niệm được vài ba câu thì nhắm mắt im lặng. Đôi khi nhắm mắt nhưng môi thì mấp máy như thể niệm theo hoặc cố gắng giơ bàn tay phải lên để ra dấu đếm 1, 2, 3... theo yêu cầu của cô Út sau mỗi câu niệm Phật của cô. Anh em chúng tôi thật sung sướng khi nhận được biểu hiện này (biểu hiện của Tín Nguyễn Hạnh) trong khi sức khỏe cụ suy kiệt.

Hai tuần sau, cụ không muốn ăn. Cô Vinh cố gắng dứt chút cháo để cụ có sức. Vào lúc 5 giờ chiều trước ngày cuối cùng, khi dứt ăn, cụ không thể mở miệng, thỉnh thoảng nấc nhẹ. Tôi gọi cháu Quân, một Trưởng toán của HNHS, không thấy trả lời. Vào khoảng 7 giờ chiều, cô Vinh gọi chị Đa (trong BHNHS), chị đến ngay và cho biết cụ sắp ra đi. Cả ba người ra sức niệm thánh hiệu A Di Đà. Tôi vừa niệm Phật vừa gửi tin nhắn cho cháu Quân. Cháu đến, thấy rõ tình hình liền gọi thêm vài thành viên nữa đến hộ niệm cho cụ.

Như vậy, HNHS đã hộ niệm cho cụ từ giờ phút đó

(7 giờ chiều) cho đến khi cụ trút hơi thở cuối cùng vào lúc 8 giờ 20 phút sáng ngày 17 tháng 12, 2011, nhằm ngày 23 tháng 11 Tân Mão. BHNHS tiếp tục niệm A Di Đà Phật thêm 24 tiếng cho đến 8 giờ 30 phút sáng ngày 18 tháng 12, 2011.

Cụ bà Tâm Thí đã gặp duyên lành là cụ đã ra đi trong tiếng niệm Phật của hai người con và của HNHS liên tục 24 tiếng trước và sau khi trút hơi thở cuối cùng.

Sau khi đánh lễ hồi hướng công đức cho hương linh Phật tử Tâm Thí và tất cả chúng sanh, cháu Hùng, đại diện Ban HNHS, xin được kiểm tra thoại tướng của cụ. Theo cháu, sẽ kiểm tra 6 vị trí trên cơ thể là, bàn chân, đầu gối, bụng, ngực, trán và đỉnh đầu.

Dựa theo kinh sách, phải sau 8 đến 12 giờ kể từ lúc trút hơi thở cuối cùng mới được phép đụng vào cơ thể của người chết. Cháu Hùng nói theo Chánh Pháp là, nếu thần thức (linh hồn) lìa khỏi xác ở điểm nào thì điểm đó sẽ có hơi nóng. Nếu bàn chân, đầu gối và bụng mà ấm thì người chết sẽ đọa vào địa ngục, súc sanh và ngã quỷ. Nếu ấm vùng ngực và trán thì sẽ sanh vào cõi người và cõi trời. Nếu ấm đỉnh đầu là biểu hiện của sự vắng sanh.

Tôi được mời làm công việc kiểm tra này, hề thấy ấm hoặc lạnh như thế nào thì xướng to cho mọi người cùng nghe. Cháu Hùng đưa tay chạm vào từng vị trí trước, tôi làm tiếp theo và sau tôi là một đạo hữu khác (anh Trí?) như thế để kiểm chứng nhận xét của tôi. Lần đầu tiên tham dự vào sự kiện tâm linh này, tôi rất... sợ, sợ nhất là nếu biết mẹ mình đọa vào địa ngục!

Lạ thay, trong cả 5 vị trí, tôi đều xướng... Lạnh! Cả đạo tràng vỗ tay, lòng tôi như nổ vụn đá sen. Đến khi kiểm tra đỉnh đầu thì quả thật tôi không cảm nhận được lạnh hay ấm. Tôi thử hai lần, để lòng bàn tay trái cách đỉnh đầu 1 cm, ngừng ở đó vài giây rồi xê dịch bàn tay lên trên. Nếu khi xê dịch bàn tay khỏi đỉnh đầu mà cảm thấy lạnh, thì rõ ràng cụ bà có biểu hiện vắng sanh rồi, đàng này tôi không cảm nhận rõ ấm lạnh ở vị trí sau cùng. Tôi hỏi hai cháu Hùng và Trí thì cháu Trí không kiểm tra đỉnh đầu, còn cháu Hùng cho biết, có cảm nhận hơi ấm nhưng không rõ ràng, do đó cháu kết luận trong sự hiểu biết là, cụ bà Tâm Thí sanh về cõi Thiên.

Trước khi BHNHS ra về, cháu Hùng đã sắp xếp tay chân cụ bà lại cho ngay ngắn. Sau lần bị ngã té đầu năm, hai chân cụ không cử động được, phải chập lên nhau suốt 10 tháng qua, các cơ đã co rút nên chỉ đạt được 80% nguyên vẹn sau khi xếp lại. Nếu tình trạng hai chân xảy ra trong vòng vài tháng thì bảo đảm sau 24 tiếng niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, hai chân sẽ bình thường, cháu Hùng cho biết như vậy. Còn hai tay thì thật là kỳ diệu, đặc biệt tay trái của cụ bà bị gãy vẫn áp sát vào ngực, rất khó khăn khi thay áo cho cụ trước đây, vậy mà sau 24 tiếng niệm Phật, khi được duỗi ra duỗi vào, vặn trái, vặn phải, cánh tay mềm mại nhẹ nhàng đến không ngờ. Qua kinh sách và qua BHNHS, đây là một trong những “điều mầu

niệm của công phu niệm Phật.”

Tương cũng nên biết, cụ bà quy y Tam Bảo vào thập niên 60' và nhận pháp danh Tâm Thí. Bình sinh cụ thường hay đi chùa hay khuôn hội vào những ngày rằm mồng một hoặc lễ vía chư Phật. Cụ cũng thuộc lòng một số kinh kệ và vẫn thường tụng niệm mỗi ngày. Từ khi hai xương chậu bị nứt, hạn chế việc đi lại đành ngồi một chỗ, nên cụ nghe kinh niệm Phật thường xuyên hơn. Tin Phật và niệm Phật đã giúp cụ vượt qua bao gian khó của cuộc đời, kể cả vấn đề sinh tử hôm nay.

Nhớ lại mùa xuân 2010, cô Nguyễn Hoa Nguyễn Thị Hương, trưởng Ban HNHS và cháu Hùng đến nhà khai thị cho cụ do thỉnh cầu của gia đình, cụ vừa cung kính vừa hoan hỉ tiếp nhận lời khai thị. BHNHS tặng cụ một tấm hình Phật A Di Đà thật to và đẹp uy nghi. Tấm hình được treo bên cạnh giường để mỗi ngày cụ nhìn và niệm Nam Mô A Di Đà Phật.

An táng mẹ xong, chúng tôi tiếp tục niệm Phật và chay lạt trong 7 tuần thất (49 ngày). Cả hai anh em không hề nằm mộng thấy mẹ về, nhưng cháu ngoại Trương Vinh Thiên tận Saigon gọi điện báo cho mẹ biết là cháu đã thấy ngoại hiện về trong giấc ngủ, trông ngoại trẻ khỏe và vui cười xinh tươi lắm. Theo cô Nguyễn Hoa, điềm mộng trên là một điềm lành.

Những điềm lành khác như, sắc diện cụ sau 24 tiếng niệm Phật vẫn tươi tỉnh hồng hào, vết lở sau lưng tuy không lành hẳn nhưng không có mủ, không hôi hám gần cả năm trời. Thời tiết Đà Nẵng mưa suốt những ngày trước và sau khi cụ ra đi, nhưng mộ huyệt tại nghĩa trang lại khô ráo. Trời cũng khô ráo trong ba ngày xây mộ, ốp đá và dựng bia!

Dựa vào những biểu hiện, nhất là khi kiểm tra thoại tướng, cháu Hùng bảo rằng cụ bà Tâm Thí sanh về Cõi Thiên là điều rất đáng tin cậy.

Dù vậy, tôi vẫn nghĩ một cách thận trọng rằng, khả năng Vãng Sanh của má tôi là... có, căn cứ vào nguyện lực của bà lúc sanh tiền, ước nguyện của các con và lòng chí thành niệm thánh hiệu A Di Đà Phật của BHNHS và những biểu hiện khác như, khi kiểm tra năm vị trí thấy lạnh thì thần thức của cụ bà ắt phải thoát ra vị trí thứ sáu tức là đỉnh đầu, trong bảy tuần thất, (người theo Phật tin rằng hương linh của người chết vẫn còn dương thế), hai con của cụ vẫn tâm tình với mẹ như còn sanh tiền, khuyến khích mẹ quyết tâm đi theo Phật A Di Đà để được Vãng Sanh Cực Lạc, khuyên mẹ đừng lưu luyến cảnh trần luân ở cõi ta bà nữa.

Ngoài ra chúng tôi phát nguyện phóng sinh (nhờ BHNHS thực hiện giúp) và cúng dường các chùa... gọi là để hồi hướng công đức cho mẹ mình.

Được biết, “Theo Ngũ Kinh Tịnh Độ,” có chín bậc vắng sanh gọi là “cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu.” Ba phẩm thượng, ba phẩm trung và ba phẩm hạ. Đặc biệt phẩm vị thấp nhất trong Tịnh Độ là hạ phẩm hạ sanh, nơi đây Phạm Thánh cùng chung sống. Phẩm vị này chính là nơi nương tựa lý tưởng đối với chúng sanh nặng nghiệp luân hồi. Ở phẩm vị này chúng



sanh sẽ nương theo nguyện lực của đức Phật A Di Đà, có thể mang theo nghiệp vãng sanh để chấm dứt luân hồi. Khi sanh về hạ phẩm hạ sanh mặc dù chưa dứt trừ được “kiến hoặc,” “tư hoặc” nhưng nhờ Phật lực gia hộ mà khỏi phải trở lại dòng luân hồi, lại được sống bình an, lâu dài trong cảnh giới tuyệt hảo vô ưu, thân cận cùng các bậc Bồ Tát, thượng nhân thiện tri thức, hằng ngày được lắng nghe “diệu pháp” tu tập cho đến ngày thành Phật” (Sự Thống Nhất Giữa Thiên Và Tịnh, Thích Thanh Nguyên, trang 13, Ấn Phẩm Thiền Viện Bồ Đề, Đà Nẵng, Xuân Nhâm Thìn 2012).

Qua trích đoạn trên, chúng tôi tin rằng, khả năng vãng sanh vào hạ phẩm hạ sanh của cụ bà Tâm Thí là điều có thể. Nhưng điều quan trọng mà tôi muốn thổ lộ qua bài viết là, tôi cảm nhận được sự mâu nhiệm trong việc niệm hồng danh Phật A Di Đà, cách riêng qua những điềm lành đã xảy ra cho má tôi vừa qua. Đức tin của tôi bắt đầu ươm mầm về “Vãng Sanh Cực Lạc,” coi như tôi gặp duyên lành, là chọn được cho mình một cõi đi về và viết kinh nghiệm chân thật này không phải để tán dương Pháp Môn Tịnh Độ, vì sự hiểu biết của tôi về Phật Pháp không là bao, mà là để chia sẻ niềm phúc lạc với những ai đang thể hiện đạo hiếu (3) làm con với bậc sinh thành của mình...

*Giữa mênh mông đất trời con khấn
Cảnh giới nào mẹ vẫn vô cùng
Mẹ nay tôn Phật tại đường
Mẹ sau bóng Phật mười phương con nguyện...*

Quảng Kiến Võ Ý
Đà Nẵng, 4/2/2012

Để nhớ tuần trai thứ 7 của Mẹ ♦

(3) Tôi đã nghe thuyết giảng hoặc học đầu đó, báo hiếu pháp là cách báo hiếu cao nhất. Là khuyến khích cha mẹ không sát sinh, ăn chay, niệm Phật, làm việc thiện.

Thơ TRỊNH GIA MỸ

Mây

*Đám mây trắng trắng bồng bênh trôi
Chẳng ngó xuống dưới, vũng hay đồi
Không nhìn lên xem trời cao, thấp
Đám mây lừng lững lạng lơ trôi*

*Đám mây thông thả, an nhàn dạo
Hợp, tan thì cũng lẽ thường thôi
Tịch nhiên ông tạo xoay vần mãi
Hết sông, đến vũng lại nên đồi*

*Đám mây trắng trắng dần trôi mãi
Hề gì chuyện có với chuyện không
Hề gì chuyện buồn vui, vinh nhục
Đám mây trắng trắng vẫn bênh bồng*

Cánh điều và tôi

*Cánh điều bay giữa bầu trời
Tôi vui chơi giữa cuộc đời mênh mông*

*Cánh điều lên xuống, bênh bồng
Tôi nhìn tôi, những thăng trầm, buồn vui*

*Cánh điều chao lượn khôn nguôi
Tôi an nhiên với nụ cười sớm mai*

*Cánh điều phát phối tung bay
Tôi bình yên giữa trùng vây mộng đời*

*Cánh điều lơ lửng lơ trôi
Tôi tung tăng giữa bến đời phù du*

*Cánh điều vi vút xa mù
Tôi nghe có tiếng êm ru bên trời*

*À ơi, mộng giữa lòng đời
Cánh điều cùng với tôi hòa nhịp ca*

Lên cao, xuống thấp vẫy mà
♦



Niệm Phật toàn thân

Bài NGUYỄN GIÁC

Niệm Phật, đó là một trong những cội nguồn hạnh phúc nhất mà người tu có thể cảm nhận được, tuy là không dễ dàng như nhiều người vẫn tưởng. Nhiều người vẫn cho rằng cần truy tìm các pháp môn phức tạp, khó khăn như Thiền Tông hay Mật Tông, và cho là việc Niệm Phật quá dễ làm, sợ là không đủ thách đố cho quyết tâm của mình. Nhưng câu chuyện không đơn giản như vậy. Mặc dù chúng ta từng đọc các lời Chư Tổ bênh vực cho Pháp Môn Niệm Phật, nhưng vẫn khởi tâm cho rằng việc quá dễ như vậy thì không đúng với khát vọng tu tập của mình. Nói cho cùng, Niệm Phật vẫn không thật là dễ.

Trước tiên là phải tín tâm. Không có lòng tin thì hành động không chuyên nhất. Hãy tin sâu vào nhân quả, tất cả mọi biến chuyển trong đời đều do nghiệp lực hóa hiện ra. Đừng nghĩ rằng mình có tài ba mỗi khi thành công, và đừng nghĩ là xui xẻo khi thất bại. Tài năng hay vụng về cũng là do tự mình chuyên học, do cơ duyên và do nghiệp. Thành hay bại cũng là tiếng nói của nghiệp lực thôi. Hãy lắng nghe tiếng nói này.

Thứ nhì là tin sâu vào Phật Pháp. Tin rằng đây là con đường giải thoát, và hãy chuyên cần đọc Kinh

Phật để thấy gương Chư Phật, Chư Tổ tu học thiết tha, để mang ơn sâu Chư Phật, Chư Bồ Tát đã không thôi từ bi dùng nhiều phương tiện cứu độ, để thấy trách nhiệm của mình cần cứu độ cha mẹ, người thân và chúng sinh các loài.

Thứ ba là tin sâu vào Niệm Phật. Phải thấy đây là nguyện lực của Đức Phật A Di Đà muốn đưa chúng sinh cõi này về Phương Tây Cực Lạc. Nếu nghĩ rằng Cực Lạc chỉ là Cõi Huyễn Hóa do Phật phương tiện, thì tại sao không thấy ngay trước mắt rằng các cảnh, các vật cũng chỉ là huyễn hóa, là hoa đóm? Nhưng nếu nghĩ rằng Cực Lạc là Cõi Thật, còn Ta Bà là Cõi Không Thật thì cũng là sai, bởi vì trong Tâm Phật thì ngay tới Thật với Không Thật cũng không có chỗ bám.

Tu học cũng cần khởi nghi tâm và từ từ tìm phương tiện giải nghi. Nhiều người nghi rằng Thiền Tông mới là tối thắng, vì là đơn đao nhập cuộc, thấy tánh thành Phật ngay trong một đời. Còn Niệm Phật chỉ là phương tiện. Nếu bạn có lòng nghi này thì cứ nghi cho tận cùng đi, và phải thật tâm tu Thiền. Rồi sẽ tới một lúc bạn thấy rằng, khi bạn khởi tâm Niệm Phật, cảnh giới cũng không khác gì của Thiền. Nếu bạn nghi rằng Mật Tông mới là tối diệu, cứ chọn một pháp môn và trì chú đi, thật tinh chuyên. Khi vào được cảnh giới tâm nào cũng là Tâm Phật, thì bạn sẽ không còn ngờ vực gì chuyện Niệm Phật có rời tâm này hay không. Còn nếu lấy nghi tâm để suy luận vụn vặt thì là hoàn toàn sai. Khi nghi thì phải thật nghi, và giải nghi không thể bằng lý luận được. Khi nghi thì phải toàn tâm và toàn thân đều là một khối nghi, khi cả lý luận với suy lường đều không khởi lên được mới là thật nghi. Lấy cái nghi tâm này Niệm Phật cũng là một phương tiện.

Vấn đề chỉ là, tại sao chúng ta đang trong cơn mộng, mà lại còn thấy có gì là tối thắng với chẳng tối thắng? Khi vào được cái nhìn, thấy rằng trước mắt mọi đèn đài, xe cộ, người vật... đều từ mộng mà ra thì tất cả các pháp môn đều không lìa nhau. Đầu

Cư sĩ Nguyễn Giác, tức nhà văn Phan Tấn Hải, hiện về hưu tại Nam California, đã và đang viết sách nghiên cứu về Phật Giáo. Hình trên là chánh điện Chùa Đức Viên, San Jose, chụp năm 2010.

phải là chúng ta chỉ mộng trong khi ngủ. Để gọi một phần cảm giác này, bạn hãy nhớ lại những chuyện khi còn nhỏ đi học trường làng, khi đá bóng trong xóm, khi đạp xe giữa phố chợ Sài Gòn... và thấy nó qua đi hết như giấc mộng. Còn bây giờ, ngồi trước máy điện toán, hay khi xem TV, hay khi đi bộ kinh hành, bạn tin cảnh này là thật sao? Nó cũng chỉ là như rảnh nắng ban chiều, như hoa đốm hư không thôi. Các pháp vốn thật bình đẳng, mộng với thực không lia nhau. Nói cho cùng, cái gọi là thực hay mộng cũng không hề có chỗ bám trong Tâm Phật.

Niệm Phật trước tiên là miệng Niệm Phật. Bạn đừng nói điều dữ, điều hại chúng; bởi vì không thể dùng miệng lúc Niệm Phật, lúc Niệm Ma được. Bạn phải ăn chay trường, nếu có thể thu xếp được. Bởi vì ăn thịt chúng sinh mà đòi tự giải thoát cho mình và đòi cứu độ các loài thì là chuyện không thể có. Thêm nữa, đã ăn thịt chúng sinh thì sao còn mở miệng Niệm Phật được. Và bạn hãy niệm tinh chuyên tới chỗ lời nào cũng là lời Niệm Phật, dù khi ứng phó mọi chuyện trong đời, khi nói chuyện điện thoại, khi mở lời đùa giỡn với trẻ em, khi thuyết phục người đừng làm điều dữ, khi năn nỉ người khởi lòng từ bi phóng sinh, khi đau đớn rên la trên giường bệnh... Bất kỳ lời nào thốt ra cũng là lời Niệm Phật, thì đó mới là Niệm Phật.

Niệm Phật là tay Niệm Phật. Phải giữ giới, không sát sinh, không trộm cắp, không đánh người, không hạ thủ những điều bất xứng. Nếu miệng Niệm Phật mà tay làm điều không lành, làm hại chúng sinh, thì cũng là hồng; nghĩa là miệng Phật tay Ma, có nghìn

Phật A Di Đà tới trước mặt cũng không cứu nổi.

Niệm Phật là chân Niệm Phật. Làm ơn, đừng đưa chân đá người hay giẫm đạp chúng sinh. Làm ơn, hãy đưa chân đi con đường ngay ngắn. Mỗi một bước đi là một chân Niệm Phật. Không cần quán tưởng hay tưởng tượng gì hết. Bạn cứ Niệm Phật tinh chuyên, thì tức nhiên từng bước đi là một dấu ấn của Phật A Di Đà.

Niệm Phật là mắt Niệm Phật. Bạn đừng đưa mắt vào các nơi dễ làm loạn tâm, cũng đừng dùng mắt dọa dẫm ai, cũng đừng chơi màn liếc mắt đưa tình. Hãy quên đi những thói quen của thời chưa Niệm Phật. Bạn hãy Niệm Phật cho tinh chuyên, và rồi mắt bạn nhìn tới đâu cũng thấy đó là lời Niệm Phật đang ghi khắp cùng pháp giới. Khi vào phố chợ, cũng đừng khởi tâm cho là mình đang nhìn các giai nhân hay ác phụ; tất cả chỉ là hình bóng trong mơ thôi, và mắt nhìn tới đâu thì tất cả đều biến thành các hóa thân của Phật A Di Đà trong cùng khắp pháp giới. Nhưng đừng quán tưởng hay tưởng tượng khi nhìn bất cứ những gì, bởi vì khi đã trong mộng, thì đừng tạo thêm mộng khác nữa. Cứ tự nhiên Niệm Phật là đủ, thế giới trước mắt sẽ là Phật Cảnh.

Niệm Phật là tai Niệm Phật. Đừng bịt tai luyện luân xa, cầu ảo giác; đó chỉ là trò của ma thôi. Cứ để tai tự nhiên nghe lời Niệm Phật, ra tiếng hoặc thầm trong lòng. Đừng để tai rơi vào các thói quen chưa tu, khi lòng phân biệt điều ưa nghe, điều ghét nghe. Mặc kệ mọi chuyện. Dù bạn có cố ý nghe hay vô tâm nghe, thì Tánh Nghe vẫn hiển hiện. Dù là hai bàn tay vỗ, hay một bàn tay vỗ, thì Tánh Nghe vẫn hiển hiện. Nên cứ



Lễ Phật trong chánh điện Chùa Từ Quang, San Francisco năm 2009. (hmd)

để mặc cho nó hiển lộ. Cũng đừng lựa chọn điều này để nghe, điều kia để bỏ. Cứ tự nhiên nhi nhiên. Hãy niệm cho tinh chuyên, sẽ tới một lúc âm thanh nào cũng là lời Niệm Phật, dù là bạn có đi giữa phố chợ, nghe mắng mỏ, vãn vãn. Đừng nghĩ đó là ảo tưởng hay ảo giác hay thực tướng... Tất cả chỉ là trong mộng mà tu thôi. Nhưng lia mộng này thì không có cảnh giới Phật. Sóng chỉ là nước, và nước chính là sóng. Tánh không lia Tướng, và Tướng không lia Tánh.

Niệm Phật là Toàn Thân Niệm Phật. Bất kỳ phần vuông da thịt nào trên cơ thể của bạn cũng đều đang Niệm Phật. Đừng quán tưởng hay tưởng tượng hình dung gì. Cảnh giới đó sẽ tự nhiên hiện ra. Móng tay, móng chân, cùi chỏ, đầu gối, ngực, lưng, đầu, bụng... của bạn nơi nào cũng đang Niệm Phật. Gắn bó với Niệm Phật thì toàn thân sẽ thành một Khối không lia. Bất kỳ một cử chỉ, một động đậy nào trong cơ thể bạn cũng sẽ là lời Niệm Phật chuyển động. Và khi bạn đi, thì đó là đi Niệm Phật. Khi bạn ngồi, thì đó là ngồi Niệm Phật. Bạn sẽ thấy hài lòng, khinh khoái, nhưng đừng gắn bó hay ham thích các cảm giác đó. Đã ở trong mộng, mà còn ưa thích gì hay ghét bỏ gì thì đó là tâm chúng sinh, không phải là Tâm Phật mà bạn đang Niệm.

Niệm Phật là Niệm Phật Tâm, hay Tâm Niệm Phật. Khi tay chân, thân thể, tai mắt, da thịt đều là một khối với Niệm Phật, thì Tâm bạn cũng đừng khởi phân biệt là Có Niệm Phật hay Không Niệm Phật. Tánh Phật A Di Đà sẽ không rời chúng ta. Mà nói cho cùng, Tánh Phật này có bao giờ rời chúng sinh bao giờ đâu. Mà khi nói rằng có một tâm chúng sinh tìm cầu tới một Tâm Phật thì cũng là hồng, đó chưa thật là Niệm Phật. Trong Niệm Phật chân thật, chỉ có một Tánh Vắng Lặng, Trong Trẻo, không thể nào biến biệt ra cho được một cái gì gọi là tâm chúng sinh với Tâm Phật. Ngay cả khi bạn không đọc lên câu lục tự Di Đà, hay không cả nghĩ tưởng gì tới câu này, toàn khối Niệm Phật cũng không xa lia bạn chút nào, thì đó mới là Niệm Phật.

Niệm Phật là cực kỳ đơn sơ Niệm Phật, y hệt những bà cụ mù chữ trong làng quê. Hãy cầm râu chuỗi bồ đề, lần chuỗi tay không lia, nếu điều kiện sống của bạn cho phép. Lần một hạt chuỗi là một câu Niệm Phật. Hoặc hai câu cũng được. Hoặc không câu nào cũng được. Nhưng với lòng đơn sơ, của người sơ tâm, niệm tới khi thấy toàn thân Niệm Phật, thế là được.

Khi nào niệm tới chỗ thấy toàn pháp giới Niệm Phật, thế là được. Và đừng bao giờ lia câu Niệm Phật này. Kể cả khi nhắm mắt ngủ. Mở mắt hay nhắm mắt, cũng chỉ là mộng. Đi bộ hay nằm ngủ, cũng chỉ là mộng. Niệm Phật hay Không Niệm Phật, cũng chỉ là mộng. Nhưng lia mộng cũng chẳng có cái Thực.

Hạnh phúc chính là, đi trong cuộc đời mà vẫn thấy Toàn Thân Niệm Phật chỉ vì lòng từ bi với chúng sinh. Còn chuyện giải thoát? Khi vào chỗ toàn pháp giới Niệm Phật thì có gì mà cắt lia giữa cảnh giới giải thoát với cảnh giới chưa giải thoát? Nhưng lia câu Niệm Phật, sợ là khó thể thấy được những cảnh giới này vậy. ♦



Đất ta bà hoa Tịnh Độ

Tiếp từ trang 32

Cho nên đứng về lý nhân quả mà nói thì cõi Tây Phương Cực Lạc hay bất cứ cõi nào đều có đạo lý của nó, đều đáng tin dựa vào lý nhân quả. Ai không tin Tịnh Độ là người đó không tin nhân quả của chư Phật. Hiểu được vậy thì khi nghe ai bài bác rằng không có Tịnh Độ thì mình sẽ không bị lay động.

Không ai chứng minh bằng khoa học là có hay không có Tịnh Độ nhưng có ba cái yếu tố để mình tin có Tịnh Độ. Một là có kinh điển y cứ, gọi là thánh giáo lượng. Hai là tỷ giáo lượng, nghĩa là có đạo lý nhân quả để mình tin. Ba là hiện chứng lượng, tức là kinh nghiệm tự thân.

Người tu quán tưởng thấy có kết quả nội chứng thấy an vui hạnh phúc; hay niệm Phật thấy bớt tham, bớt sân, bớt si, thấy được chỗ diệu dụng của câu niệm Phật khi cần một điểm tựa nương, vãn vãn. Niềm tin vào việc niệm Phật có được sự bình an đã được khoa học chứng minh. Chẳng hạn như trong quyển Niệm Phật Chuyển Hóa Tế Bào Ung Thư mà thầy đã dịch sang tiếng Việt từ tác giả Đài Loan là Pháp Sư Đạo Chính. Trước khi đi tu, pháp sư là một bác sĩ chuyên trị bệnh ung thư cuối cùng phát hiện mình cũng bị ung thư. Cô bèn bỏ tất cả, lên núi đi tu. Sau một thời gian tu hành cô tìm được sự an lạc và từ đó xuống núi đi khắp các nơi giảng cho những người đồng cảnh. Những bài giảng của pháp sư, tức bác sĩ Quách Huệ Trân, được thu thập thành đĩa, thành sách, trong đó đưa ra nhiều câu chuyện minh chứng sự hiệu nghiệm của câu niệm Phật. Cho nên từ kết quả của những nghiên cứu về phương thức trị liệu tổng quát, chúng ta có thể đi đến một kết luận rằng người niệm Phật có niềm tin, có niềm vui, sống lâu hơn, vui hơn, thắng được phiền não. Nếu kết quả được như vậy thì các vị nghĩ có nên niệm Phật không?

Đó là về mặt hiện chứng lượng. Còn đứng về mặt tỷ giáo lượng, tức lý luận, thì mình có nhân quả của mình, Phật có nhân quả của Phật. Nếu nói tôi chưa thấy Tịnh Độ nên tôi không tin, (chẳng qua) đó là vì điều này vượt qua khả năng thấy biết của mình. Thí dụ như con kiến mà nhìn con người chắc chắn nó không biết con người mình cao một mét mấy, mập ốm ra sao thì mình nhìn Đức Phật cũng giống như vậy, sợ còn tệ hơn như vậy nữa.

Còn đứng về mặt thánh giáo lượng, tinh thần Tịnh Độ bằng bạc trong các kinh Đại Thừa. Nếu ai có lòng tin Đại Thừa thì người đó tin Tịnh Độ, đó là điều đương nhiên. ♦

Tam Bảo của tôi:
Ba tuyển tập
Thiền Thi
song ngữ
của cư sĩ
Nguyễn Giác

Bài TRANGĐÀI GLASSEY-TRÂNGUYỄN

Tuy lớn lên trong gia đình Công Giáo, nhưng nhà Chúa và nhà Chùa không xa nhau và không tách biệt đối với tôi từ thuở nhỏ. Ở xóm tôi, thuộc huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang, nhà Chúa chỉ cách nhà Chùa có năm phút đi bộ. Chuông công phu và chuông nhà thờ ngân vang cả vùng, gửi qua bao tầng không gian những thông điệp hòa bình và tin yêu giữa một xã hội túng túng lẫn lộn.

Tôi luôn nghĩ rằng Phật giáo là một phần huyết mạch của văn hóa và đời sống Việt Nam, nên từ nhỏ, tôi vẫn quan tâm tìm hiểu Phật giáo và đời sống Phật môn. Trong hoàn cảnh sống tại Việt Nam sau 1975, đời sống tôn giáo bị bắt bớ, giáo lý bị cấm giết, nhà tu bị quản thúc, nhà Chúa bị canh chừng, nhà Chùa bị quốc hữu hóa. Chúa và Phật bị giam lỏng, không được đến với con người một cách tự do. Nên tôi buộc phải làm kẻ đứng ngoài, cố nhìn theo ánh điện vàng bên kia rào ngăn cách.

Tại hải ngoại, nếp sống tôn giáo của người Việt nở rộ, đáp ứng nhu cầu cả về tâm linh, tâm lý, văn hóa, xã hội, và tri thức. Những sinh hoạt tôn giáo cho người Việt xa xứ cái không khí quê hương, không gian

Trangđài Glassey-Trânguyễn sinh 1975, xuất bản tập thơ đầu tay Mùa Yêu Con Thứ Nhất năm 2012, đăng nhiều thơ trên trang Gió O. Cô từng thực hiện dự án Việt Mỹ Vietnamese American Project khi còn học cử nhân năm 1998 vì muốn ghi lại lịch sử và kinh nghiệm của người Việt trong giai đoạn cận đại. Tốt nghiệp bốn Cử nhân một lúc trong ngành Tâm Lý Thanh Thiếu Niên, Văn Chương, Sách Tộc Học Á Mỹ, và Nhân Văn Đa Khoa, và được chọn là Thủ Khoa trong cả hai ngành học sau vào năm 2001 tại CSU Fullerton. Tốt nghiệp cao học ngành nhân chủng học tại Đại học Stanford. Hiện sống tại Quận Cam, California.



Facebook

văn hóa, bầu khí tình thân, và kim chỉ nam cho một cuộc sống an vui. Những chương trình phát thanh tôn giáo tại hải ngoại, nhất là tại Quận Cam, tạo điều kiện cho sự thông cảm và liên đới giữa các tôn giáo. Đêm giao thừa, không chỉ có Phật tử đến viếng Chùa, hái lộc. Lễ vọng Giáng Sinh, không chỉ có Kitô hữu sốt sắng dự lễ, cảm nhận niềm vui giáng trần.

Những giao thoa giữa các cộng đồng tôn giáo Việt tại hải ngoại cũng mở ra những khung trời mới, những tâm lộ mới, những tư duy mới. Tuy nhiên, người Việt hải ngoại – cũng giống như những cộng đồng di dân khác – vẫn đối diện với cái thử thách tất yếu: khả năng sử dụng tiếng Việt ngày càng hạn chế của các thế hệ ngoại biên (chữ mà tôi dùng để diễn tả những thế hệ sinh ra hay/và trưởng thành ngoài biên giới Việt Nam), và sự tách rời với nền văn hóa gốc. Do đó, những nhịp cầu mới cầu được kiến thiết, phục vụ cho việc trao đổi và duy trì văn hóa, và cho phép các thế hệ được gặp nhau.

Trong một cái duyên đẹp, tôi được tặng ba quyển sách Thiền song ngữ của Cư sĩ Nguyễn Giác, tức nhà văn Phan Tấn Hải. Ba quyển sách có tựa đề: “Lời Dạy Từ Các Thiền Sư Việt Nam Xưa” (Teachings From Ancient Vietnamese Zen Masters), “Trần Nhân Tông Đúc Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền” (Tran Nhan Tong: The King Who Founded A Zen School), và “The Wisdom Within” (Teachings And Poetry Of The Vietnamese Zen Master Tue Trung Thuong Si). Tôi đọc say mê, tuy rất chậm, vì cả một thế giới Thiền được hóa thân vào cõi thơ, huyền linh, ẩn hiện. Tôi cảm kích nhất ở chỗ đây là những quyển sách song ngữ. Trước nay, ít có tác giả Việt hải ngoại xuất bản các tác phẩm song ngữ. Hiện nay cũng thế. Nếu có, thì tác giả và dịch giả là hai người khác nhau. Thế nhưng, nhà văn Phan Tấn Hải đã toàn vẹn đôi đàng, với mạch văn Anh ngữ thượng đẳng và Thiền ý siêu việt.

Đối với tôi, ba quyển sách ấy là một kho tàng, vì chúng lưu giữ những hạt ngọc báu của thi ca Việt Nam, của tư duy Thiền Việt Nam, và của văn hóa Việt Nam. Những người yêu thơ sẽ say mê với tứ thơ đẹp, lời thơ chất lọc, nhịp thơ bất ngờ. Những người tập Thiền sẽ tìm được những công án, những ý tưởng, những cánh cửa đi vào Thiền giới vô biên. Những ai trân trọng văn hóa Việt Nam sẽ gặp gỡ những hình ảnh, cảm xúc, tư tưởng, và tình cảm đầy Việt tính, tràn quê hương.

Tôi tạ ơn nhà văn, Thiền sĩ Phan Tấn Hải, đã dày công chất lọc những hạt ngọc thơ từ những vị danh sư của Thiền môn Việt Nam. Có nhiều bài thật ngắn, đọc vào thích ngay, nhưng để cảm nghiệm sâu hơn, tôi phải đọc phần chú giải của soạn giả. Cả về thi pháp và Thiền pháp, cả ba tuyển tập như đại dương sáng lóa, mở rộng, đón nhận nhưng lại không bó buộc, níu giữ. Chồng tôi không phải là người Việt, nên anh đọc tiếng Anh trước, rồi mới dám đọc tiếng Việt, rồi lại đọc ngược lại tiếng Anh, để hiểu rõ hơn. Anh cứ khoe với tôi là anh mê bộ sách này quá!

Trong Lời Giới Thiệu của tập “Những lời dạy từ các Thiền sư Việt Nam xưa,” Thượng tọa Thích Nguyên Siêu có viết, “Mong rằng các bậc cha mẹ phát tâm khuyến khích con em đọc tác phẩm này để vừa hiểu Phật Pháp, vừa học thêm tiếng Việt.” Tôi xin thêm vào lời của Thượng tọa, qua kinh nghiệm của chồng tôi, rằng những tác phẩm này còn là nhịp cầu, đưa tư tưởng Thiền Việt Nam đến với độc giả sử dụng Anh ngữ là chính. Vậy ba tác phẩm quý này, ngoài việc giúp giữ gìn tư duy Thiền, còn là chất xúc tác, đưa văn hóa Thiền của Việt Nam vào những xa lộ tư tưởng mới của thế giới trong thế kỷ 21.

Trong khi Thiền nghiệm ba quyển sách quý này, tôi lại nhớ đến bạn bè, những người có quan tâm đến Thiền, và lại tìm đến Cư sĩ Nguyên Giác, xin món quà quý cho các bạn. Rồi sau đó, tôi lại nhớ đến những Trung Tâm, Cơ Sở, Văn Khố có liên quan đến Việt Nam hay Đông Nam Á tại các trường đại học Hoa Kỳ. Tôi lại đến xin lần nữa để chuyển đến các nơi này, để những nghiên cứu sinh hay sinh viên, hay người dân địa phương, có thể đến để tham khảo sách một cách dễ dàng. Tôi có cái bệnh là khi đọc được sách hay, thì giới thiệu với bạn bè ngay, hay gửi tặng hẳn cho thư viện, mong là sẽ có nhiều người được cùng thưởng thức.

Với bao linh huyết và Thiền tâm để soạn/dịch/bình ba quyển sách ấy, Cư sĩ Nguyên Giác chỉ nhắm vào việc phục vụ cho bá tánh, với ước nguyện “cho tất cả chúng sinh được hạnh phúc, bình an, và giải thoát.” Nên những tác phẩm kinh điển này không để bán. Ấn tống. Một món quà đạo thật quý báu. Quả thật, đây là tam bảo của tôi, trong hành trình tìm hiểu Thiền môn Việt Nam. Ở đây, ba quyển sách biểu đạt cả ba tầng cấp của tam bảo: Phật, Pháp, Tăng. Phật, hay Bạc giác ngộ, chính là những thiền sư Việt Nam. Giáo pháp của Bạc giác ngộ là lời dạy được chọn lọc và bình giải trong sách, những bài thơ tuyệt mỹ (trong ý thức

Thiền và thi pháp) và những lời hướng dẫn tận tình của soạn giả. Và Tăng, những người bạn đồng học, chính là mỗi độc giả, những Thiền sinh đang đắm trí trong cõi Thiền của ba tuyển tập.

Cư sĩ Nguyên Giác chính là cái gạch nối giữa Phật, Pháp, Tăng, trong vai trò một sứ giả hết tâm hết lực cho việc truyền bá những ánh ngọc gia bảo của Thiền pháp Việt Nam. Ông cho phép nhiều thế hệ mai hậu, trong đó có tôi, được vào dòng, cho dù tôi không là một Phật tử chính quy. Ba tác phẩm này chính là những chương trình Tiếp tâm sâu sắc, lan tỏa, thi vị. Và nếu hiểu Tam Bảo theo truyền thống Đại Thừa, thì ba quyển sách hiển lộ cả Nhất thể tam bảo (tính Không, Phật tính, nhân duyên, tương thuộc của vạn vật), Hiện tiền tam bảo (sự giác ngộ của Đức Phật, Phật Pháp, và Phật tử), và Trụ trì tam bảo (hình ảnh và lời dạy của Đức Phật, bá tánh đang tu học và sống Chính pháp).

Xin nhắc lại, đây chỉ là suy nghĩ và cảm nhận của riêng tôi về ba tuyển tập. Nếu sự nhận biết của tôi có khác với những suy nghĩ truyền thống của Phật giáo, thì xin quý độc giả lượng thứ. Xin hãy chấp nhận cái suy nghĩ ấy như lòng biết ơn của tôi đối với một trong những bậc tiền bối mà tuy không chính thức gia nhập, tôi vẫn coi như một người Thầy của mình trong ngôi trường Thiền Tông Việt Nam. “Nhất tự vi sư.” Huống chi ở đây, Cư sĩ Nguyên Giác đã dạy cho tôi cả muôn lượng chữ. Tôi cũng đặc biệt biết ơn Cư sĩ Nguyên Giác đã đưa hương về gần. Nếu Thiền có nguồn gốc ở ngoài Việt Nam, thì với ba tuyển tập này, Thiền đã được Việt hóa, trong những hơi thở rất gần gũi và thân thương cho những tâm hồn Việt.

Với lòng biết ơn đó, tôi mạn phép tác giả, gửi thông tin nhận sách đến quý vị. Kính chúc quý vị, quý Thiền sinh, quý Thiền sĩ có nhiều chuyến đi đẹp với ba tòa Tam Bảo này. Vì Tu viện Pháp Vương đã tặng hết sách, kính mời quý vị đọc trực tuyến ba quyển song ngữ tại <http://www.thuvienhoasen.org>. Trường hợp độc giả thấy cần thiết có bản sách in trên giấy, xin email tới: nguyengiac@yahoo.com.

Ghi chú:

Phan Tấn Hải, thường được gọi là Cư Sĩ Nguyên Giác. Sinh năm 1952 tại Sài Gòn. Quê cha Hà Tĩnh, quê mẹ Nha Trang. Định cư: Quận Cam (USA) làm thơ, truyện, dịch. Đã cộng tác với nhiều báo, tạp chí, trong đó có Nhân Văn, Giao Điểm, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp Chí Thơ. Từng là chủ bút Nhật Báo Việt Báo ở California trước khi về hưu năm 2019.

Đã xuất bản: Cậu Bé Và Hoa Mai (truyện, NXB Nhân Văn 1986), Một Nơi Gọi Là Việt Nam (thơ 1987), Vài Chú Thích Về Thiền Đốn Ngộ (biên khảo, NXB Văn Nghệ 1990).

Đã in, và dự kiến sẽ in nhiều sách Phật Giáo đang lưu ở trang Thư Viện Hoa Sen. Những khi mệt, vào YouTube học vẽ, và đã vẽ cúng dường ngài Đạt Lai Lạt Ma năm 2010. ♦



Không phải đợi đến khi hư hỏng mới tu

Bài THIÊN QUẢ ĐÀO VĂN BÌNH

Ngạn ngữ có câu “Nước đến chân mới nhảy” hoặc Miền Nam có câu “Chưa thấy quan tài chưa đổ lệ” để ám chỉ lối sống, lối hành xử buông thả, không lo xa, không tiên liệu, đợi đến khi tai họa, biến cố xảy ra thì mới quýnh lên, thì ôi thôi đã quá muộn màng. Điều này cũng giống như chư Tổ dạy, “Bồ tát sợ nhân, chúng sinh sợ quả.”

Sự băng hoại xã hội, suy giảm đạo đức gia đình hiện nay đang ở mức báo động. Chính quyền, các nhà đạo đức, các nhà giáo dục và phụ huynh đang lo lắng và tìm phương chữa trị. Đã từ lâu, người ta phó thác công việc giáo dục thanh thiếu niên cho học đường và

gia đình. Nhưng hình như gia đình và học đường gần như bất lực trong công việc này. Và cũng từ lâu người ta quên mất sứ mạng giáo dục tuyệt vời của các ngôi chùa và nhất là giáo lý của Đức Phật. Người ta quên mất Đức Phật là một nhà mô phạm, một nhà giáo dục vĩ đại có thể giáo hóa mọi tầng lớp- từ tuổi trẻ đến lão niên, từ thứ dân đến vua quan, từ Phật tử sơ cơ đến hàng Bồ Tát, từ cõi Cõi Trời đến cõi Người.

Một câu hỏi đặt ra là tại sao tại một đất nước mà trong nhiều triều đại, Phật Giáo đã trở thành quốc đạo mà lại có câu ngạn ngữ “Trẻ vui nhà, già vui chùa”? Tức là già gần đất xa trời mới tìm đến chùa để an ủi tinh thần, cho bớt cô đơn, có bầu có bạn và nhất là khi chết mong được về với Phật Tổ. Còn tuổi trẻ thì phải ở nhà để vui chơi, học hành, lo công việc, đến chùa chẳng ích lợi gì. Ta có thể giải thích tâm lý phổ biến này như sau:

- Ngày xưa xã hội ta sống bằng nông nghiệp, đời sống khép kín trong lũy tre làng. Chẳng có phòng trà

Tác giả Đào Văn Bình, 77 tuổi, hiện đang sống tại San Jose, California. Gần như mỗi tuần ông đều có bài viết mới về đạo Phật. Hình trên chụp tại Trung Tâm Huấn Luyện Quảng Đức, Riverside, California năm 2012.

ca vũ, quán nhậu, bia ôm, hát karaoke, quán Internet quán bar, xì ke ma túy cũng chưa có, cho nên trẻ con cũng chẳng có điều kiện để hư hỏng, cho nên chẳng cần đến chùa để trau dồi đạo đức làm gì.

- Ở chùa, sư cụ, sư ông, sư bác, sư cô đâu thì trợ, khoác manh áo nâu sồng, tối ngày tụng kinh gõ mõ, đời sống tương chao dưa muối, đọc tụng toàn kinh điển cao siêu... đời sống và khung cảnh lạc lõng với đời như thế thì làm sao thích nghi với tuổi trẻ?

- Nhiều phụ huynh cho rằng trẻ con cần tinh khôn, nhiều khi phải ma mãnh, mãnh mung để ra đời không thua thiệt với người ta. “Hiền như Bụt” thì bị người ta bắt nạt. Còn Từ-Bi-Hỷ-Xả là tiêu cực, yếu đuối. Phải triệt hạ đối thủ để vươn lên chứ. Đời này là tranh đoạt tiền bạc, ái tình và danh lợi. Gửi con đến chùa làm cho nó ngu dần và yếu đuối đi thì làm sao sống nổi với đời?

- Chùa từ ngàn xưa đến giờ chùa chẳng bao giờ có gì vui chơi, giải trí cho trẻ nhỏ. Ngoại trừ Miền Nam từ khoảng 1950 có tổ chức Gia Đình Phật Tử, còn thì chùa nào cũng vậy, toàn là ông già bà lão. Trong khi đó tuổi thơ là tuổi hiếu động. Ngày xưa thì chạy nhảy la hét, đánh đĩnh đánh đáo, câu cá, thả diều, bắn chim. Trẻ con ở quê thì chăn trâu thổi sáo. Rồi văn minh hơn nữa là đá banh, đá bóng, cưỡi xe đạp. Còn ngày nay có cả ngàn thú vui, thể thao, giải trí, phim ảnh hấp dẫn tuổi trẻ mà hầu hết đều kích động dâm ô, bạo lực.

Nhưng tình thế đã đổi thay. Ngày nay, với sự băng hoại xã hội và thảm họa xảy ra từ giới trẻ, lễ thói suy nghĩ như trên hoàn toàn sai và rất nguy hiểm, bởi vì:

- Dạy cho trẻ con tinh khôn, lanh lợi để vào đời

là một lối suy nghĩ vô cùng nguy hiểm. Ngày nay trẻ con quá tinh khôn và lanh lợi tại sao gia đình, thầy cô lo lắng, xã hội bất an? Phải dạy cho con các đức tính thật thà, lòng hiếu thảo, lòng biết ơn, tinh thần trách nhiệm, thái độ bao dung, biết thương người và biết bảo vệ môi trường. Đó là những đức tính cao quý để con mình vươn lên, thành đạt lớn lao trong danh dự và là tấm gương sáng cho xã hội. Khôn lanh, tranh đoạt lợi danh với đời là con đường “ma đạo” không bền vững rồi kết cuộc chỉ là cay đắng cho bản thân và gia đình.

- Ngày nay, chư tăng ni, trước trào lưu suy đồi đạo đức toàn cầu đã hăng hái nhập thế, đem đạo Phật vào đời để cứu vãn gia đình và đất nước. Chư tăng ni ngày nay có đủ trình độ học vấn, kiến thức ngoài đời cũng như đạo đức bản thân để vừa làm tấm gương, vừa giảng dạy cho thanh thiếu niên. Cứ thử nghe và nhìn vào các buổi giảng pháp của các giảng sư lớn của Việt Nam chúng ta sẽ thấy kiến thức của các vị này như thế nào. Tinh túy của đạo Phật - nổi bật nhất là Trí Tuệ, Từ-Bi-Hỷ-Xả vẫn còn nguyên vẹn, nhưng lối giảng pháp đã có khác. Đối tượng để giáo hóa ưu tiên không còn là ông già bà lão mà là thế hệ trẻ. Mục tiêu trước mắt không phải là Thiên Đàng, Địa Ngục hay Vãng Sinh... mà là cuộc sống an vui, hạnh phúc, đạo đức cho gia đình, xã hội và đất nước. Đạo Phật đã “lột xác,” đã hiện đại hóa mà chúng ta không thấy.

- Ngay từ thế kỷ 16 khi khoa học phát triển các nhà đạo đức đã nói, “Khoa học mà không lương tâm là sự phá sản của tâm hồn.” Chỉ cần một lãnh đạo tham vọng cuồng điên hay hiếu chiến, bom nguyên tử sẽ hủy diệt trái đất và cả loài người này. Như vậy đạo đức phải kiểm chế khoa học chứ không phải khoa học



Trung Tâm Huấn Luyện Quảng Đức, Riverside. (hmd)

sai khiến đạo đức. Luật pháp chỉ có thể trừng phạt hành vi phạm tội nhưng không kiểm chế được thú tính của con người. Chỉ có đạo đức mới kiểm chế được thú tính của con người.

- Cả đời lo toan cho nó trở thành bác sĩ, kỹ sư, chuyên viên thương thặng... nhưng nó lại là đứa con bất hiếu thì đúng là nghiệp chướng. Cứ thử nhìn vào các thảm họa xã hội như con cái bất hiếu, giết cha giết mẹ, giết anh giết em, giết bà nội để lấy tiền chơi games, đá gà. Rồi thì bạn bè giết nhau trong bữa nhậu, trong quán ăn, quán hát Karaoke chỉ vì một cái nhìn hay va chạm nhỏ nhặt. Nếu như những đứa trẻ này hay những thanh niên này được học Phật từ thuở ấu thơ về đức tính Nhẫn Nhục, Đạo Hiếu, Vị Tha thì thảm họa đâu đến nỗi xảy ra?

- Cả đời lo toan, chạy chọt cho nó trở thành quyền cao chức trọng. Thế nhưng nó lại tham nhũng, bòn rút của công, ăn chặn tiền của dân, dung dưỡng cho bọn làm ăn bất chính, ăn chơi trác táng... cuối cùng vào tù, tài sản mất hết, ô nhục cho gia đình. Nếu như cha mẹ biết gửi con đến chùa dạy nó về lòng Tham, về Nhân Quả thì thảm họa đâu đến nỗi xảy ra?

- Cả đời lo toan, vận động cho nó trở thành tổng giám đốc các ngân hàng, công ty lớn... nhưng nó lại lấy tiền của trương chủ kinh doanh bất hợp pháp, chế săng giả, thuốc giả, đồ dỏm để lường đảo chính quyền và giới tiêu thụ... cuối cùng tài sản mất hết, kết thúc cuộc đời trong lao lý. Nếu như cha mẹ biết gửi con đến chùa dạy nó về lòng Tham, về Nhân Quả thì thảm họa đâu đến nỗi xảy ra?

- Vào xem các chương trình Phật Pháp Nhiệm Màu của Chùa Hoàng Pháp và đọc trên trang tin Phật Giáo Việt Nam về trường hợp của hai người đàn bà đã lăn lộn trong giới buôn hương bán phần trong các quán nhậu ôm, bia ôm. Đã từng làm má-mì (đọc chại từ tiếng mommy của Mỹ tức tiếng trẻ con gọi mẹ) tức nghề làm tú bà, tài-pán hay nuôi em. Một bà đã từng tàn hại cuộc đời của bốn người đàn ông, một bà đã làm bao gia đình tan nát đổ vỡ. Cuối cùng sao hồi tâm phản tỉnh biết quay về với Phật pháp để sống đời lương thiện. Rồi chuyện một ông đã từng vào tù ra khám, đâm thuê chém mướn, chặt đứt cánh tay của một người. Nay chán cảnh đời “gió tanh mưa máu” quay về với Phật pháp, biết tạc tượng Phật, sống đời lương thiện, giúp trẻ bụi đời.

Đọc và xem những hình ảnh này tôi cảm động vì những những người này đã biết tìm về nẻo lương thiện cho những ngày tháng còn lại của đời mình. Thế nhưng tôi không khỏi bùi ngùi thương cho các nạn nhân của họ và đặt một câu hỏi rất lảm cẩm: “Giả dụ những người này biết tu từ thuở nhỏ thì có phải bao đau thương nghiệt ngã đã không xảy ra?” Dù muốn dù không, họ đã tạo nghiệp, tạo bao đau đớn cho người khác. Dù ngày nay biết nương nhờ cửa Phật nhưng nghiệp vẫn còn đó và vẫn phải trả nghiệp, kiếp này hay kiếp sau. Do đó tôi có ý nghĩ là: Phải chữa trị khi “bệnh” chưa bộc phát, tức không phải đợi đến khi hư hỏng mới tu. Mà phải tu từ lúc chưa hư hỏng.



Trung Tâm Huấn Luyện Quảng Đức (hmd)

- Không đợi đứa con bất hiếu, giết cha giết mẹ, đui cha mẹ ra ngoài đường rồi mới khuyên nó tu.

- Không đợi nó tham nhũng hối lộ, bòn rút của công... vào tù rồi gia đình mới khóc lóc đến chùa xin quý thầy tụng kinh giải nghiệp. Mà phải dạy cho nó từ lúc ấu thơ là chớ tham nhũng, thói nát, bòn rút của công.

- Đừng đợi hai chị em ruột cùng lãnh án tử hình vì buôn bán, chuyển vận ma túy rồi mới đến chùa xin cứu giúp. Mà phải dạy nó tinh thần trọng pháp, tuyệt đối không được vi phạm luật pháp quốc gia.

Do đó muốn tránh thảm họa cho chính mình, cho gia đình và xã hội, các bậc cha mẹ hãy gấp rút đưa con đến chùa tu học từ thuở ấu đời. Hãy gửi con đến các Khóa Tu Mùa Hè, xuất gia gieo duyên, các Hội Trại, các buổi thuyết pháp dành cho tuổi trẻ và cho các em gia nhập Gia Đình Phật Tử, các Câu Lạc Bộ Thanh Thiếu Niên Phật Tử. Nhà chùa, trường học, gia đình và xã hội phải kết hợp, chung tay góp sức, phối hợp trong sứ mệnh cao cả này.

Các bậc phụ huynh đưa con đến chùa để học tập về đạo đức làm người giống như trích ngữ cho trẻ nhỏ, mua bảo hiểm cho mình. Khi đó cha mẹ yên tâm. Xin nhớ, một hình ảnh xấu, một ý nghĩ bất thiện tác động đến con người trong chớp nhoáng. Còn tư tưởng thiện lành, đạo đức cần thiết cho con người, có khi tu cả đời vẫn chưa thành. Khi con cái mình thấm nhuần lời Phật dạy như Bát Chánh Đạo (Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mệnh, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định) và Lục Hòa (Thân hòa cộng trụ, Khẩu hòa vô tránh, Ý hòa đồng duyệt, Giới hòa đồng tu, Kiến hòa đồng giải, và Lợi hòa đồng quân) thì tôi dám bảo đảm rằng khi vào đời, chúng nó sẽ trở thành các công dân xuất chúng, đứa con hiếu thảo, lợi lạc cho bản thân, gia đình và xã hội.

Nếu mọi gia đình đều làm thế thì nơi chúng ta đang ở chính là Cực Lạc. Xin quý vị hãy tin như thế. Không phải đợi đến khi chúng nó hư hỏng rồi mới tu. Mà phải tu từ lúc chưa hư hỏng. Khi chúng nó hư hỏng thì gia đình đã tan nát. Nếu lúc đó mới biết tu thì gia đình chỉ còn lại vài mảnh vụn. Nếu chúng nó biết tu từ lúc chưa hư hỏng thì gia đình nguyên vẹn, an vui và hạnh phúc. Do đó, một phụ huynh khôn ngoan là biết đưa con đến chùa tu học từ thuở ấu đời.

(California ngày 2 tháng 7, 2019)♦



Karuna

và tiếng hát của một bà lão ăn xin

Bài HOANG PHONG

Karuna là tiếng Pali và tiếng Phạn, kinh sách Hán ngữ gọi là “Từ Bi” (慈悲). Qua hình ảnh của người Bồ Tát, Karuna hay Từ Bi được xem là lý tưởng của toàn bộ Đại Thừa, ngang hàng với Trí Tuệ. Bồ Tát Quán Thế Âm là vị Bồ Tát tiêu biểu nhất cho lý tưởng đó. Thế nhưng cũng nên hiểu rằng Karuna không phải chỉ là vốn liếng riêng của Đại Thừa mà còn là cốt lõi trong việc tu tập của Phật Giáo Theravada. Phép tu tập đó của Phật Giáo Theravada được nêu lên trong một khái niệm thật quan trọng gọi là “Bốn Phẩm Tính Vô Biên Của Tâm Thức,” tiếng Pali là Cattari Brahmavihara, nguyên nghĩa là “Bốn Lãnh Vực An Trú Tối Thượng,” đó là: lòng “Nhân Ái” (tiếng Pali: Metta), lòng “Từ Bi” (Karuna), niềm “Hân Hoan” (Mudita) và sự “Thanh Thản” (Upekkha).

Phát huy bốn thể dạng tâm thức trên đây là một phép tu tập “cụ thể,” cho thấy một sự “cân bằng” nào đó đối với phép tu tập tập trung vào Trí Tuệ, còn gọi là Tu Tuệ, mang tính cách trừu tượng và lý thuyết

hơn. Nói chung tình thương yêu chúng sinh thể hiện qua bốn thể dạng vô biên của tâm thức trên đây sẽ tạo ra một bầu không gian rộng lớn bao trùm và bàng bạc trong Phật Giáo, và tỏa rộng bên trong bầu không gian đó là Trí Tuệ.

Bốn phẩm tính của phép tu tập trên đây là: Lòng Nhân Ái Vô Biên là niềm “ước vọng tất cả chúng sinh đều tìm được hạnh phúc và nhận thấy được cả các nguyên nhân mang lại hạnh phúc cho mình.” Lòng Từ Bi Vô Biên là niềm “mong ước tất cả chúng sinh đều vượt thoát mọi khổ đau và cả các nguyên nhân mang lại khổ đau cho mình.” Niềm Hân Hoan Vô Biên là tình thương yêu và vui sướng khi “ước mong tất cả chúng sinh đều đạt được hạnh phúc lâu bền, không còn vướng mắc một thứ khổ đau nào.” Và sau hết là Sự Thanh Thản Vô Biên là “niềm ước vọng tất cả chúng sinh đều được bình đẳng và ngang hàng nhau” (tiếng Anh là equanimity), niềm ước vọng đó sẽ mang lại cho mình sự thanh thản mênh mông và một niềm an vui tỏa rộng, không còn phân biệt, bám víu hay ghét bỏ bất cứ một thứ gì.”

Kinh sách Hán ngữ gọi khái niệm về Bốn Phẩm Tính Vô Biên trên đây là Tứ Vô Lượng Tâm và Bốn Phẩm Tính Vô Biên thì gọi là: Từ, Bi, Hỷ và Xả. Cách

Cư Sĩ Hoang Phong hiện sống tại Pháp, là tác giả của hơn 30 tựa sách được ông biên soạn và dịch thuật chuyên về Phật học.

dịch sang tiếng Hán này có thể khiến một số người hiểu sai, nhất là đối với hai phẩm tính sau cùng là Hỷ và Xả. Chữ Hỷ đôi khi được ghép với chữ Hoan và trở thành Hoan Hỷ với ý nghĩa là “vui lòng” hay “sẵn lòng” làm một việc gì đó. Mặt khác hai phẩm tính sau cùng này tức là Hỷ và Xả đôi khi cũng được ghép chung với nhau tạo ra một thuật ngữ mới là Hỷ Xả với ý nghĩa là “tha thứ” hay “bỏ qua” một chuyện gì đó mang tính cách tiêu cực. Do vậy các thuật ngữ Hoan Hỷ và Hỷ Xả trên đây chẳng những không liên hệ gì đến khái niệm về Bốn Phẩm Tính của tâm thức mà còn bị lạm dụng và trở thành sáo ngữ.

Tóm lại bốn ước vọng trên đây là một phép thiền định nhằm tinh khiết hóa tâm thức, tức có nghĩa là hóa giải thái độ hẹp hòi, dửng dưng, và ích kỷ phát sinh từ các thứ bản năng của sự sống. Các Phẩm Tính Vô Biên mang lại từ bốn ước vọng đó là thức ăn nuôi dưỡng tâm thức mình và cũng là cách làm hiển lộ sự giác ngộ bên trong chính mình. Trong số bốn phẩm tính trên đây của tâm thức thì dường như Lòng Từ Bi Vô Biên (tiếng Pali: Karuna Apparamanna) là phẩm tính quan trọng hơn cả vì phẩm tính này không những giúp người tu tập cảm nhận được sâu xa hơn thực trạng khổ đau cùng khắp của chúng sinh mà còn ý thức được cả bốn phận mình trước thực trạng đó.

Thái Tử Tất Đạt Đa sau khi nhận thấy tình trạng khổ đau mênh mông đó của con người đã từ bỏ gia đình, danh vọng và quyền lực để mưu cầu một giải pháp hâu đương đầu với tình trạng khổ đau mang tính cách hiện sinh đó. Phải chăng Karuna Apparamanna hay Lòng Từ Bi Vô Biên chính là động lực sâu xa đã biến Thái Tử Tất Đạt Đa trở thành một vị Phật? Bốn Phẩm Tính Vô Biên của tâm thức được Đức Phật trực tiếp thuyết giảng trong một số bài kinh, chẳng hạn như Brahmavihara Sutta/Kinh về [bốn] Nơi An Trú Tối Thượng (Anguttara Nikaya/Tăng chi bộ kinh, AN 10.208, AN 4.125, Metta Sutta/Kinh về Lòng Nhân Ái (Samyutta Nikaya/Tương Ưng Bộ Kinh, SN 46.54), và gián tiếp hơn trong một số các kinh khác.

Sau này khi Giáo Huấn của Đức Phật được diễn đạt rộng rãi hơn qua sự phát triển của Đại Thừa thì nhiều sáng kiến tu tập về lòng Từ Bi cũng được đề nghị thêm, chẳng hạn như phương pháp Tonglen trong Phật giáo Tây Tạng. Đó là phương pháp “nhận chịu khổ đau của người khác” và “hiến dâng niềm an vui và hạnh phúc của mình cho họ.” Nhận chịu khổ đau của người khác không có nghĩa là mình sẽ cảm thấy đớn đau cụ thể và thật sự như chính họ, hoặc lấy niềm bệnh tật của họ, mà chỉ là cách mang các thứ ấy vào bên trong chính mình qua hơi thở vào dưới hình thức các xúc cảm từ bi, sau đó là tinh khiết hóa chúng, chuyển chúng trở thành những niềm hạnh phúc và an vui để trao trả lại cho họ.

Sự tinh lọc khổ đau đó của người khác thật ra cũng là một cách loại bỏ cái tôi hay cái ngã của chính mình, tức là các karma hay nghiệp tồn lưu bên trong tâm thức của mình. Qua một góc nhìn khác thì những gì mà mình trao trả cho kẻ khác là Phật tính hiển lộ bên trong tâm thức của chính mình. Sự trao trả đó là một cách “hồi hướng” công đức mình cho những kẻ đang phải gánh chịu khổ đau. Tonglen là một phương pháp thiền định siêu việt, đòi hỏi một sự luyện tập kiên trì, vậy chúng ta hãy thử tìm một phương pháp giản dị hơn, tuy không sánh bằng thế nhưng biết đâu cũng có thể là dễ thực hiện hơn chăng? Trong chiều hướng đó tôi xin mạn phép thuật lại một câu chuyện nhỏ về một đứa bé và bà lão ăn xin dưới đây.

Bà lão ăn xin

Năm tôi lên mười, nhà cha mẹ tôi ở trong một con hẻm nơi một khu phố đông đúc. Thỉnh thoảng có một bà lão ăn xin mù lòa hát rong đi vào xóm. Bà vừa khua gậy lần từng bước một, vừa ề a “hát” lên các câu chuyện cổ tích, hoặc than vãn thân phận mình nơi làng quê: chiến tranh, nhà cửa cháy rụi, ruộng vườn tan hoang, bà lưu lạc đến đây, mù lòa, không nơi nương tựa ... Cứ mỗi lần nghe thấy văng vẳng từ xa tiếng hát của bà thì mẹ tôi liền kéo học bàn đưa cho tôi vài cái để mang cho bà lão.

Một hôm tôi hỏi mẹ, “Tại sao cứ mỗi lần nghe thấy tiếng hát của bà lão ăn xin thì mẹ lại sai con mang tiền cho bà ấy?”

Mẹ tôi không trả lời mà hỏi lại tôi như thế này, “Vậy thì con ăn mỗi ngày mấy lần?”

Thuở bấy giờ nào tôi có đủ sức để hiểu hết được ý nghĩa của lời dạy bảo ấy đâu. Các câu chuyện cổ tích của bà lão thì tôi cũng đã từng được nghe, các cuộc chiến tranh thì tôi cũng đã từng được nếm,



huy phan/pexels

thế nhưng âm hưởng vang vọng trong tiếng hát hay tiếng than vãn của bà lão dường như có một chút gì đó thật mê hoặc và đã ám ảnh tâm trí tôi. Lâu lâu không thấy bà lão đi vào xóm thì tôi cảm thấy thiếu vắng một chút gì đó trong lòng mà tôi không hiểu được hết. Sau này lớn lên tôi mới ý thức được phía sau những tiếng hát rong đó của bà lão ăn xin là cả một niềm đau đớn mênh mông, và một chút gì thiếu vắng trong tôi chính là tình thương của tôi đối với bà lão.

Một hôm, như thường lệ vào lúc ngày sắp tắt, bà đi ngang xóm tôi. Trời chuyển mưa tối sầm. Mẹ tôi đưa cho tôi vài cục, tôi chạy tìm bà lão trong ngõ, vừa trông thấy bà thì trời đổ mưa to, tôi vội bỏ tiền vào chiếc lon trên tay bà và cầm cổ tay kéo bà vào nấp dưới một mái hiên gần đó. Tay kia cầm gậy bà khua trên mặt đất để tìm bậc thềm trước khi bước lên. Mưa rào rào trên mái tôn, bà lão và tôi nhìn ra trước mặt, thế nhưng dường như chỉ có tôi là trông thấy những dòng nước cuộn cuộn trên mặt đất và những bọt bong bóng trên thềm sân. Tôi lén ngược nhìn gương mặt bà, mờ mờ dưới chiếc nón lá là một mái tóc bạc phơ, da mặt nhăn nheo, miệng móm, đôi mắt mở lớn nhưng trắng đục, không thấy tròng đen đâu cả. Gương mặt bà thật thanh thần, gần như lạnh lùng, không thấy thoáng hiện một chút tình cảm nào cả. Tôi cảm thấy bối rối và xao xuyến trong lòng, và chợt cảm thấy thương bà lão vô cùng, thế nhưng vào tuổi đó nào tôi có biết gọi chuyện là gì.

Được một lúc lâu thì cơn mưa cũng ngớt, bà lão nói với tôi, “Trời bớt mưa rồi, thôi ngoại đi ghen con.”

Câu nói thật bất ngờ, chân tình và ám áp đó khiến tôi bàng hoàng, chẳng biết phải đáp lại như thế nào. Tôi nắm tay bà để cùng bước xuống thềm. Một vài hạt mưa vẫn còn lộp độp trên chiếc nón lá rách và lấm tấm trên lưng áo bà ba đen đã bạc màu của bà. Tôi đứng im nhìn theo, bà lão tay khua gậy tiếp tục cất tiếng kể câu chuyện cổ tích Tấm Cám: “Ngày xưa có một cô gái nhỏ mồ côi mẹ tên là Tấm...”



Bóng bà xa dần trong ngõ tối thế nhưng tiếng kể chuyện của bà vẫn còn vang vọng trong mưa. Tôi giật mình chạy ù về nhà vì đã đến giờ cơm.

Câu chuyện đứa bé và bà lão ăn xin xảy ra cách nay đã 70 năm, thế nhưng nó vẫn còn ám ảnh tôi. Cũng vậy đối với lời dạy bảo của mẹ “mỗi ngày con ăn mấy lần?”, thì tôi cũng vẫn chưa quên. Từ ngày đó đến nay tôi đã ăn không biết bao nhiêu vụn bát cơm, nhưng nào tôi có trồng được một hạt gạo nào đâu? Ngoài cơm áo ra, tôi còn được hưởng thuốc men, nhà cửa và mọi thứ tiện nghi khác. Món nợ đó quả là to lớn, thế nhưng còn to lớn hơn thế là món nợ của giáo dục, sự hiểu biết và tình thương yêu của những người chung quanh, và càng mở rộng hơn nữa là cả dưỡng khí và môi sinh của địa cầu này.

Lớn lên tôi mới hiểu được sâu sắc hơn những gì phía sau câu hỏi của mẹ cùng sự ám áp của tình người bên trong lời giảng từ của bà lão ăn xin. Là chúng sinh, mẹ tôi và bà lão đều khổ đau như nhau, thế nhưng Karuna hay Từ Bi bên trong họ là cả một sức mạnh giúp họ vượt lên trên những khổ đau của mình để nói lên những lời thật chân tình và trù mến. Tiếc thay trong thế giới vô thường, dù tôi có muốn thoát lên một lời ngọt ngào với mẹ thì mẹ nào có còn đó để mà nghe, hoặc nói lên một lời thật thân thiết với bà lão ăn xin, “Ngoại à, trời còn mưa, ngoại hãy đứng lại với con thêm một chút nữa đi,” thì bóng dáng của bà lão cũng đã khuất mờ trong con hẻm tối.

Thế nhưng Đức Phật cũng dạy rằng tất cả mọi hiện tượng, dù vô hình hay hữu hình, thuộc quá khứ, hiện tại hay tương lai, tất cả đều liên hệ và tương kết với nhau. Đó là nguyên lý Tương Liên, Tương Kết và Tương Tạo giữa mọi hiện tượng, tiếng Phạn là Pratityasamutpada, kinh sách Hán ngữ gọi là Lý Duyên Khởi. Qua nguyên lý đó thì dù chỉ là một chiếc lá hay một con côn trùng nhỏ bé, một tiếng kêu đau thương của một con thú hay một thoáng xúc cảm nhỏ nhoi trong tâm thức của một cá thể con người, thì tất cả đều tác động và liên hệ đến toàn thể môi sinh và sự an vui của nhân loại trên hành tinh này.

Điều đó giúp tôi hiểu rằng dù không còn một dịp may nào để trả món nợ đối với công ơn dạy dỗ cho mẹ, hồi đáp cái ám áp của tình người trong câu giảng biệt của bà lão ăn xin, thì tôi cũng có thể trả các món nợ ấy cho từng chiếc lá và từng môi chúng sinh trong thế giới này. Sự ý thức đó có thể tạo ra bên trong tâm thức chúng ta một xúc cảm Từ Bi thật sâu xa và rộng lớn, và phải chăng đó cũng là một trong số Bốn Phẩm Tính Vô Biên gọi là Karuna của một tâm thức giác ngộ?

*Bures-Sur-Yvette, 21 tháng 6,
2019* ♦



trần công nhung

Chùa Ba Đồn

Bài TRẦN CÔNG NHUNG

Huế có thể nói là quê hương của Lăng Tẩm - Chùa - Đền - Điện - Miếu. Du khách đến Huế ai mà không nghe danh lăng Tự Đức, chùa Thiên Mụ, chùa Diệu Đế, đền Nam Giao, điện Ngọc Trản (Hòn Chén), miếu Âm Hồn, v.v. Tuy chưa thăm nhưng nghe tên không mấy lạ. Nhưng, lần đầu nghe tên chùa Ba Đồn, tôi cứ ngỡ ra.

Nhiều năm trước, tôi có đến một vùng gọi là Ba Đồn (1) để tìm một cây đa. Ba Đồn ở đấy đúng nghĩa có ba đôn bót của Pháp ngày trước. Tôi đã cố tìm một vài dấu tích của địa danh này, nhưng tất cả đã bị con người và mưa gió khóa bằng, chỉ còn tên gọi trong dân gian. Chùa Ba Đồn, chẳng lẽ cũng là nơi có ba đôn lính? Hỏi qua một vài bạn ở Huế, họ thú thật “nghe rứa chớ biết mô.” Nhưng thật có chùa Ba Đồn không, nhiều người xác nhận có, “Chùa nở thờ vong người bị Pháp giết trong ngày kinh đô thất thủ năm Ất Dậu.

Trần Công Nhung là một nhiếp ảnh gia vừa là nhà văn. Ông đã đạt nhiều thành tích về nhiếp ảnh trước 1975 tại miền Nam Việt Nam. Ông bắt đầu viết du ký Việt Nam hơn hai thập niên qua, xuất bản hơn 20 tựa sách trong đó 16 cuốn viết về danh lam thắng tích, về cuộc sống đời thường tại quê nhà.

Ông cứ lên đền Nam Giao hỏi người ta chỉ cho.”

Trước cổng đền Nam Giao có một nhóm khách Tây đang đợi người mở cửa. Tôi vào một quán bên đường hỏi chùa Ba Đồn, bà quán chỉ ra trước mặt, “Chú tới ngã ba đàng nớ rẽ phải rồi theo đường Tam Thai sẽ qua chùa Ba Đồn, không xa mô.”

Ngay bên hông trái của đền Nam Giao có đường Thiên Thai, chạy một đoạn gặp đường Tam Thai, rẽ vào chùng cây số thấy cổng chùa Ba Đồn bên trái. Cổng chùa thật đơn giản, chỉ có hai trụ đỡ, bên trái xây một trụ phụ cao chừng 2 mét, đầu trụ gác ngang bằng tên Chùa Ba Đồn. Hai trụ chính có hai câu đối chữ Tàu:

*Chinh chiến kỹ năng hồi, linh tích thiên thu
bằng thử địa,*

*Thân sơ vô dị trí, tâm hương nhất triện vấn
thùy nhân.*

Dịch nôm:

*Chinh chiến máy ai về, ngàn thu dấu thiêng còn
khấp chốn,*

*Xa gần đều kẻ biết, một lòng kính ngưỡng kẻ bao
người.*

Nguyễn Quan Hà (thân hữu ở San Diego nay đã quá vãng)

Con đường từ cổng vào khá rộng, đổ bê tông, sâu hơn trăm mét. Cảnh vắng như tờ, tôi chạy xe tuốt vào Tam Quan. Lúc này mới nghe tiếng chổi quét sân sột soạt bên hông chùa. Một chị từ trong nhà ngang bước ra vui vẻ tiếp tôi. Tôi hỏi thăm về chùa, chị cho hay, “Chú hỏi bác Nghiêm, bác ấy nắm rất rõ về lịch sử chùa.”

Vừa lúc người đàn ông quét sân đi tới, sau phần xã giao chào hỏi, tôi vào đề, “Thưa bác, trước hết bác có thể giải thích tên chùa? Ba Đồn, thật sự tôi không hiểu, hỏi vài anh em ở Huế họ chỉ nói chung chung.”

Bác Nghiêm nói, “Điều này sử sách có ghi, tên Ba Đồn chính là chữ đọc trại ra từ Tam Đàn Nghĩa Trung. Sau khi thống nhất đất nước (1802) qua năm 1803, bắt đầu xây dựng Kinh thành Phú Xuân (Huế), vua Gia Long (1802-1819) cho giải tỏa 8 ngôi làng ở bờ bắc sông Hương. Nhà cửa và mồ mả phải dời đi nơi khác. Những mộ không có người nhận thì nhà nước cho dời lên tại vùng rừng mà ngày nay gọi là Xóm Hành thôn Tứ Tây thuộc xã Thủy An, thành phố Huế. Còn mồ tám làng ra đời.

“Năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long cho dựng bia đá (cao 1.51 m, rộng 1.110m) với nội dung Ân Tứ Hiệp Táng Vô Tự Chi Mộ (Vua cho hợp táng những mộ không người thờ tự). Dòng lạc khoản bên phải đề Vị dĩ bách cận thành trì thiên táng tại thử (Vị lẽ mộ cận thành trì nên dời chôn tại đây). Lạc khoản bên trái ghi Tuế thứ Quý Hợi niên tam nguyệt sơ thất nhật phụng khắc (Kính vâng mệnh khắc ngày 7 tháng 3 năm Quý Hợi, tức là ngày 27.4.1803).

“Sau khi di dời mộ các nơi về từng cồn 1 - 2 - 3 thì hàng năm có làm Trai Đàn tế lễ cô hồn, ba cồn mồ ba Trai Đàn.”(2)

“Thưa bác nghe nói chùa Ba Đồn có nhiều chuyện linh thiêng phải không bác?”

“Đúng, sau năm 75, một số thanh niên đi làm thủy lợi, tối ở lại cắm trại ngủ trên bãi Đồn 1, nửa đêm họ thấy có người đến đuổi. Các thanh niên này không đi, hôm sau đi làm, người gãy tay, người gãy chân, người bị sốt phải nghỉ việc. Đêm sau lại có người đến đuổi nữa, họ sợ quá, phải chạy vào chùa xin bà mẹ của ông Đình (người giữ chùa, đời thứ hai) cho ngủ tạm.”

Sau khi giải thích về gốc tích chùa Ba Đồn, bác thủ từ đưa tôi vào xem trong nội điện chùa. Tòa nội điện có năm gian hai chái. Bác Nghiêm giải thích cách thờ tự và đọc cho tôi ghi các câu đối trong chùa. Gian giữa thờ Phật, trên cao có tượng Thích Ca, có hoành phi bốn chữ: Từ Bi Vô Lượng, xuống có tượng Ngọc Hoàng Thượng Đế, bên phải có Nam Tào, trái có Bắc Đẩu.

Có bốn câu đối, hai câu ngoài:

*Diệu Pháp nan lường, chúng sanh qui đầu khể thủ
Oai linh bất tận toàn nhơn trần hội tường chiêm.*

Hai câu bên trong:

*Nhứt tộc khởi sùng từ vạn tải linh hồn quân túc tụ
Thập phương đồng hiệp tự ức niên tán phách hiển tinh thân.*

Sau bàn thờ Phật là bàn thờ Hội Đồng các Quan có bài vị: Hàn Lâm Pháp Hội. Các gian kế bên phải thờ: Hương linh anh hùng tuần tiết, thờ cô hồn, thờ Hương linh bốn tự.

Các gian kế bên trái thờ: Nam nữ nạn vong, thờ phượng hồn (vong hư sẩy), thờ Hương linh các phổ hội.

Trước sân chánh điện có bàn thờ ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát, và ngài Tiêu Diện Đạo Sĩ. Tiếp là tam quan chùa, bốn trụ có bốn câu đối chữ Tàu, hai câu hai trụ giữa:



trần công nhùng



Nam quốc trương ngưng vạn hộ thiên gia hàng phú thọ

Thiên môn đại khởi cứu u thập loại tận siêu thăng

Hai câu hai trụ ngoài:

Hắc hải ba đào tuyến nhượng nan mai chung cổ hận

Bạch dương phong vũ anh hồn trường ngự đại từ tâm

Sau lưng chùa có nhà bia “Ân Tứ Hiệp Táng Vô Tự Chi Mộ.” Điều đặc biệt, trên các Đôn (cồn mồ) chỉ mọc độc nhất một loài cỏ chỉ. Một nhà sư bán thế (cư sĩ) làm Phật sự ở vùng này lâu năm giải thích rằng: Các vong linh ở dưới đất, chỉ cho loại cỏ chỉ mọc lên để giữ đất chứ không cho mọc bất cứ một loại cây gì khác. Hiện tại các Đôn đã bị xâm lấn xây cất một số lăng mộ bất hợp pháp,(3) chính quyền Huế đã có công văn chỉ đạo ngăn chặn nhưng chưa giải quyết dứt điểm.

Ba Đôn tuy không phải ngôi chùa chính thống thuộc giáo hội Phật giáo, nhưng với lịch sử, với dân gian lại là ngôi chùa linh hiển, một di tích lạ có mười cồn mồ hợp táng lớn nhất nước. Chùa Ba Đôn nằm sau lưng núi Bán (nơi Hoàng Đế Quang Trung lên ngôi năm 1788) và gần Đền Nam Giao của triều Nguyễn. Nếu có qui hoạch hợp lý thì chùa Ba Đôn kết hợp với Núi Bán - Đền Nam Giao, thành một quần thể di tích, một khu du lịch hấp dẫn khách. Viếng thăm chùa Ba Đôn không chỉ thuần là văn cảnh mà còn hiểu sâu hơn về lịch sử nước nhà qua bao nhiêu thời chống ngoại xâm, vạn vạn anh hồn tử sĩ đã hy sinh yên nghỉ nơi này.

Vấn đề chính yếu vẫn ở chỗ tôn tạo mà không phá bỏ, không làm mất dấu tích lịch sử, không thừa cơ cất xén, như bao công trình đã thực hiện xưa nay. Không nên giao sự nghiệp văn hóa cho người không có văn hóa, cũng như sự nghiệp giáo dục không để cho người thiếu giáo dục độc quyền. Được như thế đất nước mỗi ngày sẽ nở thêm hoa, bớt cỏ dại, và bớt đi sự chề cười

của người ngoài.

(Trích từ Trần Công Nhung Facebook, 15 tháng 6, 2019)

*

Chú thích:

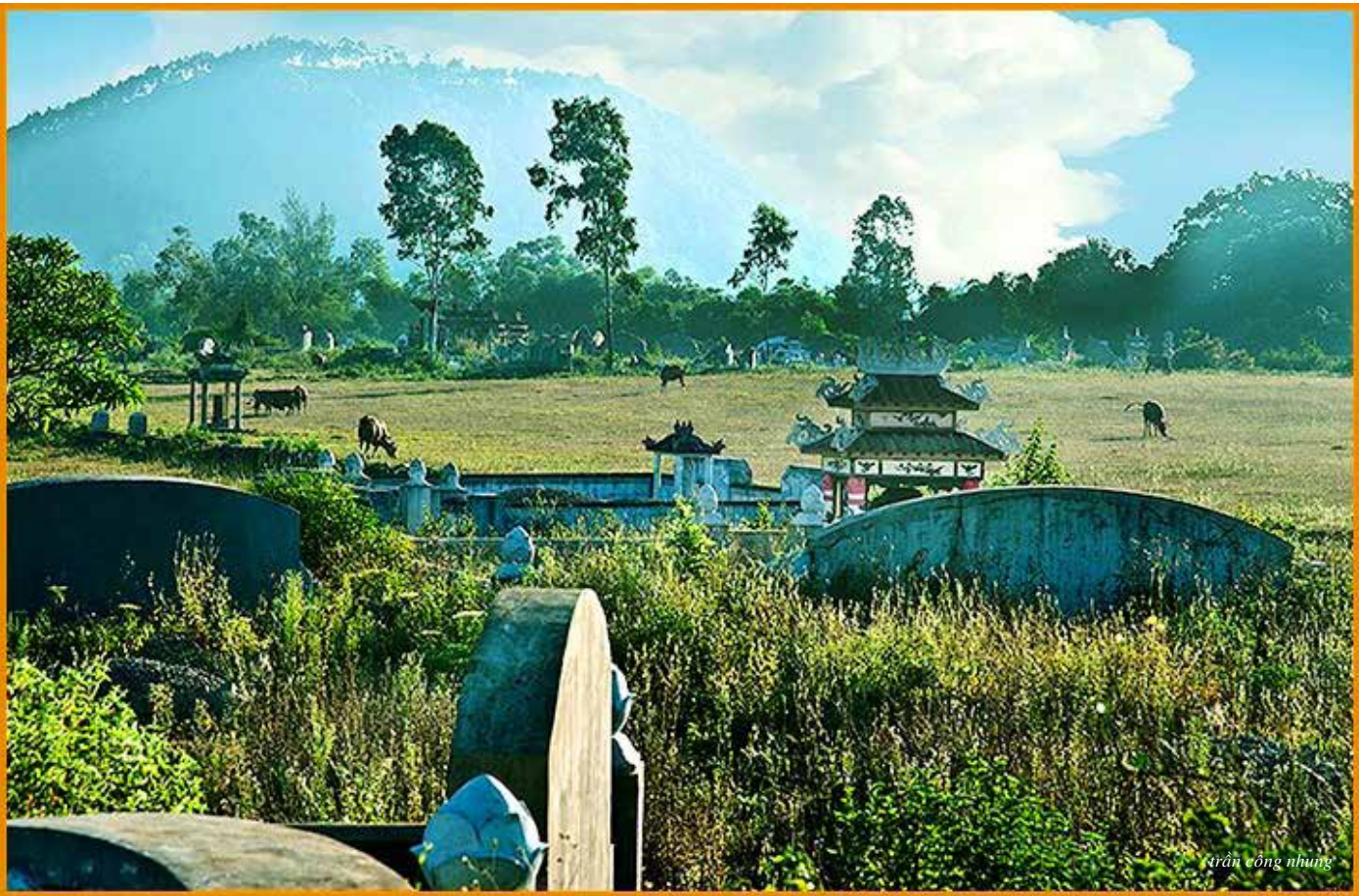
(1) “Cây đa ăn miếu” trang 19 Quê Hương Qua Ống Kính tập 3

(2) Sử ghi: Sau khi xây dựng đàn Nam Giao và lăng Gia Long, các mồ vô chủ lại được dời đến tiếp tạo thành hai cồn mồ lớn nữa nằm về phía nam của Cồn Mồ Tám Làng. Cồn Mồ Tám Làng 3,800 mộ (sau thường gọi là Đôn 1) có diện tích 50 m x 150 m. Ở mỗi cồn mồ đều có dựng bia và có nội dung tựa tựa như bia Cồn Mồ Tám Làng. Riêng bia Cồn Mồ thứ hai có lạc khoản bên trái cho biết có 3,700 người an nghỉ ở đây, lạc khoản bên trái bia Cồn Mồ thứ ba cho biết có 2,250 (Hai bia số 2 và số 3 đã mất từ lâu).

Đến năm 1835, vua Minh Mạng cho lập một bàn thờ ở giữa trời (đàn) tại Cồn Mồ Tám Làng để hằng năm nhà nước tổ chức cúng tế những Cồn Mồ Tám Làng. Về sau cho dựng thêm hai đàn nữa để cúng tế những cô hồn của cồn mồ thứ hai và thứ ba. Dân chúng gọi ba cồn mồ có ba đàn hằng năm tế lễ đó là Cồn Mồ Ba Đàn (Ba Đôn). Sau ngày thất thủ Kinh đô (23 tháng 5 Ất Dậu, 1885) thực dân Pháp đánh chiếm Huế, dân chúng và binh lính trong Thành chết hàng ngàn người. Lúc đầu người chết được dập hai bên lề đường và ngay trong các vườn nhà chung quanh. Về sau người Pháp “giăng dây thép họa địa đồ nước Nam” bắt dân chúng phải cất bốc hết các mồ mã chôn trong và ngoài Kinh thành. Những mồ vô chủ lại được đưa lên Ba Đôn “hợp táng” hình thành thêm một số Cồn mồ nữa, số cồn mồ mới là:

- Cồn mồ thứ tư, nơi an nghỉ của quân lính hy sinh trong Kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885) số lượng không rõ;

- Cồn mồ thứ năm, nơi an nghỉ của sĩ quan hy sinh



trong Kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885), số lượng không rõ;

- Còn mô thứ sáu, nơi an nghỉ của thường dân chết trong Kinh thành Huế ngày 23.5 Ất Dậu (5.7.1885), số lượng không rõ.

Từ thời Gia Long, một cái miếu nhỏ được dựng lên để hương khói quanh năm. Cuối thế kỷ 19, miếu đổ nát, bà Nguyễn Thị Lựu, bà ngoại của vua Thành Thái, bỏ tiền trùng tu.

Khi Miếu Ba Đồn được nhiều người đóng góp tu sửa, các đợt cúng tế cầu xin thần linh độ trì cho Ba Đồn và cầu các cô hồn phù hộ cho bá tánh đều được tổ chức tại miếu Ba Đồn. Từ đó Ba Đồn trở nên rộn rịp. Đến nửa đầu thế kỷ 20, để cầu cho mua may bán đắt, các “phổ” (phường nghề) Thợ Vàng (kim hoàn), Thợ May, Chén Bát, Nón Lá, Phổ Phước Lợi, Phổ Phú Nhơn trong Kinh Thành... tự nguyện làm “tín đồ” của miếu và xem miếu Ba Đồn như miếu thờ của các Phổ.

Việc thờ cúng tại miếu Ba được các vua từ Minh Mạng đến Duy Tân rất chú trọng. Thời Thành Thái rất thiếu thốn mà lễ vật cúng tế hằng năm ở Ba Đồn gồm có ba con lợn, 15 đấu nếp, 45 chén gạo, 15 chén muối, và các thứ khác như hương đèn, rượu, cau trầu, đồ vàng bạc bằng giấy. Từ đời Thành Thái - Duy Tân mỗi năm chỉ tế lễ vào ngày Thất Thủ Kinh Đô 23-5 âm lịch.

Đối với dân chúng, hằng năm các Phổ tổ chức cúng tế vào ngày 16 tháng Giêng (Minh Niên) và ngày 16 tháng Chạp (Tất niên). Từ sau ngày có thêm ba đồn 4,

5, 6 ngoài việc thờ Thánh, miếu thờ thêm các cô hồn đã mất trong Biến cố 23 tháng 5 Ất Dậu, các “Phổ” lại tổ chức lễ cúng âm hồn nữa. Lễ cúng âm hồn kéo dài cả tuần lễ, bắt đầu từ ngày 23 tháng 5 cho đến cuối tháng 5. Các “Phổ” tự chọn ngày tế riêng hoặc hợp tế tùy theo năm.

So với các miếu tại Huế và trên toàn quốc, không nơi nào thờ cúng một số lượng cô hồn đông đảo như miếu Ba Đồn. Do đó dân chúng nghĩ miếu Ba Đồn là rất linh thiêng. Miếu Ba Đồn trở thành nơi bói xăm của bá tánh. Người đoán xăm là người có ăn học, phần lớn là các nhà sư bán thế. Do yêu cầu của thực tế, hằng ngày tại miếu có một nhà sư đoán xăm. Do sự có mặt của các nhà sư, miếu Ba Đồn rước thêm Phật về thờ.

Miếu Ba Đồn có Phật, có sư dần dần trở thành chùa Ba Đồn đã 200 năm, tuy nhiên cho đến nay, chùa Ba Đồn cũng không có trụ trì và chưa bao giờ được Giáo Hội Phật Giáo công nhận. Vị sư bán thế đoán xăm nổi tiếng của chùa Ba Đồn là ông Mật Giải, em ruột Hòa thượng Bích Phong (1900-1968), trụ trì chùa Quy Thiện (ở gần chùa Ba Đồn). Ông Mật Giải qua đời năm 1986 sau 45 năm gắn bó với chùa Ba Đồn.

(3) Dư luận cho rằng từ năm 1998, có người đem đất chùa chia lô bán cho tư nhân xây lăng mộ. Đến nay đã có hơn 300 mộ xây trái phép trên diện tích gần 8,000 m², ngoài ra 5,000 m² đất ở khu vực đường vào chùa, xung quanh chùa đã bị bán xây khuôn viên để dành. ♦



Một cuộc vẫn đời

Bài DIỄM TUYẾT

Chùa không có tên. Chùa nằm gần trên đỉnh núi. Gọi là cốc thì đúng hơn. Sở dĩ gọi là chùa vì ở đó có một... ông sư. Đứng ở đầu cầu Bống hoặc đầu đó trên cầu Trần Phú, chỉ thấy một mảng tôn trắng nhỏ. Nếu có một ống kính zoom kha khá thì có thể nhìn thấy nơi đó ngày ngày có một ông sư đi ra đi vào. Chị tôi kể, để viết truyện ngắn Huyền Thoại Núi, chị đã lui tới chân núi sau lưng Tháp Bà này không biết bao nhiêu lần, và hầu như ngày nào cũng đứng ở cầu Trần Phú zoom máy hình lên để nhìn thấy bóng sư thấp thoáng sáng chiều lao tác.... Chị nói lên đó một lần nhưng không nói chuyện được vì sư ngồi thiền.

Tôi thắc mắc, tôi tò mò, tôi ngưỡng mộ. Giữa cuộc sống vật chất này mà có một vị sư không ngó đến facebook, không cần wifi và trèo lên nơi thâm sơn cùng cốc để tu hành, không biết là trốn tâm hay trốn tình. Đạo nghiệp ắt phải vững mạnh lắm mới có thể

sống một mình tu tập như thế. Dù nhân duyên, tôi cũng quyết một lần trèo lên chiêm bái, hơn nữa, sau bao nhiêu ngày chôn chân cũng muốn làm một cuộc du sơn.



Bậc đá cheo leo lối vòng vèo

Chúng tôi đến chùa Hải Ấn lúc hai giờ mười lăm. Những con chó trong chùa chạy ra sủa ầm ĩ. Một chú chó choai choai chạy quá trốn nên đã rơi phịch từ trên thêm cao tầng một khoảng 4 thước xuống đất. Lết lết, khóc la và sủa ầm ĩ như thể gãy chân hay sao đó làm chúng tôi cũng đau lòng không ít. Không biết do nhân gì duyên gì mà khi mình đến chùa lại có một chúng sinh đau đớn như thế. Vòng ra sau lưng chùa Hải Ấn, chúng tôi bắt đầu cuộc hành trình leo khoảng 500 bậc đá.

Diễm Tuyết là một Facebooker sống tại Nha Trang. Bài này đã đăng ngày 2 tháng 2, 2016 trên trang của cô.

Đường đi vòng vo cheo leo, không dễ dàng như bậc thang trong nhà, khởi hành 3 giờ mà dường như mất gần cả tiếng đồng hồ mới tới nơi, vì cứ vài bậc là phải nghỉ. Một cái giỏ đựng máy ảnh và một chai nước trong túi áo thôi mà thấy nặng quá chừng. Vài mươi bậc đầu tiên, chưa quen, tim đã đập thình thịch như nghe được âm thanh. Có lúc mệt tưởng chừng muốn xỉu, chỉ muốn lăn ra đất mà nằm nghỉ, nhưng không có chỗ nào bằng phẳng để nằm. Trên đầu ánh nắng chiều thấp thoáng nhưng cũng khá nóng vì có lúc được cây cao che có lúc thì không có bóng mát.



Hai tảng đá to chừa một lối đi hẹp làm thành lối vào cốc.

Cuối cùng thì bốn người chúng tôi cũng lên được đến nơi - đến cái cốc đó. Hai tảng đá to chừa một lối đi hẹp làm thành lối vào cốc. Đập vào mắt tôi là mấy dòng chữ viết tay, không đẹp nhưng rõ ràng: “Vui lòng đi nhẹ, nói khẽ, không vứt rác ra rừng.” Thế là một người trong chúng tôi đưa ngón tay lên môi và suy ra hiệu cho nhau không nói chuyện rôm rả như lúc leo núi nữa. Ba người kia kéo nhau ra phía trước tìm chỗ



“Vui lòng đi nhẹ, nói khẽ, không vứt rác ra rừng.”

nghỉ mệt, còn tôi ngồi bệt ngay trước thềm cốc, một khoảnh xi măng ít ỏi. Sức lực đã cạn kiệt đến mức tôi chỉ muốn nằm lăn ra đâu đó.

Phía trước sân là một chiếc bàn gỗ tạp, bên trên đây khăn tắm khăn màu vàng lền chặt xuống cái khay một cách kỹ lưỡng. Mới đầu tôi còn dè dặt chỉ nhìn mà ngại ngần không dám đụng, lát sau không thấy ai, tôi tò mò gỡ tấm khăn lên, hóa ra là những chiếc ly sạch sẽ úp trên đó. Tứ bề yên ắng, chỉ có tiếng đôi chim gì đó gọi qua đáp lại. Tại hai bậc tam cấp ở hai nơi, đặt hai đôi giày và dép, ngay ngắn và sạch sẽ không thể sạch hơn. Một kệ sắt trên đó là bình bát và một cái tô to úp lại, một con dao, vài cái muỗng, vài đôi đũa...



Chủ nhà đâu? Trong gian phòng gỗ chừng 4 mét vuông, 3 mặt là cửa sổ, có một cái giường nhỏ đang buông mùng. Chủ nhà, y vàng, ngồi bất động nhắm mắt thiền trong đó. Ông kính máy hình của tôi nãy giờ chĩa khắp nơi, bấm lia lịa, giờ vội vàng hạ xuống, xấu hổ. Sự thình lạng, quá đổi thình lạng của chủ nhà đã làm tôi giật mình. Nghĩa là từ lúc chúng tôi leo núi, chúng tôi nói gì, cười nói vang vọng núi rừng, chủ nhà đã nghe thấy hết, nhưng người vẫn ngồi im mắt nhắm có lẽ là mấy tiếng đồng hồ trước đó. Chúng tôi đã làm kinh động một thiền giả.

Từ lúc phát hiện ra sư đang ngồi thiền, tôi rón rén bước chân mà vẫn thấy mình gây nên tiếng động thật ồn ào. Tôi trèo lên thêm gỗ, đó là những miếng ván ghép, thô sơ, không véc ni, bên hông căn phòng. Chân bước trên thêm gỗ, tôi lại có cảm giác mình lại làm kinh động thiền giả, nhưng thôi, tôi quá mệt, tôi cũng cần một chỗ dựa lưng và có thể ngắm cảnh được. Tôi dựa lưng vào vách gỗ nhìn xuống biển, ngắm thành phố Nha Trang với hai chiếc cầu, nhìn thấy ngọn Tháp Bà nhỏ bé xa xôi. Tôi ngồi chờ đợi, chờ sức khỏe hồi phục lại, và tôi cũng... thiền, vì không biết làm gì hơn.

Tôi nghe tiếng mình thở, một bạn đạo bày cho tôi cách thiền đơn giản là “thấy hơi thở,” tôi nhìn xa xăm, lắng nghe hơi thở dần nhẹ nhàng của mình mà trước đó do mệt tôi thở còn hơn... con bò rống. Chợt nhớ ra tôi và sư chỉ cách nhau khoảng một mét với một bức vách gỗ, tôi không dám thở mạnh, nhưng cũng không sao, tiếng gió tiếng chim tiếng lá xào xạc ồn ã hơn tiếng thở của tôi. Thỉnh thoảng bị muỗi cắn tôi cũng không dám gãi mạnh.

Chung quanh cốc có vài cây hoa, một con ong to bay tới, nó tiến thẳng về phía tôi. Trong tôi chợt có ý nghĩ, có khi mình đang làm kinh động một thiền giả nên con ong này biết đâu là long thần hộ pháp đến đuổi mình đi. Tôi không thể bật người dậy và chạy trốn khỏi con ong, vì như vậy sẽ càng gây nên những âm thanh hỗn độn, con ong có cánh và bay vù vù, còn tôi đang mệt muốn chết, chạy đâu cho thoát. Tôi ngồi yên và tự nhủ, mình là một cục đất vô hại. Miệng lẩm bẩm, xin chư thiên làm chứng, con hồng có ý đồ gì phá phách vị thiền giả ngồi trong kia. Con ong đã đổi hướng. Tôi vẫn tiếp tục ngồi đó, lắng nghe tiếng rừng, tiếng núi, tôi nhớ lại và cảm nhận bài kinh Tiếng Động Rừng Sâu.



Cuối cùng thì sư cũng đứng dậy. Lần đầu tiên, tôi nhìn thấy được một khuôn mặt rạng rỡ của một người vừa xả thiền. Một khuôn mặt toát lên vẻ an nhiên, từ hòa, và thân thiện. Chào hỏi, đánh lễ. Tôi hỏi một câu thừa, “Sư ở đây một mình?”

Sư đáp, “Vâng, chỉ một mình.”

“Một mình có buồn không sư?” lại một câu

hỏi thừa.

“Tu mà buồn gì,” sư cười.

Nhìn thấy tôi giở xách, ống kính, sư hỏi tôi có phải nhà văn nhà báo. Tôi nói tôi chỉ là người đi chơi và nhân tiện ghi lại cảnh đẹp. Sư hỏi tôi có phải ở Sài Gòn, tôi đáp tôi là người ở Nha Trang, một bà nội trợ quanh quẩn trong nhà. Tôi hỏi sư ở đây lâu chưa. Sư đáp gần một năm, trước đó sư ở chùa Hội Phước. Vậy là chủ khách biết nhau chút đỉnh. Tôi chuyển đề tài theo ý mình muốn. Và sau đây là cuộc “vấn đời,” không phải vấn đạo.

“Đời tu có vui không Sư?”

“Vui chứ, không vui sao tu được.”

“Tu để làm gì vậy Sư?”

“Tu hã, để làm lợi mình lợi người.”

Câu trả lời này nghe hơi sách vở. Tôi chất vấn, “Sư ở một mình trên này thì lợi gì cho người. Và nếu vẫn còn nghĩ đến cái lợi thì phải chăng vẫn còn tham lam cái chi đó.”

“Không, tu là để bỏ bớt những ham muốn, những tham đắm.”

Quả thật, nhìn cuộc sống của sư, tôi thấy sư đã bỏ bớt và đơn giản đến mức độ không thể đơn giản hơn. Cốc của sư, mà thật ra là một cái chòi đúng hơn, không có kéo dây điện nên đừng nói gì đến wifi, tất nhiên ở đó có thể kết nối 3G. Tôi hỏi sư có điện thoại di động không, sư nói trước đây có điện thoại, laptop, đủ hết, mà bỏ hết rồi. Tôi nói tôi đã từng làm “thủ thư” cho một trang web PG mười hai năm, sư nêu tên được ngay vài trang web có tiếng. Sư không phải là người lạc hậu không biết những hiện đại trần gian.

Trước cốc là hai thùng nước inox to, to cho cả hai đại gia đình xài đủ, tôi không biết sư mua nước như thế nào và trữ nước làm chi mà nhiều thế. Hỏi ra mới biết là nước đó là dự trữ hứng từ nước mưa qua máng xối. Điện sư xài là một hệ thống năng lượng trên mái, buổi sáng hứng nắng mặt trời, buổi tối phát ra điện. Không có bếp núc chi cả. Mỗi ngày sư xuống núi khát thực.

Tôi hỏi, “Sư đi khát thực có xa không, sư đi từ lúc

nào?”

“Xuống dưới làng, gần gần thôi.”

“Ngày nào cũng có đồ ăn hết hờ Sư, có khi nào không ai cho gì bị đói không? Người ta đặt bát cho Sư những gì?”

“Không khi nào bị đói, tẻ lắm thì có hai ổ bánh mì không. Khi thì xôi, khi thì bánh.”

“Sư lên lại trên này rồi mới ăn hay kiếm chỗ nào dưới đó để ăn? Có bao giờ người ta bỏ tiền không.”

“Mang về trên này rồi mới ăn. Người ta có bỏ tiền vào nhưng sư không lấy. Sư nói với người ta là sư không nhận tiền.”

“Quanh đây nhiều người theo đạo Phật không Sư? những người đặt bát, họ có phải là Phật tử không Sư? khi Sư nhận cúng dường của họ, Sư sẽ nói gì? Trên đường đi khát thực sư có tụng kinh không, hay chỉ im lặng đi?”

“Ở đây theo đạo Phật cũng nhiều. Có vài người quen thường xuyên đặt bát. Sư chỉ yên lặng đi bát thôi, không có tụng đọc kinh gì. Ai cho gì thì sư chúc phúc cho họ.”

“Có bài kinh chúc phúc nào không sư?” (Hỏi câu này, tôi mong là sư sẽ xô tiếng Pali nghe cho sướng tai).

Nhưng sư trả lời, “Sư chỉ cầu chúc cho họ được an vui.”

Vậy đó, con đường núi tôi leo lên mấy lần muốn xỉu mà mỗi ngày cứ 9 giờ sư xuống núi khát thực rồi leo ngược lên lại. Và chỉ một bữa trưa thôi, người ta cho gì ăn nấy. Sư không ăn sáng cũng không ăn chiều.

“Một ngày của sư bắt đầu lúc mấy giờ? Sư làm gì cho hết ngày? Không thấy chuông mõ bàn thờ, sư có tụng kinh không?”

“Sáng sư đặt đồng hồ 4 giờ, nhưng nếu 1 giờ sáng mà thức giấc thì sư thức luôn. Một ngày sư hành thiền 3 lần, mỗi lần vài tiếng đồng hồ. Buổi sáng sư cũng đọc kinh khoảng nửa tiếng, để không quên lời Phật dạy.”

“Sư đọc kinh gì?”

“Sư đọc kinh Nguyên Thủy.”

“Là năm bộ Nikaya?”

Mất sư chợt sáng lên khi nghe câu hỏi của tôi, biết tôi có chút “mùi tương chao,” sư nói, “Sư đọc Trung Bộ Kinh, chị biết Trung Bộ Kinh không?”

“Dạ không biết lắm nhưng con biết Trung Bộ có 152 bài!”

Cả hai đều cười. Thật vậy, tôi nói tôi chỉ là muông canh. Ở trong tô canh nhưng không biết vị ngọt của canh.

Lần đầu tiên tôi thấy trước mặt một người học kinh, sống theo kinh. Tôi xin phép được chụp vài tấm hình cốc của sư, nhưng tôi cũng ngại ngần bước vô căn phòng có cái mùng bông sẵn như vậy, tôi chỉ đứng ngoài đưa ống kính một vài góc phòng nơi có

những chồng kinh sách. Đối diện chỗ ngồi thiền của sư, trên cao, phía trên cửa sổ, là một dòng chữ viết tay: “Phải làm xong lời Phật.” Ôi một đại-dại-nguyên! Làm đến bao giờ, hết kiếp này rồi kiếp khác, biết bao nhiêu kiếp mới làm xong lời Phật?

“Ở đây thanh tịnh quá, không có chịu tác động gì nhiều, mỗi lần ngồi thiền sư nghĩ gì?”

“Bất cứ ý nghĩ gì hiện đến.”

“Vậy là sư cứ ngồi và nghĩ chuyện này chuyện kia?”

“Khi ngồi thiền, nhiều ý nghĩ xuất hiện lắm, chẳng hạn như khi mình đi xuống dưới kia, gặp cái gì không như ý, khi về ngồi thiền, nó lại xuất hiện trở lại, và có những điều đã lâu lắc nó cũng đôi khi xuất hiện lại trong lúc ngồi thiền. Cứ kệ nó, rồi mình hướng tâm theo ý mình, giữ cho nó không lãng xăng nữa.”

“Rồi sau đó sư được gì ngoài chuyện mỗi lưng tê chùn?”

“Sau khi thiền xong thì sẽ thấy an vui hoan hỉ lắm.”

Tôi tin sư nói thật bởi khi này tôi đã tận mắt nhìn thấy khuôn mặt an nhiên của sư sau khi xả thiền, mặc dù chúng tôi đã ồn ào náo động cả một khu núi rừng. Qua câu chuyện tôi được biết sư gốc ở Huế, xuất phát của sư là Bắc phái, nhưng sau này, sư chọn cuộc sống đạo đúng nghĩa tỳ kheo thời Đức Phật còn tại thế. Sư cũng từng đi tu thiền bên Miến Điện. Thật hoan hỉ khi thấy trong thời pháp nhược ma cường này, có người tu và hành như thế. Và cũng may mắn cho tôi khi được gặp một vị như thế trong đời này. Tôi dè dặt xin được chụp sư một tấm hình, sư không từ chối. Sư còn chỉ một chiếc thang dài bắc phía sau một tảng đá, sư để sẵn dành cho những ai thích lên núi chụp hình có thể trèo lên đó để tầm nhìn xuống dưới biển dưới phố được rộng xa hơn. Hình như sư quá quen với những tục khách văn nhân, nhiếp ảnh...

Trước khi chia tay, tôi lấy phong bì ra xin được cúng dường, nhưng sư từ chối. “Trên này đâu có chỗ xài tiền.” Biết sao được, hành lý nhẹ nhất tôi mang theo lên được tới đây là “tiền.” Tôi thật sự không tin rằng tiền không có chỗ xài, lỡ bệnh thì cũng mua được thuốc uống. Tôi hỏi ở một mình trên này lỡ bệnh thì sao, sư nói, bệnh rồi cũng qua. Sư chỉ nói tới đó. Trong đầu tôi hiện lên ý nghĩ, với sư thì bệnh mà “qua khỏi” hay “qua đời” chắc cũng nhẹ tênh như nhau.

Tôi nói, “Vậy thôi nếu Tết con leo lên được con sẽ mang bánh tét.”

Sư cười, “Bánh tét cũng phải buổi sáng chứ mang lên buổi chiều là mang về đó.”

Ôi giới không ăn chiều, một sợi dây vô hình nhưng buộc chặt.

Câu chuyện cũng có lúc đề cập đến những vị tôn túc học giả ở Khánh Hòa. Nhắc đến HT Đồng Minh với bộ Luật, sư hỏi tôi bộ luật đó có còn trên mạng không. Tôi đáp chỉ google là ra. Sư nói thời sư còn là sadi bị cấm đọc, sư hỏi tôi có đọc chưa và theo tôi Phật tử có nên đọc không. Tôi cười đáp là tôi đã đọc hết chỉ vì hồi đó nghe nói cấm Phật tử đọc. Sư cũng đồng tình với tôi là nên để Phật tử biết luật để bảo vệ cho người tu, tôi nghe mà cũng thấy như mình đang bị “nhắc nhở.”

Sư tặng tôi một cuốn sách sư biên soạn. Sư nói chưa tặng sách cho ai lên đây bao giờ. Sư dặn, nếu đọc thấy có gì xin chị góp ý giùm. Tôi ôm cuốn sách. “Cảm ơn Sư nhưng con làm gì đủ trình độ.”

Chúng tôi xuống núi. Hành trình đi xuống nhanh hơn, nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn rất mệt.

Vẫn mong một lần lên núi trở lại nhưng tôi biết khó vô cùng, khi ngồi viết những dòng này, đã qua hai ngày rồi mà hai bắp chân tôi vẫn còn rất đau. ♦





chiếc máy niệm Phật

Bài PHÚC QUỲNH

Dạo sau này tôi ít tiếp xúc với ai, một phần vì cố gắng “nhín” chút thời giờ trước khi làm việc để đọc kinh sách. Sau giờ làm thì chỉ còn đủ thời gian để ăn, hàn huyên đôi ba điều với người bạn đời rồi lên giường nằm, cố sao cho đầu óc thoải bớt chuyện thế gian trước khi chìm vào giấc ngủ lúc nửa đêm. Bạn hầu như suốt tuần như vậy nhưng tôi vẫn gắng học đạo. Ở tuổi gần sáu mươi mà mới lo làm chuyện đó thì e hơi trễ rồi, tôi nhận ra điều ấy khi khám phá ra rằng nhân loại có cả một kho tàng tâm linh vĩ đại như núi Hy Mã Lạp Sơn mà tôi chỉ mới lượm được dăm ba viên sỏi từ khối núi ấy. Cả đời rộn ràng đầu tư vào tiền tài danh vọng, nhập trận chuyện thị phi của thế gian xem ra không bằng một ngày tìm tôi, lắng nghe để được ném chút đạo vị trong tình thức.

Vì ít giao thiệp, ăn nói không hoạt bát, nên khi nghe một người bạn văn lâu năm không liên lạc hỏi “Sao, lúc này có khỏe không?” tôi phân vân, hơi lúng túng vì không biết phải trả lời sao.

Đáp “Vẫn khỏe” thì đương nhiên là không đúng rồi. Ở tuổi này thì làm sao khỏe bằng lúc đôi mươi, hay bốn mươi chứ, năm mươi cũng chưa được nữa là. Mà kể lẽ rằng đang đau chỗ này, yếu chỗ kia trên thân thể thì cũng không chắc là mình “Không khỏe,” vì so với mấy bác nằm trong viện dưỡng lão, cả ngày chỉ đi được mấy bước, ăn qua loa cho qua cơn đói, thì thật ra mình còn khỏe lắm, khỏe re.

Hình trên chụp tại “chùa Núi” Chơn Sung Tự nhìn về hướng bắc, tháng Ba 2017. Gần gốc cây bơ đang trổ lá non có đặt một chiếc máy niệm Phật mà từ đó lan tỏa một âm thanh “A Di Đà Phật” huyền diệu thấm vào ngọn cỏ và vươn lên đến tận mây trời bao la.

Thành thử chỉ có thể dẫn chứng mấy nhận xét, phát biểu của người chung quanh về tôi, để may ra có thể trả lời một câu hỏi tuy là xã giao nhưng cũng khó đáp của người bạn từ nơi xa.

Mẹ tôi: “Đạo này tốn mầy bạc nhiều quá nhe con. Thôi bớt làm việc đi, đừng lo nghĩ nữa, đừng đọc sách chi nữa. Ăn nhiều nhiều cho khỏe chút. Trông mầy già quá.” Mẹ tôi đã trên tám mươi, tóc bạc lưa thưa hết mái đầu. Vậy mà bà còn “gân” lắm, lái xe mỗi ngày qua lại phố Bolsa mà không ngại, chạy chậm rì, ai nói gì mặc kệ.

Một ông bạn đồng nghiệp ở sở: “Anh lúc này trông gầy hơn trước. Có sao không vậy? Có bệnh gì không? Thôi đừng ăn chay nữa cha. Bữa nào đi nhậu lại đi chứ? Chắc thèm bia dử lắm à nha?” Anh bạn trông có da có thịt hơn tôi, nhưng cũng ít khi thấy anh ấy cười, ngoại trừ lúc nhậu.

Vợ tôi: “Chắc anh phải bớt ăn đi. Cái bụng hơi to rồi đó, nhòn nhọn như bà bầu.” Vợ chồng cùng ăn chay mà không hiểu sao nàng vẫn mảnh mai, dường như còn trẻ hơn tuổi nữa kia (nhìn vậy chắc đủ chỉ tiêu cho bữa nay với vợ), trong khi tôi thì bụng từ từ phình ra, hai bên eo không còn hình chữ V, nhìn từ bên hông giống chữ D, mà đầu thì hơi tóp lại, thân hình như củ tỏi với dùm tóc trên đầu. Không lẽ chỉ len lén vợ để ăn chút kem mỗi tối lại dễ mập như vậy sao cà?

Con gái tôi ở xa xem hình cha qua máy phone: “Bố trông già quá. Bố có sao không? Đi làm chắc cực hả bố?” Con nói nửa tiếng Việt nửa tiếng Anh, chỉ có chữ “Bố” là nghe rõ nhất, thiệt là thương, còn mấy chữ tiếng Anh thì nó nói lẹ quá, lại theo cách nói của người Mỹ nữa, mình chỉ hiểu ý, cũng thiệt là thương.

Con Kiwi: “Ông sao mập bằng tui được. Già cũng thua đứt luôn.” Kiwi là tên con chó bẹc-giê mà vợ

chồng chúng tôi nhận nuôi từ một trung tâm cứu loài thú ở Los Angeles. Ngày mới về nó chạy lăng xăng ngoài sân suốt buổi, tung tăng chơi với mấy chiếc giày, thân hình nảy nở, bụng thon gọn. Ngày nay, gần 13 năm sau, Kiwi thường nằm mọp với cái bụng chầy dài trên tấm thảm dành riêng cho nó, biếng ăn, lông rụng. So với tuổi người thì nó chừng gần 80, theo máy tính của hãng Purina chuyên bán thực phẩm và vật dụng cho chó. Sống chung với nhau chừng ấy năm thì chúng tôi hiểu ý nhau lắm, chỉ cần nhìn ánh mắt là biết nó nói gì liền.

Với chó thì vậy, còn với người thì tôi nói một đấng họ hiểu một nẻo.

Tôi hồi đáp anh bạn văn sau khi anh ấy hỏi dạo này ra sao: “Minh rời cõi văn chương lâu rồi anh ạ, vì không có thời giờ rảnh và cần nghiên cứu, học đạo chuẩn bị cho hành trình mới. Cũng còn đi làm để có tiền sống.”

Chẳng hiểu sao, anh ấy viết lại: “Đọc phần trả lời của bạn sao thấy buồn người quá, mỗi người một cảnh đời riêng. Chia sẻ nỗi niềm này với bạn.”

Anh bạn ấy không là người duy nhất nghĩ như vậy. Thật ra hành trình mới của tôi có nhiều cái vui vô tả. Đúng là không thể tả được với ai dù chỉ một chuyện tưởng là nhỏ nhặt. Chẳng hạn như chiếc máy niệm Phật mới mua hôm nọ.

Gần nhà chúng tôi có một tịnh xá của phái khất sĩ. Trong nhiều năm, mỗi tối chúng tôi thường đi bộ ngang đây, nhân tiện ghé vào sân để lễ Phật. Một dạo kia tịnh xá có máy niệm Phật đặt cạnh tượng Bồ Tát Quán Âm, phát ra tiếng niệm mà ban đầu chúng tôi không biết từ đâu ra. Sau mới hay là từ một chiếc máy nhỏ chạy bằng năng lượng mặt trời. Máy chạy được vài tuần thì âm thanh thay đổi, tiếng được tiếng mất, trầm bổng lạ thường, không thành âm thanh đều đặn như mọi lần, và rồi một ngày kia máy không còn nữa. Đến nay thì tịnh xá đã dọn đi nơi khác, trả lại ngôi nhà từng là chùa cho chủ cũ, để lại trong tôi một chút hoài niệm về cố cảnh dấu biết đời là vô thường.

Rồi một Chủ Nhật nọ, mùa xuân năm 2017, nhân được một ngày nghỉ hiếm quý, vợ chồng chọn lái xe đến Chon Sung Tự ngoạn cảnh. Đây là một thiền viện mà các thầy cùng các đạo hữu ở chùa Phật Tổ, Long Beach mới tạo dựng ở Valley Center, nằm trong miền đồi núi phía đông của Hạt San Diego. Chon Sung Tự là tên do hòa thượng phương trượng đặt ra để nhớ ơn vị thầy bổn sư, còn thường thì các thầy chỉ gọi là “chùa Núi.”

“Chùa Núi” còn mới lắm, chưa có tôn tượng nào ở ngoài sân, là một đồn điền trồng cây bơ nằm trên đỉnh đồi nhìn xuống những ngôi nhà thuộc hạng thượng lưu

ở chung quanh. Muốn vào khu gia cư này thì phải bấm số mật mã để mở cổng, lái xe chừng non một dặm mới tới chùa ở tận đỉnh.

Bữa thăm lần đầu đó, hên. Chúng tôi đến thì được gặp một thầy mà chúng tôi từng quen trong những buổi tối Chủ Nhật ngồi thiền ở chùa Phật Tổ. Thầy còn trẻ, tâm trong sáng, giọng tụng kinh thanh thoát, tuy thân người không cao nhưng vóc dáng rắn chắc, đi đứng thoăn thoắt nhanh nhẹn như một võ sĩ. Nghe có khách đến, thầy bỏ công việc phát cỏ để tìm chúng tôi đang dạo cảnh ngoài sân. Gặp lại nhau đầy bất ngờ, thầy không dấu được một nụ cười hồn nhiên, vừa bẽn lẽn vừa như mừng rỡ.



Sau bữa ăn trưa với niềm vui hội ngộ giữa đầu khoảng hai mươi người gồm cả tăng ni lẫn cư sĩ, chúng tôi được vị thầy trẻ hướng dẫn đi thăm khu đồn điền từng được sở hữu bởi một kiến trúc sư. Khu đất của ông kiến trúc sư kiêm triệu phú Mỹ ấy có cả sân đập trực thăng. Thì ra trong hơn cả năm chúng tôi không gặp mặt thầy trẻ ở chùa Phật Tổ là vì thầy bạn ở chùa Núi để cửa cây, làm cỏ suốt ngày trên khu đất

rộng cả mấy chục mẫu trồng toàn cây ăn trái. Trong gần nửa giờ đi bộ với vị thầy trẻ, tôi nghe có tiếng niệm Phật từ những chiếc máy niệm đặt đầu đó trong những tàng cây xanh mát giữa một ngày xuân vừa trải qua một mùa mưa đầy ơn lành.

Bữa đó hên. Chùa Núi đang có khóa tu niệm Phật dài bảy ngày. Chúng tôi được vào dự “ké” buổi niệm dài khoảng ba tiếng vào giấc chiều với khoảng một chục đạo hữu (chỉ có mình tôi là nam, không biết có hên hay không đây, chỉ biết mình là thiếu số, các “chị” nói sao thì nghe vậy), bên trong một chánh điện được sửa lại từ một garage cỡ rộng. Giữa không gian sáng tối tờ mờ, có lúc chúng tôi ngồi niệm, có lúc đi kinh hành, có lúc im lặng giữ cho tâm cùng tiếng niệm trở thành một.

Đêm hôm đó về đến nhà, tôi còn vui một niềm vui khó tả, chỉ có thể giải thích là niềm vui đến từ tiếng niệm “A Di Đà Phật,” từ một không gian giữa nơi thôn dã luôn có tiếng niệm Phật.

Vài hôm sau tôi bàn với vợ, vì nàng là bộ trưởng tài chánh của gia đình, về việc mua một máy niệm Phật. Câu “Okay” ngắn gọn kèm với cái gật đầu của vợ hôm ấy sao nghe dễ thương lạ. Thế là chúng tôi lượn xe xuống Bolsa, ghé một tiệm chuyên bán Phật cụ, bán duy nhất một chiếc máy niệm hình bông sen hồng tươi rói, có miếng thu năng lượng mặt trời đen thùi ở giữa. Hỏi giá, thấy hơi mắc, đắn đo một chút, xong cũng mua.

Lúc gói hàng cho khách, bà chủ tiệm mau mắn nói, “Máy này nhiều người mua lắm nhe anh chị, họ



Chơn Sung Tự nằm trên đỉnh đồi, giữa một đồn điền trồng cây bơ (avocado).

mua đặt ở nghĩa trang.” Nghe muốn rụng người luôn. Hai vợ chồng nhìn nhau cười, tránh nói rõ lý do cho bà ấy biết tại sao lại đi mua máy mang về nhà.

Chúng tôi tìm ra chỗ kín đáo ở sân trước để đặt máy. Tuy chỉnh ở mức độ thấp nhất, giữa lúc không có tiếng xe chạy, tiếng niệm Phật vẫn lan tỏa khắp sân. Tiếng niệm không chỉ ở ngoài sân, thấm nhập vào trong hơn nửa căn nhà. Mỗi tối đi làm về, tôi vui khôn tả khi nghe tiếng niệm Phật đón chào ở sân trước, được nhắc nhở hãy buông xả chuyện thế gian. Một việc làm của tôi thì đụng nhiều chuyện thế sự lắm, nên khi nghe tiếng niệm Phật đều đặn tuôn chảy không ngừng, tôi vui lắm, nhớ lại những kỷ niệm đẹp đầy đạo vị với câu “A Di Đà Phật.”

Được chừng hai tuần thì âm thanh từ trong máy hình hoa sen hồng bắt đầu có biến chuyển, làm tôi nhớ tiếng niệm khác thường từng nghe ở tịnh xá. Tôi đoán bộ phận thấu nhận năng lượng đã suy yếu. May sao, tìm ra được đằng sau máy có một cái lỗ nhỏ xíu dành cho việc cắm điện chạy máy. Rồi cũng may nữa, nhà có sẵn loại dây điện cần cho máy. Thế là từ đó tôi đặt máy ở góc khuất hơn trong sân, nghe tiếng niệm Phật liên tục trong ngày.

Mấy hôm trước, lúc dắt con Kiwi già nua đi dạo ở gần nhà sau giờ làm về khuya, giữa đêm rằm thanh vắng của tháng Năm âm lịch sau mùa Phật Đản, tôi nghe tiếng niệm Phật vắng vắng dù đứng cách xa nhà mấy chục thước. Con chó mãi đánh hơi theo tập khí riêng của nó, còn tôi đứng ngẩn nhìn ánh trăng đang chiếu xuống những mái nhà, những tàng cây. Một cảm giác là lạ khiến tôi nghe rùng mình một cách êm dịu, chạy từ đỉnh đầu xuống đến chân.

Tất cả dường như đang được gom hết trong tiếng niệm Phật miên man ấy. Chỉ có một tiếng niệm, tuôn chảy đều đặn như một dòng nước từ vô thủy đến vô chung. Mọi âm thanh đều trở thành một tiếng niệm Phật. Tiếng khen, lời chê, câu vui, tiếng giận, âm yêu thương, thanh hận thù. Tiếng người nói, tiếng chim hót, tiếng xe chạy, tiếng nhai cơm, tiếng chơi banh, tiếng ngọn cỏ lào xào nghiêng theo chiều gió, tiếng chiếc lá lìa cành trước sân, dường như tất cả đều trở thành một tiếng niệm Phật. Chỉ có một tiếng niệm. Thâm lặng một tiếng niệm.

Lúc dắt con Kiwi vào nhà, nghe vợ hỏi, “Sao, đi bộ có gì vui mà mặt tươi vậy?”

Tôi trả lời, “Tiếng em nói nghe như tiếng niệm Phật.”

Vợ nhíu mày, nhìn tôi dò xét, “Cung có mát dây không vậy? Nói gì lạ. Thôi lần sau không cho bố con ra ngoài đi khuya như vậy nữa.”

“A Di Đà Phật.”♦

Giữa đêm khuya, một mình trên cảnh đồng sáng trăng, làm bạn với những ngọn cỏ và tiếng dế, đó là lúc mà chúng ta có thể hồi phục một viên tượng mà chúng ta từng đặt ra trên hành trình tâm đạo... Thiên nhiên luôn là một người thầy giỏi, từ ngàn xưa.

Clark Strand, “Turn Out the Lights”



Người đến rồi người đi

Hòa Thượng Thích Quảng Thanh

Bài KIỀU MỸ DUYÊN

“**T**hưa thầy, con kính mời thầy nói vài lời mời đồng hương Phật tử đến tham dự lễ Phật Đản ở chùa Bảo Quang trong chương trình Cái Nhà Là Nhà Của Ta hàng tuần thầy nhé.”

Thầy Quảng Thanh nhanh nhẹn nhận lời ngay, “Tôi sẽ gọi vào.”

Đó là chiều thứ Tư. Thầy sẽ gọi vào để mời đồng hương tham dự đại lễ Phật Đản ở chùa Bảo Quang, thành phố Santa Ana, và Thầy cũng mời luôn đồng hương đến tham dự nhận nguyệt san Trúc Lâm, dùng cơm chay từ lúc 4 giờ chiều, nghe nhạc đạo, nhạc thiền 5 giờ, và đúng 6 giờ đại lễ Phật Đản bắt đầu.

Chiều cùng ngày, Thầy gọi tới và nói, “Tôi không thể nói trên chương trình của chị chiều thứ Sáu.”

Tôi rất ngạc nhiên, vì mấy chục năm nay quen thầy khi thầy hứa điều gì thì chưa bao giờ thầy không thực hiện lời hứa của thầy.

Thầy nói tiếp, “Tôi đang nằm bệnh viện.”

Tôi hỏi liên tục, “Sao vậy thầy, có nặng lắm không thầy? Bác sĩ nói như thế nào? Con vào thăm thầy được không?”

Kiều Mỹ Duyên là một tên tuổi rất kỳ cựu trong làng báo Việt Nam tại hải ngoại, từng là ký giả chiến trường tại miền Nam Việt Nam trước năm 1975. Trên là hình Thầy Quảng Thanh ngồi trước một ao sen được đăng trên trang nhà của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Trên Thế Giới.

“Không sao, mai mốt tôi về, không nên thăm.”

Dù thầy không cho thăm, nhưng tôi quen bác sĩ, y tá, giám đốc bệnh viện, thì với tôi việc thăm viếng là bình thường. Chắc thấy tôi bận rộn quá, sợ tôi tốn thì giờ. Nhưng thầy là ân nhân của gia đình tôi. Khi mẹ tôi qua đời thầy tụng niệm cầu siêu cho mẹ. Tới đến em chồng, em họ, rồi ông xã tôi, thầy cũng cầu siêu, thì sao tôi không thể thăm thầy được. Tôi gọi tất cả nhà thương, cuối cùng tôi cũng biết thầy đang nằm ở đâu.

Chúng tôi vào bệnh viện Orange Coast. Giường của thầy gần cửa sổ. Thầy đang nhắm mắt, nhưng chúng tôi biết thầy không ngủ. Thầy gầy hơn so với tuần trước khi tôi gặp thầy. Đứng một lúc khá lâu, tôi nói, “Thầy ơi, chúng con thăm thầy.”

Thầy mở mắt và chào chúng tôi.

“Bác sĩ nói thầy bao giờ về chùa?”

Thầy nói, “Vào đây mấy ngày chưa chữa trị gì hết. Ngày nào cũng lấy máu, đo áp huyết.”

Thầy nói buổi sáng thầy còn đi tập thể dục. Rồi thầy lại về chùa, cầu siêu cho anh hùng Lý Tống 49 ngày. Còn nhớ khi Lý Tống qua đời, thầy làm lễ cho Không Quân Lý Tống. Làm lễ cả hai ngày, thứ Bảy và Chủ Nhật, mặc dù lúc đó thầy cũng đã ra vào bệnh viện.

Làm lễ xong, tôi nói, “Thầy vừa ở nhà thương mà giọng tụng kinh của thầy mạnh quá.”

Thầy trả lời, “Làm việc gì tôi cũng làm hết lòng hết dạ.”

“Thầy mệt lắm không?”

“Mệt chứ chị, vừa ở bệnh viện về mà.”

Ngày hôm sau, thầy lại ngồi trên xe jeep dự diễn hành văn hoá của thành phố Garden Grove. Thầy đã hứa làm việc gì thì bao giờ cũng giữ lời hứa, dù thầy đang bệnh.

Ngày 19 tháng 5, 2019, thầy không về chùa tham dự lễ Phật Đản được vì đang nằm trong bệnh viện. Hòa Thượng Thích Minh Mẫn nói đây là lễ Phật Đản đầu tiên trong cuối đời thầy Quảng Thanh không tham dự.

Chúng tôi thăm thầy ở bệnh viện. Thầy cho biết thầy nằm ở bệnh viện không về chùa, nhưng chùa đã có nhiều người lo cho, như các thầy Phước Hậu, cháu ruột của thầy, con của người anh thứ hai ở tù cải tạo về, đi tu và thầy Huệ Minh. Các thầy trẻ giỏi lắm, chịu khó làm việc, nên thầy yên tâm. Thầy tin tưởng ở các thầy trẻ, và chùa không thiếu nợ.

Rồi đến một trưa thứ Tư đầu tháng Sáu, Hòa Thượng Minh Mẫn cho biết, vài giờ nữa thầy Quảng Thanh sẽ về chùa. Thầy nói bệnh viện giữ lại, nhưng thầy Quảng Thanh nhất định về chùa. Khi chúng tôi đến chùa, thầy Quảng Thanh nằm trên giường bệnh đặt ở giữa phòng triển lãm, và cũng là lớp học tiếng Việt cho các em vào cuối tuần.

Thầy yên lặng, giữa hàng trăm Phật tử đang tụng kinh. Thầy thở bằng dưỡng khí. Một thầy cho biết, bác sĩ nói thầy bị ung thư gan đã đến thời kỳ trầm trọng, chỉ còn vài ba ngày nữa. Phật tử khắp nơi ở Cali cũng như nhiều Phật tử từ các tiểu bang khác, du lịch về đây, nghe tin thầy Quảng Thanh bệnh nặng, nên đến cầu an cho thầy.

Thầy Quảng Thanh sinh năm 1951 ở Bình Thuận, tên thật là Dương Thanh Tùng, khi làm thơ lấy bút hiệu là Thanh Trí Cao. Thầy vượt biên đến Nam Dương, làm việc Phật sự ở một ngôi chùa trong trại tị nạn. Định cư ở Cali, thầy ở chùa Hương Tích, thành phố Santa Ana. Kế, thầy thành lập chùa Bảo Quang ở thành phố Garden Grove. Sau mua nhà thờ ở Santa Ana làm chùa, mái chùa cong cong như ở Việt Nam. Thầy in sách, ra báo Trúc Lâm đến số 73. Mỗi năm in ba lần, đại lễ Phật Đản, Vu Lan và báo Xuân.

Thầy không ngồi nghỉ ngày nào. Thầy có chương trình phát cơm cho người không nhà suốt 26 năm, mỗi tuần ngày thứ Ba. Thầy cũng giúp lợp mái nhà cho nạn nhân bão lụt ở quê nhà. Thầy tổ chức những lớp học tiếng Việt cho trẻ em, dạy múa hát, triển lãm tranh ảnh nghệ thuật, cây bonsai, tổ chức nhạc thánh

phòng. Thầy giữ một chương trình của Hoà Thượng Viên Lý là Hành Trình Giác Ngộ và cũng làm việc với thầy Viên Lý trên đài truyền hình. Thầy chụp hình rất đẹp, được nhiều giải thưởng quốc tế ở Anh. Thầy sáng tác nhiều thơ, và nhiều nhạc sĩ đã phổ thơ của thầy, tặng cho đời nhiều CD, DVD về thiên, về đạo.

Một chuyện cảm động nhất mà Phật tử kể cho chúng tôi nghe. Khi thân mẫu của thầy hấp hối ở Việt Nam. Người nhà gọi sang nói rằng tất cả con cháu đều có mặt bên giường bệnh của bà cụ, nhưng chỉ thiếu có thầy nên bà cụ không nhắm mắt. Lúc đó thầy đang tụng kinh cầu an cho thân mẫu. Người nhà chuyển điện thoại cho thầy. Một tay gõ mõ, một tay cầm điện thoại, thầy nói, “Con lạy mẹ, mẹ đi bình yên. Con không thể về được.”

Hòa Thượng Quảng Thanh cũng như cố Đại Trưởng lão Hòa Thượng Thích Tâm Châu thường nói với đệ tử rằng “Còn Cộng Sản là không về.”

Từ ngày thầy Quảng Thanh từ bệnh viện trở về chùa Bảo Quang lần cuối, các thầy, ni và Phật tử

đến thăm từ sáng đến chiều, và có người ở bên cạnh thầy 24/24 giờ. Di chúc thầy đã làm xong. Nhưng mơ ước của thầy còn nhiều, chưa thực hiện được, như sưu tầm nhiều di tích Phật giáo cho bảo tàng viện. Hàng trăm bài thơ của thầy chưa phổ thành nhạc. Những tác phẩm của thầy chưa in thành sách, v.v. Trong đời này có ai ra đi mà thực hiện được tất cả giấc mơ của mình?

Thầy Quảng Thanh mơ ước Việt Nam có tự do dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo, bảo toàn lãnh thổ, lãnh hải. Trong chương trình Hành Trình Giác Ngộ trên đài tivi 18/12 lúc nào vào chương trình cũng như cuối chương trình thầy đều cầu nguyện cho Việt Nam như trên.

Nhiều người cũng mơ ước như thầy, nhưng giấc mơ tuyệt vời đó chưa thực hiện được thì họ đã ra đi.

Thầy có nhiều tác phẩm trong đó có cuốn Dấu Ấn Nghệ Thuật, giấy dày, hình ảnh rất đẹp. Những tác phẩm đã chiếm giải thưởng quốc tế. Ở chùa thì nơi nào cũng có tranh rất đẹp, như phòng ăn, trên tường có những bức tranh đã chiếm giải thưởng quốc tế.

Ở sân chùa có rất nhiều tượng Phật. Sân cũng có một con thuyền của người tị nạn Việt Nam ở trong hồ. Đây là một trong các di tích của làn sóng người tị nạn vượt biển lớn nhất trong nhân loại. Hàng ngàn người vượt biển bằng thuyền đánh cá mỏng manh, bị hải tặc đánh đập, bỏ mình trên biển cả trên đường tìm Tự Do.

Từ khi Hòa Thượng về chùa lần cuối, 24/24 giờ lúc



Hòa Thượng Thích Quảng Thanh, 1951-2019. (Hình của Uyên Nguyên, cựu Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử Chùa Bảo Quang, Santa Ana.)

nào cũng có người tụng niệm A Di Đà Phật. Tiếng cầu kinh nhỏ nhỏ đầy thành kính trong phòng triển lãm.

Chiều thứ Sáu, ngày 7 tháng 6, tôi dành một chương trình 60 phút không quảng cáo ngắt đoạn nói về thầy Quảng Thanh, nói về công việc Phật sự và văn hóa của thầy. Tôi nhận được nhiều cuộc gọi từ các quốc gia khác, đặc biệt cô Tuyết ở Việt Nam. Cô nói

cô đã từng nghe Hòa Thượng Quảng Thanh là diễn giả nhiều lần, nghe tin thầy bệnh, cô cầu nguyện cho thầy. Cô là tín đồ Công Giáo.

Thư email từ nhiều nơi gửi đến. Có những đồng hương cho biết đã gặp thầy ở đảo Nam Dương, bây giờ số người đó đi tứ tán khắp nơi như Úc Châu, Âu Châu, Hoa Kỳ, ai nghe tin thầy bệnh nặng đều cầu nguyện cho thầy. Hàng ngàn người đã cầu nguyện ngày đêm cho thầy Quảng Thanh.

Thầy Quảng Thanh viên tịch lúc 12:45 phút sáng Chủ Nhật, ngày 9 tháng 6, 2019 có sự hiện diện của Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Hòa Thượng Thích Minh Mẫn, thầy Phước Hậu, thầy Huệ Minh, và một số nam nữ Phật tử xung quanh tụng kinh cầu siêu cho Hòa Thượng.

Khi nhận được tin thầy đã viên tịch, tôi tức tốc đến chùa. Chưa vào tới cửa đã nghe tiếng tụng kinh ầm ập. Xung quanh thầy Quảng Thanh là một rừng hoa, đủ loại hoa, hoa cúc vàng rực rỡ như một thuyền hoa đưa thầy lên cõi Niết Bàn. Tôi gặp thầy Chơn Thành, thầy Minh Mẫn, thầy Phước Hậu, thầy Huệ Minh, và nhiều tu sĩ, huynh trưởng gia đình Phật tử của chùa Bảo Quang. Khuôn mặt người nào cũng buồn. Tôi thấy mí mắt bên phải của thầy Quảng Thanh còn đọng nước mắt. Một thi sĩ, nhiếp ảnh gia, người dạy cắm hoa, làm hòn non bộ, sẽ được hỏa táng.

Hòa Thượng Thích Minh Mẫn nói, “Không có tu sĩ nào chết mà không hỏa táng. Thầy Quảng Thanh cũng vậy, cũng sẽ hỏa táng.”

Thầy Quảng Thanh đã đi. Khuôn mặt thầy bình thản giữa rừng hoa. Một nữ Phật tử chuyên đem hoa đến chùa, nấu ăn trong chùa, nức nở nói với tôi, “Cháu không thể chấp nhận được thầy ra đi.”

Tôi ôm vai em và nói, “Cầu nguyện, cầu nguyện để thầy ra đi bình thản em ơi.”

Trưa Chủ Nhật, hàng trăm đồng bào Phật tử, Hòa Thượng, Thượng Toạ, Đại Đức, ni sư, sư cô đã đến chùa Bảo Quang để tiễn đưa Hòa Thượng đến Peek Family Funeral Home, thành phố Westminster. Tiếng tụng kinh đều đều từ trong phòng triển lãm, nơi Hòa Thượng Quảng Thanh viên tịch sao mà buồn quá.

Người đứng trong phòng khách, người đứng dọc theo đường đi. Linh cữu Hòa Thượng được di chuyển vào chánh điện nơi có Hòa Thượng Chơn Thành, Hòa Thượng Minh Mẫn, Hòa Thượng Viên Lý, Thượng Toạ Huệ Minh, Thượng Toạ Phước Hậu, và các Phật tử của chùa.

Hòa Thượng Quảng Thanh đã về với Phật, nhưng ngôi chùa Bảo Quang vẫn đồ sộ, sừng sững trong gió. Phật tử vẫn đến chùa, và những lớp học tiếng Việt vẫn tiếp tục. Các sinh hoạt thường ngày vẫn tiếp tục. Hoa vẫn nở, chim vẫn hót líu lo trong các hàng cây ở chùa, nhưng sao tiếng hát của chim buồn quá.

Chúng tôi đứng trước hành lang nghe tiếng gió lộng lộng của tiếng chuông bằng đá chạm vào nhau như lời giã biệt của thầy viên chủ Quảng Thanh. Cầu xin Trời Phật phù hộ cho thầy. Thầy về cõi Niết Bàn và phù hộ cho mọi người.

Orange County, ngày 9 tháng 6, 2019♦

Danh sách ân nhân của Tinh Tấn số 3

theo thứ tự thời gian nhận được

Thượng Toạ Thích Thường Tịnh

(Chùa Phật Tổ, Long Beach, CA)

ĐH Thanh Niệm

(Hội Phật Học Đuốc Tuệ, Fountain Valley, CA)

ĐH Bùi Kính

(Chùa Hương Tích, Santa Ana, CA)

Hòa Thượng Thích Minh Mẫn

(Chùa Huệ Quang, Santa Ana, CA)

Thượng Toạ Thích Thường Tín

(Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng, Garden Grove, CA)

Thầy Thích Đăng Pháp

(Chân Nguyên Thiền Viện, Adelanto, CA)

Tiệm Chay Thiên Đăng

(Westminster, CA)

ĐH Diệu Minh

(Phật Quan Âm Thiền Tự, Stanton, CA)

ĐH Tâm Thành

(Huntington Beach, CA)

Ni Sư Thích Nữ Thiên Tuệ

(Chùa Phổ Linh, Garden Grove, CA)

Sư Cô Chân Phụng

(tịnh thất ở Huntington Beach, CA)

ĐH Vân

(Fullerton, CA)

ĐH Diệu Đức

(Trang Nghiêm Tịnh Độ Đạo Tràng, Garden Grove, CA)

ĐH Lê T. Thoa

(Lakewood, CA)

Ni Sư Minh Từ

(Chùa Hương Tích, Santa Ana, CA)

ĐH Diệu Nguyệt

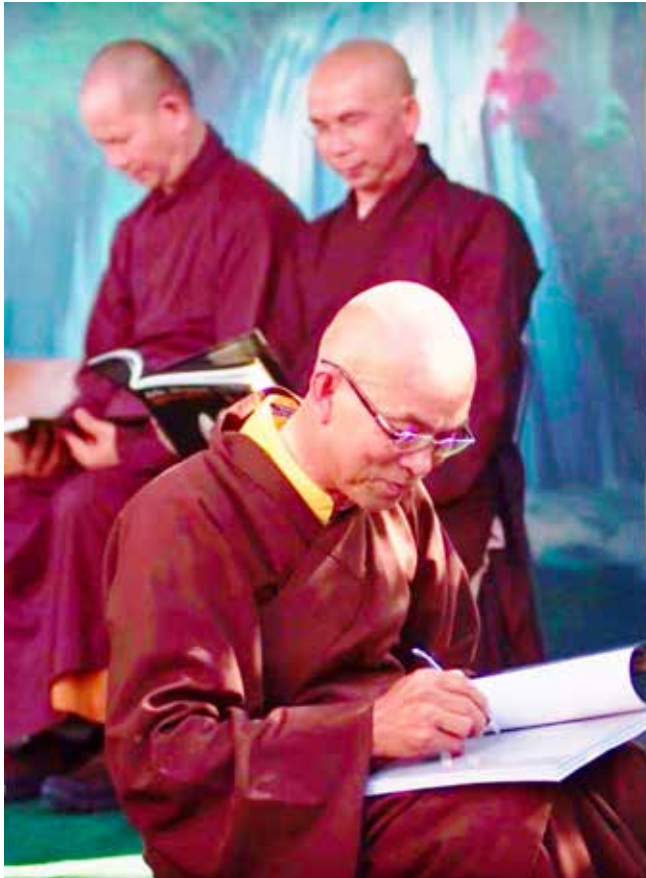
(Chùa Hương Tích, Santa Ana, CA)

ĐH Nhật Trưởng

(Chùa Hương Tích, Santa Ana, CA)

Nhà báo Kiều Mỹ Duyên

Và tất cả quý độc giả đặt mua báo dài hạn.



Thầy Quảng Thanh đang ký tác phẩm "Dấu Ấn Nghệ Thuật" tặng quý thầy huynh đệ năm 2007. (Quangduc.com)

Dấu Ấn

thơ, ảnh của HT Thích Quảng Thanh



Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo (bên trái) đang đánh cờ với Hòa Thượng Thích Chơn Thành trong bức ảnh được chụp bởi Thầy Quảng Thanh. Thầy Hạnh Đạo đã treo ảnh này trong gian tổ đường tiếp khách tại Chùa Phổ Đà.



Tiếng hát dòng sông

Nếu bảo rằng như thế
Mây có không lối về
Trần gian đầy huyền mộng
Thuyền đời rời bến mê

Dấu hài còn đâu đó
Minh linh dòng hư vô
Chân dung người giác ngộ
Chỉ nguyện vẽ cơ đồ

Một mai từ cõi ấy
Hương về chốn phương này
Lững thững nghe gió hát
Mim cười ngắm mây bay

Lung linh giọt nắng vàng
Tình người vẫn chứa chan
Ai đánh rơi kỷ niệm
Vũ trụ ơi! bàng hoàng

Phong thái thiền ứng dụng
Hạnh ngộ đáng trọng phu
Ánh mắt sâu tĩnh lặng
Nắng gõ cửa thiên thu

Vườn thiền đầy hương sắc
Chim oanh hát mùa Đông
Ô hay! tình vẫn đẹp
Tiếng hát một dòng sông
(Mùa Xuân Quý Tỵ -2013)

Hòa Thượng Thích Quảng Thanh viết bài thơ này đăng cùng bài truy niệm công đức Giác Linh Hòa Thượng Thích Hạnh Đạo năm 2013.



...
*Gãm xem các pháp đều như huyễn,
Bốn tánh tự không đâu dụng trừ,
Nếu biết tâm tánh không tướng mạo,
Lặng yên chẳng động tự như như.*

- Trích từ bài Hô Thiên, Đầu Hôm
của Sư Ông Trúc Lâm-Hòa Thượng Thích Thanh Từ.
Ảnh chụp lúc đầu hôm tại một vùng
ngập nước biển chạy tới tận chân trời,
được một người ẩn danh cúng dường
cho bá tánh qua Pixabay.

Hẹn gặp lại kỳ sau. Chủ đề của Tinh Tấn số 4 sắp tới sẽ về các vị ni sư và sự hành trì của họ. Mời quý độc giả đóng góp bài vở, hình ảnh, hỗ trợ cho Tinh Tấn Magazine.



Ana Real Estate Ana Funding, Inc.



* Quý đồng hương cần **MUA NHÀ và BÁN NHÀ, chung cư, shopping center, quản lý cho thuê nhà.**

* Quý vị có bằng địa ốc của tiểu bang California, mời về **cộng tác với Ana Real Estate**, có kinh nghiệm càng tốt. Nếu không sẽ được huấn luyện thành chuyên viên địa ốc chuyên nghiệp. Xin gọi **Broker An Nguyễn DRE#00847066**.

* Quý đồng hương muốn thành công hơn trong cuộc sống, muốn biết cách trang trí nhà cửa hợp với hướng và tuổi của mình. Xin mời đọc bộ 3 quyển sách phong thủy của tác giả **Nguyễn Phúc Vĩnh Tung: Phong Thủy và Cuộc Sống Hôm Nay, Phong Thủy - Bí Quyết Để Thành Công, Cẩm Nang Phong Thủy** áp dụng cho nhà ở và cơ sở thương mại.

* Cũng nhân đây mời quý vị đọc cuốn **Chinh Chiến Điều Linh**, một bút ký chiến trường của **ký giả Kiều Mỹ Duyên**, bút hiệu của Broker An Nguyễn.



10900 Westminster Avenue #10, Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 636-2299 * Fax: (714) 636-2298



Nhà Hàng Chay

THIÊN ĐẲNG

"Đồng hành cùng bạn, bảo vệ động vật và bảo vệ môi trường"

14253 Brookhurst Street | Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 531-4888

Website: www.thiendangvegetarian.com | Email: thiendangvegetarian@gmail.com

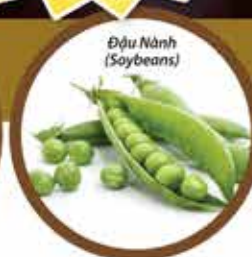


Chả Ốc Chay

Sản phẩm được làm từ:
Khoai Nửa và Đậu Nành



Khoai Nửa
(Konjac)



Đậu Nành
(Soybeans)

Khoai Nửa là một loại thực phẩm

1. Có giá trị dinh dưỡng cao
2. Ít Calo (Low Calorie)
3. Giàu chất xơ (High in Fiber)



- BÁNH MÌ CHAY
- CƠM TẮM BÌ, CHẢ, SƯỜN NƯỚNG CHAY
- CƠM CHÌ CHAY
- BÚN, MÌ, PHỞ CHAY
- PARTY TRAYS CHAY

